

Tác Giả và Tác Phẩm

Nhật Tiến

Tiểu sử

Tên thật: Bùi Nhật Tiến. Sinh ngày 24.8.1936 tại Hà Nội. Hiện cư ngụ tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Những người áo trắng, Chim hót trong lồng, Những vì sao lạc, Thềm hoang, Người kéo màn
Chuyện bé Phụng, Vách đá cheo leo, Quê nhà yêu dấu, Mồ hôi của đá, Thuở mơ làm văn sĩ



Bùi Nhật Tiến
Bút hiệu : Nhật Tiến
Sinh ngày : 24-08-1936 tại Hà-nội
Viết văn từ năm 1957.

Mục Lục

Thềm hoang – 2

Nhật Tiến: "Chim hót trong lồng" - Trần Nghi Hoàng - 9

Phong trào Nhân văn - Giai phẩm và Giải thưởng... - 18

Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng: Nhật Tiến – Nguyễn Mạnh Trinh - 24

Một vạt nắng xuân trên hè phố - 32

Đọc "Nhà Giáo một thời nhếch nhác" của Nhật Tiến – Nguyễn Mạnh Trinh - 39

Phụ đính I :

Chiếc áo tây vàng - Hương vị ngày xưa

Nồi cháo Thịt - Vài khuôn mặt ở Saigon... gần 40 năm trước

Hành trình đi tìm tự do bằng tàu thuyền qua ngã Thái Lan

Phụ đính II:

Nhật Tiến và khung trời mơ ước - Một con người sắc sảo

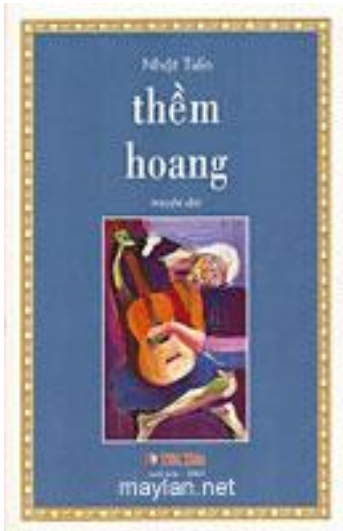
Trận đánh cuối cùng của một kẻ sĩ

Thế giới nhân bản của Nhật Tiến

Ngát ngưỡng chiều cuối năm

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Thềm hoang (...trích Thềm hoang, trang 115-127)



...Trời bên ngoài đã tối hẳn, căn buồng chật hẹp của Huệ chìm trong im lặng, cụ Chín mới đi hàng về đã rửa ráy bì bõm ở ngoài chum nước. Một lát cụ trở vào thắp cho Huệ cây đèn dầu đặt trên mặt bàn. Ánh sáng hiu hắt toả mờ mờ lên nếp vách. Huệ lấy cuốn truyện định đọc nhưng xem thấy mỗi mắt nên lại ném xuống. Nàng im lặng nằm nghe tiếng bà cụ dò dẫm một mình trong bóng tối. Có tiếng cụ mở nồi cơm lạch cạch và tiếng bát, thìa, va chạm nhau. Một lát sau có tiếng nhai lép nhép, nhỏ nhẹ. Từ lâu, Huệ đã quen với sự im lặng của cụ, ngay cả khi Huệ ốm nằm trên giường bệnh. Công việc của cụ hằng ngày có thêm việc khép cửa cho Huệ ngủ muộn, hạ bức chân gỗ xuống cho nắng khỏi chiếu vào đầu giường và buổi tối thắp hộ Huệ cây đèn dầu trên mặt bàn. Rất hoạ hoàn Huệ nghe thấy cụ hỏi thăm mình. Chỉ có những đêm Huệ ho rũ rượi và nằm rên một mình thì cụ mới trở dậy, dò dẫm đến bên đầu giường, sờ soạng:

"Có dầu đây cô này!"

Mắt Huệ mở to tìm cụ trong bóng tối lơ mờ. Huệ nom thấy khuôn mặt héo hoạn nạt và cần cổ của cụ chập chờn trước mắt như một bóng ma. Nàng nắm lấy bàn tay xương xẩu của cụ. Hai người lần trao cho nhau hộp dầu con hổ, rồi cụ lại lầm lũi trở vào, sau khi khêu cho Huệ ngọn đèn đã lụi tắt. Có lần Huệ muốn tỏ sự biết ơn của mình, nên hỏi thăm vu vơ:

"Hôm nay bán hàng được không cụ?"

Bà cụ nhìn Huệ, cái nhìn ngụ ý như trả lời, rồi mỗi người lại theo đuổi một ý nghĩ riêng. Sự cô độc ấy của cụ khiến Huệ ví cuộc đời cụ như cuộc đời của một con chó lang thang ở ngoài bãi hoang nơi mà dân xóm Cỏ đổ rác và các thứ hôi thối. Chúng nó sống rất dai dẳng, thiếu thốn và đầy chịu đựng. Sự chịu đựng có thể sánh ngang với bà cụ ở chung nhà với Huệ. Những đêm không ngủ, nghe tiếng cụ đập muỗi liên hồi trong bóng tối, Huệ nghĩ sao bà cụ không chết quách đi, tâm hồn sẽ được mát mẻ biết bao. Ý nghĩ ấy làm Huệ tưởng đến sự sống của mình. Thật ra thì cuộc đời Huệ cũng chẳng vẻ vang gì hơn.

Bệnh tật khiến nhan sắc của Huệ phai tàn một cách mau chóng. Hai gò má nhô cao lên, cặp

mắt trũng sâu xuống. Hơn nữa, điều đáng lo nhất của Huệ là bộ ngực cứ teo lại, rúm ró như một mớ da vô tri giác. Nhiều hôm Huệ khóc thút thít một mình, nàng coi tất cả là một tai họa lớn lao đang đe dọa miếng cơm, manh áo.

Bác Tôn biết tin Huệ ốm vào lúc ngồi ăn cơm ở nhà bác Nhan. Cái Hôn nói:

"Cô Huệ thuê con hai đồng để giặt hộ cho cô ấy bộ quần áo".

Bác Nhan gái buông đôi đũa của mình xuống mâm, chửi đồng một câu:

"Tiên nhân cha con bỏ mẹ, lăn vào chỗ ấy để vi trùng nó ăn luống phổi mày ra à?"

Cái Hôn tưởng sẽ được khen vì số tiền nó kiếm ra lần đầu trong đời nó, không ngờ bị chửi nên mặt sưng lên. Một lát nó buông bát dĩa dỗi đứng dậy. Mâm cơm vui vẻ đột nhiên im lặng đến khó chịu. Mọi người chỉ nghe thấy tiếng nhai ở trong mồm nhau. Mặt bác Tôn trở nên trầm ngâm và buồn bã. Mắt bác nhắm nghiền hẳn lại, bờ môi hơi trể xuống, vầng trán thấp thoáng mấy nếp nhăn. Bác hình dung thấy Huệ mệt mỏi nằm sau lán chần trắng, cặp mắt đen và sâu, hơi thở nhẹ nhàng, yếu ớt. Bác thấy tình yêu bùng lên như men rượu. Nếu Huệ có bác thì bác sẽ thức đêm để ngồi bên Huệ, rót nước cho Huệ uống, bón cháo cho Huệ ăn, bác vuốt ve triu mến từng sợi tóc óng ả của Huệ. Những ý nghĩ ấy cứ ám ảnh trong đầu bác gây cho niềm yêu của bác càng thêm nung nấu.

Buổi tối, bác ôm đàn đi theo Ích ra ngoài phố, bác gọt chuyện:

"Cô Huệ mà ốm nhỉ..."

Ích nói:

"Ôm từ lâu rồi đấy chứ..."

"Thế mà tao không biết. Còn mày, sao mày biết?"

"Trưa nào gánh nước cháu chả đi qua".

"Dòm vào à?"

"Dòm chơi".

"Thấy cô ấy không?"

"Thấy chứ".

"Nằm ở đâu?"

"Ở giường chứ ở đâu".

Bác Tôn cười hề hề:

"Ừ nhỉ!"

Một lát thấy nó im lặng, bác lại nói:

"Mày thích ồm không?"

"Thích chứ! Ồm được nằm một chỗ, chẳng phải làm gì cả".

"Lại có cả cam ăn nữa".

"Gớm! Bác làm như triệu phú không bằng".

"Chắc cô Huệ thì có".

"Cháu không biết!"

"Mày dòm mà lại không biết!"

"Thật mà! Chỉ thấy cháo thôi!"

"Cháo gì?"

"Chắc cháo thịt".

Tự nhiên bác Tôn thấy vui. Bác hài lòng về sự ăn uống của Huệ. Điều ấy khiến bác trở nên mạnh bạo hơn, bác hỏi thẳng Ích:

"Mày trông cô ấy có xanh xao lắm không?"

Ích nhìn vào mặt bác. Nó hơi ngạc nhiên thấy câu chuyện của bác chỉ xoay quanh có mỗi cô Huệ. Nhưng nó không nghĩ gì hơn cả. Nó đáp:

"Xanh đút đi chứ! Nhất là cái mặt, nom như người chết trôi".

Bác Tôn thấy đau lòng. Bác định thăm hỏi nhưng sợ nói nhiều sự thực rõ hơn nữa, nên im lặng đi bên. Ngón tay bác bật mấy dây đàn. Lòng bác buồn thắm thía. Nhưng càng buồn, bác càng thương Huệ, càng muốn lấy Huệ làm vợ mình. Bác mơ màng nghĩ đến một cái nhà nhỏ, mái ngói, vách tường, ở đấy bác sống êm đềm bên cạnh Huệ. Sau những bữa cơm, Huệ quần thuốc sâu kèn cho bác hút, hai người nói chuyện tương lai, chuyện thằng nhỏ xinh xinh mà Huệ sắp cho chào đời. Bác sờ tay lên bụng Huệ, sẽ hỏi thăm sự cựa quậy của nó, chắc Huệ sẽ nũng nịu mà trách bác:

"Nó cứ đạp em".

Tiếng em của Huệ xưng với bác sao mà êm đềm và thân yêu như thế. Bác chợt muốn hôn Huệ, muốn ôm Huệ vào lòng, nhưng bên cạnh bác vẫn chỉ là thằng Ích chập choạng bước đi ở trong bóng tối. Những ý nghĩ về Huệ làm bác thấy gần nặng hơn. Bác chợt nảy ra ý định mua cho Huệ một món quà. Cái sáng kiến ấy vụt bùng lên như ánh chớp của một vì sao đổi ngôi. Bác thấy thật là hay ho và ý nhị mà chưa bao giờ bác nghĩ tới. Lòng bác vụt xao xuyến như chính Huệ giơ tay cảm động nhận quà của bác, Huệ đang nhìn bác với lòng mến yêu, và bác cũng cảm động lây ngay từ phút ấy. Bác Tôn thấy lòng vui trở lại, tay bác sờ soạng lên mái tóc tơ trụi của thằng Ích. Bác khẽ lắc cái đầu nó rồi nói:

"Ích ơi, mày có biết ở đâu bán bánh không?"

Ích ngạc nhiên hỏi:

"Bác hỏi bánh làm gì?"

"Tao làm cái này!"

"Cái này là cái gì?"

"Cho! ... Mua cho..."

"Cho ai?"

"Cái thằng lạ nhì! Cho ai chẳng được".

Ích toét ra cười:

"Thôi cháu biết rồi, bác cho cô Huệ chứ gì..."

Mặt bác Tôn chợt nóng lên, bác bối rối tưởng chừng như mọi người ai cũng đều rõ mối tình thầm kín của bác, cho nên bác vội lấp liếm:

"Ừ thì cho cô Huệ đã sao!"

"Bác lại muốn bắt nhân tình hả?"

"Thằng ranh! Chỉ nói bậy!"

"Nếu không thì tự dưng ai lại mất tiền tôi như thế. Đúng tử con chuồn chuồn rồi..."

Bác Tôn cười hềnh hếch, tiếng cười như thú nhận sự thực với nó, rồi làm như nó là đồng minh với mình, bác co một cánh tay nó về phía sau, nói nhỏ:

"Tao mê thật đấy. Nhưng cảm mày bép xép nghe không?"

"Ai rồi hơi, nói làm gì!"

"Thì tao cứ dạn thế, chứ còn mày thì tao biết".

Ích hỏi:

"Thế bác mê lâu chưa?"

Bác Tôn đưa cái cằm của mình về phía trước, hai hàm răng ngựa nhe ra dưới ánh đèn:

"Cũng lâu lâu".

"Thế mà tầm ngắm thật... thảo nào có vẻ khoái cô ấy dữ..."

"Còn mày thì nghĩ sao? Bộ tao có ăn thua gì không?"

"Đứt đuôi đi rồi!"

"Sao lại đứt đuôi đi rồi?"

"Ồ! Có tiền thì muốn gì cô ấy chẳng được".

"Nhưng tao có xứng không ấy chứ?"

"Xứng đứt đuôi đi chứ còn phải chê gì nữa".

Lòng bác Tồn dào dạt vui sướng. Lúc này bác thật dễ dãi và thấy cần một niềm tin. Nên dù niềm tin ấy do thằng Ích mang lại cũng đủ cho bác sướng mê tơi đi rồi. Bác ôm chặt cây đàn vào ngực, rồi bác vừa gảy, vừa hát sê:

Trên trời xanh bóng trắng
Dưới bên con thuyền lội nước tung tăng...

Hai bác cháu đi lên chỗ có ánh đèn rực rỡ. Tiếng người ồn ào qua lại vang ở bên tai bác Tồn. Bác mở to mắt nhìn ngang ngửa. Một màn sáng đục thấp thoáng có những bóng đen mơ hồ đi qua mặt. Cái vui của một buổi chiều trong thành phố làm tăng thêm niềm vui trong lòng bác. Tình yêu dâng lên dào dạt, bác Tồn cảm thấy lòng ngây ngất.

Chợt Ích nắm tay bác dừng lại:

"Bánh đây này! Bác định mua thứ nào?"

"À... à... có những bánh gì?"

Ích đảo mắt ở trước tủ kính sáng choang đầy chai lọ:

"Ồi ra! Bánh ga-tô, bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cốm, bánh sâm-banh, gì cũng có..."

Bác Tồn phân vân:

"Gì được nhỉ... mà y thì mà y mua cái gì?"

"Cháu thì cháu khoái ga-tô".

"Ga-tô! Ôm ai lại ăn bánh ga-tô! Thôi mà y mua bánh bích quy đi".

"Độ bao nhiêu".

"Cầm lấy hai chục".

"Hai chục cơ! Sang thế! Hai ngày hát đấy".

"Thì mặc kệ tao".

Thằng Ích cầm tiền đi vào trong hiệu. Lần đầu tiên trong đời, nó được bước vào một hiệu sang như thế. Tay nó xoè sẵn tờ giấy bạc cho người bán hàng trông thấy, miệng nó nói:

"Bán cho hai chục bánh bích quy!"

Cô hàng nhìn nó chăm chú, rồi cô cầm tiền và lấy cho nó một hộp bánh. Thứ hộp sắt tây có bọc giấy bóng hần hoi. Ích vui mừng giờ cái hộp lên ngắm nghía. Nó nghĩ hai chục bạc có khác, cái hộp quý hơn cả những chiếc bánh ở trong. Nó chạy ra khoe rồi rít:

"Hai chục đây này! Oai không chê được!"

Bác Tôn cảm động giờ tay đón lấy. Năm ngón xương xẩu của bác vuốt mãi lên nếp giấy phẳng và mịn. Đoạn bác đưa lên mũi ngửi. Bác cảm thấy ở đấy toát ra một mùi đặc biệt, vừa thơm, vừa mát, vừa sang trọng, phú quý. Lòng bác rộn ràng nghĩ đến lúc Huệ cầm hộp bánh ở trong tay. Huệ sẽ biết rằng bác nghĩ đến Huệ mà chỉ cần Huệ biết cho như thế là bác đã thấy tim mình đập mạnh lên rồi.

Sờ mó một hồi, bác trao cho thằng Ích rồi nói:

"Hôm nay về sớm một tí, mày chịu khó mang sang hộ tao nhé".

"Làm gì mà vội thế. Mình về thì cô ấy ngủ mất còn đâu".

"Nhưng để ban ngày không tiện. Hàng xóm người ta biết".

"Biết thì làm sao?"

"Xấu hổ bỏ bỏ đi".

Hai bác cháu cùng mỉm cười. Ích thu cái hộp vào trong bọc áo rồi nói:

"Cô Huệ được cái này thì sướng mê cu toi đi rồi!"

"Bánh bích quy thì thiếu gì! Còn sợ cô ý chê nữa ấy chứ. Mày nghĩ có chê không?"

Ích đáp:

"Chả chê đâu".

"Ngộ cứ chê thì sao?"

"Thì chúng mình ăn".

"Mày nói như bố con chó xồm ấy".

"Thế chả ăn thì vứt đi à!"

"Ừ nhỉ! Nhưng chả chê đâu!"

Ích gất lên:

"Rõ ấm ớ! Chê rồi lại không chê, rồi lại chê!"

Bác Tôn cười hềnh hệch:

"Ừ nhỉ! Thôi, đến tối rồi biết".

Ích nói:

"Tôi thì cháu nói làm sao?"

"Mày nói thế nào tùy ý kiến của mày".

"Nói toạc ra là bác phải lòng cô ấy nhé!"

"Ấy chớ nói thế thì chết!"

"Sao chết?"

"Chết chứ, phải từ từ thôi cái đã mới được".

"VẬY cháu cứ đút hộp bánh vào cửa sổ nhé".

"Ấy đừng!... Phải nói chứ!"

"Sao bảo nói thì chết".

"Nói, nhưng nói khéo cơ chứ. Mày bảo tao phải lòng cô ấy thì bỏ bố tao rồi".

"Bác rõ rắc rối!"

"Mày ngu như bò ấy. Tâm lý phải thế chứ".

"Ừ, thì bác bảo phải nói cái gì nào!"

Bác Tôn gật gù:

"Mày phải nói tao quý cô ấy".

"Sao quý?"

"Hỏi thế thì đểch ai trả lời được".

"Nhỡ cô ấy hỏi thì cháu tịt mít à?"

"Mày không lo đâu, chả ai hỏi ngớ ngẩn như thế bao giờ". Ích gật đầu:

"Sao nữa?"

"Rồi tao nghe nói cô ấy mệt nặng..."

"Ai nói?"

"Cái thằng, ngang như đâm vào tai ấy. Ai nói chả được, nghe phong phanh mà..."

"..."

"Rồi mày bảo tao vì tình hàng xóm, mua tặng cô ấy cái này..."

"Sao nữa?"

"Rồi mày phải nghe cô ấy cảm ơn, cảm iếc gì thì về kể cho tao nghe".

"Như thế thì ngon! Đâu có phải tâm lý tâm liếc gì!"

"Thì tao đã bảo mà! Mày làm xong việc tao cho một châu ga-tô thật no..."

"No là mấy cái?"

"Độ vài ba cái chứ gì?"

"Vài ba cái thì chả bõ dính răng".

"Thế mấy?"

"Mấy mà chả hết".

"Thôi bốn đi! Bốn là hết bố nó tám đồng với nhà ông rồi".

Ích cười hề hề. Nước dãi nó ứa ra. Nó nghĩ đến những miếng bánh ngọt lịm phết kem xanh đỏ mà nó sẽ được nhai gấu nghiền một mình.

Lát sau, hai bác cháu dừng lại ở một cửa hiệu ăn. Mùi phở thơm lừng bốc lên ngào ngạt. Thằng Ích quên ngay hương vị bánh ngọt nó vừa tưởng tượng và nó vụt thấy đói cồn cào. Mắt nó đưa vào phía trong hiệu, lơ đãng ngắm mọi người ăn uống một cách thèm thuồng. Trong khi ấy, bác Tồn sửa lại dây đàn. Một ngón tay bác bật lên những nốt dạo nhạc, một tay bác khẽ dúi vào đầu thằng Ích. Như cái máy, Ích gập cổ cao lên, giọng làm ra điệu rung rung như tài tử thật sự:

"Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn gieo muôn tiếng tơ... Không gian trầm lắng... như âu yếm ru ai trong giấc mơ... Muốn nói cùng em ơ... ơ..."

Lòng bác Tồn bỗng thấy rạo rức, một niềm vui khó tả dâng lên làm bác xao xuyến. Hình ảnh Huệ, đánh môi đỏ, mặc áo hồng, phấn thơm sực nức hiện ra như một bà hoàng trong trí tưởng tượng của bác. Tay bác bật mạnh dây đàn, âm thanh rung lên trong bầu gỗ làm chói tai thằng Ích. Nó quay lại nhìn bác. Nó chột mím cười vì lúc ấy, bác Tồn cũng đang mím cười vu vơ. Ích thấy hàm răng ngựa của bác trắng bóng ở dưới ánh đèn ...

Nhật Tiến: "Chim hót trong lồng" **Trần Nghi Hoàng**

Cứ thử tưởng tượng thôi, đã thấy giấc mơ của Cao Xuân Huy (CXH) không buồn sao được và chẳng biết sẽ buồn đến chừng nào!!!

Chúng ta thử tưởng tượng ra câu chuyện CXH cũng được William Joiner (hay một cơ quan nào đó của Việt Cộng được lệnh Nhà Nước) đài thọ về Việt Nam (cho sự việc được công bằng), để tìm Trần Văn Thủy (TVT)... phỏng vấn. CXH vừa đáp phi cơ đến Tân Sơn Nhất hay Nội Bài gì đó, đã có TVT lái một chiếc Dream lảng coóng chờ sẵn ở phi trường. Rồi TVT ân hoan đưa CXH về nhà mình và hai người sẽ cùng nhau hàn huyên tâm sự. Hàn huyên về những điều rất mới và hứa hẹn cho một tương lai xán lạn cho quê hương đất nước đầy tình anh em đồng bào; và tâm sự về kỷ niệm của những ngày mà TVT đã được CXH đón ở phi trường L.A. bằng chiếc Grand Cherokee, đưa về nhà CXH và sau đó TVT đã "tán mạn" với CXH như chúng ta đã biết!!! Nhưng tôi tin rằng điều tưởng tượng trên của tôi, sẽ mãi chỉ là một giấc mơ buồn của CXH!!! Đảng và Nhà Nước Việt Cộng chả khi nào có thể để cho TVT làm được những sự việc bình thường, đáng lý phải xảy ra giữa hai con người có nhân bản, có tình cảm, có... văn hóa và cùng một quê hương xứ sở với nhau như thế!

Đến khi TVT đi vào cuộc trò chuyện với Nhật Tiến (NT), tôi thấy ngay được ở NT một sự *misinformation* trầm trọng, vì tôi không tin NT đã nói những điều này như là một sự đả bôi (mà tôi thấy không cần thiết):

NT: "Anh làm tôi ngạc nhiên, vì trong đầu óc của tôi, từ cả chục năm nay, tôi cứ hình dung anh là một nhà nghệ sĩ với đầu tóc bạc phơ. Nay lần đầu tiên gặp anh, tôi thấy anh trẻ trung, nhanh nhẹn ngoài sức tưởng tượng."

TVT: "Anh đoán tôi năm nay bao nhiêu?"

NT: "Dưới 50, khoảng 45 là nhiều."

TVT: "cám ơn, mới gặp anh, anh đã làm tôi thấy vui rồi. Thế anh cư ngụ ở quận Cam này đã lâu chưa?"

(NDHB, trang 67 & 68)

Chính NT làm tôi (Trần Nghi Hoàng) ngạc nhiên!!! Chưa gặp ông lần nào, nhưng thời còn chủ trương tạp chí Văn Uyển, tôi có đôi lần trò chuyện với NT qua điện thoại, ngay ở giai đoạn NT mới về Việt Nam trở qua Mỹ (dường như từ khoảng 1989 đến 1996 thì phải, tôi không nhớ rõ năm) và đang bị nhiều dư luận tấn công vào những quan điểm "hòa giải hòa hợp" của NT về vấn đề Việt Nam. Qua những lần trò chuyện đó, tôi có cảm giác ở NT một con người rất nhân bản, đầy nhiệt tình với dân tộc đất nước Việt Nam. Cảm giác của tôi cũng một phần được vun bồi từ những tác phẩm của NT mà tôi đã đọc từ Việt Nam hồi trước 1975, nhất là cuốn Chim Hót Trong Lòng.

Lần đó, NT có gửi cho tôi một bài viết về những cái nhìn của ông trong vấn nạn Việt Nam. Tôi đọc, và thấy những cảm nhận của tôi khi nói chuyện với NT qua điện thoại không có gì thay đổi! Những cái nhìn, nhận thức của NT về Việt Nam hiện tại và về một Việt Nam miền Nam Cộng Hòa ngày xưa chẳng những có nhiều chính xác, mà dường như đồng thời khẳng định được quan điểm chính trị của NT. (Tuy nhiên, tôi có thể thấy được giữa quan điểm chính trị và "thái độ chính trị" của NT lại rất mâu thuẫn nhau, điều này tôi sẽ phân tích sau!):

"TVT: Từ năm 1990, nghe nói anh vẫn có dịp về thường về thăm quê nhà?"

NT: Vâng, thường thì cứ một hay hai năm tôi lại về Việt Nam một lần, và đã đi từ Bắc xuống Nam."

TVT: Điều gì đã khiến cho anh cảm thấy mình bị lưu vong ngay cả trên quê hương mình?"

NT: Cảm giác xa lạ, sự không thể hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng "dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào". Là một người xuất thân từ miền Nam trước đây, làm sao tôi có thể hòa nhập được. Tuy nhiên cũng phải nói thêm là những những nhận thức này tôi chỉ cảm thấy khi ra tiếp xúc với xã hội bên ngoài, còn ở chỗ riêng tư trong gia đình hay trong vòng thân mật giữa các bạn bè, dù ở bất cứ nơi đâu, Hà Nội hay Sài Gòn, tôi đều cảm thấy chan hòa một tình cảm thân thuộc, gắn bó."

(NĐHB, trang 68 & 69)

Những thông tin về NT thì TVT tỏ ra hiểu biết một cách rành rẽ: NT đã thường về Việt Nam từ 1990. NT có ấn tượng không đúng về TVT là một ông già râu tóc bạc phơ... Thế mới thấy sự chênh lệch cán cân giữa một tay làm văn hóa theo chỉ đạo, và một tay làm văn hóa theo cảm tính... lơ mơ ! Điều này chứng tỏ dù NT có về nước rất nhiều lần, đã đi từ Bắc chí Nam, nhưng những kiến thức về giới "văn học nghệ thuật" trong nước của NT chẳng được bao nhiêu và phần nhiều là do NT... tưởng tượng (qua tác phẩm hoặc lời kể của ai đó!) nên tất nhiên là khó chính xác. TVT ngược lại, ông ta không được quyền tưởng tượng, mà TVT phải làm *home work*, phải thu thập "dữ kiện" của những nhân vật mình sắp sẽ tiếp xúc nơi hải ngoại, phải *study* từng nhân vật một. NT bày tỏ cảm quan của ông về một xã hội Việt Nam hiện tại đã đánh động vào ông như thế nào. NT diễn tả chân thực và tôi cũng phải công nhận là tôi cũng từng có những cảm quan tương tự như vậy trong những lần về Việt Nam (như tôi đã viết trong *Vọng Mãi Từ Tâm Một Tiếng Chuông*). Nhưng ở phần mà NT nói là "*ở chỗ riêng tư trong gia đình hay trong vòng thân mật giữa các bạn bè, dù bất cứ nơi đâu, Hà Nội hay Sài Gòn, tôi đều thấy một tình cảm thân thuộc, gắn bó*"... thì tôi quả tình không tin ở điều này! Chẳng phải tôi không tin là NT đã nói thật cái cảm quan của ông. Tôi chỉ muốn nói rằng, chỉ với gia đình tôi thì tôi có được cảm giác thân thuộc, gắn bó, an toàn.... Còn ngay với bạn bè, dù những người bạn từ trước 1975 ở miền Nam, hay những người bạn "bất ngờ" quen sau 1975, tôi đều giao tế với "hầu hết" bọn họ trong một cảm thức e dè, bất an và không mấy gì... tin tưởng! Nói chi đến những nào là gắn bó với thân thuộc. Và xin xác minh là cái lỗi không phải do tôi đa nghi! Mà chẳng qua, cái "không khi" xã hội chung quanh ở Việt Nam hiện nay đã "điều khiển" cái cảm quan của tôi thành ra như vậy! Tôi luôn lo ngại tất cả những hiện thể mà tôi đang thấy chung quanh tôi (lúc tôi về ở Việt Nam) là không... có thật! Những hàng quán, những sinh hoạt, những náo nhiệt sầm uất... rất có thể sau một đêm sẽ biến mất biệt không để lại chút dấu vết và cũng sẽ không gây cho tôi một chút ngạc nhiên.

NT nói:

"Điều bất hạnh cho dân tộc ta là những người đã hy sinh trong cuộc chiến vừa qua đều đã mang nhận thức mình đã hy sinh cho chính nghĩa. Chống Mỹ xâm lược là chính nghĩa mà bộ đội đã theo đuổi. Bảo vệ miền Nam tự do là chính nghĩa mà những chiến sĩ VNCH sẵn sàng đổ máu. Sự hy sinh của cả hai phía đều mang một ý nghĩa chính đáng, nhưng rút cục thực chất của cuộc chiến chỉ là một sự tương tàn khủng khiếp mà thủ phạm là những kẻ lãnh đạo đã cam tâm làm con bài cho ngoại bang ở cả hai phía."

TVT: *Với anh, tôi không ngại luận bàn những vấn đề chính trị tuy đã cũ nhưng cảm nhận của tôi có đôi chỗ khác anh. Nếu những người bộ đội, những người lính tham gia chiến tranh mà tới nay vẫn thực sự ý thức là họ hy sinh cho chính nghĩa, thì quả là điều đáng mừng. Nhưng tôi nghĩ, đối diện với cuộc sống hiện nay, tâm trạng thực trong cuộc đời thực, số đông không hoàn toàn là như thế. Còn những người đã nằm xuống, tức là những người đã hy sinh như anh nói, chúng ta chẳng thể biết chính xác là họ nghĩ gì khi xung trận. Lại nói về những người cầm quyền bên này hay bên kia. Theo chỗ tôi hiểu không phải ai ai cũng có ý thức cam tâm làm con bài cho ngoại bang. Trong số họ, cũng không ít người có đầu óc dân tộc, tinh thần dân tộc. . . . "*
(NĐHB, trang 69)

NT đưa ra hai mẫu số: Miền Bắc chống Mỹ xâm lược; miền Nam bảo vệ tự do. Ngay ở trong hai mẫu số đã có một sự mâu thuẫn khô hài bất khả lý giải! Miền Nam bảo vệ tự do, NT từng sống ở miền Nam từ bao nhiêu năm trước tháng Tư 1975, NT có thể xác minh được là miền Nam có tự do hay không nên người lính Cộng Hòa mới cần phải bảo vệ. Và nhất là người Mỹ có xâm lăng miền Nam hay không mà miền Bắc lại cần phải đưa quân vào để chống? Rõ ràng là NT đã đem cái "chủ trương thật" của miền Nam, làm vé đối với chiêu bài tuyên truyền để tiến quân của Việt Cộng miền Bắc! Và TVT đã vin vào những "nhận thức" của NT vừa trên, rồi đưa

ra một cú lừa banh tuyệt hảo: "cái tâm trạng thực của những người lính thắng trận miền Bắc hiện nay". TVT đã tạo được cảm giác "thân thuộc, gần bó... an toàn" của NT ở TVT qua nhận thức tưởng chừng rất "táo tợn" này. Nhưng tôi chỉ thấy đây là một cú lừa banh. Và NT đã lọt bẫy:

"NT: Dĩ nhiên, tôi không có thẩm quyền phát biểu về tư duy bộ đội miền Bắc trước 75, nhưng nếu nói về những người lính VNCH đã nằm xuống, đã hy sinh mà bảo rằng chúng tôi chẳng biết đích xác họ nghĩ gì khi xông trận thì không thể chấp nhận được! Trong bao nhiêu năm khó khăn rùng rợn ấy, chúng tôi biết chắc đã có rất nhiều người gục ngã ngoài trận địa với lý tưởng là bảo vệ xóm làng, bảo vệ hậu phương trước sự tiến công của bộ đội miền Bắc. Nhân dân miền Nam biết ơn họ, đây là một thực tế trong đời sống có thể dễ dàng kiểm chứng chứ chẳng phải sự tưởng tượng trong đầu một người viết văn như tôi. Cũng xin phép anh cho tôi được phát biểu thêm về cái ý anh cho rằng hầu hết các cấp lãnh đạo không có ý thức cam tâm làm con bài cho ngoại bang. . . . Vâng, đúng là đi sâu vào vấn đề này thì dài dòng lắm, nhưng tôi chỉ xin hết sức khẩn thiết đôi điều. Trong thời kỳ cải cách ruộng đất, cấp lãnh đạo tiến hành những cuộc đấu tố, con tố cha, vợ tố chồng, cái đó có phải là sản phẩm của những người có đầu óc dân tộc, có tinh thần dân tộc không? Chủ trương đấu tố thiếu đốt cả dãy Trường Sơn để hoàn thành việc thống nhất đất nước với cả triệu sinh mạng dân chúng ở cả hai miền. . . . Hay như lời lẽ của một vị Tổng Thống nói công khai trên đài truyền hình là viện trợ 700 triệu thì đánh theo kiểu 700 triệu, viện trợ 300 triệu thì đánh theo kiểu 300 triệu, thì đó có phải là lời lẽ của một thứ tay sai hay con bài của ngoại bang không? . . ."
(NĐHB, trang 70)

NT được TVT cổ súy cho nói những điều rất dễ "đi" vào lòng người của cả hai miền Nam Bắc. Những điều mà theo NT là phải đứng ra ngoài cái "vị trí bên này hay bên kia", chỉ đứng trên "bình diện dân tộc" mà nhìn lại cuộc chiến. . . . TVT đạt mục đích, cái mục đích "Mỹ du" để làm công việc "hòa giải hòa hợp dân tộc" nay lại được chính nhà văn NT công bố giùm cho TVT với những lý lẽ dẫn chứng đầy thuyết phục. Lãnh đạo cả hai miền đều có sai lầm. Nhưng những người lính của cả hai bên đều đã thành tâm cho đất nước trong lúc xung trận hy sinh. Cuộc chiến đã lùi xa. Đã thành quá khứ. Bây giờ là thời khắc của "anh em đồng bào" làm công việc "hòa giải" với nhau để "hòa hợp" trong "tinh thần dân tộc". NT đã nói giùm TVT. Và TVT vẫn tiếp tục đánh trống lảng trước những câu hỏi ngược lại từ NT. Tất cả mọi phát biểu đều do NT, từ NT mà ra. Cải cách ruộng đất. Thiêu đốt Trường Sơn. Sự vụ ông Tổng Thống miền Nam đánh Cộng theo tiêu chuẩn viện trợ 700 triệu hay 300 triệu chỉ là phụ thuộc. TVT không trả lời gì hết với NT.

Tuy nhiên, "hòa giải, hòa hợp" không chưa hết, mục đích, chỉ tiêu công tác của TVT được triệt để thi hành. Trái banh lại được TVT tung ra, và NT lại lần nữa đá... tung vào lưới chính mình:

"TVT: Rõ ràng hòa hợp, hòa giải là cần, là "sinh lộ" cho dân tộc ta như anh nói, nhưng tôi không nghĩ nó là thần dược chữa bách bệnh như mất dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bắt công như anh hy vọng đâu. Nhưng trên tiến trình hòa hợp hòa giải đó, anh nghĩ sao về những khuynh hướng cực đoan trong cộng đồng VN ở hải ngoại đại để như những chủ trương không du lịch Việt Nam, không gửi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện ở VN, không tiêu thụ những sản phẩm từ trong nước, và cả việc tẩy chay, gây rối khi những ca sĩ từ trong nước qua đây trình diễn?"

NT: Tôi cảm thông tâm trạng của những người còn duy trì những chủ trương cứng rắn đó, nhưng con đường cứu nước của họ chỉ là một thứ đường mòn vô dụng không đem lại một lợi ích nào cho dân tộc nếu không muốn nói là lại còn làm cản trở bước tiến của dân tộc. . . ."
(NĐHB, trang 72)

TVT giả vờ nhắc sơ về món thuốc "hòa hợp, hòa giải" chưa chắc đã trị được các chứng "mất dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bất công". Nhưng TVT lại tránh không đào sâu vào những căn bệnh này. TVT lại lái câu hỏi qua một hướng khác cho NT trả lời: Những khuynh hướng "chống Cộng" cực đoan trong cộng đồng VN ở hải ngoại!!!

Cái dở là NT đã không biết hỏi lại TVT về cái khuynh hướng "tối cực đoan" của chủ nghĩa Cộng Sản: Nhân dân Việt Nam trong nước hiện bị chia làm hai "loại" chính: Đảng viên và không Đảng viên. Rồi sau đó là cán bộ nòng cốt và không nòng cốt; rồi thì bao nhiêu thứ khác. Như vậy có là cực đoan hay không? Tôn giáo bị kiểm soát, những người trí thức phát biểu cho dân chủ, cho tự do và cho quyền sống bị quản chế, cầm tù. Quyền tự do ngôn luận báo chí chưa có. Những tệ nạn mà TVT đưa ra như "mất dân chủ, (thực ra, đã có dân chủ bao giờ đâu mà nói là mất!!!) nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bất công. Như vậy là có cực đoan hay không? Sự cực đoan bảo vệ "ngôi vị và quyền lực tập đoàn". Nếu tôi bảo rằng những người Việt tị nạn hải ngoại sở dĩ có "cực đoan" trong vấn đề chống Cộng, là vì họ đang chống những tệ nạn, những thói nát, hư hoại, băng rã v.v..(chính TVT có nêu ra và tôi, TNH có bổ sung thêm bên trên) mà Đảng Việt Cộng và Nhà Nước đã tạo ra và đang cật lực giữ gìn bảo vệ thì TVT sẽ trả lời sao? Tất nhiên là TVT lại tránh né không trả lời gì hết!!! Biết là TVT sẽ tránh né không trả lời, tôi vẫn thích NT phải nên hỏi.

Ở NĐHB trang 83, phần "Nguyễn Thị Hoàng Bắc" (NTHB), khi NTHB nói:

"Nhưng có người nêu thắc mắc: nếu hằng năm người Việt ngược ngoài không gửi về nước trên dưới 2 tỉ USD, năm 2002 thì con số tổng kết là 2,4 tỉ, thì chính sách của nhà nước (Việt Cộng) sẽ ra sao?"

TVT: Tôi nghĩ chúng ta không nên xen chuyện tiền bạc, tràn tụy vào câu chuyện nghiêm chỉnh như thế này..."

(NĐHB, trang 83)

Nhưng vừa trên, khi đặt câu hỏi với NT, chính TVT đã đưa ra "không gửi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện" là sao???? Tiền bạc, khi nào thì "trần tụy" và khi nào thì "cần thiết" để... mỗi chài??? TVT quả tình có lối nói chuyện rất ư là "đánh bài lận". Điều tôi không hiểu là vì sao những "nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính" ở hải ngoại của chúng ta lại cứ hết người này đến người khác, cùng nhau "yên tâm" mà tiếp tay cho TVT "tráo bài", rồi luân phiên nhau phe ta lại cứ sút banh vào "gôn" của phe mình???

NT tiếp tục "lạc quan" và "ngây thơ" giải thích với TVT:

"Vào thời điểm cách đây 10 hay 15 năm, thì những suy nghĩ chính trị của tôi như vừa kể trên phải kể là quá sớm và do đó tôi phải nhận lãnh nhiều hệ quả. Tuy nhiên, nhìn vào sinh hoạt của đa số thắm lặng trong cộng đồng VN ở hải ngoại, tôi thấy những suy nghĩ của mình dần dà được chia sẻ. Từ nhiều năm qua, du lịch về Vn không còn là một điều phải giấu giếm, các nhóm thiện nguyện đem tiền bạc và kỹ thuật về làm công tác từ thiện ở trong nước ngày càng nhiều, việc các báo Việt ngữ loan lại tin tức VN trích từ các báo trong nước, ngay cả những tin tốt lành, không còn là điều cấm kỵ hay phải tránh né, và đặc biệt, cứ nhìn vào ngân khoản trợ giúp thân nhân của Việt kiều hải ngoại gửi về mỗi năm lên tới 2, 3 tỉ đô la thì đủ thấy người Việt hải ngoại gần bó thế nào với quê hương, đất nước, đồng bào, quá khứ chính trị không còn là một vấn nạn nặng nề trên tâm thức của nhiều người nữa. Tôi hiểu rằng, con đường ổn định và phát triển là con đường ngày càng được nhiều người ở cả trong và ngoài nước chấp nhận."

(NĐHB, trang 73)

Phải, người Việt hải ngoại bây giờ về thăm nước rất nhiều và rất thường. Các nhóm thiện nguyện đem tiền bạc và kỹ thuật về làm công tác từ thiện ở trong nước tấp nập. Các báo Việt ngữ hải ngoại trích tin từ báo trong nước. Tiền Việt kiều gửi về thân nhân lên tới hàng 2, 3 tỉ mỗi năm v.v.. Nhưng tất cả những cái đó, những công việc và dấu hiệu đó, chỉ dồn vào một mục tiêu tối hậu là làm lung lay và sẽ xô ngã chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam, là phá nát đi cái guồng máy ị ạch làm trị trệ đất nước của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa. Vẫn có những tập thể kéo nhau biểu tình chống "văn công Việt cộng", chống các buổi hội họp của "sứ quán Việt cộng". Nhưng vẫn có những Việt kiều đi về Việt Nam thăm quê hương, những Việt

kiều gửi tiền cho thân nhân ở quê nhà mỗi tháng v.v... Đó là Dân Chủ, là Tự Do và trên hết, đó là một phương cách chống phá chế độ Việt Cộng ôn hòa nhưng sẽ hữu hiệu. Việt kiều hải ngoại về thăm thân nhân thường, sẽ chia sẻ với gia đình những điều mắt thấy tai nghe nơi xứ người. Những điều văn minh tiến bộ tự do dân chủ. Thân nhân của Việt kiều sau đó, sẽ thông tin lại cho những người Việt trong nước mà họ quen biết. Tiền của Việt kiều gửi về trong nước chẳng khác nào một cái tát trái vào mặt Đảng và Nhà Nước Việt Cộng. Cái lũ "Ngụy" bây giờ đã "thành khúc ruột ngàn dặm" đến nỗi Đảng và Nhà Nước Việt Cộng phải có kế sách chiêu dụ, làm thân. Những món tiền đó còn giúp cho người dân trong nước biết đòi đứng riêng làm kinh tế, không còn chịu nằm trong hệ thống kèm kẹp "quốc doanh" của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng.

Nói cho cùng, những món tiền mà Việt kiều gửi về cho thân nhân, tôi tin rằng, tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mỗi gia đình, món tiền đó sẽ là để giúp cho thân nhân sống qua những ngày khốn khó dưới chế độ Việt Cộng, hay là một thứ "vốn" để thân nhân gầy dựng làm ăn khi Nhà Nước và Đảng Việt Cộng cho "mở cửa kinh tế".

NT có thể đã nói đúng phần nào: *"... quá khứ chính trị không còn là một vấn nạn nặng nề trên tâm thức của nhiều người nữa."* Nhưng điều này chỉ để minh xác là những con người Việt Nam từ trong nước hay lưu vong hải ngoại đã ngày càng chán nản với những thể chế chính trị nửa mùa của một đất nước Việt Nam nghèo đói và chậm tiến! Họ, nếu có Việt kiều gửi những món tiền về Việt Nam, thuần túy là chỉ để giúp cho thân nhân họ. Cái bản chất văn hóa Việt Nam nói riêng và Á Đông nói chung, khiến họ luôn gắn bó với gia đình, tộc họ. Chứ không phải như NT đã nói là *"người Việt hải ngoại gắn bó thế nào với quê hương, đất nước, đồng bào..."*

Cái thủ thuật *"quê hương, đất nước, đồng bào"* là của Việt Cộng. Nhưng mọi người Việt Nam từ ở quốc nội cho tới ở hải ngoại bây giờ ai cũng biết rất rõ là những con người Cộng Sản chỉ xem *"quê hương, đất nước, đồng bào"* là thứ yếu!!! Nó chỉ như một củ cà rốt treo lửng lơ trước mặt những người Việt Nam nào còn nhẹ dạ và viễn mơ.

Thường, người ta hay nhầm lẫn giữa hai thứ: lòng Nhớ Nước (hoài hương) và lòng Yêu Nước! Có người sẽ lý luận rằng: Không Yêu Nước sao (những người Việt lưu vong) lại Nhớ Nước? Tôi thì cho rằng: Nhớ Nước là một cảm xúc thụ động có thể xảy đến cho hết thảy mọi người Việt tha hương. Nhưng Yêu Nước (hiểu theo nghĩa tích cực), chỉ có ở những người Việt lưu vong nào còn muốn làm một điều gì đó cụ thể cho Việt Nam.

NT khả dĩ là một người Yêu Nước. Nhưng NT đã yêu nước một cách hết sức viễn mơ như đã tin vào TVT mà "bày tỏ gan ruột" của NT, bằng cách "nói giùm TVT" những điều "trong kế hoạch của TVT". Và tất cả những diễn tiến này đã do TVT khéo léo léo lái và dàn dựng nên. Nhật Tiến khả dĩ là một người rất nhân bản. Nhưng NT đã nhân bản bằng cảm ứng và không có sự lý luận, biện giải với chính mình và với sự việc, như NT đã tin vào cuốn "nhật ký" của anh Mỹ lai Kiên Nguyễn! Cuốn The Unwanted mà một người chỉ cần có chút ít đầu óc phân tích đọc qua, sẽ nhận ra ngay đây vốn vẹn là một cuốn "tiểu thuyết giả tưởng" loại ba xu chuyên chờ trùng trùng những bi kịch, nhưng sẽ được đền bù bằng một kết thúc "có hậu" làm vui lòng người đọc bình dân.

Một lần nữa, NT tiếp tục lọt vào trận đồ của TVT, và đã trả lời theo ý TVT muốn, khi TVT đặt câu hỏi:

"TVT: Ở Mỹ, người cầm bút có đủ tự do để viết tất cả những gì mình muốn viết chứ?"

NT: Về đại thể thì ai cũng cho là như thế, nhưng thu hẹp vào những cộng đồng nhỏ nhoi thì vấn đề có khác, nhất là cái cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại vốn đã từng có nhiều năm chất ngất hận thù đến độ không chấp nhận một sự suy tư nào khác hơn là sự suy tư đã đồng đá trong đầu óc họ."

(NĐHB, trang 75)

Tôi muốn NT nên phân biệt rõ ràng giữa các Hội Đoàn mang danh xưng Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, và cái cộng đồng người Việt hải ngoại thực sự khắp thế giới hay ở từng địa phương. Theo tôi, một người cầm bút lưu vong nhất là ở Mỹ, có viết được hay không những điều tim óc của mình là do các điều kiện đòi hỏi sau đây: "Khả Năng", "Tài Ba", "Trí Tuệ" và "Đảm Lược".

Và thêm một điều kiện nữa mà trong bài Việt Tide phỏng vấn NT, NT đã có nhắc tới:

(NT đang kể cho Việt Tide về "khóa bồi dưỡng chính trị" do Việt Cộng tổ chức dành cho văn nghệ sĩ miền Nam sau tháng Tư năm 75)

"VT (Viet Tide): Và họ đã hỏi anh những câu hỏi như thế nào?"

NT (Nhật Tiến): . . . Một câu hỏi khác mà tôi còn ghi nhớ được là của ký giả Thái Bạch, thuộc hàng ngũ những người viết miền Nam. Anh này đứng dậy gần giọng hỏi tôi: "Anh cho tôi biết, anh có liên hệ gì tới tên phản động Nhất Linh? Tôi chưa kịp trả lời thì chị Nguyễn Thị Vinh đã đứng dậy, chỉ mặt Thái Bạch và nói ngay: "Anh muốn biết về Nhất Linh thì hãy hỏi tôi, vì tôi mới là người có nhiều liên hệ với nhà văn Nhất Linh, cả về mặt văn chương lẫn đời sống chính trị". Nói chung đa số anh chị em văn nghệ tham dự khóa vẫn còn giữ được tư cách của người cầm bút. . . ."

(Văn Nghệ Sĩ Miền Nam Trong Những Ngày Đầu Của Chế Độ Mới, Việt Tide Phỏng Vấn Nhà Văn Nhật Tiến, Việt Tide số 146, tuần lễ 30 tháng 4 đến 6 tháng 5, 2004)

Vâng, "tư cách của người cầm bút" chính là một điều kiện tất yếu đi cùng với những điều kiện mà tôi vừa kể bên trên để làm nên "một người cầm bút chân chính". Xin đọc tiếp:

"VT: Có một cuộc đấu khẩu rất sôi động trong khóa học về tương lai của nhà văn miền Nam. Anh có thể kể lại vụ này không?"

NT: Một nhà văn nữ miền Nam trong khóa học đã phát biểu tự nhận mình là đứa trẻ sơ sinh so với những nhà văn miền Bắc đã tham gia "cách mạng" trước đó hàng mấy chục năm, vậy thì cần phải có thời gian học tập để sau này sẽ được cầm bút trở lại. Ngay lập tức, Mai Quốc Liên một cây bút đến từ miền Bắc đã đứng dậy nói ngay: "Khóa học này mở ra để các anh các chị hiểu biết về xã hội mới thôi chứ đừng trông mong vào việc cầm bút trở lại. Bởi vì miền Nam các anh các chị làm gì có văn hóa!"

VT: Phản ứng của anh chị em văn nghệ lúc đó ra sao?"

NT: Phải nói là sôi sục. Trước tiên, Đỗ Phương Khanh đứng lên chỉ mặt Mai Quốc Liên và hỏi ngay: "Anh vào trong Nam được bao lâu rồi, và anh đã đọc được bao nhiêu tác phẩm của miền Nam rồi mà anh dám nói miền Nam không có văn hóa?" Rồi nhiều người khác cũng nhao lên, cả tôi lẫn nhà văn Nguyễn Thụy Long đều đứng dậy. . . ."

(Như trên, Việt Tide)

Điều cần lưu ý ở đây, là trong cả hai lần "gay cấn" của buổi "học tập" do NT kể, phản ứng "nhảy bèn và quyết liệt" từ phía văn nghệ sĩ miền Nam vẫn là do các nhà văn nữ. Một lần do Nguyễn Thị Vinh và một lần do Đỗ Phương Khanh, vợ của NT. Hai người phụ nữ này làm tôi hả lòng qua chuyện kể của NT. Tuy rằng, trong câu chuyện này cũng có một nhà văn nữ miền Nam đã ỏn ẻn xin nhận làm "trẻ sơ sinh" trước sự "cao lớn" của những nhà văn miền Bắc... Nhà văn nữ này, mà hiện nay đang sống ở Úc hay Canada gì đó, sau khi ra khỏi Việt Nam đã từng viết một tiểu thuyết tự ví mình như công chúa An Tư và Việt Cộng là tên thái thú Thoát Hoan!!! Một lời biện giải khá ly kỳ!!!

Nhưng tại sao tạo ra những biến động hay giải quyết những biến động, đều là các nhà văn nữ? Những nhà văn nam của miền Nam tự do đâu rồi? Tôi đặt câu hỏi nhưng tôi đã ngầm hiểu.

Những nhà văn đàn ông phải trầm ổn hơn bởi họ là đích nhắm của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng nhiều hơn, và vì vậy, phản ứng tất nhiên cũng chậm rãi hơn các nhà văn đàn bà! Cái mà NT gọi là "tư cách của người cầm bút", "tư cách" thôi chứ chưa cần dùng đến hai chữ "khí phách", theo NT, nói chung văn nghệ sĩ miền Nam vẫn còn giữ gìn chừng chạc.

Nhân tiện, chúng ta thử tìm hiểu về "tư cách" của giới văn nghệ sĩ miền Bắc, xem sao! Xin đọc: "Nuốt đờm

Ban sớm, cơ quan xúm nhau đọc bài Bửu Tiến chê vở Topaze của M. Pagnol. Có người nói, vì hẳn vớ được một câu ông Hoàng Văn Hoan nói bang quơ đâu như đại ý là: Vở Topaze là vở đầu hàng đồng tiền.!

K.Lân tự dựng kể một đoạn Tây Du. Đức Phật khạc đờm, Đại Thánh vớ lấy, ăn hết đống đờm là thành phép! Đó, muốn có phép thì phải luyện cac1h đó... Tuy anh không nói gì nữa, mọi người đều tức khặc hiểu rằng, BTiến đã trở nên "một chiến sĩ cách mạng" chính vì bí quyết nuốt đờm kia."

(Trần Dần, Ghi 1954 - 1960. td memoire xb 2001. Trang 191)

Cái khủng khiếp trong cuốn Ghi của Trần Dần (TD), là ông chỉ ghi lại những sự việc hay kết luận của một suy nghĩ. TD không lý giải hay lý sự chi hết!!! Câu BTiến, tức *Bửu Tiến đã trở nên "một chiến sĩ cách mạng" chính vì bí quyết nuốt đờm kia* nói lên đầy đủ và rành mạch cái sinh hoạt "văn học nghệ thuật" của miền Bắc, của Việt Cộng Xã Hội Chủ Nghĩa! Điều tôi chưa biết là TVT đã nắm được "bí quyết" nào dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam mà đã tỏ ra rất thành công, đến mức được xem như là một thứ "sứ giả của hòa hợp và hòa giải dân tộc", được Nhà Nước và Đảng cho đi đây đó tứ tung, thâm nhập vào giới văn nghệ sĩ Việt kiều lưu vong để thi hành công tác!!!

Trở lại chuyện NT nói với TVT là *"cái cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại vốn đã có nhiều năm chất ngất hận thù đến độ không chấp nhận một sự suy tư nào khác hơn sự suy tư đã đông đá trong đầu óc họ."* Tôi xin hỏi NT, ông đã biết những gì, đã tiếp xúc tiếp cận được bao nhiêu những người Việt lưu vong ở hải ngoại? Ngay cả trong giới văn nghệ, NT đã đọc, đã tiếp xúc được với bao nhiêu những người cầm bút lưu vong? Những điều NT nói, phát biểu trước mặt TVT khi TVT đặt câu hỏi với NT, là NT đã có suy tư *"không đông đá"* chưa? Hay chỉ là một cách nói, một câu chuyện làm quà để "vui lòng người hỏi, an tâm người trả lời"??? Và sự *"suy tư đông đá"* là sự suy tư ra làm sao??? Cái cách nghĩ, cái nhìn của NT về người Việt lưu vong có *đông đá* hay không???

Ở câu hỏi tiếp theo của TVT và câu trả lời của NT, cho tôi thấy là sự suy tư của NT nếu có, (nhưng tôi khó tin là NT có suy tư và tìm hiểu về cộng đồng Việt kiều lưu vong hải ngoại qua những gì NT trả lời TVT!), quả thật là một sự *"suy tư kiểu đông đá"* như NT đã khẳng định! (Thật ra và tiếc thay, những *suy tư đã đông đá trong đầu óc* vẫn còn khá hơn *một đầu óc đã đông đá* mà vẫn còn *muốn làm công việc suy tư!!!!*)

"TVT: Nhưng giới trẻ trong cộng đồng thì phải khác chứ, họ không bị ràng buộc gì với quá khứ và đả số, tại thời điểm năm 2003 này, nhiều thành phần trẻ không hề biết cuộc chiến ở Việt Nam là cái gì.

NT: Đồng ý là như thế, nhưng họ vẫn được dạy dỗ để tiếp tục nuôi dưỡng hận thù. Phong trào tuổi trẻ "Nói bước cha anh" là một ví dụ cụ thể. Kiến thức về cộng sản Việt Nam đối với họ là kiến thức của những thập niên từ 50 đến 80 do cha ông truyền lại. Thì cũng như tuổi trẻ ở Việt Nam bây giờ, họ luôn luôn bị nhồi nhét để biết ơn Đảng lãnh đạo đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào. Ít có tuổi trẻ nào nhận thức được ra rằng để thay thế cho cái xã hội vốn đã bị lật nhào ấy, lại sản sinh ra một xã hội y hệt như thế mà mức độ đòi trụ còn tăng lên gấp bội phần. Thế thì xương máu của các bậc đi trước đã đổ xuống quê hương có phải là một sự uổng phí đến kinh hoàng không?

(NĐHB, trang 75)

NT nói ra về chủ trương Đảng Việt Cộng luôn nhồi nhét cho tuổi trẻ Việt Nam trong nước phải *biết ơn Đảng lãnh đạo đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào. Ít có tuổi trẻ nào nhận thức được ra rằng để thay thế cho cái xã hội vốn đã bị lật nhào ấy, lại sản sinh ra một xã hội y hệt như thế mà mức độ đòi trụ còn tăng lên gấp bội phần.* Như vậy, để đương cự lại cái Đảng, cái chính quyền đã làm cho đất nước tang thương, đã làm cho xã hội đòi trụ gấp bội phần đó, tức là những cái vô cùng xấu, NT muốn giới cha ông, các bậc phụ huynh của cộng đồng Việt kiều lưu

vong, phải nên dậy dỗ con cháu họ như thế nào??? Hòa hợp hòa giải với cái XẤU, với BẠO LỰC với ĐỘC TÀI và NGU DỐT chẳng???

Ở một đoạn trước, NT đã trả lời TVT:

"TVT: Vậy hẳn là chủ trương hòa giải và hòa hợp mà hình như anh đã theo đuổi từ lâu, cũng nằm trong tâm thức hướng về dân tộc ấy?"

NT: Đúng vậy! Tôi chưa và cũng chẳng bao giờ lại chủ trương hòa giải, hòa hợp với độc tài hay bạo lực...."

(NĐHB, trang 71)

NT từng khẳng định như trên! Vậy thì cái chủ trương *hòa giải và hòa hợp* mà trong bài phỏng vấn, TVT đã thông dong nhét vào mồm để NT nói ra trong "tâm thức hướng về dân tộc" ấy, là NT muốn *hòa giải và hòa hợp* với ai??? Dưới chế độ và chủ nghĩa Việt Cộng, không chịu "nuốt cục đờm" của Đảng thì sẽ chẳng bao giờ "có phép". Mà trong một xã hội ma quỷ như xã hội chủ nghĩa Việt Cộng, không "có phép" thì làm sao tồn tại, nói gì đến xây dựng và thực hiện "ý thức dân tộc". Và NT đã nói rất đúng về một hiện trạng Việt Nam Cộng Sản, về chủ trương của Đảng và Nhà Nước vẫn còn và luôn hãnh tiến về sự việc "đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào"... để truyền dạy cho con cháu Đảng viên, cho nên TVT đã vẫn chơi tiếp lá bài "tàng lờ", miễn bình luận hay góp ý với NT...

Vì sao? Vì TVT đã được tôi luyện nhuần nhuyễn rằng, đối với Đảng và Nhà Nước, "bình luận" hay "góp ý" mà chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chính Trị Bộ là một cách... tạt sạt! Xin đọc:

"Cũng phải nói thêm, rằng ít lâu nay, thái độ của PhCung (thằng Đàng nó bảo: đéo mẹ thằng HCầm, nó khai bố lão cả) hay của HLoan (khi kiểm thảo trước cơ quan HLoan 2 lần chửi xõ: thằng HC hèn nhất!), những cái đó làm cho HCầm "nghĩ ngợi", nhụt cả kết quả lớp học. Và cuộc đời, nó có cái bình thường "hỗn tạp" của nó, không giống không khí cac1h mạng của lớp học, cuộc đời Hà Nội đã ít nhiều làm "hả" HCầm đi. Anh chàng một hôm viết thư cho VCao, đại ý nói muốn thanh minh về chuyện lớp học, song nhà VCao thì nguy hiểm, thì mời VCao đến nhà mình!

VCao nhận được thư ấy, không biết nghĩ sao, bèn đi gặp NđThi, đem việc ấy ra báo cáo, và xin chỉ thị "xem có nên đi gặp HCầm không?"

Dĩ nhiên NđThi không thềm ngăn cản một cái việc chẳng có gì là nguy hiểm mà phải xin chỉ thị ấy!

VCao đến gặp HCầm, phó Lý Quốc Sư.

Một cuộc "hội đàm" bi ối bắt đầu. HCầm khúm núm, nhận là mình dốt, bị đánh quá, mụ đi như "một con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không còn nghĩ ngợi gì cả nữa! Thế cho nên, khi về HCầm "không dám đi gặp anh em" nữa, sợ bị trách, ngượng mặt! Tóm lại, tức là sau khi đã thành khẩn thú tội trước Đảng trong lớp học, thì bây giờ thì HCầm lại thành khẩn thú tội trước "tiên chỉ VCao"!

VCao lên mặt hách. Anh hạch tội HCầm, chẳng hạn: "pum thì có phải là chống đối đâu, sao lại khai? Anh lại bảo là HCầm tố điếu, để che dấu cái việc có "Đảng phái chính trị", đánh lạc lãnh đạo đi về hướng anh! HCầm thì nói hiện tượng. Tdần thì nâng lên "nguyên tắc", đều là cái "âm mưu che đậy cái tổ chức chính trị ấy". Anh lại nói là việc ấy, anh đã báo cáo lãnh đạo.

Hơn nữa, anh còn cinique đến nước nói là: "Tao chỉ có tội chống Thủ, chứ tao có chống Đảng đâu? Toàn là chúng mày làm đổ vấy cho tao! Sao không tố những điều tốt, tao đã khuyên răn chúng mày?" (Ồi chao, lại có điều tốt VCao khuyên anh em nữa chứ!)"

(Trần Dần, Ghi 1954 - 1960. td memoire xb 2001. Trang 264 & 265)

Những tay cựa phách như Văn Cao, như Hữu Loan, như Trần Dần, như Phùng Cung v.v... mà qua Ghi của Trần Dần, tức là những sự, những việc thật đã xảy ra 100%, chúng ta còn thấy nó thâm đến như vậy!!! Họ, những văn nghệ sĩ tôi vừa kể tên bên trên, là những công thần, là

những tay khai sơn phá thạch cho nền văn học và chủ nghĩa Việt Cộng, mà còn phải sống áp a áp úng trong cái xã hội mịt mờ bụi nước, và xem chừng chẳng có chút hy vọng nào là "hòa hợp, hòa giải" được với Đảng và Nhà Nước Việt Cộng! Vậy thì, ông NT, ông là ai, là cái gì mà toan bẽ ra tay "hướng về dân tộc", "hòa hợp và hòa giải" với một cái Đảng mà nó chẳng cần thèm biết đến ông? Chưa cần chống Đảng! Chỉ cần chống THữu là đã thành chống Đảng! Dưới chế độ và chủ nghĩa Việt Cộng, tuy nay Tô Hữu đã chết, nhưng tôi tin rằng trong văn học văn nghệ Xã Hội Chủ Nghĩa bất cứ lúc nào, cũng đều có những THữu, những "tiên chỉ VCao", những HCầm hèn nhát v.v...

Chúng ta hãy nghe TVT hỏi tiếp:

"TVT: Vậy anh trông mong gì ở giới trẻ, cả trong lẫn ngoài nước?"

NT: Tôi kỳ vọng ở nơi tuổi trẻ một tấm lòng trong sáng, thẳng băng không nhuốm chút hận thù để biết làm một cái vượn vai lớn mạnh có tính cac1h Phù Đổng. Vượn vai để giả từ mọi hệ lụy, ràng buộc trong quá khứ mà nhìn thẳng vào những nhu cầu khẩn thiết của quốc gia dân tộc. Vượn vai để biết rũ bỏ tinh thần ỷ lại chỉ biết cậy trông vào sức mạnh của cường quốc để cầu xin giải quyết vấn đề của chính quốc gia mình, dân tộc mình. Họ cũng phải biết nhận thức rằng quê hương còn rất nhiều vấn đề cần sự tiếp tay của tất cả mọi phía: Dân trí chậm tiến, phẩm chất đạo đức cá nhân suy đồi, tệ đoan và bất công xã hội gia tăng nặng nề, sinh mệnh, đất đai của dân tộc như chỉ mảnh treo chuông trước mộng bá quyền của phương Bắc.v.v... Chỉ có sự khơi mạch yêu thương và hóa giải hận thù để tập hợp được hết sức mạnh của toàn dân cả trong lẫn ngoài nước thì mới mong từng bước làm cho những vấn đề khẩn thiết của quê hương có cơ hội giải quyết. Nói tóm lại là, một thiên niên kỷ mới đã bắt đầu. Con người Việt Nam hơn hai mươi năm năm sau cuộc chiến cũng cần phải thay đổi não trạng để góp phần vào công cuộc phục hưng thực sự cho xứ sở".

(NĐHB, trang 76)

Câu hỏi vừa rồi, có thể xem là câu hỏi cuối của TVT đặt ra cho NT trong bài phỏng vấn. Những điều NT đưa ra về một ước vọng ở tuổi trẻ Việt Nam cả trong nước lẫn ở hải ngoại thật mượt mà và đẹp như nhung tơ!!! Nhưng có điều, NT đã nghĩ ra phương cách nào để đưa sự thể đến chỗ tốt đẹp như vậy chưa? Để tuổi trẻ Việt Nam khắp nơi cùng nhau làm một cuộc vượn vai Phù Đổng? Ở những người tuổi trẻ hải ngoại lưu vong, mong mỏi từ họ một tấm lòng trong sáng thì còn khả dĩ và hy vọng. Nhưng tuổi trẻ đang sống trong nước, trong sự thể phải "tranh đấu" thường xuyên để "sinh tồn", tôi nói là "sinh tồn" thôi chứ không nói là "thành đạt", và dưới sự kiểm soát tư tưởng cũng như hành động của Đảng và Chính Trị Bộ, thì làm thế nào để những người tuổi trẻ này "trong sáng"? Họ, những người tuổi trẻ Việt Nam ở quốc nội hiện nay, là những chồi xanh chưa kịp lớn và khó thể lớn dưới tay Đảng, rồi sẽ mòn héo chẳng biết thế nào, thì làm sao lớn dậy và vượn vai??? Muốn một cành cây đâm chồi, nảy lộc thì ít ra, nó phải được nuôi dưỡng trong một bầu không khí trong lành và cần nhất, là nó phải có đủ ánh sáng mặt trời để trường sinh toàn vẹn diệp lục tố để xanh tươi. Tuổi trẻ Việt Nam quốc nội thiếu ánh sáng mặt trời của tự do và tiến bộ, của niềm tin và hy vọng. Làm sao cho họ "trong sáng và thẳng băng" được???

Xem ra, những ước vọng và những câu hát về một "thiên đường" của "hòa hợp hòa giải" để "hướng về dân tộc" của NT, chẳng qua rồi cũng chỉ là những tiếng hót của một con chim đang bị nhốt trong lồng. Chiếc lồng của sự ảo tưởng viễn mơ giữa một trận đồ chưa tìm thấy lối Đi, Về!!!

Phong trào Nhân văn-Giai phẩm và Giải thưởng Nhà nước: Nhìn dưới góc người đọc

Tôi được biết tới bốn chữ *Nhân văn-Giai phẩm* ngay từ cuối thập niên 50, khi Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá cho phát hành cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* (Sài Gòn, 1959) của học giả Hoàng Văn Chí, người cũng là trưởng ban biên tập của Mặt trận này. Kể từ năm 1954, sau hơn bốn năm bị hoàn toàn xa lìa mọi thứ tin tức của miền Bắc, tác phẩm kể trên đã được hầu hết giới văn nghệ ở miền Nam đón nhận nồng nhiệt, hầu như ai cũng đọc, ai cũng có thể ghi gó một đôi điều có thể kể lại về biến cố văn học này. Hơn thế nữa, nhiều đoạn thơ, văn của văn nghệ sĩ miền Bắc tham gia phong trào này cũng đã được giới văn nghệ trẻ chúng tôi thời đó truyền tụng, nhắc nhở, và trong lòng mỗi người không khỏi dấy lên nỗi niềm ngậm ngùi, xót xa, có khi cả căm giận. Xin nhắc lại đây vài đoạn như những kỷ niệm sâu đậm của thế hệ chúng tôi vì mỗi khi tụ họp nhau bàn tán chuyện văn nghệ, đề tài phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* thường hay được nhắc tới:

*Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng
làm chi,
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có “việc gì” cũng chẳng
làm sao
(Phan Khôi)*

(Vào thời *Nhân văn-Giai phẩm* bị đàn áp, các văn nghệ sĩ mỗi sáng ra, cứ hỏi nhau: “tao có việc gì không?”, hiểu theo nghĩa “tao có bị gì không?”.)

*Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại.
(Lê Đạt)*

*Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu
thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên mầu cờ đỏ
(Trần Dần)*

*Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi cũng muốn làm nhà văn chân thật
chân thật trọn đời*

*Đường mật công danh không
làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá
(Phùng Quán)*

Dưới mắt tôi, và có thể là với hầu hết anh chị em văn nghệ sĩ miền Nam ở thời điểm đầu thập niên 60, thì những tên tuổi Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm... đều là những người cầm bút hào hùng, dũng cảm, khi võ khí trong tay họ chỉ có tâm huyết và ngòi bút mà dám đứng lên đương đầu với cả một guồng máy đang ra sức tiến hành một chế độ toàn trị mệnh danh là “chuyên chính vô sản”.

Mấy chữ “chuyên chính vô sản” vào thời điểm ấy chưa gây đủ trong đầu óc tôi một ấn tượng sâu sắc nào. Nhưng kể từ sau năm 1975, khi có dịp tham gia sinh hoạt đời sống xã hội ở miền Nam, tôi mới thấy thấm thía những đoạn thơ văn mà mình đã có dịp đọc từ mười lăm năm trước đó. Thí dụ:

*Giết, giết nữa, bàn tay
không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt,
thuế mau xong
Cho Đảng bền lâu, cùng
rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin
bất diệt..
(Tổ Hữu)*

*Anh em ơi ! Quyết chung lòng
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung, tử thù
Địa hào, đối lập ra tro
Lưng chừng phản động
đến giờ tan xương
Thắp đuốc cho sáng khắp đường
Thắp đuốc cho sáng đình làng
đêm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống,
đọa đầy chết thối.
(Xuân Diệu)*

Đánh giá nội dung những bài thơ kiểu này, thật không có từ ngữ nào khác hơn là “sắt máu”. Cho nên, khi đứng cảm đứng lên giữa khung cảnh sặc mùi sắt máu như thế, những văn nghệ sĩ tham gia phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* không thể không được coi là những anh hùng.

Rồi thời gian trôi qua hàng nhiều thập kỷ. Chế độ toàn trị ở Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi. Trong khung cảnh cả nước rũ bỏ thời kỳ bao cấp u mê, rị mọ để tiến vào nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN, thì dư âm của phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* cứ ngày một mờ nhạt đi và tội ác do những tên tuổi như Trường Chinh, Tố Hữu, Xuân Diệu v.v... từng gây đau khổ, khốn cùng cho biết bao nhiêu gia đình văn nghệ sĩ mặc nhiên coi như xí xoá. Và những con người vì tự do cầm bút như Phan Khôi, Phùng Cung, Trần Dần, Phùng Quán, gần đây nhất là

Nguyễn Hữu Đang thì cứ theo nhau qua đời trong âm thầm, lặng lẽ.

Tình trạng như thế, nếu cứ kéo dài thì vẫn phải kể là Đảng Cộng sản Việt Nam còn mắc với riêng văn nghệ sĩ miền Bắc và những độc giả của họ một món nợ. Đó là món nợ tinh thần, thâm sâu và oan nghiệt vì đã vùi dập và triệt tiêu biết bao nhiêu tài hoa văn chương của đất nước.

Món nợ ấy ai đứng ra đòi, bao giờ đòi và đòi cách nào thì theo sự nổi trôi của vận nước, nó chỉ được mặc nhiên coi như xếp chung vào cùng danh sách những món nợ tinh thần khác, còn to lớn hơn, oan nghiệt hơn, liên hệ đến nhiều tầng lớp khác nhau của con người hơn.

*

Bất chợt, ngày 13 tháng Hai năm 2007 vừa qua, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ra quyết định tặng "*Giải thưởng Nhà nước cho các tác giả có tác phẩm hay, công trình văn học nghệ thuật giá trị cao, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc*".

Bốn người thuộc nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* nằm trong danh sách được giải là Trần Dân, Phùng Quán, Lê Đạt và Hoàng Cầm. Hai ông Trần Dân và Phùng Quán thì đã mất, còn lại hai ông kia thì đều tỏ ra hoan hỉ nhận giải, trị giá một bằng khen và 60 triệu đồng tiền Việt.

Theo nguồn tin ngoài hành lang thì việc quyết định trao giải cho bốn người kể trên là một quyết định đơn phương của Chủ tịch Nguyễn Minh Triết. Ông không thông qua sự bàn thảo của Bộ Chính trị và văn bản quyết định trao giải là một văn bản riêng biệt, tách rời. Điều này đúng hay sai, kể ra cũng khó kiểm chứng mà cũng chẳng cần thiết phải kiểm chứng vì đó là chuyện nội bộ của giới lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay. Vấn đề đáng nói là khi đem so sánh thái độ của giới cầm quyền đối với phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* trong những giai đoạn khác nhau kể từ trước tới nay, thì ta thấy việc trao giải thưởng bây giờ là một bước tiến hơn hẳn.

Tiến hơn hẳn là vì "cấp độ ứng xử" đối với những nhân sự liên hệ tới NVGP đã ngày một được tha thứ hơn, bao dung hơn và nay thì sự bao dung đã lên tới đỉnh điểm. Tiến trình thay đổi này có thể liệt kê đại khái như sau: Trước tiên là đàn áp dữ dội, bắt bớ, tù đầy, cho đi lao động cải tạo; sau đó cho về nhưng không cho cầm bút trở lại; rồi tới mức trả lại hộ tịch Hội viên Hội Nhà văn, cung cấp công ăn việc làm hay cho lãnh lương hưu; và nay thì tới việc trao Giải thưởng Nhà nước cho bốn nhân vật tiêu biểu của phong trào này.

Tuy nhiên nhìn lại những giai đoạn trong tiến trình kể trên, thì kể từ lúc giới lãnh đạo quyết định thả cho các đương sự được trở về từ những nông trường lao động hay các nhà tù, cho đến khi tuyên bố trao giải, biến cố NVGP mặc nhiên bị nhấn chìm, không ai được phép công khai nhắc tới, dẫu rằng nó đã mang theo nhiều cuộc đời tan nát, nhiều dấu ấn bôi nhọ, sỉ nhục mà giấy trắng mực đen vẫn còn đó.

Lịch sử là một tập hợp của nhiều dữ kiện đã xảy ra trong quá khứ. Nó đâu có phải mảnh giấy vô tri sẵn sàng để bị đem ra vo tròn, bóp méo.

Khi nhận tin được giải, nhà thơ Lê Đạt đã tiết lộ với phóng viên VietNamNet rằng ông Đỗ Chu (một thành viên của Hội đồng Giải thưởng chuyên ngành Văn học) có phát biểu rằng: "*Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh.*"

Có thực rằng việc trao giải này đã là một lời xin lỗi?

Điều này hoàn toàn không minh bạch vì nội dung của bản công bố trao giải không hề nhắc tới

mấy chữ *Nhân văn-Giai phẩm*. Thậm chí trong tang lễ nhà văn hoá Nguyễn Hữu Đang (10-2-2007), giữa lúc thân nhân, bạn bè đau thương tiễn biệt người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng, thì đại diện của cơ quan văn hoá nhà nước vẫn còn nói trước linh cữu rằng: “*mặc dù anh đã mắc phải sai lầm...*”

Một hành động của đại diện cơ quan văn hoá nhà nước trong một đám tang như thế không những biểu lộ sự “thù dai” mà còn mang tính chất “vô văn hoá”.

*

Thế thì ý nghĩa của việc trao giải là “*Chúng tôi xin lỗi các anh*” hay là “*Chúng tôi tha thứ lỗi lầm của các anh?*”

Câu trả lời tùy theo quan điểm của mỗi cá nhân, nhưng những người đã nhắm mắt lia đời, vốn từng mang khẩu khí như: “*Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi, sét nổ trên đầu không xô tôi ngã. Bút giấy tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá*” thì việc trao giải này có làm cho họ được ngậm cười nơi chín suối chăng?

Đó là ta chưa mở rộng thêm vấn đề “người cầm bút đối xử với chính người cầm bút”, ngoài sự đối xử của giới lãnh đạo với phong trào NVGP.

Nhờ nỗ lực bền bỉ của nhóm chủ trương mạng lưới toàn cầu *talawas*, mà hầu như toàn bộ hồ sơ về *Nhân văn-Giai phẩm* đã được phơi bày ra ánh sáng. Người đọc vì thế có cơ hội nhìn sâu vào đủ mọi khía cạnh của vấn đề, trong đó một phần không thể bỏ qua là những bài viết của chính giới cầm bút đã ùa lên tố cáo, vu khống, mặt sát đồng nghiệp của mình. Xin tạm trích vài đoạn:

“*Cũng như những loại vi trùng kinh niên quen chống đỡ với các loại thuốc sát hại chúng, bệnh cá nhân vô chính phủ trong con người Lê Đạt ngày càng tinh vi, “khôn ngoan”, luôn tìm cách lẩn tránh hoặc ngụy trang dưới hình thức này hay hình thức nọ để lừa phỉnh mọi người. Dán một cái nhãn hiệu “yêu thương nhân dân, yêu thương giai cấp”, thơ văn của Lê Đạt đã bộc lộ rõ rệt tư tưởng của một kẻ khinh quân chúng, muốn tỏ ra mình tài giỏi, có khả năng lãnh đạo quân chúng mà không được Đảng tin dùng.*” (Xuân Hoàng)

“*Sự giảng dạy của Trần-Đức-Thảo giống như một thứ thuốc phiện, nó làm giảm sút, thậm chí tiêu diệt nhuệ khí, nhiệt tình và lòng tin của nhiều sinh viên, phát triển cái “chất” hoài nghi trong con người cũ của một số sinh viên.*” (Khắc Thành)

“*Trần Dần đã nấp dưới chiêu bài “chống công thức”, “đi tìm cái mới”, chỉ huy cái bào thai Nhân văn-Giai phẩm trong quân đội, kéo bè kéo cánh đã kích lãnh đạo và tụ tập nhau để ra cái gọi là “chính sách về văn nghệ trong quân đội”, công khai và trắng trợn đòi “văn nghệ phải độc lập với chính trị”, “trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ”.* (Huy Vân)

“*Bọn thù địch của chế độ giật quả mìn phá hoại đầy hơi xú uế: Nhân văn số 1 ra đời, Dần khi đó vẫn còn ở bộ đội, gian ngoan lúc đầu còn làm ra vẻ đứng ngoài. Nhưng chính Dần đã thông qua bài “Con người Trần Dần” của Hoàng Cầm viết. Báo ra bị quân chúng phản đối. Biết khó khăn, trước số 2 Nhân văn, Dần bảo Lê Đạt bằng một câu rất phản động: “Nhảy vào đi! Mà làm như Các Mác với Ba-lê công xã ấy (!)Biết là thất bại, cũng vào mà giảm bớt thất bại đi!”. Nhân văn ra số 3, Dần cùng vợ mang báo đi bán, coi như một “nghĩa cử”. Lúc này, thấy không cần ném đá giấu tay nữa, Dần ra mặt hoạt động, nhảy đến họp Nhân văn, nhảy đến nhà in chữa bài. Quân chúng ngày càng phẫn nộ. Biết Nhân văn sắp phải đóng cửa, Dần chủ trương “đánh vớt vài đòn”. Dần ném vào số 4 bài “Không có lý gì không tán thành trăm hoa đua nở” đòi Đảng phải để*

cho bọn Dân được tự do đưa ra quần chúng những sáng tác chống Đảng, chống chế độ, chống nhân dân. Và Dân ném vào số 6 giấy chết một bản dịch về hội họa Ba Lan nhằm nói “Đảng lãnh đạo nghệ thuật là đưa đến bế tắc nghệ thuật”.(Hữu Mai)

“Phan Khôi ăn lương thân sĩ, cơm rượu ngày hai bữa, làm “thơ luân lưu” chửi Đảng, chửi chế độ. Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt cuộn khúc trong các tổ chức văn học, rèn một loạt “dao hai lưỡi”, nung nấu chí phục thù, khiêu khích, chia rẽ, đánh kéo những phần tử yếu bóng vía. Trong tình hình nghiêm trọng ấy, đáng nhẽ chúng ta phải nêu khẩu hiệu: “Quét sạch tư tưởng thù địch của nhóm Nhân văn-Giai phẩm” thì có người lại kêu gọi: “Sáng tác trước hết, sáng tác trên hết, lấy sáng tác mà đấu sáng tác. Đảng nói: “Cách mạng vô sản phải do Liên Xô đứng đầu, lãnh đạo”. Họ nói: “Sùng bái, đầu óc nô lệ, ta theo con đường của ta”. Nhưng khi giai cấp tư sản phát ngôn: phải chiếu cố tư sản, phải để các xu hướng nghệ thuật tự do phát triển, không nên quá tin ở Liên Xô, thì nhất nhất họ đều khen: - đúng, hay, phải, ý kiến độc đáo! - Thế nghĩa là gì? Đảng là một tập thể sáng suốt nhất bảo họ, họ không nghe, nhưng khi bọn tư sản là giai cấp phản động, thối nát (trên lý luận họ cũng biết như thế) bảo họ những điều rất nghịch tai thì họ tin ngay lập tức, không hoài nghi một chút nào. Chẳng qua cái tâm của họ vẫn là cái tâm tư sản.” (Nguyễn Khải)

“Một đồng chí văn nghệ sĩ Nam Bộ đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện sau đây. Một hôm, bọn Mỹ-Diệm đem báo Nhân văn ra dán ở một đầu phố Sài Gòn nhằm dụng ý để cho đồng bào miền Nam đọc, “biết tình hình Việt cộng ở miền Bắc đen tối như thế nào!”. Một chị đứng đọc hồi lâu rồi không giữ nổi cảm giận, chị giơ tay xé tan tờ Nhân văn trước mặt chị. Một phát súng của một tên lính Mỹ-Diệm lập tức xuyên qua lưng chị, và chị đã gục xuống. Máu từ ngực chị đã thấm đẫm những trang báo Nhân văn. Đồng chí kể xong, nói: “Tội ác ấy, đồng bào miền Nam không bao giờ quên được!”. (Từ Bích Hoàng)

Có thể nói, vào thời điểm ấy đã có cả một trận bão các bài viết mạ lỵ, vu khống, xuyên tạc, tố giác với công an mật vụ... nhắm vào những ngòi bút của NVGP. Giấy trắng mực đen còn đó. Độc giả theo dõi diễn tiến của phong trào này vì thế đã được nhồi nhét đủ thứ luận điệu, nhiều khi quái đản như đã trích ở trên..

Thế mà cả một đội ngũ những kẻ cầm bút xu thời như thế, hỏi có ai ngỏ lấy một lời ăn năn, tạ lỗi về những điều mình đã viết, ngoại trừ nhà văn Bửu Tiển tại Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ IV (1990) họp tại Hà Nội đã can đảm công khai nói lên việc ông đã đánh lầm vào nhóm NVGP, để bây giờ mỗi ân hận vẫn đeo đẳng theo ông dù có mang xuống tuyền đài cũng chưa chắc gì nguôi.

Như vậy, vấn đề của NVGP chẳng những đòi hỏi giới lãnh đạo Đảng CSVN một lời xin lỗi công khai, minh bạch mà ngay đến cả những ai đã từng mạ lỵ, vu khống NVGP hiện nay vẫn còn đang sống thì cũng nên bày tỏ thái độ của mình. Sự im lặng sau ngàn ấy năm đảng đảng vừa có thể khiến lương tâm các vị không dễ gì thanh thản mà hẳn còn bồi một vết nhơ lên sự nghiệp cầm bút của mỗi người. Xin nhớ cho rằng không ai có thể bôi xoá được lịch sử, nhất là trong lãnh vực văn chương.

Nói tóm lại, theo tôi, trong cương vị một người đọc vốn từng theo dõi những diễn tiến của phong trào NVGP, thì việc trao Giải thưởng Nhà nước cho một nhóm nhỏ của họ không thể là một công việc đơn giản, khi làm xong là ai nấy có thể hùa nhau xí xoá được hết.

Khi có tin mình được trao giải, hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm đã hoan hỉ chấp nhận. Đó là sự tự do chọn lựa của các ông. Ông Lê Đạt cho rằng “đây là cử chỉ đẹp, cho dù là muợn, nhưng muợn còn hơn không.”

Còn ông Hoàng Cầm thì trả lời với phóng viên báo *An ninh Thủ đô* rằng: “*Tôi buồn thương cho hai bạn Trần Dần và Phùng Quán mất đã lâu không được biết là mình được xem xét lại. Các anh mất đi mà vẫn buồn vì có cái oan chưa giải. Tôi thấy mình may mắn vì trời cho sống đến bây giờ và lại được trao cái giải thưởng này.*”

Như thế, vốn mang cái tâm trạng “cái oan được giải”, ta có thể hiểu được tại sao các ông ấy vui mừng khi có tin mình được trao giải.

Nhưng với riêng tôi, ở cương vị là độc giả của các ông từ hơn nửa thế kỷ đã qua, tôi lại thấy tiếc cho hai ông về một điều:

Cho đến cuối đời, các ông có một dịp ngàn vàng để nói thay cho nhiều người bị bách hại, vốn ngày xưa đã có cùng chí hướng với các ông về cuộc đấu tranh cho tự do cầm bút. Phải chi các ông tuyên bố được rằng: “Sẵn sàng nhận Giải với điều kiện Đảng CSVN minh bạch công nhận đã sai lầm trong công cuộc đàn áp phong trào Nhân văn-Giai phẩm.”

Nói được như thế, tên tuổi của các ông lại thêm một lần nữa chói sáng trong lòng độc giả và bộ mặt của *Nhân văn-Giai phẩm* cũng không bị cái Giải ấy làm cho lu mờ đi.

California ngày 4-3-2007

© 2007 talawas

Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng: Nhật Tiến Nguyễn Mạnh Trinh

Nhà văn Nhật Tiến là nhà văn của tuổi thơ, của những bức xúc về một cuộc chiến tranh và là một người lưu lạc suy ngẫm về thân phận của mình và của chung một thế hệ phải trải qua những ngày chiến tranh và những ngày hậu chiến tranh mà những bi thảm, những bất toàn của xã hội lại còn đáng sợ hơn thời còn khói lửa. Ông viết với tâm cảm mà những ý nghĩ trung thực được biểu lộ không e ngại và là tiếng nói được lắng nghe từ công luận.

Có rất nhiều chân dung nhà văn Nhật Tiến : nhà văn của tuổi thơ bất hạnh, nhà văn của hiện thực xã hội, nhà văn của lưu lạc xứ người...Mà mẫu chân dung nào cũng đều có nhiều cá tính văn chương và trong mỗi dòng chữ, mỗi ý tưởng đều có những thông điệp trao gửi theo..

Tôi đã có dịp phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến và ông đã kể về thời gian bắt đầu sáng tác của mình. Lúc còn thơ ấu ông đã đi hướng đạo và sau này là một trong những trưởng kỳ cựu của hướng đạo Việt Nam. Ông mê thích văn chương và tất cả nỗi đam mê ấy về sau này khi di cư vào Nam ông đã kể lại trong “ Thuở mơ làm văn sĩ”.

Tác phẩm đầu tay của ông không phải là thơ, không phải là tùy bút, không phải là truyện ngắn mà là một kịch ngắn vui chế diễu về một nhân vật là một nhà thơ háo danh và được đăng trên giai phẩm xuân của báo *Cải Tạo*. Tờ báo này có các cây bút khá nổi thời đó như Kim Sinh, Văn Bình, Nhị Lang ... và do ông Phạm Văn Thụ làm chủ nhiệm... Cùng thời lúc này với ông có nhà thơ Song Hồ, nhà thơ Tô Hà Vân (tức nhà văn Nguyễn Đình Toàn sau này). .. Nhóm sinh hoạt văn chương ấy hoạt động như những người trẻ yêu văn thơ và đó là thời gian để về sau họ đã thành những cây bút nổi tiếng của hai mươi năm văn học miền Nam.

Di cư vào Nam, ông xuống Bến Tre dạy học ở trường Quang Trung và cuối tuần ông không về Sài Gòn, ở lại trường nên có thời giờ sáng tác. Ông hoàn tất “ Những người áo trắng “ lấy không gian và thời gian của Hà Nội kể lại chuyện của một cô nữ tu trẻ nguyện tận hiến dâng đời cho Thiên Chúa. Một giáo sư cùng dạy học với ông là Trương Cam Vinh đọc và thích thú với tiểu thuyết này và mang về cho nhà văn Nhất Linh đọc và cho ý kiến. Văn hào Nhất Linh rất khen ngợi và khuyến khích ông nên xuất bản thành sách. Thế là năm 1959, nhà văn Nhật Tiến đã in tác phẩm đầu tay “ Những người áo trắng “ và bắt đầu cho một hành trình văn chương kéo dài đến hơn nửa thế kỷ sau...Mà, những tác phẩm tiếp theo là Những Vì Sao Lạc, Tay Ngọc, Chuyện Bé Phượng, Chim Hót Trong Lồng..

Chuyện Bé Phượng là một cảnh sống được thu gọn lại trong một viện mồ côi và tất cả các nhân vật cùng đóng trong một vai trò của một tấm thảm kịch. Ở đó, những trẻ mồ côi được phác họa lại bằng một vài nét nhưng lại biểu trưng được bằng những nét nhân bản. Những nhân vật ấy cũng sinh hoạt như ở ngoài đời thường, cũng có những tật hiềm ganh tị, cũng có những vai đạo đức giả vờ, cũng có những trẻ sớm biết suy nghĩ và có lòng thiện tâm nhưng rất cuộc lại bị những phần thua thiệt. Như bé Phượng, tốt với cả mọi người nhưng lại bị nhiều chuyện rắc rối vì chính lòng tốt ấy. Cái chết của bé Alice, nguyên nhân gián tiếp vì chia ly với người bạn Thu Thu từng giúp đỡ yêu thương mình và là tấn thảm kịch làm những người đa cảm xúc động. Nhân vật cô bé Cúc đi ăn cắp bị mang vào trong cô nhi viện rồi trốn ra ngoài không phải là một cô bé xấu nét hoàn toàn mà vì để chống đỡ lại những ức hiếp của cuộc đời nên có phản ứng như vậy. Những đứa bé mồ côi bất hạnh đâu phải tất cả là những trẻ hư hỏng nhưng nhiều khi vì hoàn cảnh phải tự vệ để sống còn. Đó là một thực tế.

Tôi đọc và nhớ lại cái cảm giác ngày xưa của mình về truyện dài này.

Tôi đã sống ở một xóm bình dân và cũng đã chứng kiến nhiều đứa trẻ sống trong gia đình như địa ngục, cha say sưa, mẹ cờ bạc và chúng lớn lên tự nhiên như cây như cỏ, tiềm nhiễm thói hư tật xấu như là một chuyện tất nhiên và khi lớn lên lại tái diễn lại những thảm kịch mà cha mẹ chúng đã thực hiện. Chuyện trẻ thơ ấy sao buồn quá !Và cuộc đời cứ đầy dẫy những chuyện như thế! Thành ra, xúc cảm, hay nao nao trong lòng thuở đó cũng là chuyện đương nhiên..Bây giờ, đọc lại, dù đã trải qua nhiều chặng thử lửa ở ngoài đời và chứng kiến biết bao nhiêu chuyện thương tâm, nhưng vẫn nao nao khi nghĩ đến những trẻ thơ bất hạnh mà nhà văn Nhật Tiến đã mô tả trong những tác phẩm của ông... Có phải vì những nét riêng của con người muôn thuở lúc nào và bất cứ ở không gian, thời gian nào cũng làm cho mọi người chúng ta phải động tâm?

Chim Hót Trong Lồng cũng là câu chuyện của một cô bé sống trong viện mồ côi nội trú trường Nhà Trắng với các bà sơ chăm sóc và hướng dẫn trong cuộc sống hàng ngày. Những cô bé ngây thơ ấy chưa hiểu được cuộc đời và trong những hoàn cảnh ngặt nghèo thương tâm ấy sự vươn lên khỏi vị trí thấp hèn trong xã hội thật là khó khăn.

Chim Hót Trong Lồng là 14 lá thư của bé Hạnh viết cho mẹ và sau khi người mẹ chết là những dòng nhật ký ghi chép lại nỗi niềm của một người con gửi cho bà mẹ vừa khuất bóng. Những lá thư viết thật thà đến độ nào lòng, hỏi người mẹ những câu hỏi thật ngây thơ nhưng gợi lại thật nhiều buốt xót. Mẹ của Hạnh là một người làm diêm và bị chết vì bệnh hoạn trong nhà thương thí. Trong viện mồ côi, Hạnh như sống ở trong một cái lồng và cuộc đời bên ngoài đối với cô hoàn toàn xa lạ. Câu chuyện thật buồn, người buồn và cảnh thì toàn là mưa gió u ám với những không gian lạnh lùng của tu viện, đầy cánh lá rơi và tiếng chuông buồn thảm. Hạnh gặp gỡ mẹ với cả nỗi buồn rầu và ngay trong đám tang người mẹ cũng đầy những bi thảm tang thương..Có một sự đau đớn nào hơn khi đứa con gái viết thư hỏi mẹ có phải mẹ làm

nghề điểm phải không và sở của mẹ có to không và nhiều người không ? trong tâm hồn ngây thơ của cô bé , làm điểm cũng là một nghề
Và mẹ cô vẫn có một chỗ đáng kính trọng như những bà mẹ khác!

Chuyện Chim Hót Trong Lòng với cách diễn tả tự nhiên như thể đã gây cho độc giả nhiều xúc động. Viết về tuổi thơ không phải chỉ có hai nhà văn Duyên Anh , Nhật Tiến , một viết về tuổi thơ đùa nghịch mộng mơ , và , một viết về những tuổi thơ bất hạnh của những cuộc đời đen tối .Mà còn có Lê văn Trương với “ Anh em thằng Việt” , có Hoàng Ngọc Tuấn với “Học trò” , và có nhiều người khác. Dĩ nhiên mỗi người có văn phong riêng, có ngôn ngữ diễn tả riêng. Do đó, khó lòng mà so sánh người này với người kia.

Riêng trường hợp nhà văn Nhật Tiến thì quả ông là một nhà văn hay viết về tuổi thơ bất hạnh. Ông viết rất cảm động , đầy nét nhân bản và dễ làm người đọc chia sẻ với xúc cảm mà ông đã có từ những trang sách.Tôi đoán có lẽ tuổi thơ của ông chắc cũng có những nỗi niềm riêng nên mới có những tâm tình sâu xa đến như thế.

Mỗi nhân vật tuổi thơ của ông đều có những nét riêng , gần gũi với người đọc và cả đời sống thường nhật hàng ngày nữa . Tác giả như hòa đồng vào trong khí hậu của tiểu thuyết, của chuyện kể nên chất chủ quan cũng ít đi. Và như thế câu chuyện trở thành có hồn hơn và lời cuốn được trí tưởng tượng cũng như niềm cảm xúc.

Hồi trước thời tiền chiến các nhà phê bình văn học thường chỉ trích là các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn khi viết về những người cùng khổ thường đứng ở trên vị trí của một người ở trên cao nhìn xuống thấp. Tới bây giờ cũng có nhiều nhà văn khi tả cảnh thuyền nhân cực khổ nhưng lại đóng vai người quan sát rồi phê phán nên khi mô tả những cảnh đau khổ của con người thì lại thấy ở đó có một chút gì độc ác của những người khi tả bất hạnh của người khác để làm nổi bật lên cái hạnh phúc của mình.

Với nhà văn Nhật Tiến, ông đã đem tấm lòng nhân ái của mình để chia sẻ với những nhân vật những nỗi bất hạnh. Ở đó, là sự xúc cảm thật. Ở đó , là nỗi niềm chung mang thật. Và độc giả đã cảm thấy được điều đó qua văn phong của ông. Chất nhân bản lúc nào cũng đầy ắp trong ngôn ngữ và ý tưởng...

Trong một cuộc phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến đã phát biểu rằng công việc ra một tờ báo dành cho thiếu nhi (trong khoảng từ 10 đến 15, 16 tuổi hay trình độ từ cuối bậc tiểu học đến hết bậc trung học phổ thông) là mơ ước của ông. Nhất là trong hoàn cảnh của đất nước chúng ta khi xã hội có nhiều hiện tượng băng hoại do văn hóa ngoại lai xâm nhập và cũng do ảnh hưởng chiến tranh. Mãi đến năm 1971 ông mới được sự tài trợ của nhà sách Khai Trí và ra mắt tờ tuần báo Thiếu Nhi vào ngày 15 tháng 8 năm 1971 và đều đặn hàng tuần đến ngày 30 tháng tư năm 1975 thì chấm dứt. Ngoài ra ông còn tổ chức nhiều sinh hoạt khác như tổ chức thư viện cho các em mượn sách về nhà đọc, tổ chức các Gia Đình Thiếu Nhi ở các tỉnh và các đô thị lớn có những buổi sinh hoạt tập thể ngoài trời , hay tổ chức các cuộc thi viết văn làm thơ cho thiếu nhi và có giải thưởng khá lớn. Nói chung là phối hợp giữa giải trí và giáo dục để các em có những sinh hoạt vui tươi và bổ ích.

Sau khi vượt biển sống ở hải ngoại, nhà văn Nhật Tiến cũng làm chủ bút tờ Tuổi Hoa của nhà văn Quyên Di một thời gian và lúc nào cũng chú tâm đến lớp tuổi măng non ở hải ngoại...

Trong tác phẩm “Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam”, nhà văn Mai Thảo đã viết “ Nhật Tiến vẫn đứng ở ngoài nắng” Ông nói về những ‘cơn nắng chói chang dữ dằn đỏ lửa’ của dân tộc Việt Nam. Những cái nắng của thế kỷ, bỏng cháy trên vai trần của hàng triệu con

người làm than trên trái đất, của những con người bị mất quyền làm người, nạn nhân của thế lực tiền bạc và thế lực bạo lực. Những cái nắng nhe nhai trên bãi mìn nơi Phan Nhật Nam lê gót tù nhân như đi trên thủy tinh vỡ. Những cái nắng ngùn ngụt ở Gia Trung, nơi những Doãn Quốc Sỹ, những Nguyễn Sĩ Tế, mệt là mồ hôi mang vác những thân cây nặng nề trong thân phận của người tù khổ sai. Và những cái nắng của ngày vượt biên khát đắng và thiêu đốt con người. Hay cái nắng của đảo hoang Ko Kra, nơi những hải tặc hiện hình làm quỷ sứ. Những cơn nắng thiêu cháy con người, những đống lửa hun đốt cõi đời

Và nhà văn Mai Thảo viết : “Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến. Trước cái khuyh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Giữa nắng. Thái độ ấy có thể bị nhìn là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn bóng rợp là một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biển thâm như đứng với quê nhà, với Việt nam”

Có một sự kiện mà có rất nhiều sách vở hoặc tư liệu ghi chép lại. Đó là bài diếu văn nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam mà nhà văn Nhật Tiến đã ứng khẩu khi hạ huyệt.

Nhà văn Nhất Linh là một lãnh tụ đối lập với chính quyền của tổng thống Ngô đình Diệm. Ngày 7 tháng 7 năm 1963 ông bị đưa ra tòa để xử án nhưng ông đã tự quyền sinh để phản kháng và cho rằng đời ông chỉ có lịch sử phán đoán công tội mà thôi và hành động đàn áp đối lập bắt giam những lãnh tụ quốc gia sẽ làm cho mất nước về tay Cộng Sản. Đám tang của ông bị mật vụ bao vây vì chính quyền không muốn bị tai tiếng với dư luận quốc tế nhưng lại có nhiều thanh niên, sinh viên học sinh đến đưa tiễn. Nhà văn Nhật Tiến ở trong phái đoàn của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam với tư cách là phó chủ tịch nên có mặt lúc hạ huyệt và ông đã ứng khẩu bài diếu văn và đọc như là một cách thể phản kháng của người cầm bút trong hoàn cảnh thời thế ấy. Trong khi nhiều lãnh tụ đảng phái bị bắt giữ và các văn nghệ sĩ bị theo dõi thì hành động kể trên phải được coi như một phản ứng can đảm của kẻ sĩ không ngại ngừng trước bạo lực vì có thể bị bắt giam bất cứ lúc nào...

Nhà văn Nhật Tiến là một thành viên nòng cốt của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biên) Boat People (SOS Committee) và đã viết bạch thư để phổ biến trên khắp thế giới thân phận bị đất của thuyền nhân Việt nam vì tệ nạn hải tặc. Những công việc ấy đã có kết quả lớn, làm thế giới hiểu được tệ trạng hải tặc và đánh động được lương tâm của nhân loại để cứu giúp thuyền nhân. Nhà văn Nhật Tiến đã hy sinh công của để đi khắp nơi trên thế giới để xin thế giới hỗ trợ. Có lẽ cái nắng của đảo quỷ Ko Kra vẫn còn rất bỏng đôi vai ông để ông tích cực làm một công việc nặng nề như thế?

Thời gian 1960-1975 là một thời kỳ bất hạnh của dân tộc Việt Nam. Chiến tranh gây ra bao nhiêu là tàn phá và chết chóc. Sống trong những bi thảm ấy, nhà văn Nhật Tiến chắc cũng có những suy tư về cuộc chiến này và có những tác phẩm mà chủ đề về cuộc chiến đã qua.

Ông cũng đã nhìn ngắm cuộc chiến bằng những tác phẩm độc đáo mà tiêu biểu là tiểu thuyết “Giấc ngủ chập chờn” và tập truyện ngắn “Tặng phẩm của dòng sông”.

“Giấc ngủ chập chờn” là tiểu thuyết viết về đời sống của những người ở vùng “xôi đậu” ngày thì quốc gia giữ an ninh nhưng đêm thì du kích Việt Cộng về quấy phá. Câu chuyện nói về thân phận xót xa của những nạn nhân bị đẩy vào một cuộc chém giết mà không một ai muốn. Đối

thủ với nhau , chong họng súng vào nhau mà lại là những đứa bạn thời thơ ấu , là những đứa cùng ngồi với nhau trên băng ghế nhà trường. Họ chém giết lẫn nhau , để càng ngày trên cuộc đời này dần dần vắng đi những khuôn mặt , những con người của một thuở nào thơ ấu ngày xưa. Không có bi thảm nào hơn khi hai anh em ruột mà lại ở hai bên chiến tuyến và đe dọa giết nhau còn hơn quân thù là hai anh em Hoàn và Há, Và, cuộc tình thời chiến cũng là cuộc tình tay ba giữa hai anh em và Thư. Rồi cuộc Hoàn bỏ đi biệt kích Mỹ , còn Thư thì nhìn quang cảnh của một hị xã chiến tranh và đi lên tỉnh để rời xa một nơi mà những tấn thảm kịch đã đổ xuống đầu những người dân quê khổ khổ một cổ hai tròng...

Hình như về sau này khi Việt Cộng đã chiếm được miền Nam thì nhà văn Nhật Tiến đã bị hạch hỏi nhiều về cuốn tiểu thuyết “ Giấc ngủ chập chờn “ này...

Ông có những truyện ngắn như Tặng phẩm của dòng sông , Giọt lệ đen,.. mà chủ đề xoay quanh những thảm cảnh của thời chiến. Truyện Tặng phẩm của dòng sông là chuyện của con bò bị chết trôi theo dòng sông tấp vào chân cầu và bị những người lính xẻ thịt để ăn .. Truyện Giọt Lệ Đen là chuyện của hai anh em mồ côi Tư Híp và Uýt , Tư Híp đến tuổi phải vào lính và phải mang thằng Uýt vào trại và nhờ có Hiên làm trong nhà bếp để săn sóc thằng nhỏ trong khi người anh bận hành quân xa...Những hoàn cảnh dị thường của chiến tranh...

Sáng tác đầu tay của nhà văn Nhật Tiến là một vở kịch vui ông viết khi còn ở tuổi học sinh . Sau này, ông còn viết một kịch bản nào khác là một tiểu thuyết kịch Người Kéo Màn. Tại sao gọi là tiểu thuyết kịch?Đó là một kỹ thuật kịch khá mới đối với nghệ thuật Việt Nam. Ông mang những yếu tố của tiểu thuyết vào kịch, xử dụng phương pháp tả cảnh xen lẫn vào trong phần đối thoại kịch của từng nhân vật và từ đó ở những không gian , thời gian khác nhau để ngắm nhìn sự kiện như một góc độ để nhận định và diễn tả. Người Kéo Màn viết về xã hội và môi trường của những nghệ sĩ mà những nhân vật như ông lão kéo màn , , người nhạc sĩ thổi kèn clarinette, đứa bé, cô gái còn trong trắng,... chỉ là những tượng hình để người kéo màn nói đến cuộc đời với những sự sắp xếp của định mệnh. Từ những góc cạnh nhìn ngắm , cuộc sống trải ra nhiều mặt mà cái giả tạo hào nhoáng bên ngoài đã che lấp đi cái phần chân thực bên trong. Cuộc đời như một vở kịch, với những nét đẹp để hào nhoáng ở ngoài tiền trường sân khấu nhưng ở bên trong lại là những phản diện đen tối đến không ngờ được. Những nhân vật hành xử và đối thoại nhiều khi đối nghịch với nhau và ở trong những chi tiết thực của cuộc sống để tượng hình cái giả của vở kịch. Người viết kịch nhiều lúc muốn là một diễn viên trong vở kịch và thôi thúc người đọc, người xem gia nhập vào vở kịch như đang sống một ngày, một tháng của cuộc sống chính mình đang diễn ra từng giờ từng phút...

Ngày Tiến còn là nhà văn xã hội mà tác phẩm tiêu biểu nhất là Thềm Hoang. Tiểu thuyết này đã đoạt giải văn chương toàn quốc năm 1962.Thềm Hoang là một tiểu thuyết lấy khung cảnh của một xóm lao động nghèo nàn ở ven biên một thành phố . Những nhân vật của truyện này là những người nghèo thất học và ngôn ngữ của họ là sự pha trộn một cách dung tục ngôn ngữ của hai miền Nam Bắc. Cái đặc sắc của tiểu thuyết này là tác giả đã phác họa ra những mẫu nhân vật đặc biệt với cá tính riêng và đầy chất sống động chân thực như cuộc sống lầm than của họ đang diễn ra hàng ngày.

Trong một bài viết đăng trên tạp chí Văn Học , ông có giải thích tại sao lại chọn nhan đề Thềm Hoang. Khởi đầu khi viết, ông chỉ dùng hai chữ đó để ám chỉ một xóm nghèo, mà những túp lều là nơi sinh sống của những người bất hạnh sống bên lề xã hội như những thềm đất hoang sơ bị bỏ rơi quên lãng trong một xã hội xa hoa sung túc. Nhưng , khi kết cuộc cuốn tiểu thuyết này, nhân vật Năm Trà bị phần uất đau đớn đến tột cùng nên đã châm lửa đốt rụi cả xóm Cỏ. Và như thế , cái xóm ấy đã thành một mảnh đất đầy tro bụi của những thềm hoang..

Trong tiểu thuyết ấy, có những nhân vật đặc biệt và những ngôn ngữ đặc biệt. Nhà văn Nhật Tiến đã tạo dựng ra những mẫu nhân vật thật sống động. Họ dùng những ngôn ngữ đời thường, của những người Bắc di cư vào Nam pha trộn với ngôn ngữ địa phương. Như cô Huệ với ngôn ngữ chanh chua của một gái điếm:

”-Mệt không cô Huệ ơi?

Vẫn cái tiếng chanh chua của Huệ:

- Mệt cái phải gió, Cha tổ bố, ít tiền mà cứ muốn của đẹp!”

Hay: Lão Hói với những câu thơ mà ông ta chiêm nghiệm như một thuyết lý của định mệnh; tất cả đều có ông trời hết:

*Ngọc xuất thiên cung thủ quả châu
Hoàng thiên thương mến quả địa cầu.
Giáng tạo thay đời không tranh đấu
Thế giới thanh bình khỏi thuế sâu..*

“Lão Hói rúc lên cười, hai hàm răng của lão nhô ra, hở hết cả lợi:

- Ông trời chớ ai! Ông trời chớ ai!

- Vậy ai sinh ra ông trời kia chớ?

- Yù trời đất ơi! Đã là ông trời thì ai sinh được ông nữa cơ chớ. Ông là nhứt hết thầy mà..

Huệ phản đối lão bằng cách lấy chân đá một viên sỏi nhỏ về phía lão rồi bỏ đi. Mùi nước hoa thoang thoang trong gió mát làm mũi lão héch lên. Lão lim dim nhìn cái mông của nàng ngúng nguẩy theo nhịp bước. Lão nhớ đến câu hát của bác Tấn vẫn thường gảy đàn, giọng vọng ra:

- Cô Huệ ơi

Nếu cô lấy tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng
Tôi mua ô tô cho cô ngự, mua váy đầm cho cô thay..”

Rồi những nhân vật khác: Hai Hào, Đào, Phó Ngữ, bác Nhan, vợ chồng Năm Trà, Cái Hòn, Thăng Ích, U Tám, ... tất cả những nhân vật ấy sinh hoạt, chửi rủa nhau, giúp đỡ nhau, và cùng chia sẻ với nhau những mảnh đời sống của một xóm nghèo bình dân..

Bà Thụy Khuê nhận xét rằng Thềm Hoang là một tác phẩm không viết về chiến tranh nhưng chống chiến tranh và là một tác phẩm có ý hướng hòa giải hòa hợp dân tộc. Có người đã hỏi tôi có suy nghĩ nào về nahn xét này...

Tôi đọc Thềm Hoang từ lúc còn đi học và lúc này thì chiến tranh chưa bùng nổ lớn và những cái gọi là hòa giải hòa hợp dân tộc còn xa lạ. Thành ra, tôi rất ngạc nhiên khi đọc những nhận xét của bà Thụy Khuê mà có người thắc mắc ở trên. Tôi nghĩ đó có thể là một cách suy nghĩ đi quá xa trong hoàn cảnh nhà văn Nhật Tiến sáng tác lúc đó. Thời gian mà nhà văn Nhật Tiến viết Thềm Hoang là thời kỳ đệ nhất Công Hòa của chính phủ tổng thống Ngô Đình Diệm. Lúc này cả một triệu người miền Bắc di cư vào miền Nam và đang tạo dựng lại đời sống. Thành ra, ngôn ngữ của những nhân vật Xóm Cỏ pha âm hưởng của nhiều địa phương và có

nhiều ngôn ngữ dung tục nhưng được tác giả xử dụng rất tự nhiên nên có sức sống động và lôi cuốn . Như “nói như bố chó xồm” của bác Tôn , như “khí gió ùng lặn chửa “ của Huệ, như “chế nhạo cái gì , chế cái nỡ đit” của Hai Hào. .

Nếu phát biểu một cách rồ ráo thì, với Thềm Hoang, tôi nghĩ đó là một tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nhật Tiến . Có thể, trong truyện có nhiều hư cấu nhưng với tôi lại có chất tả thực nhiều hơn. Viết về một xã hội bất hạnh như thế, phải là người đã sống và đã có những cảm giác chân thực của người đã trải qua. Tôi cũng có lúc ở một xóm lao động như xóm Cỏ nên khi đọc những trang sách thường hay hồi tưởng về những tháng ngày cũ. Ở đó , người dân sống tạm bợ qua ngày , và có lúc dù xích mích nhau hay chửi bới nhau nhưng vẫn đậm đà tình hàng xóm láng giềng , chia sẻ với nhau những niềm bất hạnh chung . Họ không có sự cư xử của những người đạo đức giả , mà ở họ là chân thực một tình người không đảibo không giả dối và sẵn sàng đùm bọc nhau khi hoạn nạn...

Nhà văn Nhật Tiến làm việc một cách cẩn trọng và rất cố công để tạo ra những mẫu nhân vật độc đáo , có nét chân thực của đời thường nhưng lại biểu hiện được những cá tính của một thời đại họ đang sống. Ông có lần đã viết về cách tạo dựng nhân vật của mình : “.. Tôi đã bỏ ra nhiều ngày để nghiền ngẫm về từng nhân vật trong tác phẩm của mình. Để cho lẽ lối làm việc có vẻ khoa học hơn tôi đã làm những tấm phiếu trên từng tấm bìa nhỏ. Mỗi tấm có đề tên một nhân vật và trong đó tôi đã ghi chép tất cả mọi đặc tính về hình hài, mọi cá tính, thói quen về tâm lý hay tình cảm và hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh xã hội mà tôi muốn diễn tả. Nhờ những tấm phiếu ghi chép này mà hình ảnh mỗi nhân vật hiện ra rõ nét hơn trong thế giới tưởng tượng của tôi và nó đã giúp tôi diễn tả một cách rõ ràng mỗi khi ngồi trước trang giấy. Trong quá trình sáng tác tôi luôn luôn tự hỏi điều gì làm cho nhân vật của mình không lẫn lộn với đám đông bình thường và có tính cách nổi bật riêng biệt. Theo tôi đó là sự chú trọng diễn tả thói quen cổ hủ của mỗi người, ngôn ngữ đặc trưng mà mỗi nhân vật hay xử dụng và dĩ nhiên mỗi nhân vật phải có một nội tâm riêng biệt do hoàn cảnh xã hội và môi trường chung quanh mà tác phẩm dựng lên..”ø

Sau năm 1975, ông ở lại Sài Gòn tới năm 1980 thì vượt biển và định cư ở Hoa Kỳ. Ông cùng với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy” Hải tặc trong Vịnh Thái lan”, lật trần thảm trạng của thuyền nhân và lên tiếng với công đồng quốc tế để can thiệp cho những người tị nạn bất hạnh. Ông tích cực hoạt động trong Ủy ban Cứu Nguy Giúp Người Vượt Biển và sau đó mới có các tàu đi vớt thuyền nhân ở Biển Đông và các nước trong thế giới tự do cho phép những người tị nạn định cư ở đất nước thứ ba.

Sáng tác của ông trong thời kỳ này là các tập truyện ngắn :Tiếng Kèn, Một Thời Đã Qua, Cánh Cửa và truyện dài Mồ Hôi Cửa Đá.

Chủ đích sáng tác của ông trong thời kỳ này là phản ánh thực trạng của xã hội Việt nam, và đưa một cái nhìn mới về cuộc chiến tranh đã qua cũng như hướng nhìn mới để vượt qua những chiến tuyến ngăn trở dân tộc trên con đường đoàn kết để xây dựng đất nước. Chính vì chủ trương này mà có sự ngộ nhận và phê phán cho rằng ông thiên tả và kết tội ông đã quên đi cương vị của một nhà văn lưu vong..

Truyện dài Mồ Hôi Cửa Đá nội dung ra sao mà gây ra sự tranh luận như vậy? Ở vị trí của một người đọc tôi có nhận xét như thế nào về tác phẩm này? Truyện dài này là câu chuyện xảy ra ở một nhà in và thời gian là sau ngày mà Cộng Sản chiếm đóng miền Nam. Đó là lúc mà chế độ mới tiếp thu các cơ sở sản xuất mà cả hai bên những người cai trị và những người bị trị phải sống chung với nhau với những va chạm về ý thức hệ hoặc về những nguyên tắc làm việc. Nguyệt , một công nhân trẻ , tin theo lý tưởng là mình sẽ góp sức để tạo thành một điều

gì tốt đẹp , được đề cử làm bí thư chi đoàn thanh niên của xí nghiệp in và rất hăng hái làm việc trong trách vụ này. Nhưng thực tế không như cô nghĩ nên trở thành người thất vọng ê chề. Hoàng , một nhà văn từ miền Bắc vào, qua những kinh nghiệm sống của đời mình đã cho rằng chế độ này là một chế độ tồi tệ hơn cả chế độ phong kiến thực dân thời xưa nữa. Toàn , người yêu của Nguyệt , không đồng ý với công việc của Nguyệt mà anh cho là của người theo gió trở cò, nhưng lại tin vào những người đã thực 1tỉnh trước thực tế như Hoàng, hay như Năm Tỏa, một cán bộ có suy xét phán đoán , sẽ làm thành những mầm mống lạc quan . Nguyệt sẽ là người đi theo con đường mới để thay đổi nhận thức của mỗi người. Cũng như Hoàng và Toàn cũng bắt đầu khởi đi công cuộc vận động về văn hóa với nhóm văn nghệ Chân Đất song hành với Nguyệt ..

Nhà văn Nhật Tiến cho rằng trong hoàn cảnh hiện tại, phải có nhận thức mới, mà những kẻ ở bên này hoặc bên kia giới tuyến nếu bị đàn áp thì cũng sẽ chọn chung một thế đứng đấu tranh chống lại những kẻ áp bức. Và, bất cứ lúc nào, sự bất công cũng như những hành động không nhân bản cũng là mục đích để đấu tranh xóa bỏ của dân tộc Việt Nam...

Có một truyện ngắn khác cũng bị phê phán là thiên Cọng là truyện ngắn Gặp Gỡ Ngày Cuối Năm, kể lại người anh là đại tá Việt Công đến thăm người em là tù cải tạo nhưng người em từ chối không gặp. Đó là một bi thảm của một cuộc chiến mà anh em ruột thịt đứng hai bên chiến tuyến ghim súng bắn vào nhau. Đến khi chiến tranh chấm dứt, vẫn còn nguyên giới tuyến...

Từ Nhật Tiến của lòng nhân ái đối với tuổi thơ bất hạnh đến Nhật Tiến luôn đòi hỏi công bằng cho những người bị đàn áp, và Nhật Tiến của những nhận thức trung thực nhìn về tương lai dân tộc, hình như tôi thấy có nhiều điểm đồng nhất giữa tác giả và tác phẩm

Ở trong bất cứ tác phẩm nào của ông , từ bất cứ thời kỳ nào , tôi vẫn thấy rõ ràng một con người Nhật Tiến . Đó là con người của hướng đạo, của sự ngay thẳng , của lòng nhân ái luôn đứng về phía của những người yếu thế trong xã hội. Không phải là thái độ cưỡi ngựa xem hoa , coi đầu khổ của người khác để làm vui cho chính mình , mà là thái độ của người “ Đứng ngoài nắng “như nhà văn Mai Thảo nhận xét.

Có lúc tôi thấy nhà văn Nhật Tiến nhiều khi đã quá coi trọng văn chương và vai trò của kẻ sĩ. Mà thực tế , trong một xã hội chiến tranh đầy biến cố , thì lại là một vấn đề khác , khi lý tưởng luôn luôn ở ngoài tầm tay?

Chính nhà văn Nhật Tiến cũng cho rằng khi ông kết cuộc tiểu thuyết Thềm Hoang thì có nhiều người phê bình cho rằng hành động thiêu rụi cả xóm Cỏ của nhân vật Năm Trà là cách giải quyết vấn đề quá dễ dãi và đầy tính tiêu cực. Và ông đã nhận rằng có lúc ông thấy sự nhỏ nhoi và yếu đuối của ngọn bút .

Nhưng không phải giản dị như vậy , trong thâm tâm ông vẫn tin tưởng vào tác dụng của văn học và giá trị trường cửu của nó. Bằng cây bút , ông tranh đấu cho những mục tiêu mà ông tin tưởng . Luôn luôn trung thực và tin vào lẽ phải của cuộc đời , của giá trị của con người dù ở bất cứ hoàn cảnh nào...

Ở vai trò của một độc giả, tôi thấy nhưng tác phẩm của ông có ngôn ngữ trong sáng và bố cục giản dị. Có người nói ông chịu ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến nhưng riêng tôi , lại nghĩ rằng những vấn đề mà ông nêu ra trong tác phẩm của mình gần gũi với đời sống và có sự giản dị tự nhiên của cuộc sống hàng ngày. Ông không cố công xử dụng một kỹ thuật nào khi cầm bút , mà chỉ đem tấm lòng cùng sự trung thực của mình để làm cho độc giả cùng chia sẻ. Chính thái độ tin tưởng vào con người và những giá trị nhân bản mà ở bất cứ chủ đề

nào, có nhiều hay ít sự nhám nhúa đen tối của sự thực, sau cùng vẫn là sự hướng thượng và nhìn vào tương lai.

Ngoài ra, ở đời thường, tôi nhìn ông như một người anh văn chương có nhân cách và lý tưởng. Có một thời gian, khi mới bắt đầu tập tành chữ nghĩa, tôi đã có những cuộc họp mặt hàng tháng ở nhà của anh để cùng với những người anh, người bạn tin tưởng rằng khi ra sống ở nước ngoài là phải mang tâm tình của những người còn ở lại, nói ra những ước muốn và giải bày những tâm tư thời đại của một giai đoạn vô cùng tẻ nhạt của lịch sử chúng ta. Không biết có phải đó là một động lực để tôi còn cầm bút đến tận bây giờ không?

Một vạt nắng xuân trên hè phố

Con bé ì ạch đạp. Máy chông báo tuy không nặng lắm nhưng cũng đủ làm cho cả người của nó vẹo đi mỗi lần nó mồm môi lấy gân sức. Chỉ còn mấy quãng phố nữa thì tới nơi trả báo ế, lấy báo mới, nhưng mà sao kia, cái xe cứ mỗi lúc một nặng hơn. Một tay nào đó phóng hon-da chọt xẹt qua người nó như một lần chớp và ném lại phía sau cho nó một câu gọn ghẽ:

- Xẹp lốp rồi!

Nó thốt ngừng ngay lại và lái cái xe chúi mũi vào vỉa hè. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả cái bánh sau của nó bẹp dí không còn lấy một chút hơi. Nó ngờ ngẩn xòe bàn tay nhỏ xíu ra vuốt lên vành bánh, và nó chọt phát giác ra một điều đáng nguyên rủa: Cái xe bị cán đinh! Vào đúng cái lúc nó nhón nhác nhìn dọc theo hè đường để tìm xem kẻ nào đã làm cái việc thất nhân ác đức đó, thì một thằng nhỏ đứng ở một gốc cây đang nhìn nó và nhoẻn miệng cười:

- Lại đây vá cho. Lấy rẻ!

Con bé gân mặt lên:

- Rẻ mắc gì! Phải anh rải đinh từ mé đường kia lại, có phải không?

Thằng nhỏ, áng chừng hơn nó vài tuổi, cũng vênh mặt lên:

- Này đừng có mà ăn nói bậm chợn. Tao rải đinh hồi nào. Cái xe của mày cũ mềm thì có.

Con bé nhìn thằng nhỏ một cách kỹ càng hơn. Tóc bờm sòm, da đen đúa, mặt mũi vêu vao, chỉ được có mỗi một vẻ là khi cười, nó phô ra hai hàm răng trắng nhớn. Thấy con bé không nói gì, thằng nhỏ giọng sốt sắng hơn:

- Người ta hai ngàn, tớ lấy một ngàn thôi! Sáng mở hàng lấy hên.

Con bé vùng vằng:

- Tiền đâu mà sẵn thế. Không đừng làm xẹp bánh xe người ta rồi đòi tiền.

- Mày thử đi khắp cái phố Sè Gòn này coi, có ai chịu vá xe một ngàn không. Cái ngữ xẹp kiêu đó bỏ rẻ cũng phải ba lố vá.

Con bé không thèm đáp lại nữa. Nó hằm hằm dắt cái xe đi ngang qua mặt thằng nhỏ. Cũng

không thèm nhìn nữa. Nó đã có chủ đích rồi. Ráng dắt xe cuốc bộ vài quăng, về tới nhà thì ba của nó cũng có đủ đồ nghề làm chuyện đó. Hơi sức đâu mà thí cho quân ác ôn đến ngàn bạc. Thế là con bé ráng đẩy cái xe đi. Người nó ốm nhách, giò căng khăng khiu, so cái xe với chồng báo tú hụ, nó cứ như một con nhái bén đang hí hục xoay vần. Được một quăng xa, nó đã thấy mệt bờ hơi tai. Mồ hôi rịn ra ở những chân tóc, nhều xuống trán và nhỏ xuống hai bờ mi. Con bé phải dừng lại để vén vạt áo lên chùi. Bỗng có tiếng la bãi hải phía đằng sau, cùng một lúc có tiếng xe hon-da trờ tới. Nó nhận ra ngay bác hàng xóm nhà mình.

- Chèn ơi, giờ này mà mày còn lang thang ở đây làm tao kiếm hụt hơi. Có về ngay không, má mày té xẩy thai, đang nằm liệt kia...

Con bé run rẩy:

- Nằm ở đâu?

- Nhà mụ Xoài mé bên đó! Tới mau đi...

Vừa nói hết câu là người hàng xóm đã lại vụt lao đi, nhanh như một cú điện xẹt. Con bé chẳng buồn nhìn theo vì trong đầu của nó đang bận rộn tính toán. Tiếp tục đẩy cái xe trở về hay là quay lại vá cái bánh xe. Nghĩ đến mẹ nó đang nằm ở một chỗ, chắc đang cần tới nó để bảo ban công việc, ruột nó bỗng nóng sôi lên và nó hồi hải quay lại chỗ thẳng nhỏ vừa nãy. Nhìn thấy nó, thẳng nhỏ lại nhăn ra cười, ời, dưới ánh nắng bình minh, sao mà hàm răng của nó nom trắng nõn như răng bò đến thế. Con bé hậm hực:

- Một ngàn đấy, vá đi.

Thằng nhỏ hỏi móc:

- Sao tính không vá, bây giờ lại vá.

Con bé nguyệt nó một cái thật dài:

- Thế đấy. Nấy không thích, bây giờ thích. Có sao không?

Ồi da, cái con nhỏ sao mà chanh chua. Nhưng phải thế mới được. Sống ở giữa đám người lam lũ, rách rưới đồng nghìn nghịt như kiến cỏ trong cái thành phố này, không cứng cựa làm sao yên. Thằng nhỏ nghĩ thế nên nhìn con bé một cách cảm tình rồi xăng xái bày đồ ra vá cái vỏ xe. Trong lúc làm việc, nó tỉ tê:

- Này! Cái vỏ đã bốn miếng vá rồi. Liệu mà thay đi.

- Nói dễ nghe nhỉ! Bộ giàu lắm sao mà muốn thay là thay.

- Giàu nghèo gì cái xăm xe. Phải chi như mấy ông, đổi xe hơi đời này sang đời khác, mô đen này qua mô đen khác thì mới nói chứ.

- Ời! Nói chuyện như thế mà đòi nói. Mà điều mấy ông giàu, thay cái xe còn dễ hơn mình vá cái lốp kia. Đúng không?

Thằng nhỏ nhìn con bé, bỗng cảm thấy cảm tình hơn. Nhãi con bằng từng nấy sao mà suy nghĩ đã khôn lanh quá trời. Nó bỗng cười toe toét:

- Mà nói đúng đó. Thiên hạ tiền muôn, bạc triệu, thay có cái xe thì nhằm nhò gì. Nhưng mà về phần mày, nom đâu đã đến nỗi mà vá có cái xăm xe cũng phải cò cưa.

Con bé dẩu mồm lên:

- Không cò cưa thì có đói nhăn răng ra. Sáng nay, má xẩy thai, nằm một chỗ rồi.

Thằng nhỏ kêu lên:

- Ý cha! Chuyện thật hay rờn đó mậy?

Con nhỏ tóc vạt áo lên lau thêm mấy giọt mồ hôi đọng trên trán. Rồi nó thở dài, giọng than vãn:

- Má sắp tới cữ rồi mà vẫn còn đi vác gạch, tui nói không nghe.

- Mà nói sao?

- Tui nói má ơi, nghỉ đi. Má làm nữa, vác nặng, em bé trong bụng nó chịu hông nổi đâu.

- Cái đó thì má mày cũng biết rồi.

Con bé trợn mắt:

- Biết rồi thì cũng phải nói chứ. Mà nói riết thì cũng vậy thôi. Có dư được đồng nào, ba moi bằng hết mang đi uống rượu với đánh bạc cha nó hết.

Thằng bé xuýt xoa:

- Ui chóa, cái thằng cha bắt nhân.

Con bé chọt sừng cò lên:

- Này, đừng có kiếm cớ mạt sát cha tui nhé. Bề gì thì ông cũng là ông.

Thằng nhỏ vội vã xua tay:

- Đâu có.... đâu có... Tớ nói vậy thôi, chứ ba của đảng ấy, tớ đâu dám!

Con bé ngồi im không nói gì thêm nữa. Nó cũng chẳng nhìn xem thằng nhỏ đã loay hoay những gì với cái xe của nó. Chừng mười lăm phút sau, thằng nhỏ cất tiếng:

- Rồi! Bi giờ thì có đạp lên cung trăng cũng chẳng hề hấn gì.

Con bé phui đít, đứng dậy. Nó toan móc túi lấy tiền trả thì thằng nhỏ đã xua tay:

- Tiền nong gì! Cát đi!

- Ô hay, sao lại không lấy?

- Không lấy vì tao thích không lấy. Có sao không?

- Chả sao hết. Không lấy thì đây cám ơn.

- Ơn huệ gì. Lần sau mà mày còn vắc xác tới, tao tính tiền gấp ba. Hôm nay hãy để đó.

Con bé nhoèn miệng cười:

- Ui cha, anh lại định dở trò rài đinh nữa ra với tôi phải không? É! Bữa nay thì êm đó, chớ lần sau thì tôi đi thưa.

Thằng bé nhăn ra cười:

- Ủa, thưa đi. Mà thưa tao, tao thưa lại.

- Tôi làm gì mà anh thưa?

- Thưa mày không lo cho má, để má vắc nặng tới xảy thai. Ôi chà! Từ một gông đó nghe "em" !

Con bé nguẩy người, lườm thằng nhỏ một cái thật dài rồi dắt xe xuống đường. Lúc nó đạp được vài vòng thì thằng nhỏ đã nói với theo:

- Tao mới ráp thêm hai cái má thắng đó. Ôi da, xe cộ gì mà thắng không có, chạy loăng quăng có ngày mất mạng như chơi!

Con bé ngó xuống mé bánh sau. Quả nhiên nó nhìn thấy cái má thắng mòn vẹt gần hết nay đã được thay bằng hai miếng cao su dây dạn và trắng phau. Nó thử thắng cái xe lại. Ôi chao, vừa mới nhấp một tí mà cái xe đã giật đứng ngay lại, chả bù cho lúc trước, vừa phải ghì cái xe, vừa phải lết cả hai bàn chân xuống mặt đường mỗi khi cần ngừng gấp. Nó ngoái đầu nhìn lại chỗ sửa xe. Thằng nhỏ vẫn còn đứng đó nhìn theo. Hình như nó đang nhe răng ra cười. Hai hàm răng, nhìn từ xa mà vẫn thấy trắng nhợt. Sao mà lại có người có cái cười ngạo nghệ đến thế!

Hai hôm sau, vào đúng chiều hai mươi tám tết, con bé đạp xe trở lại hè đường cũ. Hôm nay cái xe của nó nhẹ tênh vì chẳng có chông báo nào đeo sau lưng của nó. Chỉ có gói giấy dầu nhỏ xíu, bên trong có một cái bánh bao còn nóng hổi. Con bé ngơ ngáo nhìn hết góc cây này tới góc cây khác. Chẳng thấy thằng nhỏ đâu. Bên đồng đồ nghề sửa xe, chỉ có một ông già đang ngồi chúi mũi vào tờ giấy dò vé số. Nó cất tiếng hỏi:

- Ông ơi, cái anh.... cái anh sửa xe mọi khi ở đây đâu rồi?

Ông già ngẩng đầu lên, bộ râu lờm chờm như cổ đờ lấy cái gọng kính đòi mời cũ kỹ :

- A! Thằng Tín. Cháu cần hỏi gì nó.

Con bé tự nhiên nóng cả mặt. Chân tay của nó luống cuống hẳn ra. Nó ấp úng:

- Cháu.... cháu tìm anh ấy.

- Hôm nay nó không ra. Có chuyện gì thế?

- Dạ.... cháu.... cháu.... mua cho anh cái bánh bao.

- Ý chà! Sao mà sang thế!

Con bé càng quí hơn. Hai bên má của nó nóng rực và hồng lên trong sáng sớm:

- Dạ.... Tại vì.... tại vì bữa nọ ảnh sửa xe cho cháu.... tốt quá!

Ông già vui vẻ:

- Thế hử. Cái thằng nom thế mà tay nghề nó cũng vững lắm. Bánh bao hả? Cứ để đây, chốc về, ông mang về cho nó.

Con bé bẽn lễn nhìn ông già:

- Ông là ông của anh Tín hả.

- Ủ! Ông ngoại! Bố nó chết rồi. Mẹ nó đi lấy chồng. Nó về ở với ông. Chỉ có mỗi nó thôi.

Con bé trao gói bánh cho ông già rồi rồi vội vã đạp xe mất hút trong lòng thành phố. Tim nó đập thình thịch. Nó thấy mình sao mà liều lĩnh quá. Không dừng lại đi trao bánh cho ông già. Phải chi chờ thằng Tín ra thì sự việc có vẻ suông sẻ hơn. Bên sửa xe, bên cho bánh, có cái gì là không nên không phải đâu. Không biết lúc thằng Tín nhận gói bánh thì sẽ nghĩ sao. Nó lại cũng tiếc là không nán lại chút xíu nữa để hỏi thêm về Tín. Nhà ở đâu? Có đi học trường nào không? Lớp mấy? Nhưng mà thôi, trao được cái bánh là đủ rồi. Mai mốt sẽ còn có dịp đạp xe qua mà. Rồi nó lại lan man nghĩ đến cái bánh bao còn nóng hổi. Tối hôm qua nó đã ngồi lột củ cải cho bà Huân mãi đến tận hai giờ sáng. Hàng tết đồ về, ngoài linh tinh mọi thứ, nhà bà Hưng còn tràn ngập những củ cải trắng cái nào cái đó to bằng bắp tay. Từ phòng trong, ra nhà ngoài, tràn xuống cái sân con rồi tuôn ra cả cái con hẻm còn lép nhép nước mưa, toàn là những củ cải chồ thì trắng phau, chồ thì nhoe nhoét đất với bùn. Bà Huy đã huy động mấy đứa con, lớn thì mười sáu mười bảy, bé thì lên tám, lên chín, tất cả xúm vào, mỗi đứa một con dao sắc lẹm, chém, vạt, xả, cắt.... làm túi bụi mà vẫn không xuể. Những đống củ cải đã làm xong được thồn vào những cái bao tải chất cao như núi trong nhà. Ấy vậy mà khắp mọi chỗ, từ trong nhà ra ngoài ngõ vẫn bệ bộn vương vãi từ củ đến lá, từ vỏ đến ruột, tất cả nom cứ như một bãi xây cát ngổ ngang, chông chát những vật liệu. Đến nỗi ông Tổ trưởng dân phố cứ soạch một cái lại thò đầu ở bên kia ràng rào ra đe:

- Quá lắm rồi đó chị Hưng ơi! Chị bày ra kiểu này... chết bà con, rồi chết tới tui luôn.

Bà Hưng xoắn xuýt:

- Hết rồi.... Hàng về hết rồi. Chỉ loáng cái là xong thôi.

Rồi bà nháy mắt cho thằng con lớn. Nó biết ý, ngưng tay dao, lại tú bán thuốc lá của con em nhón ra một gói ba số rồi lên ra ngoài. Một lát sau quay về cười tủm tỉm. Bà Hưng thấy thế cũng tủm tỉm cười theo. Rồi bà lại cho đi gọi con bé hàng xóm sang phụ, thế là nó có thêm việc từ tối tới quá nửa khuya. Xong xuôi nó được rúi vào tay những mười nghìn. Thế là nó nghĩ ngay tới cái bánh bao thơm phức nằm trong cái nồi hơi bốc nghi ngút khói của ông già vẫn ngồi bán ở đầu ngõ. Tín vá xăm xe, lại tự ý sửa hai cái má phanh cho nó, cả đời nó chưa bao giờ được hưởng cái sự mình không nói ra mà lại có người tự ý làm cho mình. Chính cái đó làm cho nó thấy bút rút, người cứ nao lên mà chẳng biết vì cái gì.

Sáng hôm sau, theo thông lệ, nó chở báo đến nhà phát hành để đổi báo cũ, lấy báo mới thì đã

thấy thằng Tín ngồi chồm hồm ở vỉa hè, ngay chỗ mọi người đang kiểm báo. Nó thấy choáng cả người và thốt lên:

- Úi chao ơi....

Tín nom thấy nó thì đứng phắt dậy và nhe răng ra cười. Hai đứa nhìn nhau mãi mà không đứa nào lên tiếng. Rút cục, con bé phải lên tiếng hỏi, giọng như người hết hơi:

- Kiểm ai vậy!

- Còn phải hỏi. Đang sùng lắm đây.

Con bé mở to mắt lên nhìn. Mặt nó hơi thoáng một vẻ sợ hãi khiến cho thằng Tín phải nhón thêm một nụ cười nữa như để trấn an, rồi cố lấy giọng dịu dàng:

- Đã không có tiền, sao còn đi mua bánh bao!

Mặt con bé chột đỏ bừng lên. Nó thấy nóng ran cả người từ chân ngọn tóc cho đến các đầu ngón chân. Nó ấp úng:

- Ở.... tại hôm qua làm thêm được mớ củ cải.

Tín xắn lại gằn nó, giơ cả bàn tay nhem nước vì dầu mỡ lên rồi dần giọng:

- Lần sau thì đừng, nghe không. Xắt mớ củ cải thì được bao nhiêu. Má hôm nay sao rồi.

- Má xẩy xong rồi, cái nhau là con trai.

Rồi nó bùi ngùi:

- Tiếc quá.... tui đang mong có em trai. Nhưng cũng đỡ, nhà nghèo quá, có thêm thì chỉ khổ cả nó lẫn má thôi.

Tín cầm tay nó lên, cũng cất giọng bùi ngùi:

- Thôi quên chuyện đó đi. Đời còn dài. Chẳng có ai khổ mãi suốt đời đâu.

Tự nhiên con bé ứa nước mắt. Nó cũng không rõ tại sao mình lại khóc dễ dàng thế. Mấy hôm trước, chính tay nó bưng cái hũ thai xẩy của mẹ nó ra góc nghĩa địa vùi xuống mà nó có khóc đâu, mặc dù nó cũng đã lâm râm khấn:

- Em ơi. Em tìm nhà khác mà đầu thai. Mẹ với chị quần quật lắm cũng không đủ nuôi cho em sung sướng đâu.

Thế mà bây giờ nó lại khóc. Những giọt lệ long lanh trong khóe mắt rồi lăn dài xuống hai má. Tín thấy thế cũng cuống quýt cả lên. Nó muốn lau mặt cho con bé mà chân tay cứ què quào, không thực hiện được. Cuối cùng nó kêu to:

- Thôi, gửi cái xe lại rồi lên đây.

Con bé ngỡ ngác nhìn. Rồi nó hỏi:

- Đi đâu?

Tín nhớn miệng cười. Nó lấy lại được sự thoải mái bình thường sau câu hỏi đó. Nó cất giọng rõ ràng:

- Đi chợ Tết!

Mặt con bé thoáng lên một niềm vui hồn nhiên như thể ngày xưa còn bé, hồi bà ngoại nó còn, bà hứa cho nó một cái kẹo chanh. Hai má của nó chột hồng lên, đôi mắt long lanh như vừa có một vạt nắng xuân le lói chiếu vào. Nhưng nó vẫn hỏi:

- Mà đi chợ tết thì mua gì cơ chứ?

Tín nói như ra lệnh:

- Mua cho đằng ấy cái lược!

Con bé dấy nẩy lên:

- Ui! Em thì cần gì lược.

- Nói không cần lược nên cái đầu mới xù lên như cái tổ quạ thế này. Năm mới, phải chải cái đầu cho bánh thì mới ra dáng con người mà ăn tết chứ.

Con bé ngúng nguẩy:

- Không đi đâu, cũng chẳng mua bán cái gì hết.

Tín giờ giọng ngang tàng:

- Không đi thì đây bé lên mà đi, ráng chịu.

Vừa nói nó lại vừa xắn tóc. Cái thằng sao mà ngang tàng, coi trời bằng vung đến thế. Nhưng con bé lại không lấy thế làm bực mình. Nó chỉ cuống quýt lên và la bãi hải:

- Đi... Ừ..... đi thì đi.... Mà hợm để gửi xe cái đã.

Vừa nói, con bé vừa chen vào đám đông lúc ấy đang nhốn nháo với những chồng báo cao ngất ngều. Chợt Tín gọi giật lại:

- Ê.... này..... ấy ơi....

Nó chưa biết tên con bé là gì nên giọng rõ ra vẻ lúng túng. Từ bữa hôm tới giờ, nó cứ suốt xoa là quên mất không hỏi con bé tên gì. Cái sự lúng túng này cứ đeo đẳng trong đầu nó mãi, ngay cả khi hai đứa đã len lỏi vào rừng người đông nghẹt trong chợ Tết. Nhưng cuối cùng thì nó cũng chột vung lên nói:

- Này.... gì ấy nhỉ ?

- Gì là gì?

- Tên ấy! Phải có tên mà gọi chứ!

- Em biết tên của anh rồi, anh Tín!

- Thế còn.....

Nó chợt ngừng lại. Miệng tắc tị. Nó thấy rõ là chẳng có khi nào mình phát ngôn lại khó khăn như lúc này. May quá, con bé thông minh, đã trả lời ngay:

- Còn em ấy à? Gọi em là Hoa.

- Hoa gì?

Con bé nhìn Tín, hai mắt long lanh, giọng tinh nghịch:

- Anh thích hoa gì?

- Hoa mai. Ở làng anh, mỗi lần giáp tết, hoa mai nở rộ cả một vùng.

Hoa mỉm cười:

- Vậy em cũng thích hoa mai. Chừng nào hết nghèo, được về quê ăn Tết, em sẽ trưng hoa mai khắp trong nhà.

Tín nắm ngay lấy bàn tay xinh xắn của nó rồi lôi đi:

- Nghèo giàu gì! Mình sẽ đi mua cả cái lược và một cành mai!

Thế rồi cả hai cùng mất biến trong đám người lố nhố, cũng đang ồn ào chen chúc nhau để mua sắm Tết.

Độc "Nhà Giáo một thời nhếch nhác" của nhà văn Nhật Tiến Nguyễn Mạnh Trinh

Nhà văn vẫn đứng ngoài nắng. Nhà văn Mai Thảo đã nhận định về một chân dung đã có tới hơn 60 năm cầm bút là nhà văn Nhật Tiến như vậy. Trước năm 1975, ông là một khuôn mặt văn học tiêu biểu của 20 năm văn học miền Nam và đã đoạt giải thưởng văn chương toàn quốc năm 1961. Ông là nhà văn của tuổi thơ, của những bức xúc về một cuộc chiến tranh và là một người lưu lạc suy ngẫm về thân phận của mình và của chung một thế hệ phải trải qua những ngày chiến tranh và những ngày hậu chiến tranh mà những bi thảm, những bất toàn của xã hội lại còn đáng sợ hơn thời còn khói lửa. Ông viết với tâm cảm mà những ý nghĩ trung thực được biểu lộ không e ngại và là tiếng nói được lắng nghe từ công luận. Sau năm 1975, ông lại là chứng nhân của những cuộc đổi thay nghiệt ngã và văn chương ông ghi chép lại những thực tế đáng buồn của một thời đại đảo điên bi thảm của dân tộc Việt Nam.

Có rất nhiều chân dung nhà văn Nhật Tiến: nhà văn của tuổi thơ bất hạnh, nhà văn của hiện thực xã hội, nhà văn của lưu lạc xứ người...Mà mẫu chân dung nào cũng đều có nhiều cá tính văn chương và trong mỗi dòng chữ, mỗi ý tưởng đều có những thông điệp trao gửi theo.. Trong con người của nhà văn Nhật Tiến, cá tính của hướng đạo sinh và đặc tính của một nhà giáo

dục trộn lẫn để thành một tâm thức hướng thượng và nhiều lý tưởng. Những tác phẩm của ông biểu lộ điều đó từ lúc ở trong nước hay ra hải ngoại.

Là một nhà giáo dục, ông chú trọng nhiều đến tuổi học trò. Trong một cuộc phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến đã phát biểu rằng công việc ra một tờ báo dành cho thiếu nhi (trong khoảng từ 10 đến 15, 16 tuổi hay trình độ từ cuối bậc tiểu học đến hết bậc trung học phổ thông) là mơ ước của ông. Nhất là trong hoàn cảnh của đất nước chúng ta khi xã hội có nhiều hiện tượng băng hoại do văn hóa ngoại lai xâm nhập và cũng do ảnh hưởng chiến tranh. Mãi đến năm 1971 ông mới được sự tài trợ của nhà sách Khai Trí và ra mắt tờ tuần báo Thiếu Nhi vào ngày 15 tháng 8 năm 1971 và đều đặn hàng tuần đến ngày 30 tháng tư năm 1975 thì chấm dứt. Ngoài ra ông còn tổ chức nhiều sinh hoạt khác như tổ chức thư viện cho các em mượn sách về nhà đọc, tổ chức các Gia Đình Thiếu Nhi ở các tỉnh và các đô thị lớn có những buổi sinh hoạt tập thể ngoài trời, hay tổ chức các cuộc thi viết văn làm thơ cho thiếu nhi và có giải thưởng khá lớn. Nói chung là phối hợp giữa giải trí và giáo dục để các em có những sinh hoạt vui tươi và bổ ích. Sau khi vượt biển sống ở hải ngoại, nhà văn Nhật Tiến cũng làm chủ bút tờ Tuổi Hoa của nhà văn Quyên Di một thời gian và lúc nào cũng chú tâm đến lớp tuổi măng non ở hải ngoại... Là một nhà văn mà tính cách của lý tưởng hướng đạo sinh biểu lộ rõ ràng trong phong cách sống như những câu văn của tác giả Mai Thảo diễn tả:

"Những trong nắng và những ngoài nắng ấy, Nhật Tiến đã thấy đã trải qua, đã viết ra, đã thuật lại. Gọi đó là nắng cáo trạng, nắng bạch thư, gọi đó là nắng Ko Kra, nắng Nhật Tiến. Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Giữa nắng. Thái độ ấy có thể bị nhìn là khô cứng quá khích. Hoặc với những tâm hồn bóng rợp là một đọa đầy vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy tự nhiên và bình thường nơi người nhà văn lưu đày ở Nhật Tiến một ý muốn. Cái ý muốn được đứng cùng, đứng mãi với vượt biển thể thảm như đứng với quê nhà, với Việt nam"

Ngay lúc bây giờ, ở tuổi đã cao, ông đã vừa xuất bản hai tác phẩm và vẫn mang dấu ấn vừa kể.

Một là tác phẩm "Hành Trình Chữ Nghĩa", viết như một thôi thúc của một đời trôi nổi theo thời thế và buộc chặt với chữ nghĩa. 60 năm tuy dài đối với một đời người nhưng chỉ là một tích tắc của lịch sử hay văn học. Và mỗi tác giả nếu tạo được những dấu ấn sẽ không bao giờ mờ phai theo thời gian. Với tác giả Nhật Tiến, ông đã viết trong lời mở đầu: "... Thông thường những dấu ấn trên đường đi ta vốn chỉ nên coi là những kỷ niệm. Mà kỷ niệm nào trong quá khứ dù vui hay buồn thì cũng chỉ nên ghi gó trong lòng. Cuộc hí trường trong đời một con người bất quá cũng chỉ kéo dài trong giới hạn dăm bảy chục năm, nhiều lắm là trăm năm. Rồi hai tay buông xuôi. Mọi thứ trên hình hài sẽ trở về với cát bụi.

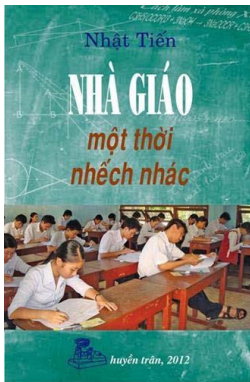
Nhưng hình hài thì trở về với cát bụi còn những dấu ấn để lại trong phạm vi tinh thần thì có sẽ phai mờ trong lớp bụi thời gian hay không?

Tôi nghĩ là không. Vì nếu nó phai mờ trong trí nhớ để không còn được ai nhắc nhở thì lịch sử đâu còn lý do gì mà tồn tại? Cho nên trong sinh hoạt chữ nghĩa, đừng tưởng cứ hạ bút xuống rồi là phui tay hết trách nhiệm. Rất có thể một vài năm sau có khi cả chục năm sau hay lâu lác hơn nữa, ở những thế hệ kế tiếp cũng vẫn có người lần mò vào thư viện tìm đọc lại những trang sách báo cũ để tìm hiểu về các lớp cha anh với những gì họ đã làm đã đóng góp cho lịch sử và ngay cả về phương thức xử thế đạo đức nhân cách của họ nữa..."

Với cá tính và tinh thần của một người hướng đạo, nhà văn Nhật Tiến đã viết và không ngại những vấn đề tế nhị và nhạy cảm để nêu ra những vấn đề mà ông nghĩ rằng cần thiết để làm sáng tỏ trong mục đích phục vụ nhân sinh. Tác phẩm "Hành Trình Chữ Nghĩa" đã được viết với mục đích đó, ở một thời điểm gần như cuối đời nhìn lại một thời đã qua...

Hai là tác phẩm "Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác", ghi chép của một nhà giáo dưới mái nhà trường XHCN sau ngày 30 tháng tư năm 1975. Con người mô phạm đã có một dấu ấn rõ nét trong con người nhà văn bởi vì trước khi là nhà văn ông đã là một nhà giáo và ồ ồ như suốt

cuộc đời ở Việt Nam ông đã giảng dạy nhiều thế hệ học trò. Ngay cả việc ông chủ trương tuần báo Thiếu Nhi cũng với cung cách của một nhà giáo dục ý thức được rằng tuổi trẻ là tương lai của dân tộc.



Hình bìa

Truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam tưởng là một truyền thống bất diệt nhưng đến thời kỳ Cộng sản thì không còn nữa và sự phá sản giáo dục đã nhìn thấy rõ suốt hơn ba chục năm Cộng sản chiếm đoạt được cả nước và điều hành đất nước theo một chủ nghĩa không tưởng lai căng Mác - Lênin.

Nhà văn Nhật Tiến viết về thực trạng giáo dục khi ông còn ở Việt Nam và là một chứng nhân. Đó chỉ là khởi đầu của thảm trạng và đến nay có nhiều sự kiện thực tế không thể tưởng tượng nổi đã xảy ra. Vong bản, ảnh hưởng của Cộng sản Trung Hoa khi soạn chương trình học về lịch sử và ngôn ngữ. Thi cử thì gian lận có tổ chức. Bằng cấp giả mạo tràn lan. Đạo đức học đường bị suy vi trầm trọng, thầy mất tư cách học trò hỗn láo như những trường hợp kể lại tràn lan trên báo chí. Thời Cộng sản là một thời đại tệ hại nhất của lịch sử Việt Nam. Ông viết: ". Khi thời thế thay đổi, nhất lại là sự thay đổi ý thức hệ này qua ý thức hệ khác, thì hầu như mọi vốn liếng tinh thần của nhà giáo tưởng sẽ tồn tại lâu dài với những chuẩn mực vốn đã trở thành truyền thống lâu đời. Thì nay đã hoàn toàn đảo lộn, bị tróc gốc đến độ như tôi đã có cảm giác rằng mình kiêm nhiệm cùng một lúc cả hai vai trò: vừa là thầy giảng dạy, vừa là tên học trò cứ bị nhà trường uốn nắn thường xuyên từ từ tác phong, cử chỉ cho đến lời ăn tiếng nói... Nhưng trải qua 4 năm trời trầy trật dưới một mái nhà trường XHCN tôi phát giác ra rằng ở đây người ta không những không trang bị điều gì tốt đẹp thêm cho cho nhận thức của nhà giáo mà tệ hơn lại còn không cho phép các thầy cô được làm trọn vẹn vai trò của một nhà giáo đúng nghĩa.

Bởi vì, một nhà giáo đúng nghĩa thì không đối trá với học trò ngay trên bục giảng hay ngay trong bài giảng của mình. Nhà giáo đúng nghĩa cũng không thể tiếp tay với nhà trường để xô đẩy học sinh vào những vùng trời mê muội như lời kéo, dụ dỗ, nhồi nhét vào đầu óc non nớt của chúng những thứ không nhằm phục vụ cho tương lai của chúng cũng như tương lai đất nước mà chỉ nhằm phục vụ cho những ý đồ đen tối của guồng máy đang cai trị.

Nói một cách cụ thể nếu coi tâm hồn của những trẻ thơ như là một tờ giấy trắng thì cũng đã có một số người trong đám nhà giáo chúng tôi sau 30-4-1975 cũng đã từng bôi đen lên những tờ giấy trắng đó bằng những bài giảng phải tuân theo sát sạt những " pháp lệnh" của nhà nước..." Mặc dù là một nhà văn nhưng ông là một nhà giáo dạy môn vật lý là một môn học thuộc khoa học tự nhiên nên cũng ít bị để ý soi mói hơn là những thầy cô dạy những môn học như triết, văn hoặc sinh ngữ... Bài giảng dạy học trò phải bị bắt buộc soạn sẵn thành một hồ sơ gọi là " Giáo án" và đây chính là một dây cương tròng cổ mọi nhà giáo thời Cộng sản. Mỗi giáo viên đều phải có một cuốn sổ gọi là sổ giáo án để soạn bài và những bài soạn này phải được Ban

Giám Hiệu kiểm tra đóng dấu rồi mới được đem dùng. Đã thế trong giờ học cuốn sổ này phải đặt ở bàn cuối lớp sát hành lang để bắt chợt Hiệu Trưởng hay Hiệu Phó đi kiểm tra xem thầy cô có dạy đúng như trong giáo án không. Bất cứ môn học nào, giáo án cũng được soạn theo một khuôn mẫu ấn định sẵn mà ở đó mục đích về chính trị bao giờ cũng quan trọng hơn hết và sự kiểm soát tư tưởng suy nghĩ của cả thầy cô và học trò cũng là phần hệ trọng. Chính vì thế, người giáo viên khi soạn giáo án phải lồng vào trong bài học những chủ đích của chế độ. Những môn học như toán, như vật lý, hóa học,... cũng phải cố gắng nhồi nhét vào những tư tưởng tuyên truyền cho chế độ Cộng sản và nêu ra những tính mà những người cầm quyền gọi là ưu việt. Và giáo án còn phải nêu ra những quan hệ bản thân và đó chính là một cách kiểm tra tư tưởng khiến cho cả thầy trò trong trường học của chế độ Cộng sản bị dắt đi vào những con đường định sẵn mà chính trị là mục tiêu chính của giáo dục XHCN.

Từ trường học với thầy cô, với đám học trò, tác giả Nhật Tiến ghi chép lạo rộ hơn đến những môi trường làm than của xã hội mà trong đó người dân bị lừa dối bởi những người cầm quyền vừa ngu dốt vừa hãnh tiến chủ trương tuyên truyền dối gạt để cai trị. Tất cả đều được ngụy trang bằng những chiêu bài thật tốt đẹp thật lý tưởng nhưng thực chất chỉ là cái bánh vẽ không tưởng. Ông kể lại những sự thực đã trải qua, đã chứng kiến tận mắt. Giá trị của trường học tự nhiên bị hạ thấp một cách khó tưởng tượng. Thầy giáo cô giáo không được nể trọng như xưa nữa mà bị dòm ngó kiểm soát có khi còn hơn là những đứa học trò của mình nữa. Sống trong hoàn cảnh ấy, làm sao còn tâm trí để chú tâm vào công việc giảng dạy. Xã hội như vậy, giáo dục như vậy đã tạo thành những con người của XHCN, chỉ biết chạy theo lợi nhuận với mục đích làm giàu mà quên đi những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc.

Chân dung nhà giáo của một thời nhếch nhác ấy được phác họa từ những người trong ban giám hiệu đến những thầy cô với những nét đặc biệt. Như hình ảnh của một hiệu trưởng:

" Còn ông hiệu trưởng mới đổi về này không cần giới thiệu chúng tôi cũng biết ông ta là gốc bộ đội vừa được chuyển ngành. Bởi trong cương vị một Hiệu Trưởng một trường trung học ông ta vẫn bận bộ quần áo bộ đội tới trường để điều hành công việc. Hơn thế nữa bên hông ông ta lúc nào cũng kè kè một khẩu súng lục không biết để làm gì ngoài chuyện thị uy với đám giáo viên trong vùng mới "giải phóng". Ááy vậy mà ông ta vẫn gọi chúng tôi là các" đồng chí".

- Các đồng chí cũng nên nhớ rằng nhà nước chuyên chính vô sản sẵn sàng đập tan mọi âm mưu bạo loạn của bọn phản động tàn dư của bọn tay sai nước ngoài để bảo vệ vững chắc nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta dân chủ với mọi đồng chí nhưng dứt khoát là phải chuyên chính với mọi tàn dư phản động.

- Các đồng chí nên nhớ dạy theo đúng sách giáo khoa với giáo án đi kèm chính là một Pháp lệnh. Ai không tuân theo Pháp lệnh là chống đối nhà nước là phản động là bán nước.

Nói xong câu này ông ta còn đưa tay xốc cái thắt lưng quần khiến cho khẩu súng lục cứ bị đẩy lên chìa ra trước mặt mọi người..."

Trong hoàn cảnh ấy, nhà văn cũng nhìn lại chính chân dung mình trong đời sống đã thay đổi đến rùng mình đó. Ví dụ như một trường hợp đang giảng bài trong lớp thì nghe gọi tên mình trên loa phóng thanh lên văn phòng nhận nhu yếu phẩm. Mà nhu yếu phẩm là niềm vui hiếm hoi của thầy cô với đồng lương eo hẹp và cũng là một phần thưởng của chế độ cho công nhân viên chức. Một cô giáo cùng tổ đã mang phần cá được chia vào trong lớp học để trao cho ông một cách thật bình thường. Tự nhiên ông cảm thấy buồn và suy tư:

" Loay hoay với những ý nghĩ trong đầu rồi cuối cùng tôi cũng đành phải bước ra nhận xâu cá và cát lên một lời cảm ơn cô, nghe rất nhạt nhẽo. Chắc cô cũng đã thấy vẻ mặt khó đăm đăm của tôi lúc đó nên thấy xâu cá vào lòng bàn tay của tôi xong là cô quay ngoắt đi thẳng không bình luận thêm một lời về công khó của mình nữa.

Khi cô giáo đi khỏi rồi tôi mệt mỏi tay cầm xâu cá chân bước lên bục giảng. Đột nhiên cả lũ học trò cùng phá lên cười xen vào đó tôi còn nghe thấy cả những tiếng vỗ tay nữa. Tôi đột nhiên biến thành một thứ diễn viên hề đang ra mắt khán giả trên sân khấu. Vào cái giây phút này bài giảng Quang học về Thấu kính chẳng có liên hệ gì tới xâu cá tôi cầm trên tay. Tôi có cảm giác như mình vừa bị đẩy tuột từ vai trò một thầy giáo nghiêm chỉnh xuống vai trò của anh đứng bán

xâu cá ngay ở giữa chợ trời! Còn bọn học trò thì chắc chẳng nghĩ ngợi gì xâu xa thì chắc chẳng nghĩ ngợi gì xâu xa hay dè bĩu gì về cái chuyện ấy đâu. Chắc chúng nó chỉ thấy vui vui khi thấy ông Thầy đang đứng trên bục mà tay lại cầm xâu cá, một hình ảnh trái khoáy so với dáng vẻ nghiêm chỉnh của thầy mọi ngày. Có lẽ trong cả cuộc đời lấm lem cùng bụi phấn cả Thầy lẫn trò chúng tôi chưa bao giờ lại bị nhập vai trong một pha như thế này trên bục giảng và trong lớp học. Thế rồi "Niềm vui" của lũ học trò bỗng đem lại cho tôi một ý nghĩ bất cần. Tôi chẳng còn ngần ngại hay giữ gìn ý tứ gì nữa. Cầm xâu cá trên tay tôi cũng giơ lên cao cho cả lớp nhìn thấy. Bây giờ thì tôi nhận ra đó là một xâu độ 4,5 con cá bạc má có vẻ còn tươi vì máu cá còn dính đỏ trên sợi lạt buộc. Qua sợi lạt buộc tôi cũng thấy cả gần trăm con mắt của lũ học trò đang đổ dồn vào xâu cá. Một đứa lên tiếng: Cá còn tươi đó a thầy!

Một đứa khác ngồi ở cái bàn gần xế chỗ tôi đứng cũng lên tiếng: Xâu cá này đem chiên giòn với mỡ thì phải biết! Hết cỡ! "

Đọc lại những trang sách của "Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác" tôi như mừng rỡ lại một thời đã qua với những nét bôi đen lem luốc của lịch sử dân tộc. Đã hơn ba chục năm, và hình như ít nhà văn hay tác giả nào nhắc lại những chuyện thật xảy ra dưới mái trường được gọi là XHCN đó. Nhưng tấn thâm kịch của đất nước phải được nhìn lại để những kinh nghiệm sống như thế sẽ giúp ích cho những đời người sau. Thủ tướng tương, mấy chục năm sau, những lớp hậu sinh sẽ giữ lại những trang sách và họ sẽ hiểu được những nhọc nhằn của một thời kỳ mà tất cả đều phục vụ cho mục tiêu chính trị kể cả giáo dục.

Với những người tạm gọi là chứng nhân của một thời kỳ suy đồi nhấ sau năm 1975, khi hồi tưởng lại là những cơn ác mộng. Lúc đó, mọi người trong xã hội phải bắt buộc diễn một vở kịch của giả trá, vẫn phải nói dối trong khi lương tâm dần vật vì sự bắt buộc ấy. Sự thực không ai dám nói ra và tất cả hình như ở trong trạng thái lo sợ bị rình rập theo dõi. Chế độ công an trị làm mọi người không ai tin ai, và lúc nào cũng có cảm tưởng có những tên điếm chỉ sẵn sàng báo cáo tất cả những sinh hoạt cá nhân của mình. Ngay cả vấn đề tư tưởng, cũng bị theo dõi, uốn nắn, trừng phạt nếu có những suy tư đi ngược lại khuôn mẫu của chế độ đặt ra. Nền giáo dục của chế độ độc tài như vậy có ảnh hưởng rất lâu dài cho đến tận tương lai sau bởi vì những hệ quả của nó.

Viết một cuốn hồi ký ghi chép lại những sinh hoạt giữa thầy và trò sau tháng 4 năm 1975 dưới mái trường XHCN có thực sự cần thiết không?

Nhà văn Nhật Tiến trả lời thực sự rất cần. Ông viết:

"Bởi nó là cội nguồn cho những sự tróc gốc đạo đức sẽ diễn ra trong xã hội Việt Nam trong nhiều năm sau đó. Khi nền tảng của chính sách giáo dục dựa trên những điều giả trá, những mưu toan ngoài giáo dục lại được điều hành bởi những đầu óc thiển cận hẹp hòi đầy tự kiêu tự mãn thì thành quả của giáo dục nó sẽ ra sao ai cũng có thể thấy trước. Thấy mà chẳng ai dám nói ra có khi còn góp phần phụ họa làm cho bộ mặt giáo dục ấy càng ngày càng thêm thối hại mà chúng có cụ thể là sự tuột dốc về đạo đức xã hội ngày nay đã hiện ra rõ ràng rành. Bởi vì nó đã trở hoa kết trái và tiết ra nhiều độc tố hơn là hương thơm sau nhiều chục năm được vun trồng.

Bởi chính nó, cái thành quả giáo dục ấy đã tạo nên tình trạng đạo lý suy đồi ở cả trong gia đình lẫn ngoài xã hội ngày nay. Các trang tin tức quốc nội bây giờ đã đăng lên không thiếu gì những câu chuyện khó tin mà có thật với nhan nhản những con người không còn mang tính người. Mấy chữ "mac ke no" tức "mặc kệ nó" nghe tưởng vô thường vô phạt nhưng đã hàm chứa một triết lý sống cực kỳ tồi tệ và bi đát của một xã hội vô cảm mà hàng ngàn năm qua ta chưa bao giờ thấy hiện diện một cách lan tràn trên đất nước. Và cũng bởi chính nó tức cái thành quả giáo dục ấy mà những điều kiện an toàn của xã hội đã bị đảo lộn như luật pháp không còn nghiêm minh, tiền bạc mua được công lý chức quyền có thể đổi trắng thay đen tiếng kêu của dân oan từ nhiều năm qua vẫn còn vang lên từ khắp mọi miền đất nước..."

Và, dù tuổi đã già, và trí nhớ một phần nào giảm sút, nhà văn Nhật Tiến vẫn viết để hoàn thành một tâm nguyện gần như cuối đời là tác phẩm "Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác" một ghi chép chân thực về một thời đại đặc biệt của dân tộc gửi cho những thế hệ sau...

Phụ đính :



Chiếc áo tây vàng

Trong cái đám đông ồn ào ấy, người thiếu nữ cũng chen vào. Nàng hơi choáng váng vì mùi xú uế của đồng rác gần đó xộc lên. Nó gọi cho nàng cái cơn buồn nôn chờn vờn mãi từ ngày hôm qua chưa chám dứt, mặc dầu nàng đã nén nó xuống từ nãy bằng một viên kẹo bột.

Vị đường ngọt lịm vẫn còn dính đầu đó ở kẽ răng, nhưng viên kẹo thì đã tan hết. Nàng có thể cất giọng nói to mà không bị vướng víu cái gì ở trong miệng. Trước hết nàng cất tiếng chào một bà cụ ngồi bán thuốc lá cuộn, bó thành từng bó, bày trên chiếc mẹt ở ngay mé vỉa hè. Bà cụ đáp lại bằng những tiếng gì nghe không rõ vì đám đông ồn quá. Bên tai thiếu nữ, nàng chỉ nghe thấy những tiếng chào mời om xòm của mấy người đứng bên cạnh, và nhất là tiếng cười nói tục tĩu vang lại từ phía mấy thanh niên ở gần đó. Trên tay của họ là những xấp quần tây dài. Đủ loại vải. Đủ loại màu. Nhiều nhất là màu ka-ki bộ đội. Có anh cầm trên tay tới ba, bốn cái, bên tay kia còn giơ cao thêm một cái nữa. Một vài người đi qua, đứng lại ngắm nghía, lật bên này, giở bên kia, xem cho có rồi bỏ đi. Từ sáng, chưa thấy ai bán được món nào, mặc dầu tất cả đã phải bỏ chạy ba bốn lần vì công an kiểm soát chợ đi rảo nhiều lần.

Đây là khu đất hẹp ngay đằng sau lưng của chợ Đồng Xuân, một vùng đất hạn hẹp, phụ thuộc nhưng đầy vẻ mâu thuẫn so với cả một khu vực đã đi vào nền nếp từ bao nhiêu năm nay. Nhưng cũng chính vì tính chất phụ thuộc ấy mà nó trở nên hỗn độn, phức tạp hơn nhiều so với cái quang cảnh vắng hoe ở ngay trong lòng chợ. Vào trong đó thì cái gì cũng sạch, cái gì cũng ngăn nắp, chỉ phải mỗi tội là hầu hết đều phải mua bằng tem phiếu. Nhiều món hấp dẫn khác lại chỉ được bày cho có, với mảnh giấy ghi rõ là "hàng mẫu". Như thế chẳng trách gì nhân viên phục vụ đông đảo hơn khách mua hàng. Rút cục, chẳng cần xua đuổi, mọi người cũng đã tự động rút ra sinh hoạt ở mé ngoài, tạo thành một xã hội bên lề của xã hội. Tất cả đều lam lũ như nhau, cùng chen lấn, hỗn độn, chìm ngập trong những mớ gồng gánh, thúng mủng giăng la liệt ở khắp các lối đi. Vào những hôm mưa, con đường trở nên lầy bùn, dẫm chân lên thấy lép nhép. Rác rưởi quăng bừa bãi, người chen nhau trên từng khoảng đất nhỏ vừa đủ để đặt chân tới. Thịnh thoảng gặp một cái xe đạp thồ nghênh ngang đi vào thì cả đám đông đều bị nghẽn ứ lại. Tiếng chửi rủa cất lên. Tiếng cãi lại còn to giọng hơn nữa. Đủ loại danh từ tục tĩu được văng ra. Không nói được ở cơ quan, không văng được ở các buổi hội họp, không được phát biểu tự do cho nó đã cái miệng, thì sự dồn nén ấy được si ra hết ở đây.

Bọn thanh niên phải kể là đã văng tục nhiều nhất. Từ nãy đến giờ, người thiếu nữ đã nghe đến hàng chục lần câu nói tục tĩu từ anh chàng trai trẻ đứng ở chỗ gần nàng nhất. Nàng không bực mình vì những từ ngữ hần dưng, nhưng cái tội của hắn là đã la to quá. Tiếng nói của hắn xoáy vào màng tai của nàng nghe như những tiếng búa đập lên đe, vừa gọn vừa sắc. Nó làm cho cơn khó chịu của nàng tăng lên và lại bắt đầu thấy lợm giọng. Nàng định móc túi lấy thêm ra một viên kẹo nữa thì sức nhớ đến nhiệm vụ của mình. Nàng bỏ ý nghĩ lấy kẹo ra ăn và giơ cao chiếc áo đang cầm trên tay, cất giọng chào mời một đám khách hàng vừa đi qua đó.

Cái áo gây được sự chú ý của mọi người. Nó là một cái áo tây bằng vải ka-ki màu vàng, đã cũ rách cũ mèm, nhưng chính vì nó quá xưa cũ mà cái kiểu áo còn mang một vẻ rất "tây". Tay áo dài và rộng, ráp lên hai bờ vai thật khéo không một vết nhăn nhúm. Cái kiểu cổ bẻ, hở xuống tới ngực rồi chạy tiếp hai hàng nút áo, mỗi bên có ba chiếc khuy bằng đồng chạm trổ, đem lại một vẻ phong lưu mà xuất xứ của nó, hẳn phải là của một tay chơi sành từ hai ba chục năm về trước. Tuy lâu đời là vậy, nhưng là vải hàng ngoại, lại được giữ gìn, nên mặt áo trông vẫn còn tươi. Thiếu nữ giơ cao cái áo lên quá đầu của mình.

Nàng nói với một người đang đi tới:

"Áo này mặc vừa, mua đi anh giai!"

Người khách ngừng lại, nhìn hững hờ. Biết anh ta chỉ tò mò thôi, nhưng nàng vẫn nói thêm:

"Ba chục thôi, mùa đông này mặc ra ngoài áo len, ấm phải biết."

Người khách toan thò tay ra ướm, bỗng nghe thấy cái giá "ba chục" bèn rút ngay lại. Ông ta nhìn thiếu nữ với ánh mắt cười cười. Thiếu nữ cảm thông ngay rằng, những hạng như của này thì chỉ nên mua cái đồ giẻ rách đáng giá ba đồng.

Rồi một đợt khách nữa đi qua, thiếu nữ lại mời chào. Sự đón đợi của nàng cứ giảm dần đi. Nàng bắt đầu trở lại cái cảm giác khó chịu như buồn nôn vẫn chờn vờn ở cổ. Nàng thò tay vào túi nhón một viên kẹo bột khác bỏ vào miệng. Bây giờ nàng thì khám phá ra cái nguồn gốc của cơn khó chịu này vốn đã ám ảnh nàng từ suốt ngày hôm qua. Nó không phải vì nàng đã ăn bát mì vữa mà đứa em của nàng bỏ đó từ chiều hôm trước. Nó cũng không phải vì nàng đã nhiễm lạnh sau khi phơi mình giữa làn sương đêm. Nàng nhớ ra rằng, trong lúc sử dụng cây cuốc, nàng đã cuốc nhầm giữa lưng một con cóc. Con vật không kịp kêu lên một tiếng thì đã bị dẹp lép sau một tiếng "bụp" khô khan. Nàng có cảm giác như những mảnh xương gãy của nó truyền được cái âm thanh khô khan đó dồn qua cán cuốc để vào được đôi bàn tay chai cứng của mình. Từ cái phút ấy nàng bắt đầu thấy rợn rợn ở trong đầu, rồi càng nghĩ tới nàng càng cảm thấy lợm giọng thêm. Con cóc là một sự sống. Chính nàng đã đập giập sự sống ấy để biến nó thành một đồng bầy nhầy.

Bây giờ cơn ám ảnh đó vẫn còn, và còn gia tăng hơn nữa vì cái mùi xú uế bốc lên từ những đồng rác ở ven chợ. Nàng lại lợm giọng, và nàng thèm được ọe ra một lần cho nó nhẹ nhõm trong người, mặc dù từ sáng, nàng chưa ăn gì ngoài mấy viên kẹo bột.

Vừa đúng lúc nàng vắt cái áo tây vàng lên vai định rời chợ thì có một người khách ngừng lại ở ngay trước mặt. Không phải là một người đàn ông, mà lại là một người đàn bà. Bà ta ngó sững cái áo tây vàng như bị thu hút bởi một sức lực kỳ lạ, rồi thiếu nữ thấy mặt của bà hơi tái đi. Bà ta xòe tay ra nắm lấy cái áo trong khi hai mắt của bà bỗng nhìn xoáy vào mắt thiếu nữ bằng những tia dữ dội. Nàng không ưa cái cung cách có ai nhìn thẳng vào mắt mình như thế. Nàng càng không ưa cái vẻ mặt xanh tái với nước da màu chì trên khuôn mặt dữ dằn của thiếu phụ đứng trước. Bà ta trạc khoảng năm mươi, nhưng nếu nhìn thật kỹ để thấy cái nét tươi trẻ phảng phất ở vành môi và vàng trán phảng thi tuổi của bà chỉ đến bốn mươi là cùng. Thiếu nữ cố gọi lại trong óc của mình để tìm xem bà ta có gì liên hệ đến mình, nhưng trong một vài giây ngắn ngủi, nàng chỉ thấy như mình bị xao động bởi cái nhìn của người đối diện, với đôi mắt đục lờ hơi sếch lên, ẩn dưới đôi lông mày khá đậm.

Bây giờ thì người đàn bà đã gỡ được cái áo trên tay của thiếu nữ. Bà ta rũ tung nó ra và giơ áo lên bằng cả hai tay. Thiếu nữ có cảm giác ngay rằng bà ta không xem xét như thể để hỏi mua. Nàng muốn giằng cái áo lại để lui đi, nhưng người đàn bà đã nắm chắc lấy nó bằng hai bàn tay xương xẩu, đầy gân xanh của mình. Bà ta cất giọng hỏi hách dịch:

"Cô lấy cái áo này ở đâu?"

Thiếu nữ thấy lạnh lạnh ở sống lưng. Nàng ngó sững lại người đàn bà. Vẻ hung hăng của bà ta đem lại cho nàng một thoáng bối rối. Nhưng rồi nàng đã biết mình phải làm gì cho qua cơn xui xẻo này. Nàng đáp bằng giọng thản nhiên:

"Tôi mua đi bán lại!"

Vừa nói, thiếu nữ vừa xông tới, giật cái áo ở trên tay người đàn bà. Nàng hoàn toàn thất bại trong công việc đó và chẳng những nàng không cầm được chiếc áo trên tay mà còn bị người đàn bà túm ngay lấy cánh tay của mình nữa. Thiếu nữ cảm thấy những móng sắc của bà ta bấu cứng lấy da thịt mình. Ngay khi đó thì nàng biết mình vừa làm một chuyện sai lầm. Nàng đã tiếc cái áo một cách dại dột nên thay vì bỏ chạy đi, nàng đã xông tới.

Bây giờ thì đã quá muộn. Thiếu phụ đã đeo cứng lấy nàng bằng những móng vuốt của bà ta. Nàng có cảm giác như bà ta đã chắt chứa bên trong tấm thân gầy gò ấy một sức khỏe lạ lùng. Nàng đã thử vùng lên chạy, nhưng những móng sắc càng bám sâu thêm vào làn da, làm thiếu nữ đau đớn. Nàng hơi nhăn mặt, và cất giọng cau có:

"Ồ hay! Làm cái gì thế này?"

Người đàn bà tác sát:

"Tao hỏi mày, mày lấy áo này ở đâu ra?"

"Tôi mua đi bán lại!"

"Đồ điếu! Mày ra công an với tao, xem mày còn điếu ngoa được như thế mãi hay không?"

Thiếu nữ giằng lại. Bà ta lôi đi. Cuộc giằng co làm náo loạn cả một góc chợ. Mọi người xúm lại. Có cả trăm câu hỏi cùng một lúc nhao nhao lên:

"Ăn cắp hả?"

"Ăn cắp hả?"

"Đánh bỏ mẹ nó đi. Không chịu lao động, chỉ ngồi không ăn bám!"

Sự ồn ào ấy trong khoảnh khắc đã thu hút mấy đồng chí an ninh ở quanh chợ. Một người xông tới, phụ với người đàn bà giữ cứng thêm một cánh tay nữa của thiếu nữ. Tóc của nàng bây giờ xỏ tung. Hai chiếc khuy áo trên ngực cũng bị banh ra. Nhưng thiếu nữ không nhìn thấy gì, không phân biệt được gì trước khung cảnh hỗn độn ồn ào trước mắt. Nàng nghĩ đến hai em đang còn ở nhà. Nàng nghĩ đến cặp mắt dữ dội của thiếu phụ. Nàng nghĩ đến cái áo tây vàng và hình ảnh của con cóc đẹp lép bầy nhầy. Tất cả ùa đến thật nhanh, choáng ngợp hết đầu óc nàng và nàng để mặc cho mọi người lôi mình đi như lôi một con vật.

Tới đồn công an, người đàn bà trung niên khai rành rọt:

"Thưa các đồng chí, tôi vừa chôn chồng được đúng năm ngày. Tất cả giấy tờ khai báo, thủ tục tôi còn giữ đầy đủ cả ở đây. Trong lúc khâm liệm cho chồng, tôi có để cho ông ấy một chiếc áo tây vàng. Chiếc áo này đây. Nó quen thuộc với gia đình tôi từ mấy chục năm nay. Tôi có thể chỉ ra rất nhiều dấu vết mà tôi đã thuộc nằm lòng. Vậy mà hôm nay đi chợ, tôi thấy cô này đứng bán đúng cái áo đã chôn theo chồng tôi. Nhờ các đồng chí điều tra hộ, cái áo ở đâu ra? Làm sao cô ta có được cái áo đó?"

Tất cả mọi người trong phòng đều sừng sốt. Mấy đồng chí công tác ở bàn kế bên cũng bỏ cả việc, mở to mắt ra nhìn. Trong cả trăm ngàn vụ rắc rối về đời sống ở đây, chưa bao giờ lại có chuyện xảy ra lạ lùng đến thế. Mọi con mắt đều dồn về phía thiếu nữ. Nàng có vẻ còn mệt mỏi sau một cuộc lôi kéo ồn ào giữa đám đông, nhưng bây giờ nàng đã lấy lại được vẻ bình thản hàng ngày, và nói cho đúng hơn, thật khó có thể đoán ra được tâm trạng của nàng sau vẻ mặt làm lì và ánh mắt sắc sảo lạnh lùng. Nàng đã biểu lộ một thái độ không nao núng, mà cũng chẳng sợ hãi, đúng là một thái độ của một kẻ đã bị dồn đến đường cùng và sẵn sàng đương đầu với tất cả.

Chính thái độ ấy đã khiến cho anh chàng công an trẻ, mới khởi đầu giờ giọng nạt nộ nhưng rồi sau cũng phải dịu xuống. Nàng không để cho ai mắng mỏ mình. Với thiếu phụ trung niên, nàng nói:

"Ờ thì cái áo ấy của ông chồng bà. Bà không cần phải la lối om xòm."

Thiếu phụ cũng chỉ cần nàng xác nhận có thế. Bà ta giơ hai tay ra trước mặt, về phía đám công an lố nhố ở trong phòng như để phân vua: "Thế đấy! Thế đấy! Tôi có vu oan giá họa cho ai!"

Rồi bà ta ngồi xuống ghế, thờ dốc. Sau một hồi cố gắng, kể từ lúc túm đưa con gái to gan này ở ngoài chợ cho đến lúc nó phải xác nhận rằng cái áo tây đó là của bà, bà ta đã hoàn toàn đạt được những thắng lợi mà mình mong muốn. Sau đó là phần của nhà nước. Nhà nước sẽ xử lý

vụ này, sẽ phải làm cho ra nhẽ. Nếu cần, bà sẽ thừa lên tới thành ủy. Nhưng sự sốt sắng của các đồng chí công an trong vụ này làm bà hài lòng. Bà thấy mình nên đóng vai trò hiền lành, chân chỉ thì sẽ có lợi hơn, vì đảng nào sự thể cũng đã hai năm rở mườì. Nghĩ như thế bà dịu hẳn vẻ mặt của mình xuống và chẳng mấy chốc, mọi người nghe thấy tiếng của bà ta khóc sụt sịt. Bàn tay của bà quơ lấy dải khăn tang dài lên lau mặt một cách cố ý để cho mọi người nhìn thấy.

Điều này có kết quả ngay vì đồng chí công an ngồi ở bàn giấy giữa đã an ủi bà bằng một giọng dịu dàng rồi quay qua thiếu nữ, cất giọng nạt nộ:

"Biết điều thì khai hết đi, nếu không thì tù một gông!"

Thiếu nữ hơi nhếch cặp mắt lên, ánh mắt vẫn đầy vẻ lạnh lẽo, và nàng cất tiếng hỏi lại:

"Chế độ ta cũng còn có 'gông' hả đồng chí?"

Bị hỏi móc họng, đồng chí công an tái ngay mặt lại rồi sau đó vụt đỏ bừng lên. Đồng chí ấy tác sác để xí xóa câu nói hờ hênh của mình:

"Đừng có đánh trống lảng. Cái áo mày lấy ở đâu. Khai ra đi!"

"Việc gì tôi phải đánh trống lảng. Việc gì tôi phải chối cãi. Nhưng tôi yêu cầu đồng chí bỏ cái giọng "mày tao" ấy đi. Tôi là nhân dân. Đồng chí phục vụ nhân dân, đồng chí không có quyền nói năng với tôi như thế."

Bị hai đòn phủ đầu liên tiếp, anh chàng công an đột nhiên sững sờ hẳn lại. Anh ta nhìn người con gái ngồi ngay trước mặt với một vẻ vừa ngạc nhiên, vừa tò mò. Kinh nghiệm cho thấy những loại cứng cỏi như thế hẳn gốc gác của nó phải có gì đáng gờm. Vậy thì không ai dại gì mà húc bừa vào những "cửa" mà tông tích chưa rõ ràng. Thế là anh ta nhỉnh ngay nét mặt, và xuống giọng ôn hòa:

"Được rồi! Tôi rút lại cách xưng hô đó. Nhưng tôi nói trước cho cô biết, muốn xưng hô cách nào thì xưng hô, cô phải khai cho hết. Cái áo đó cô lấy ở đâu?"

Thiếu nữ buồn cười một câu:

"Đào mả!"

Giọng nói của nàng sắc, gọn, lạnh lùng, thản nhiên, không một chút xúc động. Điều đó làm cho mọi người cùng sững sốt lên một lượt. Đến ngay thiếu phụ đang ngồi sụt sùi cũng vội ngưng ngay tiếng khóc để giương to mắt lên nhìn.

Đào mả thì dĩ nhiên rồi, nhưng bà ta không thể tin được rằng câu chuyện động trời ấy lại được thực hiện bằng chính ngay thiếu nữ mảnh mai ngồi ở phía trước mặt. Bà ta chợt nhớ đến hành động của mình trong vòng nửa giờ trước đó. Giật lấy cái áo trong tay nó rồi túm nó ở giữa chợ. Điều nó đi qua một dãy phố để tới đồn công an. Vậy mà quân trời đánh thánh vật này không xia cho bà một dao thì quả là bà vừa thoát khỏi một tai nạn tày trời. Nghĩ như thế, bà ta thấy rúm người lại, nếu ở quanh đó không đầy rẫy những bóng dáng công an áo vàng thì bà ta đã vùng lên, bỏ chạy đi rồi.

Bây giờ thì bầu không khí trong phòng có vẻ nghiêm trang hơn lên. Đây không còn là một vụ ăn cắp, ăn trộm hay mua đi bán lại nữa. Nó đã trở thành một vụ đào mả. Một vụ động trời. Một vụ hi hữu mà từ xưa đến nay chưa bao giờ ở đây xử lý tới cả.

Mọi thủ tục bây giờ được chuẩn bị lại hết. Người ta trình báo vào văn phòng của đồng chí trưởng phòng. Người ta sắp xếp lại hồ sơ ngồn ngang trên mặt bàn. Người ta tăng cường thêm một xấp giấy trắng để đặc biệt ghi cung. Người ta cũng thay thế luôn cả đồng chí ngồi ở giữa bàn lúc nãy bằng một người chắc ở chức vụ cao hơn.

Cuộc thẩm vấn thiếu nữ kéo dài suốt ngày hôm đó. Nàng trả lời hết. Nàng thú nhận hết. Nàng mô tả hết. Đến độ trong hồ sơ khai trình của nàng có cả sự việc con cóc bị một nhát cước chém dẹp lép trở thành một đồng bầy nhầy. Người thư ký quều quào ghi chép cũng đã xài gần hết một thếp giấy đôi.

Bây giờ thì người ta biết được rằng nàng đã sinh sống bằng cái nghề đào mả từ trước đó hai năm. Bố nàng thuộc diện nguy quyền đã bị đi an trí và bỏ xác trong trại cải tạo từ những năm của thập niên 70. Mẹ nàng bỏ đi lấy chồng khác, rồi cũng chết sau đó vài năm. Nàng còn hai em nhỏ. Nàng đã làm đủ mọi nghề để có thể nuôi cho hai em ăn học. Nhưng nghề nào cũng chỉ

đủ nuôi một thân một mình nàng, trừ cái việc đi đào mả người chết lấy đồ dùng đem ra bán ở ngoài chợ trời. Nàng đã khai như thế. Và nàng tỏ ra thản nhiên khi nói lên những sự thực chết người như thế.

Thế theo lời yêu cầu của gia chủ đã có thân nhân bị đào tung mả lên, nàng bị giam giữ để cho tòa xét xử.

*

Nhưng một tháng sau đó, người ta lại thấy nàng xuất hiện ở khu vực chợ trời. Người nàng xanh rớt. Thân hình tiêu tụy. Sức khỏe của nàng sút giảm hẳn đi. Nàng ngồi thu mình ở một góc vỉa hè như một con mèo ốm, trước mặt nàng loe ngoe mấy hộp sữa và vài bịch đường. Nghĩa là nàng chẳng bị tù tội gì hết. Nàng vẫn còn là một công dân của nhà nước xã Hội chủ nghĩa. Lý lịch của nàng vẫn còn trắng tinh.

Bởi vì khi đứng trước tòa, nàng đã rành mạch khẳng định:

"Xã hội của chúng ta là xã hội chủ nghĩa, chủ trương duy vật mà đã phá duy tâm. Chỉ những kẻ còn đầu óc duy tâm mới quan niệm rằng đào mả lên tức là xâm phạm đến linh hồn người chết. Tôi sống bằng lao động của chính tôi. Tôi không ăn bám một ai. Tôi chỉ lấy đi những đồ dùng chôn dưới mả là những thứ mà xã hội bỏ đi, đã phế thải.

Hơn thế nữa, tôi lại dùng lợi tức của những thứ phế thải ấy để nuôi các em tôi ăn học, tức là bằng thứ lao động hợp pháp đó, tôi đã nuôi dưỡng được những mầm non của đất nước!

Vì thế, tôi là người hoàn toàn vô tội!"

Hương vị ngày xưa

Hồi ông bà Tâm quyết định dọn ra ở riêng, đối với ba anh em Hùng, Hương, Hạnh là cả một biến cố. Họ họp mặt nhau trong một buổi gặp gỡ riêng để bàn cãi sôi nổi. Hạnh, cô em gái út lên tiếng trách móc:

- Anh chị đối xử thế nào để đến nỗi bố mẹ phải ra ở riêng?

Hùng vò đầu bứt tai:

- Tao có làm gì đâu. Suốt ngày đi làm, chuyện gì xảy ra ở nhà tao đâu có biết.

Hương nhìn anh bằng cặp mắt vừa buồn vừa giận:

- Làm gì mà anh chẳng thể biết. Có điều tại anh mũ ni che tai, không muốn biết đấy thôi.

Hùng đáp lại bằng một giọng yếu sù:

- Ừ, thì cũng chỉ toàn là chuyện đựng đồ vật vãnh trong nhà với chị ấy, chứ có cái gì lớn lao đâu.

Hạnh chộp ngay lấy, mở to đôi mắt nhìn về phía anh và nói lớn:

- Vấn đề là ở chỗ ấy. Tính khí của bố mẹ thế nào, anh không biết sao. Lẽ ra, anh phải để tâm tới và phải có lời khuyên nhủ chị ấy về cung cách cư xử với bố mẹ. Đằng này anh cứ ngậm tằm không nói, như thể anh cũng đồng ý về những điều chị ấy làm, hèn gì mà chị ấy chẳng làm tới.

Hùng bắt đầu nổi cáu:

- Mà ngon sao không mời bố mẹ về ở đi. Nói như thánh phán. Đến lúc đựng đồ với chồng, với con rồi mới thấy hoàn cảnh khó khăn của tao.

Hương thở dài:

- Hoàn cảnh của tụi em, anh đã thấy rồi. Cái Hạnh thì lấy chồng nghèo, chúng nó chui rúc trong một căn apartment, làm sao mời bố mẹ ở chung được. Còn em thì ở chung với gia đình nhà chồng. Mời bố mẹ về sao tiện. Chỉ có anh nhà cao cửa rộng, lại vợ chồng son, bố mẹ không ở với anh chị thì ở với ai?

Hùng đáp:

- Thì tao vẫn năn nỉ mời bố mẹ ở chung chớ có ý kiến gì đâu. Chuyện ra ở riêng là ý muốn của bố mẹ thôi.

Hạnh không muốn nói gì thêm nữa. Nàng chỉ nhìn anh bằng đôi mắt trách móc. Trong khi ấy, Hương cũng nhún vai, lẳng lặng quay đi chỗ khác, lòng tràn ngập những nỗi buồn phiền. Điều này khiến cho Hùng càng cảm thấy nhột nhạt và tìm lời biện bạch:

- Chúng mày không ở hoàn cảnh của tao nên không thông cảm được. Này nhé, nhà mới, thăm mới, màn cửa, cái nào cái ấy trắng tinh khôi. Ngày nào chị ấy cũng phải dành rất nhiều thì giờ để chăm sóc từng ly từng tí. Thế mà bố cứ hút thuốc, phun khói như ống bễ lò rèn thì làm gì nhà không bị ám khói, đượm mùi. Nếu tụi bay ở địa vị của chị ấy thì tụi bay tính sao?

Hương không trả lời trực tiếp câu hỏi của anh, nhưng lại tố thêm:

- Em còn nghe nói chị ấy đòi giới hạn khu vực đi lại trong nhà để thăm trắng khỏi bị dơ. Có đúng không?

Hùng đáp:

- Cũng lại là một nỗi khổ tâm của tao nữa! Ai cũng biết mẹ là người ham xúc vác, làm lụng, suốt ngày cù bì bõm ở vườn sau cuốc đất trồng rau, làm gì chân tay không dính đầy bùn. Với bộ thăm nhung trắng như tuyết đó, và với chân tay đó, làm sao không có chuyện đụng độ. Mà tao ở giữa tao làm gì được?

Câu chuyện đi tới chỗ hoàn toàn bế tắc, chẳng ai nhìn ra được phương cách gì để giải quyết, nên cả ba chỉ ngồi thừ người ra, về mặt của ai cũng đều rầu rĩ. Người nào cũng cảm thấy trong lòng buồn bã, xót xa và cùng nhớ lại thời kỳ tràn đầy hạnh phúc ngày xưa.

Chỉ hơn năm năm trước đây thôi, khi chưa có ai lập gia đình và tất cả còn cấp sách đến trường thì bố mẹ con cái quây quần sống với nhau thật là vui vẻ. Ông Tân hồi đó còn nhiều sức khỏe, lại cũng có công ăn việc làm tốt đẹp nên vẫn coi như cột trụ của gia đình. Bọn anh em Hùng, sống đời sinh viên, vừa đi học, vừa đi làm, tiền bạc góp chung lại thuê một căn nhà để mọi người cùng quây quần với nhau. Bà Tâm thì ở nhà lo hết mọi chuyện kể cả giặt giũ, nấu ăn cho cả nhà. Bầu không khí ấm cúng ngày xưa ở quê nhà lại được phục hồi trọn vẹn trong vòng tay yêu thương của tất cả mọi người.

Vui nhất là những bữa ăn do bà Tâm nấu nướng. Nhờ vật dụng, rau củ ở đây thức gì cũng có nên bà đã nấu những món quen thuộc của gia đình, với hương vị như gói trọn cả một thời thơ ấu của mấy anh em. Món canh dưa mà Hạnh luôn tấm tắc “tuyệt cú mèo”, món cà ri mà Hương nhận định “chỉ có mẹ nấu mới đặc biệt như vậy, ăn vào là biết ngay”. Còn nhiều món khác nữa, cũng đã đi vào khẩu vị của gia đình như làm sống lại cả một thời yên ấm đã qua.

Thế rồi ngày vui qua mau. Hương lấy chồng trước tiên. Rồi đến Hạnh. Anh Hùng kiên trì thêm vài năm nữa, tốt nghiệp đại học, làm lương cao, tậu nhà mới, rồi lấy vợ. Bầu không khí đoàn tụ, thương yêu cứ như những làn sương mỏng tan dần theo ánh nắng của mặt trời đang lên.

Buổi gặp gỡ bàn thảo chẳng đi đến một kết quả gì. Thôi thì đành buông xuôi và mỗi người đành che giấu trong lòng một niềm chua xót riêng tư.

Ông bà Tâm từ ngày ấy dọn ra ở riêng tại một khu chung cư nghèo nàn. Tuy ở vào tuổi sắp xỉ sáu mươi, nhưng ông cũng còn lái được xe chạy đây, chạy đó. Bạn bè của ông giúp đỡ tận tình, người mách việc này, kẻ giới thiệu việc kia nhưng không việc nào được lâu bền. Có người thấy tình cảnh khó khăn của ông bà, đã cất lời khuyên giải:

- Mỗi thời, mỗi nơi có một phong tục, một cách sống. Ông bà giận con cái làm gì cho mệt thân.

Ông Tâm chỉ mỉm cười:

- Tôi đã nói với các ông nhiều lần rồi mà vẫn không chịu tin. Chúng tôi tự ý ra ở riêng chính là vì quan tâm đến chúng nó. Ở xứ này, tự do cá nhân là điều quan trọng hàng đầu. Mình không muốn làm cho đời sống riêng tư của chúng nó bị xáo trộn.

Cái ông vừa mới trước đây cất lời khuyên giải bỗng đã nổi sùng một cách mau chóng hơn ai hết. Ông ta vặc lên ngay:

- Tự do gì bằng bố mẹ của mình. Tôi lấy làm lạ cho cái xứ sở gọi là tuyệt đỉnh văn minh này.

Ông Tâm cười:

- Mỗi thời, mỗi nơi một phong tục. Ngẫm nghĩ ra, ông còn dễ nổi nóng hơn tôi. Nhưng mà ông ơi, phải tự biết mình và phải cảm thông thôi.

Rồi ông giàng giàng:

- Theo tôi thấy, phong tục ta ngày xưa, các bậc làm cha mẹ tự đặt cái tôi của mình lên quá cao. Trong quan hệ bố mẹ con cái, chỉ có bố mẹ là uy quyền tuyệt đối, con cái không có chỗ để lên chân vào.

Ông bạn kia nhún vai:

- Cái đó thì cũng đúng thôi. Đã làm con thì phải biết công lao dưỡng dục, sinh thành của bố mẹ chứ.

- Đành rằng thế. Nhưng nhìn vấn đề như vậy vẫn chỉ có tính cách kẻ công mà không xem trọng cái quan hệ giữa người với người. Tôi cho rằng cái quan niệm đề cao tuyệt đối một con người, lại dẹp bỏ dứt khoát một con người khác, là quan niệm kẻ công, hẹp hòi. Cái đó phải sửa!

Ông bạn cười khẩy:

- Ái chà! Ông lại còn đòi sửa sai cả phong tục, tập quán của tổ tiên, ông bà cơ đấy. Tôi không ngờ ông lại còn tự do hơn cả Mỹ nữa.

Ông Tâm vẫn mỉm cười, giọng tiếp tục nhỏ nhẹ:

- Ông bà của mình cũng có nhiều cái sai phải sửa lại chứ. Ông thử tính coi, hầu hết các vị làm bố, đều nhìn con cái như một lũ nô lệ dưới quyền. Hơi một chút là phật lòng. Hơi một chút là tự ái nổi lên đùng đùng. Thậm chí nhiều người còn sẵn sàng lôi con cái ra xỉ vả, đánh đập để thỏa cơn giận dữ của mình. Làm như chỉ mỗi một mình mình là có nhân vị, không đứa nào được đụng đến, trong khi nhân vị của chúng nó thì mình cứ coi như không.

Ông bạn mĩa mai:

- Thế là, theo ông, bố mẹ bây giờ, ở đây chẳng có quyền hành gì hết cả à?

- Có chứ sao không! Nhưng sống là thỏa hiệp chứ không phải trấn áp. Thỏa hiệp không xong thì tự mình tách ra, cho khỏe cả hai bên. Chúng nó cũng có những hạnh phúc riêng phải duy trì, có những vấn đề riêng mình không thể lấy quyền làm cha mẹ mà tước đoạt đi được.

Dĩ nhiên, vấn đề còn phải được bàn cãi rất nhiều, nhưng ông Tâm coi như đã lựa chọn cho mình một quan niệm sống, và điều này, ông lại được bà hoàn toàn chia xẻ. Chính vì thế, cả hai ông bà không thấy khổ tâm khi phải tách rời khỏi cuộc sống chung đựng với con cái. Đời sống ở đây, có quá nhiều điều phải bận tâm nhất là về mặt ổn định kinh tế. Cả hai ông bà đã lặn lội ra bưng trải để có thể tồn tại trong tư thế độc lập. Có thời gian, ông đi cắt cỏ, làm vườn. Rồi đổi qua nghề gác đàn, lái xe giao hàng. Còn bà thì vẫn ở nhà nấu nướng, coi sóc nhà cửa và kiếm phụ thêm bằng nghề khâu dây cườm cho một cửa tiệm bán đồ nữ trang, trang trí. Mỗi sợi dây cườm có khoảng hai trăm hạt, cứ khâu năm hạt màu này lại đổi sang năm hạt màu khác. Khâu xong phải kiểm lại không được hạt nào thiếu, hay là dư. Khâu tới khâu lui, lại mò mẫm đếm đếm, kiểm kiểm, cũng phải mất nửa giờ mới xong một sợi và được trả công hai mươi lăm xu. Mỗi ngày ngồi cặm cụi như thế, bà cũng kiếm thêm được vài đồng tiền chợ. Những đồng tiền ít ỏi nhưng đem lại cho bà nguồn vui và niềm tự hào.

Những ngày gần đây, đột nhiên ông thông báo:

- Tôi đã nhận đi bỏ báo hàng ngày. Có mệt hơn một chút nhưng tiền bạc khá hơn.

Bà Tâm nghe xong dấy nẩy lên:

- Làm sao ông gánh vác nổi chuyện đó. Ông có biết rằng mỗi tờ báo ở đây nặng bao nhiêu không. Từ kí rưỡi đến hai kí đó ông. Sức của ông làm sao ông liệng nổi.

Ông Tâm co ruỗi cánh tay của mình như ướm thử rồi nói:

- Báo kí rưỡi, hai kí là báo ra ngày Chủ nhật thôi. Còn ngày thường thì đâu đến thế.

Nhưng bà vẫn cương quyết:

- Nhưng ngày gì thì gì, cũng không hợp với sức khỏe của ông. Tôi đã biết nhiều người đi bỏ báo, họ lái xe trên đường phố, vẫn ngồi ở đó mà liệng tờ báo bằng qua lề đường vào đến tận cửa. Khoảng cách xa thật là xa. Không có sức khỏe không thể làm được.

Thấy ông tần ngần, bà đề nghị:

- Hay là để tôi đi với ông. Ông chỉ việc lái xe, còn tôi cầm báo chạy vô đặt tại chỗ. Thế là khỏi phải ném, phải liệng.

Ông Tâm dấy nẩy lên:

- Thôi bà đừng có vẽ chuyện. Bà phải biết, muốn có báo giao, phải đi từ một, hai giờ sáng để xếp hàng, lãnh báo, rồi cột dây. Hôm trời mưa còn phải thuê báo vô bao ny lông cho khỏi ướt. Ba, bốn giờ sáng mới có đủ báo đem giao. Làm việc như thế sức nào bà kham.

Bà Tâm mỉm cười:

- Thì tôi chỉ phụ với ông ở phần giao báo thôi. Ông lãnh xong đâu đấy, tạt qua nhà đón tôi lên xe. Tôi sẽ đi để báo tại chỗ cho ông. Có gì đâu mà mệt.

Ông Tâm không có cách nào từ chối, đành ưng thuận. Thế là mỗi buổi sáng, cả hai ông bà ngồi trên chiếc xe cũ kỹ, chạy khắp các đường phố. Tới mỗi nhà, bà lanh lẹ mở cửa xe, đem tờ báo chạy tọt qua lề đường và đặt ở ngay trên ngưỡng cửa. Ông vẫn để xe nổ máy, ngừng chờ, mắt theo dõi bước chân thoăn thoắt của bà chạy trên nền xi măng. Trong đầu của ông, bà luôn luôn hiện ra hình ảnh một người bạn đường tuyệt vời, chia sẻ với ông mọi điều, lúc vui vẻ cũng như khi buồn rầu, khi sung túc cũng như trong nghèo khó, lúc ốm đau cũng như khi khỏe mạnh. Trong những trạng huống ấy, bà đã thực hiện một cách triền miên và cụ thể lời rao giảng của cha xứ ngày nào cách đây hơn ba chục năm trong lễ hôn phối của hai ông bà. Ông luôn luôn tự nhủ, ông là một người may mắn. Hôn nhân chẳng phải là một điều dựa trên sự may rủi hay sao? Ông nhận thấy, hồi này, trong tâm tưởng, ông thường hay ôn lại những tháng ngày của thời kỳ hai người còn son trẻ. Hình ảnh của bà hiện ra trong ý nghĩ của ông bao giờ cũng là một người khả ái, dịu dàng, lúc nào cũng tận tụy, gắn bó, chia sẻ với ông trong bất kỳ tình huống nào. Lòng ông cảm thấy xúc động, bồi hồi xen lẫn với cảm giác yên ổn, mãn nguyện như nhận thấy mình đã đi qua gần hết mọi quãng đường đời mà không thấy có điều gì phải tiếc nuối cả. Điều này khiến cho ông gìn giữ được niềm lạc quan trong đời sống cho dù rất vất vả, cực nhọc. Hơn thế nữa, ông còn cố gắng che giấu hoàn cảnh cực nhọc của mình để các con của ông khỏi buồn lòng. Cái Hương, cái Hạnh thường xuyên điện thoại hỏi thăm bố mẹ. Bao giờ ông cũng trấn an chúng nó bằng những tiếng cười ròn rã:

- Bố mẹ lúc nào cũng thấy vui vẻ, thoải mái, đừng có lo!

Cũng có nhiều lần cả hai chạy đến dầm dúi cho mẹ những tờ giấy bạc. Nhưng bao giờ bà cũng đẩy nẩy lên:

- Thôi cứ giữ lấy mà lo cho chồng cho con. Chừng nào cần, tao hỏi.

Sự quả quyết của bà khiến cho cả hai cùng cảm thấy yên lòng. Trong thực tế, họ cũng không biết rõ bố mẹ đã làm những gì để sinh sống ngoài ý niệm mơ hồ rằng bố quen thuộc nhiều bạn bè, nên có nhiều cơ hội để sẵn sàng có đủ mọi loại công việc, trong khi ấy, mẹ thì cặm cụi ngồi khâu chuỗi cườm kiếm thêm, kể ra cũng nhàn nhã, không lầy gì làm vất vả.

Cho đến một hôm, ông Tâm cảm thấy mình khó nhồm dậy được vào lúc một giờ sáng. Nằm ở giường bên kia, bà Tâm đã lên tiếng nhắc chồng đến hai ba lần:

- Một giờ rồi đấy ông.

Bà thấy ông cựa quậy, giờ mình, nhưng rồi vẫn êm ru. Trong cơn nửa thức, nửa ngủ bà nghĩ ngợi lơ mơ, nhưng rồi bà chợt choàng dậy vì một cơn hốt hoảng từ đâu chợt ủa đến xâm chiếm trọn vẹn đầu óc của bà. Bà nghĩ đến ông, đến tuổi tác của ông, đến sức khỏe của ông có nhiều sút giảm thấy rõ sau những ngày tháng mò mẫm dậy từ lúc nửa khuya về sáng. Hôm nay ông không trở dậy đúng giờ là một điều bất bình thường. Bà bỗng thấy xương sống của mình lạnh buốt. Bà vội nhào qua bên giường của ông, cất giọng thất thanh:

- Ông làm sao thế?

Lại có tiếng của ông Tâm cựa mình. Bây giờ thì ông có vẻ tỉnh táo hơn. Ông ngheên đầu lên, vừa thò tay bật nút đèn vừa cố nhoèn một nụ cười trấn an:

- Có gì đâu! Có gì đâu!

Bàn tay của bà quờ quạng nắm được cánh tay của ông. Bà nhìn thẳng vào mắt ông như vận dụng bao nhiêu năm kinh nghiệm sống chung của mình để tìm hiểu xem thực sự chuyện gì đã xảy ra cho ông. Ông Tâm lại nói:

- Tôi chỉ hơi mệt mệt một tí. Bà đừng có lo.

Rồi ông cố gắng ngồi dậy. Chân tay của ông cử động được dễ dàng, nhưng sao trái tim của ông thất lại. Một cơ bắp nào đó đang co rút khiến cho một vẻ đau đớn thảng thốt vụt hiện ra

trên nét mặt rúm ró của ông. Ông lại nằm vật xuống và bây giờ thì bà không còn giữ được bình tĩnh nữa rồi. Bà hối hả ngồi xuống, vực ông dậy, lòng tràn ngập lo âu, tiếng nói của bà đã ríu lại:

- Ông làm sao thế? Ông cảm thấy thế nào?

Ông Tâm yên lặng không trả lời. Ông còn đang bận tâm nghe ngóng xem cái cơ bắp trong tim mình vận hành ra sao. Nó đã rút lại khiến cho ngực của ông nóng ran lên, và đem lại cho ông cái cảm giác cực kỳ đau đớn. Ông nhắm nghiền mắt lại, vận dụng khả năng chống trả của mình, để ráng chịu đựng cơn đau. Ông nghĩ chuyện gì tới rồi nó cũng sẽ tới. Ông không có điều gì phải tiếc nuối cho cuộc đời đã có quá nhiều đắng cay vất vả của ông. Một lúc sau, bỗng ông cảm thấy như cơn đau đã giảm cường độ. Hình như có đường gân nào đó đang giãn trở ra. Nó giãn đến đâu, ông cảm thấy dễ chịu đến đó và lòng ngực của ông trở lại ấm áp như bình thường. Một cảm giác dễ chịu chạy lan từ thân mình xuống tới tận các đầu ngón chân. Ông vui vẻ nhe răng cười:

- Có gì đâu! Tôi thấy dễ chịu rồi.

Vừa nói ông vừa ngồi thẳng dậy. Cử chỉ của ông nhanh nhẹn như bình thường. Ông gỡ cánh tay của bà ra và nhảy xuống khỏi giường. Mắt ông liếc qua chiếc đồng hồ để trên mặt bàn. Hai chiếc kim đã chỉ gần một giờ ba mươi. Vậy là ông đã bị chậm trễ mất hơn mười lăm phút. Cũng không hề hấn gì. Chỉ đóng gói các tờ báo lệ chân, lệ tay hơn một chút là đâu lại vào đó. Rồi ông lại sửa soạn như thường lệ và rồ xe ra đi.

Ông không thể biết rằng sau khi ông đi thì bà cũng không ngủ lại được nữa. Trong thâm tâm của bà đã lộ ra một ý nghĩ quyết liệt: phải chấm dứt cái nghề bỏ báo vất vả này cho ông càng sớm càng tốt. Áo cơm là vấn đề thiết thân thật, nhưng cũng không thể vì nó hy sinh toàn bộ sức khỏe của mình trong khi vẫn còn những đường lối khác để cứu vãn.

Bà đã suy nghĩ rất nhiều về chuyện này, bỏ thì giờ chạy đôn chạy đáo để thăm dò trong đám bạn bè quen thuộc. Rồi vài ngày sau, bà báo tin với ông là bà đã tìm ra được một công việc mới. Đi coi nhà, nấu nướng và giữ em cho gia đình một cặp vợ chồng trẻ. Lương lậu không đủ chi trả tất cả mọi chi tiêu, nhưng cũng bù đắp được lỗ hổng một khi ông bỏ việc. Và bà yêu cầu chấm dứt việc đi giao báo hàng ngày. Ông giơ tay lên ôm đầu, giọng đầy xót xa:

- Đã đến nỗi nào mà bà đã phải làm như thế.

Bà nghiêm khắc nhìn ông như bà đang nắm giữ trong tay tất cả mọi uy quyền. Cái quyền được bảo vệ sức khỏe cho ông. Giọng của bà chắc nịch:

- Không còn đường nào khác! Ông phải nghe lời tôi. Và chẳng ông đã chẳng thường nói chẳng có nghề nào lương thiện mà mình không thể làm. Giữ em cho người ta chứ có gì đâu mà ông phải băn khoăn.

Biết tính của bà mỗi khi ứng xử tùy theo từng hoàn cảnh, ông đành nhún vai buông xuôi.

Thế là từ hôm ấy, bà để ông lái xe đưa bà đi làm lúc gần tám giờ, buổi chiều ông tới đón vào lúc bảy giờ. Một tuần sáu ngày, trừ ngày Chủ nhật. Bọn cái Hương, cái Hạnh có gọi điện thoại đến hỏi thăm, bà dặn ông trả lời:

- Mẹ đi làm ở xưởng may. Lương bổng khá mà cũng không vất vả gì nhiều.

Mà quả thực, coi vậy chứ bà cũng không đến nỗi phải lao lực trong khi làm việc. Đôi vợ chồng trẻ cùng có công ăn việc làm. Họ giao cho bà trông đứa bé mới vừa tròn ba tháng. Thành bé ngoan ngoãn, tới giờ là bú sữa bình, bú xong thì nằm chơi trên chiếc giường đu đưa có gắn loại máy phát ra những bản nhạc êm dịu, nhẹ nhàng. Bản nhạc bao giờ cũng ru đứa bé vào giấc ngủ say sưa. Nhờ thế bà có dư thì giờ để dọn dẹp nhà cửa và chuẩn bị bữa cơm chiều. Khi đôi vợ chồng trẻ trở về thì mọi sự đã gọn gàng đâu vào đấy. Cơm nước cũng sẵn sàng. Món ăn rất vừa miệng khiến nhiều lần cô vợ buột miệng khen ngon. Đến nỗi có lần nàng đề nghị với bà:

- Cháu thỉnh thoảng có mời bạn bè ăn uống vào tối thứ bảy. Những bữa đó, nhờ bác nấu nướng thêm dưa thêm bát giùm cho.

Rồi như sợ bà cảm thấy công việc trở nên vất vả hơn, nàng giải thích tiếp:

- Nấu cơm thường thôi chứ không bày vẽ gì cả. Bởi nếu bày vẽ thì cháu đã mời họ đi ăn tiệm. Đàng này, chúng cháu chỉ gặp nhau hàn huyên trong không khí gia đình.

Bà Tâm vui vẻ nhận lời ngay:

- Thế thì được. Không phải tôi ngại vất vả, nhưng tổ chức tiệc tùng thì tôi nấu nướng không rành, sợ dở không ăn được. Chứ còn cơm thường thì đâu có sao.

Rồi bà kê ra một loạt những món ăn hàng ngày để tùy nghi lựa chọn.

Một ngày thứ Bảy sau đó, bà bày biện tươm tất một bàn ăn có tới tám người. Hai bát canh dưa nghi ngút khói đặt giữa những đĩa rau xà lách xanh tươi xen lẫn với những đĩa thịt kho nhừ, và thịt bò xào lẫn với những miếng khóm vàng tươi.

Người chủ nhà tiễn bà ra cửa lúc giờ về, đã nắm lấy tay bà cất giọng đầy cảm kích:

- Bác sửa soạn cho cháu thế này là chu đáo quá rồi. Tối nay chúng cháu tha hồ được vui.

Bà nhìn người vợ trẻ với ánh mắt đầy hân hoan. Bao giờ bà cũng tìm thấy niềm vui trong việc làm hài lòng người khác. Lúc ngồi trong xe trên đường về nhà, bà vui vẻ kể chuyện cho chồng nghe về công việc trong ngày của mình.

Cả buổi tối thứ Bảy hôm đó, bà luôn luôn thấy lòng nhẹ nhõm, thanh thản. Bà có cảm giác như mình vừa hoàn thành một công việc trọng đại: cất được cái gánh nặng nề vất vả để gìn giữ sức khỏe cho chồng. Duy có điều, nếu bà hình dung được những gì đã xảy ra trong buổi tối hôm đó thì chắc niềm vui của bà không được trọn vẹn như thế. Bởi vì, trong đám bạn bè của đôi vợ chồng trẻ tụ tập hôm đó, lại có cả sự hiện diện của Hạnh và Hương. Lúc ngồi vào bàn ăn, mùi canh dưa bốc khói tỏa lên, làm cả hai xuýt xoa vừa nói với nhau, vừa nói với tất cả mọi người:

- Trời ơi! Tuyệt cú mèo! Đã lâu lắm không được người thấy mùi canh dưa.

Rồi Hạnh múc một muống nhỏ đưa lên môi nếm thử. Hương vị của muống canh làm đầu lưỡi của nàng tê đi và đồng thời làm thức dậy trong ý nghĩ của nàng những cảm giác xôn xao, quen thuộc. Hình như chừa ở sau cái vị bụi bụi, ngậy ngậy, chua chua là hình ảnh của khuôn mặt đầm đìa mồ hôi của mẹ nàng thấp thoáng sau nồi canh đang nghi ngút bốc khói. Rồi đầu đây, rộn rã vẳng lên những tiếng cười, không phải là tiếng cười của Hùng, của Hạnh, của Hương bây giờ mà là của cả ba người trong quãng thời thơ ấu ngày xưa, sau một ngày chạy nhảy rông rài đầu làng cuối xóm, lòng dạ đói meo, tất cả cùng kéo nhau về tìm mẹ ở trong bếp để ríu rít đòi ăn. Mùi canh dưa y hệt như thế này, đã tỏa lan trong căn bếp chật chội, có mái thấp và những sợi mồ hôi rỏ xuống từ những cái đòn bẩy tre nửa bắc ngang. Mẹ như một bà tiên hiền hậu, hai mắt long lanh, hai má của mẹ đỏ hồng. Mẹ cười như nắng tỏa lúc ban mai:

- Các con đi rửa tay chân rồi ăn cơm. Mọi thứ sẵn sàng hết cả rồi.

Lũ nhỏ chạy túa đi, như một bầy chim nhỏ vui tươi, ríu rít vì được che chở, được yêu thương, chăm sóc.

Trong khoảnh khắc, lòng Hạnh chùng xuống và nàng cảm thấy mùi canh dưa bây giờ đang tỏa ngát chẳng những ở bầu không khí chung quanh mà còn tràn ngập cả trong tâm hồn của nàng. Nàng liếc sang phía chị Hương và nhận ra ngay chị ấy hình như cũng đang trải qua một cơn xúc động. Bất chợt, có tiếng của Hằng, cô bạn chủ nhà trẻ tuổi vang lên, đầy vẻ mãn nguyện:

- Các bồ đã thấy canh dưa tuyệt cú mèo không. Của bà Tâm, người làm mà chúng tôi mới mượn được đấy! Bà này nấu ăn phải nói là số một!

Tai của Hạnh ù lên. Nàng không còn nghe thấy được tiếng xôn xao của các bạn bè khác đang thi nhau phát biểu ý kiến về những món ăn trên bàn. Nàng có cảm giác như bất chợt có một bàn tay lạnh lùng, tàn nhẫn nào xoè ra, nắm lấy trái tim của mình rồi xiết lại. Cơn đau ủa đến bất chợt làm Hạnh thót người lại, những nét nhăn nhúm chợt hiện ra trên khuôn mặt xanh xao và yếu đuối của nàng, và bỗng nhiên những giọt nước mắt chợt trào ra, chan hòa trên bờ mi làm khung cảnh sáng rỡ ở chung quanh bỗng nhiên trở nên nhòe nhoẹt. Ngồi chết sững ở đó, Hạnh không cất lên được một lời nào, nàng cũng không thể suy nghĩ thêm được một ý nghĩ nào khác ngoài sự nhận thức mơ hồ rằng chị Hương cũng đang đứng dậy. Một tay chị ấy xô cái ghế để lấy lối ra. Một tay giơ chiếc khăn ăn lên che kín gần cả khuôn mặt.

Hình như chị ấy đang hối hả đi tìm chỗ có phòng rửa mặt.

Nồi cháo thịt



Lão Quới đứng chết lịm ngay trên nền đất ẩm. Cơ giận kéo đến quá nhanh đến độ lão thấy cổ họng của mình như bị chặn ngang tưởng muốn ngộp thở. Đôi mắt của lão nóng lên dần dần. Lão cảm thấy mạch máu ở hai bên thái dương chảy rậm rật. Trước mắt lão là lớp giậu thưa bị xé toang một mảng. Bên dưới chỗ bị xé toang một mảng là những lốt chân trên nền đất dẫn tới một luống khoai. Luống khoai bị xới tung ngổn ngang như vừa trải qua một cơn tàn phá. Những lá khoai xanh mướt bị vùi dập dưới từng nhát cuốc sâu. Đất ẩm bị bươi nát thành từng cục đê nát gí những cọng rau tươi mơn mớn.

Cả một khu vườn xinh đẹp với những luống khoai thẳng tắp bây giờ bị vệt đi một mảng trông xấu xí hẳn đi. Lão tiếc cái công trình vun bón, chăm sóc trong bao nhiêu ngày tháng của mình. Lão càng tiếc hơn nữa khi nghĩ tới những củ khoai đỏ au và mập ú đã không cánh mà bay mất sau một đêm sơ hở không canh chừng. Miệng lão bắt đầu làu bàu những tiếng chửi thề mà chỉ mình lão nghe rõ. Rồi lão nhìn ra chung quanh.

Khu nhà tranh lụp xụp của hàng xóm vẫn nằm êm ả trong lớp sương mờ buổi sáng. Vài đợt khói xanh lơ bắt đầu bốc lên từ những căn bếp nhỏ. Một vài tiếng chim hót lạnh lốt trong lùm cây gần đó. Có cả tiếng vó ngựa gõ lốc cốc từ xa của mấy cái xe thổ mộ đang trên đường lên chợ.

Khung cảnh vẫn hiền hoà quen thuộc như mọi ngày. Bốn bề chung quanh toàn là bà con, thân hữu, chẳng mặt nào có thể nở lòng đang đem lén vào xới từng vuông khoai của lão lên cả. Như vậy chỉ còn khu xóm hỗn độn ở bên kia đường lộ.

Đúng hơn là một bãi rác hoang, ở đó là cả một đám đông nghèo nàn, hỗn tạp, sống chui rúc với nhau như những ổ chuột. Hình ảnh thiếu thốn cực nhọc của họ làm cơn giận của lão dịu xuống. Lão nghĩ tới những đứa trẻ xanh xao suốt ngày lảng vảng như những bóng ma gầy ở mấy cái quán nhỏ để tranh nhau liếm láp những cái lá bánh đầy ruồi bâu hoặc húp cho đến những cặn cuối cùng của một bát ăn thừa.

Đó là sản phẩm mới mọc ra ở khu vực này sau một cơn đói đời ghê gớm. Đa số những con người vất vưởng này bị lừa ra từ những khu trại gia binh ở gần mé chợ. Những người đi trình diện học tập không hy vọng có ngày trở về. Những người mẹ mỗi mòn trong chờ đợi với một bầu con thơ ốm đau, bệnh tật và no đói thất thường.

Họ xuất hiện ở đây từ ngày nào chẳng ai rõ, những khu đất trống cứ thấy mọc dần lên những túp lều lụp xụp cất bằng đủ loại thứ vật liệu, những mảnh giấy thùng, mảnh tôn, mảnh ván, những tấm nylon chắp vá đủ loại màu. Và ở đó, những con người chui ra, chui vô, nét đói khổ in hằn lên từng khuôn mặt xanh xao vàng vọt.

Cơn giận tan trong lòng lão Quới cũng nhanh như lúc nó ủa đến. Trong cơn xuống dốc của toàn thể mọi người, lão cũng mới chỉ từ nồi cơm trắng xuống đến rễ khoai luộc. Rễ khoai cho hai vợ chồng già, đèo đẹt vài củ, nhưng bữa nào lão cũng được ăn no. Thời buổi này dầu là ăn gì, nhưng cứ được no đã là quý. Trọn gần một đời người, lão chưa biết đến mùi đói khổ, tuy

nhiên lão đã thấy dấu vết hằn hòng của nó in trên những khuôn mặt trẻ thơ quanh xóm, với lớp da ngả màu xanh mét, những hàm răng nhô ra và những hố mắt sâu như lỗ đáo.

Một cơn xúc động chạy qua ý nghĩ của lão, bất giác làm lão buông một tiếng thở dài. Lão trở lại với bộ điệu bình thản mọi ngày. Lão ngồi sụp xuống, chậm rãi quơ từng sợi dây khoai đem xếp gọn ở một góc vườn rồi dùng cây cuốc nhỏ vun lại đám đất vương vãi ở chung quanh. Làm xong ngần ấy công việc thì vợ lão cũng đã giặt giũ xong mớ quần áo ở ngoài giếng nước. Bà lão đem chậu đồ ra phơi ở những sợi dây mắc bên hàng rào. Tiếng động của bà làm lão Quới quay lại. Lão thấy đôi mắt của bà nheo lại dưới những tia nắng đầu tiên trong ngày. Lão nói:

- Đêm qua có đưa vào nhỏ trộm khoai.

Bà lão hơi điếc nên ngẩng lên nhìn. Lão nhắc lại câu nói thêm một lần nữa. Bây giờ thì bà ta kêu lên:

- Ôi chà! Quân bất nhân nào thế?

Giọng lão Quới vẫn tiếp tục nhỏ nhẹ:

- Chả biết ai, nhưng đói quá đấy thôi!

Bà lão trợn mắt:

- Đói thì đói chứ!

Lão nhún vai:

- Thì biết vậy. Nhưng.. thôi đi! Mình chưa đói mà!

Bà lão nhìn chồng một giây lâu. Bà hơi bực dọc về thái độ bình thản của lão. Rồi bà ngưng nguẩy xách cái chậu đi lên nhà, miệng lầu bầu cái gì nghe không rõ.

Tới bữa ăn buổi trưa, bà lão trở lại với nỗi hậm hực của mình:

- Trẻ không tha, già không thương. Hồi xưa đâu có thế.

Lão Quới làm ngơ ngó ra ngoài. Lão nhắm tính phải một hai tuần nữa vườn khoai mới tới kỳ đem dỡ được. Mỗi bận tâm của lão là phải làm sao đối phó với mấy tên cán bộ bên Ủy Ban đã lấp lửng đặt vấn đề đòi thu mua. Nhưng bà lão vẫn lồi chồng trở về đề tài câu chuyện của mình:

- Mất mà không la, rồi chúng nó sẽ còn bươi hết cả vườn cho coi.

Lão Quới bực mình trước cơn dai dẳng của vợ. Lão quay đầu lại nhìn bà ta rồi đáp:

- Mất rồi, la ích gì? Mình bị một lần thôi. Lần sau đưa nào rớ vào, bắt được quả tang rồi sẽ biết!

Bà lão nhếch miệng cười mỉa mai:

- Bộ nó rớ vào nó báo cho mà biết chắc?

- Mình dòm chừng chứ! Nếu quen mùi, nó sẽ tới. Tới lần này tui không tha đâu!

Bà lão ngưng nguẩy đứng dậy. Những điều lão nói không làm giảm được sự hậm hực cứ lờn vờn trong đầu óc của bà từ sáng. Nghĩ đến những củ khoai đồ au, bà tiếc đứt ruột. Bà ra đứng ở đầu hè, bên kia là khu xóm nhỏ. Nắng đã quá đỉnh đầu chiếu lên những tấm mái tôn thành từng mảng trắng xoá. Cũng như lão Quới, bà cũng không thể nghi ngờ được ai ở quanh khu vực toàn người quen biết này. Chợt một ý nghĩ thoáng qua đầu, bà vội quay vào nói to với chồng:

- Tôi đi trình đây!

Lão Quới đang lúi húi làm cái gì đó, chợt ngừng phất lên, giọng xẵng lại:

- Cái gì? Bà nói cái gì?

Mặt bà lão hơi có vẻ ngờ ngàng trước cơn giận dữ đến với chồng một cách dễ dàng. Bà ta đổi giọng lí nhí:

- Tôi đi trình...

- Trình cái gì? Trình ai?

- Thì công an nhà nước đó!

Bây giờ thì lão Quới để nở bùng sự giận dữ của mình. Mắt lão quắc lên. Lão nói như quát:

- Bà tiếc của rồi đâm khùng rồi đó chắc. Không trình báo gì hết trơn đó. Tôi đã bảo không bao giờ thèm dính dáng tới tụi nó mà.

- Mà điều, nó phải lo an ninh trật tự trong chòm xóm chứ.

- Nó lo gì mặc xác nó, không dính tới mình. Mà lo cái gì? Bà thấy nó lo cho mình cái gì?

Bị dồn một hồi, bà lão sợ hãi len lén bước ra ngoài sân đất. Cơn tiếc xót về mớ khoai bị đào

đêm hôm trước cũng hoàn toàn biến mất khỏi tâm trí của bà. Bà có cảm giác như nếu mình còn đôi co thêm vài ba câu nữa, lão Quói sẽ làm um sùm nhà cửa lên. Lúc này hai làn môi của lão đã mím lại. Cặp mắt của lão long lên. Lão phải nắm chặt lấy bên mép giường để giữ cho bàn tay bớt run rẩy. Lão không thể ngờ được rằng vợ lão lại có thể nghĩ tới sự đi tố cáo với công an, dù chỉ là tố cáo một kẻ vô danh đã đào trộm khoai trong vườn của lão. Mấy năm nay, lão vẫn thường nhắc nhở với lũ con cháu xa gần:

- Tụi bay làm chi thì làm, nhưng đừng có đưa nào đi tính cái việc bắt nhân tố cáo mọi người. Đưa nào không nghe, đi tố cáo ai thì đừng có nhìn tới tao nữa.

Ở khu xóm này, nhờ thái độ quyết liệt đó của lão mà thấy đỡ cái vụ nhà này báo cáo nhà kia, chòm xóm nương nhau cứ thăm lặng mà sống cho qua ngày. Cơn giận bà lão, làm lão Quói ngủ trưa không được. Lão nằm xoay trở một lát rồi nhồm dậy làm lũi đi ra bờ rào. Dưới ánh nắng chói chang của buổi trưa mùa hạ, lão cảm cú ngồi rấp vá chỗ hàng rào đêm trước bị xé thủng.

Rấp vá cho có lệ mà thôi, chứ cung cách này rồi ai cũng sẽ đói hết. Đói ăn vụng, túng làm càn, một hàng rào chớ bao nhiêu hàng rào rồi cũng sẽ bị xé tuốt, có trời mới can nổi những con người lang thang vất vưởng như bóng ma ngoài chợ sẽ còn xông vào xâm phạm đến vườn khoai của lão.

Lão bắt đầu suy tính đến công việc phải thức đêm canh chừng. Chiều tối hôm đó lão leo lên giường đi ngủ sớm. Tới nửa khuya thì lão bò dậy, ra ngồi thù lù như một cây củi mục ở đầu hè. Lão thấy rõ cái kỳ cục trong hành động rình mò của mình. Mấy luống khoai có là cái gì để lão phải khốn khổ như thế. Nhưng ở thời buổi này, không gìn giữ để phải đói cũng chết. Lão mở to mắt ra nhìn vào khoảng tối đen mịt mù trước mặt. Hai tai của lão vểnh lên. Lão có thể phân biệt từ tiếng dế kêu đến tiếng sóc chạy nhảy trên những tàu dừa. Nhưng cả đêm hôm đó lão đã toi công vì chẳng có ma nào bén mảng đến vườn khoai của lão cả. Rồi đêm sau, đêm sau nữa.

Lão cười hề hề nói với vợ:

- Tôi đã biểu mà. Đói quá làm bậy một lần rồi thôi, đâu có phải dân chuyên nghiệp.

Bà lão thấy chồng ba đêm liền mất ngủ nên cũng âm ừ:

- Chắc vậy rồi. Chẳng nên rình nữa làm chi cho nó mệt xác. Trời bao giờ cũng có mắt mà.

Tối hôm đó lão Quói được ngủ thẳng một giấc ngon lành. Một ngày nữa êm ả qua đi, nhưng vừa đúng lúc nửa đêm hôm sau, lão đang ngáy phì phò thì thấy có ai lay nhẹ chân mình. Lão giật mình choàng dậy. Trong ánh đèn tù mù để ở xé đầu giường lão thấy vợ ghé vào tai thì thào:

- Nó tới rồi đó!

Lão tỉnh ngay ngủ và choàng dậy. Bà lão vẫn nói tiếp:

- Tôi nghe có tiếng chó cắn ở tuốt mé bên kia đường. Tôi tỉnh dậy nằm cố ý dòm chừng. Rồi tôi nghe thấy có tiếng bẻ rào loạt xoạt, chẳng nó thì ai nữa.

Lão Quói ngồi phắt ngay dậy. Lão quơ xuống gầm giường tìm con dao rựa. Lão nắm chắc lấy con dao trong tay rồi phóng ra phía cửa. Trời tối đen. Mọi vật chìm trong làn sương đục lờ. Lão chăm chăm nhìn về phía vườn khoai để làm quen với bóng tối. Hai tai lão vểnh lên. Lão nghe thấy tiếng gió rì rào, tiếng cành khô xao động và có cả tiếng cuộc đào trên nền đất. Lão lủi thật nhanh về phía giếng nước, con dao rựa lão vẫn nắm chắc ở trong tay.

Bây giờ thì lão nghe thấy cả tiếng loạt xoạt của đám lá bị bứt nhỏ ở phía luống khoai. Lão lủi tới đó thật gần. Rồi bắt chợt, lão chồm tới để chụp lấy bờ vai của tên trộm, cái bờ vai gầy guộc, mảnh mai tưởng như muốn sụm xuống dưới sức mạnh của bàn tay cứng cỏi của lão.

Lão quát lên như để trấn át kẻ gian phi:

- Hôm nay thì mày sẽ biết!

Lão thì mạnh hơn nữa hơi sức của mình lên bờ vai mà lão vừa tóm được. Lần này thì tên trộm ngã khụy ngay xuống làm cho lão mất đà cũng ngã chúi xuống theo. Lão nghe thấy một tiếng rên nhỏ:

-Trời ơi là trời.

Đó là tiếng của một người đàn bà chắc còn trẻ. Bà ta vừa rên lên, vừa cố vùng vẫy để thoát

thoát khỏi cánh tay cứng như sắt nguội đang đè lên vai mình. Lão Quới không còn bụng dạ nào để sử dụng võ lực đối với kẻ gian phi. Lão buông bàn tay của mình ra rồi lùi lại quát khê:

- Ai đó?

Có tiếng khóc nức nở vang lên thay cho câu trả lời. Lão vội vã móc túi lấy bao diêm rồi xòe lên. Ánh sáng bùng lên trong chớp mắt rồi teo lại. Nhưng thời gian khoảnh khắc ấy thừa đủ để lão nhìn rõ khuôn mặt của người đàn bà đối diện. Lão chết lặng người đi như chính lão cũng vừa bị bắt quả tang trong một hành vi tội lỗi. Người đàn bà mà lão vừa nhận diện chẳng phải ai xa lạ trong khu vực này. Ngày trước chồng bà ta là sĩ quan làm việc trong một Quân Y viện ở gần đó. Cái Quân Y viện mà, dù không phải quân nhân, lão cũng đã được cấp tốc đưa vào để được cấp cứu một lần. Lão Quới không bao giờ quên được khuôn mặt khả ái của người sĩ quan trẻ tuổi, xông xáo khắp các phòng, vượt qua mọi thủ tục để có thể giúp đỡ lão vượt qua cơn hiểm nghèo.

Sau này khi xuất viện, lão đã dẫn vợ tới khu gia binh để cả hai cùng chấp tay cảm ơn. Người đàn ông mỉm cười xuề xòa và không để cho lão mở miệng nói dài dòng. Ông ta lúc nào cũng bận rộn, kể cả sự bận rộn lâu lâu lại chở vợ con ngồi đầy nhóc trên chiếc xe jeep lùn chạy từ khu gia binh lên phía chợ.

Dưới mắt mọi người, đó là một gia đình tràn ngập hạnh phúc với người vợ trẻ tươi tỉnh như hoa và năm sáu đứa nhỏ kháu khỉnh như một bầy gà con lít nhít.

Nhưng rồi cơn đại họa đã ủa tới. Người chồng lên đường đi “cải tạo”, vợ bị đuổi ra khỏi khu gia binh, kéo một bầy con nheo nhóc ra bãi hoang sống dưới túp lều lụp xụp với những người cùng chung cảnh ngộ.

Từ một bà đại úy trở thành một kẻ xé rào đi ăn trộm, dưới ánh sáng hiu hắt của một que diêm, tuy chỉ bị soi mặt trong khoảnh khắc nhưng cũng đủ xấu hổ cả một đời người. Có lẽ vì thế mà bà ta khóc to hơn. Tiếng khóc làm lão Quới bối rối. Lão không biết phải làm gì trong hoàn cảnh này.

Vừa may lúc đó có ánh đèn tù mù của vợ lão từ trong nhà đi ra. Bà lão xăm xăm đi xuống phía cuối vườn. Làn ánh sáng đỏ đồng đọc tỏa ra hai bên làm héo úa lớp lá khoai xanh mướt ở những chỗ bà đi qua. Lúc tới gần, bà giơ cao cây đèn lên nhìn về phía lão Quới. Ánh đèn bây giờ soi rõ người đàn bà tội nghiệp với bộ quần áo rách bươm, bê bết đất bẩn. Mái tóc của bà xơ tung che gần lấp khuôn mặt còm cõi xanh xao. Gió lùa qua cái thông phong trên ngọn đèn làm chao đi chao lại ngọn lửa leo lét khiến cho thân hình của bà ta trở nên chập chờn như một bóng ma vừa đội mồ sống dậy. Có tiếng bà Quới kêu lên:

- Phải bà đại úy Sáu đó không?

Người đàn bà bật lên khóc và chạy lại phủ phục dưới chân của bà lão. Lão Quới không thể chịu nổi quang cảnh đó đã nghẹn ngào quay đi. Hai mắt của lão cay xè. Lão thấy rõ những giọt nước mắt của mình đang ứa ra ở hai bên bờ mi.

Một lát sau, cả ba người lầm lũi đi lên phía sân đất. Bà Quới xách theo cái sọt nhỏ của thiếu phụ, lẳng lặng đem vào phía nhà sau. Trong lúc đó lão Quới lần ở thắt lưng lấy ra tờ giấy 50 đồng mà lão từng dặt kỹ trong mấy lớp bọc bằng nylon. Lão dúi tờ giấy bạc vào trong tay người đàn bà, lão định nói thêm một câu gì nhưng cổ họng của lão như tắc lại.

Lão nhớ đến hình ảnh tươi cười đầy vẻ xuề xòa của ông đại úy. Lão nhớ đến cả khuôn mặt xinh đẹp của bà ta vẫn thường tươi như hoa giữa bầy trẻ nhỏ nom lít nhít như đàn gà. Nếu chẳng đời thì chẳng bao giờ lão lại có thể làm được cái công việc như ngày hôm nay.

Trong bóng tối, mồm lão xệch đi. Lão thương cho người đứng trước mặt, thương tất cả mọi người, thương ngay cả chính mình. Cơn sụp đổ toàn diện trên quê hương chưa bao giờ hiện lên rõ nét trong lòng lão bằng chính lúc này. Lão bước ra đầu hè để hỉ mũi rồi lui vào phía nhà trong.

Vừa lúc đó, bà lão đã lại cầm cây đèn leo lét đi ra. Ở tay kia, bà xách theo cái sọt nhỏ. Bây giờ ở trong sọt đã thấy lẫn lóc hơn chục củ khoai và một túi gạo nhỏ. Hai người đàn bà dìu nhau đi ra phía cổng. Dưới ánh đèn vàng vọt, bóng của họ đổ xuống nom dài ngoẵng như hai cái bóng chập chờn quái dị.

Cách một hôm sau, vào lúc xế trưa, lão Quới đang cúi húi ở giếng nước thì gã Tổ trưởng dân phố dẫn theo một đồng chí công an bận đồng phục áo vàng đi vào. Bà Quới đứng ở gần đó ngẩn mặt ra nhìn. Cả bốn người gặp nhau ở trên thềm đất. Đồng chí công an lên tiếng trước:

- Cách đây một ngày, phải nhà bác có kẻ đào trộm khoai không?

Lão Quới giật mình. Quả nhiên là ghê gớm. Chẳng có cái gì qua mắt được bọn người này. Lão lấy làm tiếc rằng đã không dặn vợ giữ kín câu chuyện xảy ra trong đêm hôm trước. Thay vì trả lời câu hỏi, lão quay sang vợ cần nhằn:

- Bà kể lể làm chi vậy?

Nhưng bà lão đã la lên:

- Tôi kể cái gì? Tôi có nói cái gì, ở đâu?

Gã Tổ trưởng hơi nhếch môi định cười nhưng gã đã kìm ngay được trước vẻ mặt lầm lì của người bận đồng phục. Anh ta còn quá trẻ nhưng cố làm ra vẻ ta đây có quyền uy, liếc lão Quới một cách láo xược rồi quay lại nhìn bà lão cũng theo một cung cách như thế. Rồi anh ta vừa khoát tay vừa nói bằng một giọng khô khan:

- Đi theo tôi!

Chẳng đợi cho lão Quới kịp có phản ứng gì, anh ta đã quay lưng xăm xăm đi trước. Gã tổ trưởng lót tót chạy theo sau. Lão Quới đành rảo bước tiến theo họ, trong lòng đầy phân vân. Cả toán người bước nhanh trên con đường dẫn ra mặt lộ. Bà Quới không dẫn được nổi thắc mắc đành phải nắm lấy tay gã Tổ trưởng và cất tiếng hỏi:

- Có cái gì dính líu tới tui sao, chú Bảy?

Chú Bảy gỡ bàn tay của bà cụ ra không trả lời. Gã chỉ hất hàm ra dấu về phía khu đất hoang ở bên kia mặt đường lộ.

Mọi người bây giờ đã băng qua con đường cái để tiến vào một lối đi hẹp hai bên có những đồng rác nằm cạnh những mô, gò lùn nhón. Một đám trẻ con rách rưới bần thiêu chạy túa ra nhìn. Một vài người lớn tuổi đứng ở gần đó lơ nhơ chỉ trỏ. Có lúc họ đã phải dạt ra để lấy chỗ cho toán bốn người đi vào.

Mọi người dừng lại ở trước một túp lều nhỏ, mái đụp đơn sơ, tường vách xộc xệch. Đứng ở ngoài, lão Quới có thể dòm qua những khoảng trống tuênh toang để thấy một quang cảnh bày ra trước mắt. Trên một tấm ván mỏng, một người đàn bà đang nằm dài. Bên cạnh đó là một loạt năm đứa nhỏ nằm xếp song song. Tất cả đều mang một vẻ nhẩn nhúm dễ sợ. Lão Quới bấu chặt lấy mảnh gỗ ở trên vách ngoài để cố giữ cho mình khỏi khuỵu xuống. Lão không tin ở mắt mình, không thể tin ngay cả chính cái điều đang bày ra ở trước mắt là một quang cảnh thực. Bàn tay của anh công an khế đặt lên vai lão. Anh ta nói:

- Có thư gửi bác đây.

Lão Quới run rẩy đón lấy mảnh giấy vừa được trao cho. Lá thư không dài và được viết bằng một nét chữ mềm mại:

“ Xin hai bác tha thứ cho cháu. Cháu không còn đường nào khác để giúp cho bày con tội nghiệp của cháu khỏi phải trầm luân trong cái xã hội đầy rẫy cơ cực này. Năm mươi đồng và gói gạo mà bác cho cháu, cháu đã nấu đủ một nồi cháo thịt, nồi cháo mà bày con của cháu vẫn thường mơ ước hàng ngày. Nhưng kể từ nay, hẳn chúng nó sẽ không bao giờ còn phải ước mơ những điều nhỏ nhoi, tầm thường như thế nữa ”.

Lá thư chưa chấm dứt ở đó. Nhưng màu mực tím đã trở nên nhạt nhoà bởi vì khuôn mặt của lão Quới đã đầm đìa nước mắt.

Viết tại Trại ty nạn Songkhla, Thái Lan ngày 22-1-1980

(Trong tập truyện ngắn TIẾNG KÈN- nxb Văn Học 1982)

Vài khuôn mặt ở Saigon... gần 40 năm trước

Thảm thoát đã lại sắp tới dịp tưởng niệm ngày khởi đầu cho một thời kỳ bi thảm. Đó là ngày 30-4-1975, ngày mà quân đội CSVN tràn vào, lấn chiếm miền Nam và chế độ VNCH sụp đổ. Một sự sụp đổ như thế, dĩ nhiên là tan hoang đầy xáo trộn. Nhiều gia đình đã theo đường di tản kịp ra đi. Hàng triệu người kẹt lại trong tâm trạng nhốn nháo, bất an, thấp thòm đợi chờ những cái gì bất trắc sẽ ụp tới.

Rồi cán bộ CS tràn ngập đường phố. Người ở Rừng ra. Người ở Bắc vào.

Sài Gòn bỗng trở nên một thành phố tập trung của đủ mọi loại người thuộc hai chế độ hoàn toàn cách biệt. Từ dáng vẻ cho đến y phục. Từ giọng nói đến từ ngữ sử dụng. Cách nghĩ, cách nhìn cũng khác. Nhưng cái khác biệt nhất vẫn là ở vị trí của mỗi người. Bên được. Bên thua. Bên hớn hờ, tươi cười. Bên e dè, sợ sệt. Có cả sự khinh miệt lẫn nhau tìm thấy ở cả hai bên.

Và trong cái bầu không khí có thể gọi là hỗn mang đó, dần dần xuất hiện những mẫu người mà thời thế đã khiến họ bỗng nhiên phải đổi khác. Cứ như những người bình thường đang phải tự sắm lấy vai trò của chính mình trên sân khấu. Đó là chân dung của một vài nhân vật, tuy không đủ nét tiêu biểu nhưng cũng là những mẫu người đáng cho ta nhớ lại.

Có thể kể đến như Nguyệt, nữ sinh viên Văn khoa Sài Gòn, người mau chóng hoà nhập vào nếp sống mới với ý nghĩ hồn nhiên của tuổi trẻ: “Đóng góp khả năng của mình vào công cuộc xây dựng lại quê hương đã nhiều đổ nát sau chiến tranh”, hay đến Vũ một sinh viên Y khoa thiên tả, bạn cũ của Nguyệt, người đã từng ra “bung” và nay trở lại Sài Gòn, đến Toàn, một Thiếu úy Bộ binh VNCH vì bị thương ngoài trận địa nên giải ngũ sớm và nay là một công nhân trong một cơ sở ẩn loát, đến ông Hồng Phát nhà tư sản, chủ một nhà in ở Sài Gòn, đến Sáu Thu, cán bộ Công đoàn từ miền Bắc mới vào và Năm Tỏa, một cán bộ thuộc Mặt Trận Giải Phóng ở Rừng ra.

Những nhân vật ấy được nhà văn Nhật Tiến phác họa qua trong một tác phẩm đã in từ năm 1988: cuốn truyện dài MỒ HÔI CỦA ĐÁ (Tủ Sách Cảnh Nam-Hoa Kỳ).



Sau đây là một vài trích đoạn ghi lại chân dung của vài nhân vật ở thời kỳ ấy.

1. Sáu THU, cán bộ Công đoàn và NGUYỆT, cô nữ sinh viên Sài Gòn

Người phụ trách giảng dạy đề tài chính trong lớp huấn luyện về Công Đoàn - do Quận Đoàn tổ chức mà Nguyệt tham dự - là ông Sáu Thu. Ông này cao rộng rông, cử chỉ nhanh nhẹn, miệng luôn luôn tươi cười cặp mắt có lúc rất sắc, rất dữ, có lúc lại đầy một vẻ khoan hoà, ngu ngơ, khiến có lúc Nguyệt đã tự nhủ thầm: “Cán bộ Cộng sản trung kiên có chung một đặc điểm là ở cặp mắt. Nói là láo liên thì không đúng hẳn nhưng nó chất chứa một vẻ gì bí hiểm và luôn luôn có ý đồ “.

Ở đây, ông Sáu Thu cũng thế. Ông ta bước lên bục giảng, nhìn mọi người với ánh mắt tươi cười nhưng khó che giấu được những ánh mắt chớp rất nhanh, đảo qua một lượt, từ học viên ngồi ở hàng ghế đầu đến những người còn đứng lố nhố ở hàng ghế cuối. Nguyệt có cảm giác như trong một giây đồng hồ thoáng qua, ông ta đã ghi góí được nhiều điều đánh giá sơ khởi về

đám đông tạp nham đang chờ đợi ông ta cất lời.

Ông ta gọi mọi người là “các đồng chí”! Điều này chứng tỏ thành phần tham dự lớp học là những người đã được chọn lọc. Như Nguyệt thì được chọn từ nhà in Hồng Phát. Nàng liếc nhìn quanh để quan sát những người “được chọn” như mình. Có vài ba ông già bà già, một số là thanh niên thiếu nữ trẻ, còn kỳ dư là những công nhân tuổi trung niên như hầu hết các công nhân ở Sài Gòn trước đây mà Nguyệt đã từng gặp. Trên hàng ghế đầu còn có vài ba người khác, dáng ốm yếu, vai co ro, cổ lại quàng thêm cái khăn rằn ri dù trời nóng. Vẻ ốm yếu, xanh xao đi cùng với cái khăn rằn ri bây giờ như một biểu tượng của vinh quang, một dấu hiệu chứng tỏ mình là thành phần mới ở “R” tức ở Rừng về. Đám này hẳn là quan sát viên trên Thành Ủy hay ít ra cũng là vài thành phần của Ban Tổ chức lớp học.

Giọng của ông Sáu Thu rõ ràng, rành mạch. Có thể nói là sang sảng, biểu lộ một sự vừa tự tin vừa kiêu hãnh. Không kiêu hãnh cao được, khi ở đây, ông ta là đại diện cao cấp duy nhất của phe vừa chiến thắng. Không một mảnh giấy trong tay, ông ta nói liên tục, nói dễ dàng như một nguồn nước tuôn chảy. Là đại diện của Công đoàn, dĩ nhiên đề tài thuyết trình xoáy mạnh vào vai trò và nhiệm vụ của giai cấp công nhân. Nào là công nhân là giai cấp tiên tiến nhất, có linh thần cách mạng triệt để nhất, có ý thức tổ chức kỷ luật cao nhất và do đó có khả năng nhất trong việc lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động trong tất cả mọi cuộc đấu tranh giành chính quyền và xây dựng Chủ nghĩa Xã Hội.

Nguyệt hí hoáy ghi chép như một cô học trò chăm chỉ. Điều này vô tình khiến cho nàng tự nhiên nổi bật giữa đám người lố nhố ngồi chung quanh. Bởi vì mọi người quanh nàng không có ai ghi chép cả, hay nói đúng hơn, không ai có khả năng ghi chép cả. Giai cấp công nhân là “giai cấp tiên tiến” nhất như ông Sáu Thu vừa hô hoán lên, thực ra ở đây chỉ là những ông bà cụ hiền lành, ngờ ngác, những bác, những dì quanh năm làm lưng vát vả, và có lẽ trong đời ít có cơ hội cầm đến mảnh giấy hay cây bút. Cho nên những điều mà ông Sáu Thu thao thao giảng dạy áp dụng vào hoàn cảnh ở đây có vẻ mang một tính cách gì trái khoáy.

Ông ta đã giảng một bài học với những từ ngữ rồn rảng vượt lên trên trình độ của mọi người, trừ Nguyệt! Mà truy cho cùng, Nguyệt đâu có phải là một kẻ xuất thân từ giai cấp công nhân! Nhưng hình như ông Sáu Thu không nhận ra được điều đó. Sự chăm chỉ ghi chép của Nguyệt (hay sắc đẹp rực rỡ của Nguyệt?) đã khiến cho ông càng lúc càng cao hứng hơn.

Cái nhìn của ông xuống hàng cử tọa trước còn trải đồng đều ra khắp lớp học nay đã có khuynh hướng cứ dần dần tập trung về mỗi một phía có Nguyệt ngồi. Ngôn ngữ của ông cứ mỗi ngày một hoa mỹ hơn, kêu rồn rảng hơn. Ông nói:

- Trong tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và Ăng-ghe-n đã chỉ rõ rằng “Trong tất cả các giai cấp đối lập với giai cấp tư sản, chỉ có giai cấp vô sản là thực sự làm cách mạng”. Điều này tuyệt đối đúng, vì dưới chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của nền đại công nghiệp làm cho giai cấp nông dân là những người sản xuất nhỏ, ngày càng phá sản và số đông bị đẩy xuống hàng ngũ của giai cấp vô sản. Trong khi đó, giai cấp vô sản chúng ta ngày càng lớn mạnh về cả số lượng lẫn chất lượng. Chúng ta là sản phẩm của nền công nghiệp lớn và gắn liền với sự phát triển của công nghiệp lớn. Chúng ta sẽ là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và sáng tạo nên nền văn minh mới Xã Hội Chủ Nghĩa.

Cho đến bây giờ, do ý thức bén nhọn thiên phú của một người đàn bà thông minh, Nguyệt đã biết rằng ông Sáu Thu đã mê mết vì sắc đẹp của mình. Chắc chắn ông ta thừa hiểu những ngôn từ đại loại như vừa kể trên không mấy may đáp ứng được gì cho những đối tượng hiền lành, chất phác, ít học đang ngồi há hốc ra nghe mà không hiểu được gì. Như thế ông nói chỉ để có một mình Nguyệt nghe. Và ông ta rất hài lòng khi thấy Nguyệt đã tỏ ra rất chăm chú trước những lời giảng giải của mình.

Đến phần nêu câu hỏi, Nguyệt bày tỏ thắc mắc của mình:

- Thừa giảng viên, như tôi được nghe giảng viên trình bày. Giai cấp công nhân vô sản là sản phẩm của nền đại công nghiệp. Tuy nhiên ở nước ta, chúng ta đã có một nền đại công nghiệp hay chưa? Ngoài miền Bắc thì tôi chưa biết thế nào, nhưng ở miền Nam thì tuyệt đại đa số các lãnh vực sản xuất đều vẫn là sản xuất nhỏ. Theo cách diễn tả bây giờ thì gọi là manh mún, tản

mạn. Như vậy thì những công nhân ở miền Nam được xếp vào vị trí nào? Họ đã được coi là những người trong hàng ngũ vô sản hay chưa?

Ông Sáu Thu là một người có bản lĩnh. Ông che giấu được một cách tuyệt đối cái sự choáng váng vì vừa bị một con nhỏ xinh như mộng của miền Nam táng một búa vào bài giảng thao thao mà ông vừa chấm dứt. Ông chậm rãi nâng ly nước lạnh để ở mép bàn lên nhấp một ngụm rồi mới khởi sự trả lời câu hỏi Nguyệt bằng một tiếng cười khả nghe đầy vẻ bình dị và thoải mái. Rồi ông nhìn thẳng về phía Nguyệt. Đây là lần đầu tiên ông được nhìn Nguyệt một cách tự nhiên mà không sợ ai có một thắc mắc lộn cợn nào. Ông chậm rãi trả lời Nguyệt, với một giọng cố gắng che giấu sự lúng túng của mình:

- Đồng chí... đồng chí gì nhỉ?

- Dạ...Nguyệt.

- À...đồng chí Nguyệt! Đồng chí vừa nêu một câu hỏi hết sức...hết sức xác đáng. Nó gắn bó sâu sát với đề tài học tập hôm nay. Phải rồi! Đúng rồi! Miền Nam chưa có nền sản xuất lớn. Làm sao có nền sản xuất lớn được khi mà Mỹ, Ngụy dồn tất cả tài nguyên vào chiến tranh.

Nguyệt ngắt lời:

- Ngoài miền Bắc cũng dành mọi nỗ lực cho chiến tranh vậy!

Ông Sáu Thu đảo một ánh mắt nhanh như chớp và sắc lèm như lưỡi gươm về phía Nguyệt, nhưng giọng của ông ta vẫn đầy vẻ ôn tồn:

- Đúng về hiện tượng nhưng khác về bản chất, cô Nguyệt à!

Nguyệt nhận ra ngay cái sự ông ta vừa đổi cách xưng hô với mình, nhưng nàng vẫn bình tâm nghe ông ta nói tiếp:

- Trong Nam, Mỹ và những đồng minh các nước tay sai nếu có chi viện cho chính phủ Sài Gòn thì chỉ là sự chi viện nhằm tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược. Còn ở miền Bắc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em chi viện cho chúng ta lại vì những mục tiêu cao quý hơn nhiều. Này nhé! Một mặt thì vẫn tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ, một mặt thì vẫn ra sức giúp ta xây dựng tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa. Thế cho nên miền Bắc mới có khả năng xây dựng nền sản xuất đại công nghiệp. Mặc dù mới chỉ là bước đầu nhưng chúng ta cũng đã có những công trình như Thủy Điện Sông Đà nhớ, Kỹ nghệ Thép Thái Nguyên nhớ, Xí nghiệp Cao Su Sao Vàng nhớ...và nhiều cơ sở khác nữa đang bước vào nền sản xuất lớn Xã Hội Chủ nghĩa.

Ngừng một giây, lần này ông ta nhìn khắp lượt mọi người trong phòng học rồi lại tiếp:

- Tuy nhiên không phải vì miền Nam chưa có nền sản xuất đại công nghiệp như miền Bắc mà ở đây chưa có giai cấp công nhân. Có chứ! Sao lại không? Các bác, các chú, các dì, các anh chị em ở đây là thuộc về giai cấp công nhân chứ! Nhưng là các công nhân ở vùng mới giải phóng. Các bác, các chú, các dì, các anh chị em còn cần phải học tập, nghiên cứu, trao đổi nhiều...nhiều nữa để nâng cao trình độ nhận thức của mình.

Thế là ông ta chuyển được câu trả lời của mình sang một hướng mới. Ông lại bắt đầu thao thao bất tuyệt về nhu cầu học tập và lao động để mọi người có thể nâng cao trình độ nhận thức và trình độ giác ngộ cách mạng của mỗi người.

Lúc tan buổi học, cả Nguyệt lẫn ông Sáu Thu đều cố ý nán lại để có cơ hội trao đổi thêm. Ông ta khen Nguyệt:

- Thắc mắc của cô rất hay. Nội dung của mỗi thắc mắc thường biểu lộ trình độ của mỗi người. Nguyệt nhoen một nụ cười rất xinh:

- Cháu chả có trình độ gì hết đâu. Không biết thì cứ hỏi... đại à!

- Sao lại xưng cháu! Tôi có già lắm không hả cô Nguyệt?

Nguyệt đỏ mặt, tránh cái nhìn soi mói hơi có vẻ sỗ sàng của ông ta và ấp úng:

- Ông thì không già, nhưng trước người lạ... Nguyệt xưng cháu quen đi rồi.

Ông Sáu Thu làm ra vẻ bùi ngùi:

- Cô có cái tên thật hay và làm tôi nhớ tới đứa em gái của tôi. Nó cũng tên Nguyệt. Nó đã bỏ mình vì bom Mỹ trong trận Điện Biên Phủ trên không ở Hà nội năm 1972.

Lời nói này khiến Nguyệt thừa hiểu là ông hàm ý muốn ám chỉ rằng Nguyệt chỉ đáng tuổi em gái của ông ta mà thôi. Tuy nhiên nàng cũng nói một cách trống không:

- Tại có quá nhiều thắc mắc mà nhiều khi không biết hỏi ai. Lại cũng có khi nêu thắc mắc ra rồi, người ta không hiểu lại cứ tưởng mình cố tình phản động.

Ông Sáu Thu trợn mắt:

- Đâu mà lại có thể đánh giá một cách giản đơn như vậy được! Người nêu thắc mắc là người có thiện chí muốn học hỏi. Vả chẳng, càng nêu thắc mắc thì người giảng viên càng có cơ hội giúp học viên đào sâu trình độ nhận thức của mình. Cô Nguyệt đừng ngại. Bất cứ lúc nào, bất cứ thắc mắc gì mà cô thấy lẩn tránh thì cứ việc tìm tôi mà hỏi.

Nói rồi ông ta sốt sắng lấy giấy bút ghi cho Nguyệt cái địa chỉ liên lạc. Nét chữ của ông ta rõ ràng, sắc sảo. Nguyệt không chú ý đến cái địa chỉ, số nhà và số dây nói bằng cái danh vị của ông ta: Sáu Thu, bí thư Quận Ủy. Sau này, Nguyệt còn được biết thêm, ông ta là người của Thành uỷ gửi xuống tiến hành công tác tổ chức Công Đoàn cấp Quận. Có nghĩa là, ông ta thuộc giới lãnh đạo cấp cao. Điều này dễ hiểu, vì ông ta là người từ miền Bắc vào và cũng là người tham gia cách mạng từ hồi năm 1945. Trong đa số cán bộ mà Nguyệt có cơ hội được tiếp xúc, nàng đánh giá Sáu Thu là một người học thức. Ông ta có nhiều sâu của một người được đào luyện trong cả hai chế độ: nền giáo dục của Pháp trước năm 45 và nền giáo dục của xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa sau đó. Điều này lộ ra rõ ràng nhất ở cung cách ông ta ăn nói, từ ngữ mà ông ta dùng và nhất là sự nhạy bén tế nhị của một con người rất hiếm thấy trong hàng ngũ của các cán bộ.

Tuy nhiên, cảm tình của Nguyệt dành cho ông ta giảm đi rất nhiều vì đôi mắt vừa sắc vừa gian của ông. Khi cần đóng kịch, ông ta là một người hoàn toàn. Nhưng khi trở lại bản chất của chính mình, ông ta xuất hiện nguyên hình của một kẻ tàn nhẫn, trí trá và đầy tham vọng. Nguyệt rất khó chịu và bứt rứt mỗi khi bắt gặp ánh mắt của ông ta nhìn chòng chọc vào bộ ngực căng phồng sau lần áo mỏng của mình. Điều này khiến cho Nguyệt bị mất đi rất nhiều tự nhiên và nó đào thêm một khoảng cách rõ rệt giữa hai người, mặc dù trong thâm tâm Nguyệt rất muốn làm quen với một nhân vật cỡ như ông ta. Trong cái xã hội mới đầy xa lạ và bất trắc này, càng giao du được rộng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Tuy nhiên Nguyệt cũng đủ thông minh để nhận thấy chẳng có tình thân thiết đúng nghĩa nào nảy nở được trong xã hội này. Mỗi người tự đi trên sợi dây của chính mình. Kẻ tốt lành thì cố kìm giữ cho đứng vững, kẻ bất lương thì tẹt mạt hơn, còn tìm cách xô ngã người khác để giành chỗ rộng thêm cho mình.

Nguyệt vụt tìm ra nguồn gốc của những cơn sợ hãi vẫn vương của mình. Nó đúng là cái cảm giác của một kẻ thấy rõ mình đang đứng trên một sợi dây căng mà lại không phải là một kẻ chuyên nghiệp đi dây. Nguyệt mới chỉ là một người tập sự chưa có một vốn liếng kinh nghiệm nào.

Nguyệt tự nhủ, cung cách hay nhất là hãy giấu diếm những góc cạnh của mình đi để cứ tiếp tục đóng vai trò của một người ngu ngơ mới bước chân chập chững vào xã hội mới.

Về điểm này, nàng hoàn toàn chinh phục được lòng tin cậy của Vũ và Vũ rất chăm chỉ, tận tình chỉ dẫn cho nàng đến cả những tiểu tiết sơ đẳng nhất. Anh chàng đôi lúc tỏ ra si mê nhưng đều bị Nguyệt chặn lại đúng lúc. Trong cơn xáo động dữ dội của đời sống, Nguyệt có nhiều cái phải suy nghĩ, đối phó và hành động. Nàng không thấy cần thiết phải mắc mứu vào một mối tình. Cho nên, biết Toàn xa lánh mình nhưng Nguyệt không tìm cách hàn gắn những đổ vỡ. Biết Vũ vẫn tạo dịp bày tỏ nỗi lòng, Nguyệt chặn ngay lại để mối liên lạc giữa hai người không bị đẩy đi xa hơn. Về một khía cạnh nào đó, Nguyệt cũng phải tự nhận ra rằng mình cũng có điểm lạnh lùng, tàn nhẫn và có tham vọng. Duy có điều tham vọng của nàng, cho tới nay chưa hiện ra rõ rệt. Nàng cũng không biết rằng hiện nay nàng đang làm gì và nhắm tới điều gì. Đây phải chăng là một đức tính của tuổi trẻ. Lăn xả vào công việc mà không cần nghĩ đến sự đền bù. Cùng lắm, nếu có thất bại thì cũng là một cung cách để làm giàu kinh nghiệm cho chính mình.

Có lẽ chỉ có cách nhìn đó mới giải thích được hoàn cảnh của rất đông các thanh niên, nam nữ đang tham gia nồng nhiệt vào các sinh hoạt ở trụ sở Thành đoàn vào những ngày đầu sau khi Sài Gòn sụp đổ. Tuyệt đại đa số đều tham dự bằng tất cả lòng hăng say và nồng nhiệt. Họ khao khát một bầu không khí sinh hoạt trẻ trung và họ nghĩ rằng xã hội mới cũng sẽ đem lại cơ hội cho họ đóng góp được khả năng của mình. Đó là tâm tình của họ vào thời điểm ấy. Còn sau này, thực tế trả lời họ ra sao, lại là chuyện khác.

2. Toàn, Thiếu úy giải ngũ và Ông Năm Tỏa, nhân vật ở Rừng về.

Sau khoá học, Quận đoàn cử thêm một cán bộ Công đoàn về trực tiếp tham gia công tác tổ chức ở cơ sở nhà in Hồng Phát. Người ấy là ông Năm Tỏa. Ông này là người ở Khu về. Bệnh hoạn. ốm yếu. Bản tính xuề xoà dễ mến. Tuy nhiên, ông ta không phải là loại công nhân chất phác thuần túy. Cứ theo cung cách nói năng và thái độ cư xử của ông, Nguyệt đoán chừng ông ta phải xuất thân từ thành phần có Tây học. Hôm họp tất cả công nhân trong nhà in lại để nghe ông ta phát động công tác tổ chức Công đoàn, ông ấy nói:

- Thế này nhé! Ngày trước thì giai cấp bóc lột không bao giờ quan tâm đến đời sống công nhân và tạo dựng những điều kiện để làm thăng tiến đời sống công nhân. Anh chị em ta nếu ai có ốm đau, bệnh tật thì chủ nhân xí nghiệp cũng chẳng thèm biết tới. Mà hễ cứ nghỉ ngày nào thì trừ lương ngày đó. Đó là tại sao? Là tại vì họ chỉ nghĩ đến lợi nhuận. Mục tiêu của họ là càng thu về nhiều lợi nhuận bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Bây giờ thì khác. Cách mạng thành công đem lại cơ hội cho chúng ta làm chủ chính mình. Nhưng làm chủ ở đây không phải là ta đã là ông chủ rồi thì ta khỏi phải lao động gì hết mà vẫn được ăn trên ngồi chốc. Nói như thế thì có khác gì ta xoá cái chế độ bóc lột cũ để lại xây dựng một chế độ bóc lột mới. Cái ý nghĩa "làm chủ" mà chúng ta nói ở đây là chúng ta có quyền hoạch định mọi công tác, mọi tổ chức để làm thăng tiến đời sống của tập thể nhân dân lao động, điều mà trước đây, dưới chế độ cũ chúng ta không bao giờ được làm.

Ngừng một chút, ông tiếp:

- Muốn tiến hành có kết quả tốt đẹp mục tiêu đó, chúng ta phải có tổ chức, có kỷ luật. Mọi hành vi, mọi hoạt động, mọi sáng kiến đều phải được thông qua Tổ chức. Bởi không có Tổ chức thì mạnh ai nấy làm, có khi trống đánh xuôi, kèn thổi ngược dễ đi đến chỗ hỗn loạn. Tổ chức ấy là Công đoàn. Công đoàn là tổ chức của các công nhân trong xí nghiệp. Mỗi xí nghiệp có một Công đoàn Cơ sở, đặt dưới quyền lãnh đạo của Công đoàn Quận. Trên Quận là Tỉnh hay Thành phố. Trên nữa là Trung Ương. Nhiệm vụ của Công đoàn Cơ sở là phát huy quyền làm chủ tập thể của các công nhân, là tổ chức học tập để nhằm nâng cao trình độ của công nhân, là đấu tranh để khắc phục những tập quán tàn dư còn lại của nền sản xuất nhỏ. Mà những tàn dư ấy là gì? Là sự chây lười, là khinh lao động, là thích sống ăn bám, coi thường kỷ luật, nói dối, làm dối. Nói chung là ta đào luyện công nhân để trở thành những người biết lao động một cách có kỷ luật, có kỹ thuật, có óc sáng tạo để đạt được năng suất cao nhất...

Như hầu hết các buổi học tập diễn ra ở mọi nơi sau ngày 30 tháng 4 năm 75, người nói cứ nói, người nghe cứ giả bộ nghe dù đầu óc vẫn vờ nhiều chuyện phải lo nghĩ, và nhất là ít có ai dám nêu thắc mắc ngoại trừ khi đến lượt phải phát biểu thì nói chung chung, xuôi theo lời của thuyết trình viên. Công việc tiến hành tổ chức Công Đoàn Cơ sở diễn ra nhẹ nhàng, xuôi chầy như đã được dự tính. Ý của Nguyệt là muốn đưa Toàn ra nắm chức vụ Thư Ký Công Đoàn. Nguyệt biết Toàn dư khả năng làm công tác đó. Nhưng hôm trước, lúc nàng vừa ngỏ ý ấy thì đã bị Toàn hỏi sáng giọng:

- Tại sao lại là tôi nhỉ!

Mặt Toàn như đanh lại, ánh mắt của chàng long lên. Điều này nói lên sự đổ vỡ giữa chàng và Nguyệt đã tới chỗ khó có thể hàn gắn.

Có điều lạ là Nguyệt không hề cảm thấy đau xót về sự đổ vỡ này. Tình yêu gắn bó giữa nàng và Toàn như cất cánh bay đi từ lúc nào, Nguyệt không nhận ra. Có thể vì nàng quá bận rộn. Có thể vì nàng đã chọn lựa một niềm say mê mới: chạy theo những quyền lực mà trước đây chưa từng bao giờ nàng có được Nhưng chắc chắn sự xúc xược của Toàn đã đem lại cho nàng một va chạm nặng nề đến lòng tự ái. Điều này khiến mặt nàng trở nên lạnh tanh. Rõ ra là hai kẻ thù nghịch đang đối diện nhau chứ không còn là một đôi uyên ương gắn bó thiết tha chỉ trước đây mới có vài tháng. Giọng Nguyệt như rít lên giữa hai hàm răng nghiến chặt:

- Anh không bằng lòng thì thôi, nhưng đừng có cái thái độ phũ vào mặt kẻ đã có nhã ý với mình như thế.

Toàn cười khẩy:

- Cám ơn cái nhũ ý ấy của cô. Nhưng cô nên nhớ, tôi không phải là một kẻ phản bội. Dẫu mạnh xong hai chữ “phản bội”, Toàn lập tức quay người đi, không để cho Nguyệt kịp có phản ứng gì. Một việc như thế thật quá sức chịu đựng của chàng. Câu nói ấy bật ra như một cái lò so mà không hề có sự tính toán. Đã bao lâu nay, Toàn đâu có xía vô công việc đoàn thể của Nguyệt. Chàng chỉ thấy lòng lạnh tanh mỗi khi nhìn thấy Nguyệt hời hợt hờ hững mỗi khi đi đâu về. Rõ ra là một người tận tụy với công việc. Nhưng chắc chắn công việc ấy chẳng liên hệ gì tới mình. Toàn nghĩ như thế và chỉ thế thôi, chứ không tỏ thái độ hằn học gì với nàng. Cho đến khi nàng rủ Toàn tham gia công tác.

Sau lúc bỏ đi, Toàn thấy đầu óc của mình nóng ran lên, ngực bị dồn ép đến độ như bị ngộp thở. Cổ họng của chàng se đắng lại. Nhưng chàng không hối tiếc việc mình vừa làm. Chàng có đầy đủ lý do để tự bằng lòng với mình về thái độ ấy. Tuy nhiên, cơn buồn bã mênh mang cứ úp chụp lên đầu làm chàng ngơ ngẩn như một kẻ mất hồn. Toàn đã đạp xe đi lang thang hết phố này qua phố khác mà không để ý đến những hoạt động huyền ảo ở chung quanh.

Thành phố này không còn gì để chàng lưu luyến, gắn bó. Khung cảnh êm đềm, ấm cúng khi trước nay đã thay thế bằng một vẻ tuy vẫn nhộn nhịp đấy nhưng là sự nhộn nhịp ẩn chứa những nét bàng hoàng, lo âu, ngơ ngàng. Tuy mọi cảnh vật xung quanh vẫn tràn đầy sinh hoạt đấy nhưng đã bắt đầu lộ rõ sự tan hoang, sa sút, nghèo nàn.

Đạp xe lang thang từ lúc trời chưa tắt nắng cho đến lúc phố xá đã lên đèn, Toàn mới khám phá ra rằng mình đang lên cơn sốt nặng. Cổ họng chàng khô khan. Trán nóng hôi hổi. Hai bàn tay cầm tay lái mà thấy run lẩy bẩy. Toàn hời hợt đạp xe quay về nhà, quên cả chào mẹ và leo lên gác nằm thiếp đi trong cơn đầy mộng mị.

Ngày hôm sau, Toàn không đến sở làm. Ngày hôm sau nữa cũng vậy. Ở nhà in Hồng Phát. Mọi người nhao lên về sự vắng mặt bất thường của chàng. Người lo lắng nhất là ông chủ nhà in Hồng Phát. Ông ta cứ như con kiến bò quanh chảo nóng. Lâu lâu ông lại dấy nẩy lên, than thở với một vài công nhân cũ quen thuộc:

- Ông ấy nghĩ thế này là “chết ngộ giới”. Đến hạn kỳ phải giao sách học Toán cho kịp ngày khai giảng niên học mới mà không xong thì các ông cách mạng nó giết ngộ. Nó đem ngộ trôi sông. Tình hình khẩn trương này được báo cáo lên ông Năm Tỏa. Ông ta có vẻ không bằng lòng khi được biết rằng chỉ có một mình Toàn là người duy nhất có khả năng xếp chữ được những trang sách với những ký hiệu Toán chẳng chịt. Ông ta trách Nguyệt:

- Sao cô lại ỷ lại về một khâu như thế vào tay có mỗi một người. Trong công tác tổ chức, đấy là một khuyết điểm quan trọng không thể chấp nhận được.

Nguyệt đáp ứng:

- Cháu cũng đã có kế hoạch đào luyện thêm nhân sự vào tổ xếp chữ môn Toán. Chỉ hiềm vì số công nhân có trình độ một chút hãy còn hiếm hoi quá. Để phân biệt con số 2 với lữ thừa bậc 2 trong bản thảo viết ngoáy, không phải công nhân nào cũng có thể làm được. Ấy là chưa kể những ký hiệu trong các bài toán Đạo hàm, Nguyên hàm, Tích phân....

Ông Năm Tỏa có vẻ cảm thông ngay với Nguyệt nên không cần nhằn gì thêm nữa mà chỉ lấy giấy bút ra hí hoáy ghi chép rồi nói:

- Tôi sẽ đặt vấn đề này lên Quận để giúp cô giải quyết mau chóng tình trạng thiếu sót đó. Trong khi chờ đợi, cô cũng nên tiếp xúc tìm hiểu xem cá nhân anh Toàn có điều gì lẩn cấn không khắc phục được.

Lần đầu tiên Nguyệt nói dối ông ta và may cho nàng, lời nói dối ấy lại trùng với sự thực:

- Anh ấy chỉ đau ốm thôi chứ chắc không có gì lẩn cấn cả.

Ông Năm “à” lên một tiếng thỏa mãn và nói tiếp:

- Nếu chỉ ốm đau thôi thì tốt! Để tôi thử đi tiếp xúc và tìm hiểu coi sao.

Thế là ông ta xách xe đạp tìm đường đến địa chỉ của Toàn.

Hôm ấy Toàn đã ốm khỏi và đang loay hoay tra dầu mỡ vào ổ bi của chiếc xe đạp dựng ở ngay

trước sân. Rõ ràng là Toàn đã có thái độ chọn lựa: Chàng không thể nào quay lại nơi chốn mà ở đó tình yêu của chàng đã bị bầm giập não nề. Thành ra khi thấy bóng dáng của ông Năm hiện ra ở khung cửa gỗ ngoài hàng rào, Toàn không lấy thế làm bối rối. Chàng thản nhiên đứng dậy, vừa chùi tay vào mảnh giẻ rách đầy dầu mỡ, vừa tiến ra mở cổng:

- Chào ông Năm. Tôi không ngờ lại được ông tới thăm.

Giọng ông Năm sốt sắng:

- Đáng lẽ ra tôi phải tới thăm anh lâu lắm rồi ấy chứ. Mà điều công việc bề bộn quá. Sao? Hôm nay anh thấy khỏe khoắn lại chưa?

- Cám ơn ông, tôi đã bình phục hoàn toàn. Cảm sốt lãng nhãng, có gì đâu mà ông phải bận tâm.

Đến giây phút ấy thì ông Năm Tỏa nhận ngay ra được sự vắng mặt của Toàn là đã phải có điều gì bất thường. Ông muốn kéo dài thời gian suy nghĩ của mình trước khi trực diện với cái bất thường đó. Nên ông chỉ mỉm cười nói lảng qua chuyện khác:

- Anh ở đây yên tĩnh quá nhỉ. Mùa hè mà có giàn hoa giấy này chắc mát!

Toàn lẳng lặng bước vô nhà, kéo ghế mời ông ta ngồi rồi xin phép đi sửa soạn nước uống.

Trong khi Toàn vắng mặt, ông Năm Tỏa được tự do nhìn khắp quang cảnh chung quanh. Cái bàn kính dài có sáu chiếc ghế nơi ông đang ngồi kê ở sát vách tường phía bên phải. Sau lưng ông là khuôn cửa sổ nhìn ra sân trước, chỗ Toàn vừa lúi húi sửa xe. Trước mặt ông là một tấm vách ngăn đôi phòng khách bên ngoài với gian bên trong. Dựa lưng vào tấm vách này là một cái kệ sách trong để lựa thưa vài cuốn tự điển và một số sách mà ông không nhìn rõ nhan đề ở sau gáy. Phía trên kệ sách là hai bức tranh sơn dầu cũ kỹ, một vẽ tĩnh vật với vài quả cam, quả táo xếp hỗn độn bên cạnh một bình hoa và một bức vẽ cảnh phố nghèo, nhà cửa lụp sụp với hậu cảnh là những dãy building rực rỡ ánh đèn ở phía xa. Ông Năm giả bộ tiến về phía kệ sách để ngắm nghía một cách kỹ lưỡng bức tranh, nhưng mắt ông cũng đã không bỏ qua những cuốn sách trong kệ mà vừa mới đây ông chưa nhìn thấy rõ gáy sách.

Đó là một vài cuốn tiểu thuyết mới xuất bản gần đây, như cuốn Thép Đã Tôi Thế Đây của Boris Polevoi, cuốn Vùng Trời của Hữu Mai, cuốn Con Đường Đau Khổ của Alexei Tolstoi xếp bên cạnh cuốn sách giáo khoa về Hình Học, về Đại Số Học. Có cả một cuốn Truyện Kim Vân Kiều do một nhà xuất bản của Sài Gòn cũ ấn hành nữa.

Lúc Toàn bưng nước ra mời, ông Năm Tỏa chỉ tay vào bức tranh sơn dầu và nói:

- Ngày trước dịch nó cũng để cho tự do treo những loại tranh này sao?

Toàn ngạc nhiên:

- Thưa ông, có gì đâu?

- Bức tranh vẽ nhà cửa lụp sụp tồi tàn ngay ở giữa những khu phố có nhiều cao ốc đèn đóm sang trọng. Nội dung đã tố cáo một xã hội đầy bất công, chênh lệch.

Toàn bật lên cười:

- Hồi trước, chúng tôi chỉ nhìn một họa phẩm theo khía cạnh nghệ thuật, không nhìn theo quan điểm chính trị.

Ông Năm cũng mỉm cười, nhưng đầy vẻ chế giễu:

- Nghệ thuật nào mà không có nội dung chính trị! Tách nghệ thuật ra khỏi chính trị là quan điểm ngây thơ, ấu trĩ.

- Có những tác phẩm nghệ thuật vượt qua được mọi không gian và thời gian. Giá trị của nó không bị lệ thuộc vào bất cứ một khuynh hướng chính trị nào.

- Thí dụ?

- Như truyện Kiều của ta chẳng hạn.

- Ô! Truyện Kiều có một nội dung hiện thực phê phán rất là cao. Nó tố cáo cả một xã hội phong kiến thối nát, đầy rẫy những bất công, tham nhũng của giai cấp thống trị.

- Theo ý tôi, đó chỉ là dấu vết đương nhiên của xã hội ở vào thời kỳ mà tác phẩm ấy đã được ra đời. Nhưng chân giá trị của truyện Kiều không phải ở chỗ đó. Phải xét nó trên lãnh vực văn chương.

- Văn chương chỉ là một bộ phận sinh hoạt của xã hội. Và không có một loại văn chương nào

mà lại không mang dấu vết của những khuynh hướng chính trị trong xã hội đó. Một là nó phục vụ cho giai cấp thống trị, hai là nó làm đồn bầy cho giai cấp bị trị thống khổ biết vùng lên. Đó là quan điểm đấu tranh giai cấp không thể nào phủ nhận được.

Toàn chỉ lên bức tranh tĩnh vật ở gần chỗ ông Năm ngồi và hỏi:

- Vậy thì theo ông, bức tranh tĩnh vật này phục vụ cho giai cấp bị trị hay thống trị?

Ông Năm xoay hẳn người lại, nhìn ngắm những quả táo đỏ ửng trong bức vẽ rồi mỉm cười:

- Ở vào thời kỳ mà những bất công, áp bức còn tồn tại trong xã hội thì bất cứ một tác phẩm nghệ thuật nào ru ngủ, làm cho người ta quên đi hiện tại đau khổ mà họ đang phải chịu đựng thì đều thuộc về loại tác phẩm phục vụ cho giai cấp thống trị.

- Nếu cứ xét theo quan điểm đó của ông thì những sách vở của miền Bắc mà tôi được đọc sau này, tôi thấy chỉ toàn tô hồng cho đời sống. Trong khi đó hẳn ông cũng đã rõ là dân chúng vẫn thiếu thốn, khổ cực. Như vậy những sách đó đã chỉ phục vụ cho giai cấp thống trị mà thôi sao?

Ông Năm Tỏa vừa nhìn thẳng vào mắt Toàn vừa chọt thốt lên:

- Ôi chà! Mình bỗng nhiên đụng tới một vấn đề đáng gọi là “căng” đây! Nó căng không phải chỉ giữa anh và tôi, giữa người đã từng tham gia cách mạng và người ở vùng mới giải phóng mà còn căng ngay cả ở trong giới cầm bút ngoài miền Bắc. Cái đám Nhân Văn Giai Phẩm đó! Tuy nhiên tôi thử cố trình bày để mong có thể giúp anh soi sáng thêm được gì không nhé.

Ngưng một lát, ông Năm Tỏa nói tiếp:

- Có hai điều phải nêu rõ trong câu thắc mắc của anh. Một là đích thị những tác phẩm văn học ở miền Bắc đang phục vụ cho giai cấp thống trị hiểu như giai cấp đang nắm chính quyền. Hai là sử dụng từ ngữ giai cấp thống trị vốn mang ý nghĩa xấu xa, cho chế độ miền Bắc là không đúng. Bởi vì đó là chế độ phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động là thành phần chiếm tuyệt đại đa số trong quần chúng.

- Nếu con đường của nghệ sĩ đã bị vạch rõ ra như thế thì người nghệ sĩ đâu còn chút tự do gì để sáng tạo nữa?

Ông Năm lại mỉm cười:

- Cái này lại là một vấn đề khác nữa phải nhìn cho rõ. Anh vừa sử dụng hai chữ tự do. Ừ thì tự do. Tự do là quý, chẳng thế mà bác Hồ đã nói “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Nhưng bản chất hai chữ tự do là gì? Chúng tôi quan niệm rằng tự do không phải là ai muốn nghĩ gì thì nghĩ, làm gì thì làm. Đó chỉ là cái tự do vô tổ chức. Cần phải hiểu rằng tự do phải nằm trong ý niệm biết rõ sự tất yếu trong quá trình đi lên của lịch sử loài người. Sau tư bản chủ nghĩa, tất yếu là phải đi tới Cộng sản chủ nghĩa mà bước trung gian là Xã hội chủ nghĩa. Người nghệ sĩ nhận thức được điều tất yếu đó thì tha hồ tự do sáng tạo để góp phần thúc đẩy cho cái tất yếu đó mau chóng được thực hiện.

Thấy Toàn có vẻ đứng đưng trước sự cung ứng bài học cốt tủy mà mình vừa đưa ra, ông Năm ngưng lại mấy giây rồi tiếp:

- Tôi hiểu rằng đây là bước nhận thức rất cam go, không phải dễ gì ngày một ngày hai mà anh tiếp thu được. Anh cứ việc thắc mắc. Cứ việc trần trở. Sự thắc mắc, trần trở là những bước tất yếu ai cũng phải trải qua. Không qua giai đoạn đó mà chấp nhận bừa bãi thì chỉ là những kẻ giả dối bề ngoài, những bọn cơ hội chủ nghĩa. Nhưng cũng có một cách tốt nhất giúp anh mau chóng tiếp thu tư tưởng mới, đó là quá trình chuyển hoá trong lao động. Lao động thật tốt sẽ giúp anh dần dà nhận thức ra được cái chân lý đó.

Ông Năm nói một hơi không nghỉ. Toàn có cảm giác như mình vừa đụng phải một cái nút bấm trong con người của ông. Cái nút làm vận chuyển một cuốn băng đã được thu sẵn, bất cứ lúc nào cũng có thể phát ra, đầy đủ, trọn vẹn những ý tưởng mà không ai có cách gì xoay chuyển được.....

Toàn cũng rất muốn trình bày những lý lẽ của mình để vạch ra rằng cái “tất yếu” tiến lên xã hội Xã hội Chủ nghĩa mà ông Năm vừa trình bày đã hoàn toàn lạc hậu ở thời đại 100 năm sau Karl Marx, bởi vì giai cấp bóc lột ở thời Marx không giữ nguyên vĩnh viễn cái tính chất tàn khốc lúc ban đầu mà chính nó cũng đã tự chuyển hoá, tự thích ứng để tồn tại. Kết quả là đời sống của các công nhân ở các quốc gia tự do đã được nâng cao, giờ giấc làm việc ngày một giảm đi, các

tổ chức nghiệp đoàn được thành lập để quân bình thế lực giữa hai giới chủ nhân và công nhân trong xí nghiệp. Sự bóc lột đương nhiên bị giảm thiểu. So với thực tế, đời sống người công nhân trong xã hội chủ nghĩa còn thấp kém hơn công nhân ở xã hội tư bản rất nhiều.

Nhưng Toàn cũng biết thừa ra rằng nếu có đem những điều đó ra trình bày thì ông Năm cũng sẽ có đủ lý luận để bào chữa. Ông ta sẽ nói rằng những cái mà công nhân ở nước tư bản thì cho chỉ là một phần nhỏ so với những nguồn lợi kếp sù do chính bàn tay lao động của giai cấp công nhân tạo dựng nên. Mặt khác, những tiện nghi mà Toàn nói trên cũng chỉ là tiện nghi của thành phần công nhân quý tộc, một tầng lớp công nhân phản bội quyền lợi giai cấp của mình, cấu kết với giai cấp thống trị để hưởng lợi nhiều hơn so với đồng bạn. Bên cạnh đó, tuyệt đại đa số công nhân trên thế giới vẫn còn làm than cơ cực. Bởi thế mới có khẩu hiệu “Vô sản trên toàn thế giới, đoàn kết lại!”. Những lập luận này đầy rẫy trong sách vở, chẳng cần nghe ông Năm nói chàng cũng đã thấy rồi.

Rút cục, Toàn không cảm thấy hứng khởi gì trong một cuộc tranh luận không có lối thoát như thế.

Một lát sau, ông Năm Tỏa đổi qua một đề tài khác:

- Hôm nay tôi đến đây, trước là để thăm hỏi xem anh ốm đau ra sao. Sau nữa để tìm hiểu xem anh có vấn đề gì khó khăn ở sở làm mà không giải quyết được.

Toàn chối:

- Tôi có bị khó khăn gì đâu!

Ông Năm Tỏa nhìn thẳng vào mắt Toàn, mặt ông thoáng một vẻ nghiêm nghị nhưng rồi lại dịu ngay xuống với những nét hiền hoà:

- Nếu vậy thì tốt! Ngày mai anh tiếp tục đi làm lại chứ?

Toàn suy nghĩ rồi ngập ngừng:

- Tôi có những vấn đề riêng thuộc về gia đình chứ không phải vì sở làm. Tôi nghĩ rằng tôi cần một thời gian để giải quyết

Ông Năm Tỏa móc túi ra gói thuốc. Vừa mời Toàn vừa châm cho mình một điếu. Cử chỉ chậm chạp kéo dài của ông cộng với vầng trán cao hơi nhăn lại và ánh mắt đăm chiêu biểu lộ một cách cố ý cho Toàn thấy là ông cũng đang quan tâm và chia sẻ với Toàn về những nỗi khó khăn riêng tư đó của Toàn. Sau đó ông mới chậm rãi nói:

- Anh Toàn ạ. Tôi cảm thông với anh về sự khó khăn mà tôi chắc anh đang phải phấn đấu ghe gớm lắm. Nếu anh cảm thấy tôi có thể giúp được gì cho anh, xin anh cứ nói. Mặt khác tôi cũng đề nghị anh lưu tâm tới tình hình khẩn trương mà chúng ta đang phải đối phó ở nhà in. Hàng triệu các cháu học sinh các cấp lớp đang trông chờ những cuốn sách phải được in ra cho kịp thời điểm khai giảng niên học mới. Thành ủy rất quan tâm đến vấn đề này. Chắc anh hiểu chứ? Toàn hiểu ngay ông ta đang đem Thành ủy ra dọa mình. Tuy nhiên, lòng Toàn lạnh băng mà không có đôi chút cảm giác sợ hãi. Sự chán chường, mệt mỏi dẫn chàng tới thái độ buông xuôi. Mặc kệ! Muốn lới đầu thì tới! Do đó chàng cố tình kim giữ để không phải nói với ông Năm một lời gì, dù từ chối hay hứa hẹn. Thấy chàng im lặng, ông Năm đứng dậy ra về sau khi tươi cười (về tươi cười gượng gạo mà Toàn nhìn thấy rõ):

- Vậy ráng đi anh nhé! Chúng mình còn vô số cơ hội để trao đổi với nhau về đủ loại vấn đề.

Khi ông Năm đi khỏi, Toàn có cảm giác nhẹ nhõm như kẻ vừa thoát ra khỏi một con đường hầm đầy ám khí nặng nề. Chàng nghĩ đến một ngày tự do thông thả trước mặt. Đã lâu lắm rồi, chàng chưa đến thăm một vài người bạn thân mà chàng biết rõ bọn họ còn kẹt lại đi không được. Chương trình phác họa trong đầu chàng là xuống bếp chuẩn bị bữa cơm trưa thay cho mẹ chàng hôm nay mà bà cũng bị cảm sốt không ngồi dậy được. Sau đó chàng sẽ đạp xe xuống trường đưa Phú Thọ để thăm Nghĩa, cái anh chàng nhà văn, một vợ hai con này không biết từ ngày “Cách mạng” vô, đã làm gì để nuôi sống gia đình. Chàng tự nhủ nếu không gặp Nghĩa thì mình sẽ quay về Lăng Ông Bà Chiểu để tìm gặp Hoàn. Hoàn nghe nói đã đăng ký trở lại để đi dạy học. ‘Tuy nhiên bây giờ năm học chưa khai giảng, chắc cả hai sẽ có thì giờ để hàn huyên.

Toàn chợt khám phá ra rằng trong mọi sự tính toán vừa nảy ra trong đầu, tuyệt nhiên chàng

chẳng hề bận tâm gì tới Nguyệt cả. Nàng đã xa lác trong ý nghĩ của chàng. Một cuộc tình đã sang trang mà không lưu lại dấu vết đau thương nào. Toàn cầu mong được như thế. Nhưng biết đâu sẽ có lúc nó trở dậy, nghiền nát trái tim bầm dập của chàng.

Lúc lui cui trong bếp, Toàn mới có dịp trực diện với những vấn đề nhỏ nhặt trong đời sống, điều mà từ trước tới nay, qua bàn tay bảo bọc của mẹ già, chẳng bao giờ chàng phải bận tâm tới. Gạo hết. Củi hết. Thức ăn trong trạn chỉ lỏng chông một đĩa dưa muối và mấy cọng đầu tôm rang mặn. Đời sống thực tế thiếu thốn hiện lên rõ trong quang cảnh lạnh tanh của những chiếc rổ rá sứt cạp treo trên vách ám đen muội khói và những cái bếp bằng những viên gạch nung bao quanh bởi đám tro tàn.

Bỗng Toàn nghe tiếng gọi cồng và khi chạy ra, chàng ngạc nhiên thấy người khách tới thăm lại là ông Hồng Phát. Đây là lần đầu tiên ông ta tìm tới căn nhà khuất nẻo trong ngõ hẻm này của Toàn. Tuy con người của ông vẫn còn phốp pháp, phì nộn nhưng so với thời kỳ vàng son thuở xa xưa, nom ông bây giờ sạm đi thấy rõ.

Nhớ lại hồi mấy tháng trước, khi được Nguyệt đánh giá, liệt ông vào thành phần Tư Sản Dân Tộc, tuy chẳng hiểu ngô khoai thế nào, nhưng dính được vào hai chữ “dân tộc” là ông cũng yên tâm phần nào. Ông tự nhủ phải giữ mình tối đa để mong “Cách Mạng nó giảm thiểu tội lỗi cho mình”, mặc dù trong thâm tâm, ông chẳng thấy mình có tội lỗi gì cả.

Trong những ngày đầu nhà in bắt đầu hoạt động trở lại, ông tránh tối đa để không ngồi vào cái bàn giấy bằng gỗ gụ ở văn phòng với chiếc ghế đệm da kền càng có thể xoay đủ bốn phía. Một đôi lần ông ngó ý nhường chỗ làm việc đầy tiện nghi ấy cho Nguyệt, nhưng nàng chỉ cười ngỏn ngoèn:

- Không sao đâu bác. Cháu kê cái bàn bên phòng chứa giấy để làm việc được rồi. Ở đây là phần hành của Ban Quản đốc mà.

Rồi như cảm thông với thái độ tằn ngần của ông, Nguyệt an ủi thêm:

- Bác cứ yên tâm đi. Chính sách của “trên” đã rõ ràng. Bác là Tư sản Dân tộc, tuy đối với Cách Mạng cũng có vấn đề, nhưng không đến nỗi. Đối tượng chính của nhà nước bây giờ là bè lũ Tư sản Mại bản kia.

Nói rồi Nguyệt bỏ đi. Hình như chính nàng cũng không tin tưởng ở lời giải thích của mình. Cho nên tốt hơn hết là không nên nhiều lời. Hứa hẹn với ông ta nhiều, mai một nhớ có khác đi, khó ăn khó nói. Ấu đó cũng là cái bản chất có hậu của những người đã sống ở vùng tự do, chứ không quay quắt, trở mặt trắng trợn như con người cộng sản chính hiệu ứng xử đúng theo chủ trương cứu cánh biện minh cho phương tiện, tức là có thể làm bất cứ cái gì miễn là đạt được mục đích thì thôi.

Ông Hồng Phát đem mối ưu tư của mình thuật lại với Toàn. Chàng cũng chỉ biết giải thích thêm qua những tài liệu đã học tập:

- Tư sản Mại bản là toàn thể những người trước đây thuộc ngành nghề xuất nhập cảng. Họ bị kết tội cấu kết với tài phiệt nước ngoài để lũng đoạn kinh tế và bóp chết các ngành sản xuất trong nước. Kỳ dư những người làm ăn buôn bán khác, có đôi chút máu mặt thì được gọi chung là Tư sản dân tộc. Lớp người này tuy cũng thuộc thành phần đi bóc lột nhưng tội không nặng bằng. Việc đối xử cũng còn tùy theo đối tượng.

Ông Hồng phát kêu lên:

- Ái ...da..a...Nói vậy là ngộ cũng bị liệt vào thành phần bóc lột sao?

- Đương nhiên!

- Nói vậy sao được! Ngộ mướn người. Ngộ có trả lương cho nó. Nó bằng lòng đi làm, cuối tháng lãnh lương còn cảm ơn rồi rít. Vậy bóc lột ở chỗ nào?

Toàn cười khẩy và chàng chợt có cảm giác như mình cũng đang truy bức những kẻ phạm tội. Nhưng đây là chính sách nhà nước đang thi hành chứ đâu phải chàng bịa ra để dậm dọa ông ta. Ông ta phải hiểu rõ để tự lo lấy số phận của mình:

- Nè! Số lương mà ông trả cho họ chỉ bằng một phần mười số lời mà ông kiếm được. Vậy là khi không, ông ngồi mát ăn bát vàng, tức là đã làm giàu trên sức lao động của người khác, mặc dù vì sinh kế nên họ phải thỏa thuận để có chỗ làm việc.

Ông Hồng Phát lại kêu lên:

- Làm sao so bì được như vậy! Họ là thợ. Ngộ là chủ. Họ tay không đến làm việc. Còn ngộ, ngộ có nhà máy, có cơ xưởng, có vốn bỏ ra điều hành.

- Hãy chưa nói gì đến nguồn gốc của cái vốn mà ông bỏ ra trang bị toàn bộ cho xí nghiệp, vì nếu truy đến cùng thì nó cũng chỉ được tạo dựng nên từ những cơ sở của sự bóc lột. Nhưng ngay từ thực tế cái xí nghiệp này, ông cũng chỉ được hưởng một phần số lợi do chính sức làm việc của ông mà thôi. Kỳ dư là của công nhân. Nếu ông hưởng thụ trên số đó tức là ông đã xâm phạm vào cái giá trị thặng dư của công nhân rồi. Vì thế họ kết tội ông là bóc lột.

- Ngoài sức của ngộ làm ra, còn cái máy nó cũng làm. Ngộ hưởng thêm là do cái máy đó chớ. Đâu có ai bóc lột ai. Bộ có cả chuyện đi bóc lột cái máy nữa sao?

- Ở thì cái máy, cái nhà, cái vốn đều là của ông. Mà điều nhà ấy, máy ấy, vốn ấy ông lấy ở đâu ra?

- Ai da... cái này là của ông bà, cha mẹ ngộ để lại cho ngộ mà...

- Thế thì ông bà, cha mẹ của ông cũng đã từng đi bóc lột những thế hệ công nhân từ đời nào, đời nào, làm sao ông biết!

Ông Hồng Phát mặt đỏ tía tai, la to lên:

- Nói thế thì còn chuyện phải quấy mẹ gì nữa!

Toàn cười khanh khách:

- Vậy đó! Cháu chỉ nói theo lập luận của cán bộ để ông biết con đường mà mình sẽ phải đi qua. Họ đang làm cái việc “tước đoạt lại của kẻ đi bóc lột” nên đừng có ảo tưởng khi thấy họ gán cho mình hai chữ “dân tộc” mà vội mừng. Khỏi đi tù là may, ông ơi!

Ông Hồng Phát hậm hực:

- Vậy còn làm được cái gì. Cúng mẹ hết nhà máy cho cách mạng rồi về quê dưỡng lão đi cho rồi.

Toàn lại kêu lên:

- Ấy! Đâu được! Ông làm thế họ lại cho là có tinh thần bất hợp tác, phá hoại công tác sản xuất đang tiến hành. Tội ấy là phản động còn nguy hơn gấp bội lần.

Ông Hồng Phát cất tiếng than:

- Biết mình sẽ bị kết tội. Vậy mà vẫn phải vui vẻ, tận tụy làm việc. Thế thì có khác gì mình là con trâu, con bò ngày mai bị chọc tiết mà hôm nay vẫn phải ra sức đi cày hay không.

Toàn búng ngón tay thành một tiếng kêu thật dòn:

- Thấy rõ điều ấy là ông đã hiểu ra vấn đề rồi đó!

Mặt ông Hồng Phát bạc nhược hẳn ra. Mồ hôi đổ lấm tẩm trên vầng trán hói. Ông nhìn Toàn bằng ánh mắt hoàn toàn tuyệt vọng khiến Toàn liên tưởng tới ánh mắt của con trâu lúc biết mình sắp sửa bị đem ra chọc tiết. Cái ánh mắt này, cùng với biết bao nhiêu ánh mắt khác mà Toàn đã từng được trông thấy kể từ sau ngày 30 tháng Tư. Tuy nó không giống hệt nhau về mỗi hoàn cảnh nhưng lại đồng dạng với nhau ở chỗ như cùng nói lên một tâm trạng bi thương, tuyệt vọng của những kẻ đã bị dồn tới bước đường cùng. Như ánh mắt của người lính Cộng Hoà trút bỏ bộ quần phục vứt rải rác trên đường Trương Minh Giảng, như ánh mắt của những người thất thế thiếu nã xách cái bị nhỏ từ già vợ con lên đường “học tập cải tạo” hay như của những người chất từng cái túi xách trong đưng vài bộ quần áo cũ rách buộc kèm với cái xoong, cái nồi lên chiếc xe ba gác hôm phải rời bỏ căn nhà thân yêu cũ để lên đường đi về vùng Kinh Tế Mới.

Những ánh mắt ấy đã trở thành một nỗi ám ảnh đối với Toàn trong những đêm dài mất ngủ...

(trong Mồ Hôi của Đá- 1988)

Hành trình đi tìm tự do bằng
tàu thuyền qua ngã Thái Lan

Đào thoát khỏi quê hương đang bị Cộng sản cai trị để tìm về một xứ sở tự do, đó là điều mà hầu hết những người Việt Nam hiện nay đều mơ ước. Trước chúng tôi và cả sau chúng tôi nữa sẽ còn nhiều đoàn người tiến ra biển Đông, bằng tàu thuyền, đem chính mạng sống của mình thách đố với muôn vàn hiểm nguy một phần sống, chín phần chết.

Có những đoàn người đã thành công rực rỡ, nay đã sống yên ổn ở một đất nước tự do, nhưng cũng có không thiếu gì những đoàn người đã chết dững cãm trong âm thầm và tức tũ giữa sóng gió ngoài biển Đông. Chúng tôi đã tích lũy những kinh nghiệm sống của người đi trước để chuẩn bị cho chuyến đi của chính mình, và chúng tôi cũng mong mỗi rằng cuộc hành trình gian khổ của chúng tôi sẽ đem lại cho những người đi sau một số kinh nghiệm mới. Chính vì tinh thần liên đới đó mà chúng tôi tường thuật lại chuyến đi của mình, đồng thời chúng tôi cũng mong mỗi rằng những đau thương mà chúng tôi phải chịu đựng trên con đường đi tìm tự do sẽ góp phần làm rạn vỡ thêm ý nghĩa cao quý của hai chữ TỰ DO.

Đoàn chúng tôi gồm 81 người, bao gồm những nhóm nhỏ của nhiều gia đình chưa từng quen biết nhau, và chúng tôi chỉ thực sự gắn bó với nhau kể từ khi cùng nhau chia xẻ những biển cả đau thương mà chúng tôi đã trải qua trong cuộc hành trình. Kiểm điểm lại, thành phần của chúng tôi khá phức tạp: Có những người thuộc giới văn nghệ sĩ như nhà văn, ký giả, phóng viên báo chí, đạo diễn ngành vô tuyến truyền hình, có những người thuộc giới khoa học kỹ thuật như giáo sư đại học, kỹ sư nông lâm, kỹ sư hóa học, chuyên viên ngành vô tuyến viễn thông, huấn luyện viên ngành sửa chữa cơ khí máy bay, cũng có cả thầy tu, ni cô, các sĩ quan từ cấp Ủy đến cấp Tá đào thoát khỏi trại cải tạo của Cộng sản, nhưng thành phần đông nhất cũng vẫn là các anh chị em sinh viên thuộc đủ mọi phân khoa đại học Sài Gòn nằm trong hạn tuổi nghĩa vụ quân sự của nhà nước Cộng sản.

Chúng tôi rời Việt Nam vào ngày 19-10-1979 xuất phát từ Vũng Tàu, dự định tiến về hướng Mã Lai với hy vọng được tàu bè của các nước tự do cứu vớt. Nhưng chỉ mới ra khơi được gần một ngày thì biển động dữ dội. Tự liệu con thuyền mỏng manh 14 thước của chúng tôi không thể chịu nổi sóng gió to lớn, chúng tôi bắt buộc phải đổi hướng đi xuôi dọc theo bờ biển Việt Nam với chủ đích sẵn sàng chấp nhận số phận trở lại Việt Nam khi nào con thuyền không còn hy vọng đi xa. Quả nhiên, qua sang ngày thứ ba thì thuyền của chúng tôi bị chết máy, bình điện lại hư không thể cho máy nổ được trở lại. Thế là chúng tôi đành bó tay mặc cho sóng gió đưa đi qua mũi Cà Mau và sau đó đẩy chúng tôi ngày càng xa hải phận Việt Nam. Kể từ đó chúng tôi mất định hướng, không chấm nổi tọa độ con thuyền, đành phó mặc cho sóng gió đưa đi. Tám ngày lênh đênh trôi giạt, dù ở trên thuyền đói ăn, thiếu uống trầm trọng (có người phải đi tiểu rồi uống), nhưng chúng tôi vẫn phải duy trì nhiệm vụ chia phiên tát nước bằng lon hộp cầm tay, 24 giờ trên 24 giờ để đối phó với tình trạng nước vào thường xuyên trong các khoang thuyền. Đêm đêm, chúng tôi cũng còn chia phiên gác lửa đốt lên làm hiệu với hy vọng tàu bè lưu thông trên biển nhìn thấy mà cứu vớt. Tiếc thay chúng tôi đã gặp 7, 8 con tàu đi qua trước mắt, nhưng không một tàu nào quan tâm tới dấu hiệu báo nguy khẩn cấp của chúng tôi. Cho tới ngày thứ 10 của cuộc hành trình thì chúng tôi gặp một tàu đánh cá, khi đó chúng tôi mới biết là mình đã trôi giạt vào vịnh Thái Lan. Những ngư phủ trên tàu này đã mở một cuộc lục soát đầu tiên trên con tàu của chúng tôi, tịch thu tất cả đồ nữ trang, đồng hồ và một số quần áo mà họ ưng ý. Sau đó họ sửa chữa máy móc, cho mượn bình điện để nổ máy và chỉ tọa độ cho chúng tôi đi vào đất liền. Nghe tiếng máy nổ ròn rã trở lại trên thuyền, chúng tôi vô cùng phấn khởi và vui mừng. Nhưng niềm vui chẳng kéo dài được bao lâu, ngay 5 giờ chiều của ngày hôm sau chúng tôi lại bị hai tàu đánh cá khác kè sát, những ngư phủ lại nhả qua lục soát chúng tôi thêm 2 lần nữa, đồ đạc quần áo còn lại đều bị tước đoạt. Tuy mất mát đủ thứ nhưng chúng tôi vẫn khắp khởi mừng thầm bởi vì cho tới khi đó những phụ nữ trên thuyền của chúng tôi chưa có ai bị xâm phạm. Hình như vì không cướp bóc được vật gì quý giá, những ngư phủ trên một trong hai tàu đã tức giận muốn húc chìm con thuyền của chúng tôi. Toàn bộ phụ nữ và trẻ em trên

thuyền phải kéo nhau lên hết trên mũi quỳ lạy họ liên hồi, do đó con thuyền mong manh của chúng tôi bị húc văng xuống biển nguyên một cái mái che ở trên cùng dùng làm chỗ cho tài công quan sát, đặt hải bàn để lèo lái con thuyền. Cuối cùng một chiếc tàu đánh cá bỏ đi, còn một cái nữa đã dòng giãy qua thuyền của chúng tôi để kéo vào hoang đảo Kra nơi cách địa phận quận Pakpanang thuộc tỉnh Nakornsri thamaraj chừng 5, 6 giờ tàu chạy. Trời lúc đó đã tối hẳn, chủ tàu cho đốt đèn lên, lừa chúng tôi qua hết bên tàu của họ, rồi sau đó lại tuần tự kêu từng người trong nhóm chúng tôi ra để lục soát tỉ mỉ một lần nữa với mục đích tìm vàng hay dollars cất dấu. Mọi người sau khi bị khám xong được đưa trở lại thuyền cũ, cứ thế cho đến hết. Cuối cùng chúng tôi được họ kéo thuyền cho cập sát vào đảo để đổ bộ lên, còn con thuyền thì họ dòng qua một bãi khác để tháo máy móc mang đi.

Toàn thể chúng tôi ai nấy đều vui mừng khi được đặt chân lên đất liền dù chỉ là một cái đảo hoang. Cơn sợ hãi vì đắm thuyền giữa biển cả kéo dài từng giờ, từng phút triền miên trong tám ngày đêm liên tiếp bây giờ kể như đã chấm dứt. Chúng tôi nằm lăn trên bãi biển đầy sỏi đá san hô, lòng nhẹ nhàng như vừa cất được một gánh nặng, sau đó ai nấy đều ngủ được một giấc an lành nhất kể từ ngày ra đi.

Hai ngày sau đó chúng tôi tổ chức tạm thời đời sống ở trên đảo với một số thực phẩm mang được từ thuyền xuống. Nhờ một hang đá chật hẹp, chúng tôi đã có thể trú chân che mưa nắng cho phụ nữ và trẻ em. Chúng tôi cũng cho cắm một lá cờ trắng sơn ba chữ S.O.S lên một mỏm đá cao với hy vọng mong manh rằng các tàu bè hay phi cơ qua lại sẽ nhìn thấy chúng tôi mà cứu vớt. Do thực phẩm ít ỏi, chúng tôi hạn chế mỗi bữa chỉ ăn mỗi người một chén cháo loãng cầm hơi. Nước ngọt có sẵn ở những hõm đá trên núi cao do nước mưa đọng lại. Những toán thanh niên khỏe mạnh hàng ngày thay phiên nhau mang bình nhựa leo lên những sườn núi thật dốc và trơn trượt để lấy nước mang về. Bụng đói chân rữ, nhiều người suýt mất mạng vì trượt té trong những lần đi lấy nước suốt thời kỳ chúng tôi còn sống trên đảo. May mắn thay, không có ai bỏ mạng trừ một trường hợp duy nhất bị té rách một mảng da đầu. Hai ngày đầu tiên trời qua êm ả, chúng tôi có dịp đi quan sát một vòng quanh đảo. Chúng tôi phát hiện nhiều dấu tích của những toán người tỵ nạn Việt Nam đi trước chúng tôi cũng đã đặt chân trên đảo này. Có chỗ họ đã ghi lại kỷ niệm bằng sơn trắng trong vách đá, có chỗ họ đã dùng than củi ghi chép những kinh nghiệm sống trên đảo lên 4 bức tường vôi của một căn chòi xây bằng gạch, nơi chứa những bình gaz để thắp sáng một ngọn hải đăng duy nhất trên đỉnh núi. Dù thời gian có làm cho dấu than phai nhạt, chúng tôi cũng đã được truyền lại những kinh nghiệm hết sức hải hùng: Nào là đàn bà phụ nữ khi đặt chân lên đảo phải lập tức tìm cách trốn lên núi cao hay rừng sâu để khỏi bị hãm hiếp, nào là những ngư phủ Thái Lan ở quanh vùng đó hầu hết vừa đánh cá, vừa cướp biển. Họ có thể cho gạo, cho cá ban ngày, nhưng ban đêm thì kéo phụ nữ đi hành hạ tập thể. Để minh chứng cho những lời căn dặn này, rải rác ở trên đảo, chúng tôi đã gặp những đám tóc của phụ nữ đã bị cắt rời. Hẳn các phụ nữ trước đây đã phải cắt tóc giả trai để tránh cặp mắt của các ngư phủ Thái Lan. Những sự kiện đó bắt đầu nhen nhúm trong lòng chúng tôi một nỗi kinh hoàng, mỗi lúc một thêm sâu đậm như mây đen dần dần lan tới bầu trời sắp nổi cơn dông bão. Chúng tôi bắt đầu đặt vấn đề để thực hiện theo lời căn dặn của những người đi trước, nhưng nỗi lo xa đó chưa kịp thực hiện thì ngay trong buổi chiều của ngày thứ nhì chúng tôi đặt chân lên đảo, mọi người phát hiện có một tàu hải quân Thái Lan đang rẽ sóng tiến vào đảo. Ôi xiết bao là vui mừng. Chúng tôi tưởng như đã có phép lạ ban xuống cứu giúp chúng tôi ra khỏi cơn hải hùng mà đồng bào đi trước của chúng tôi đã phải chịu đựng. Mọi người trong chúng tôi đều kéo hết lên mỏm núi thì nhau vẫy gọi bằng cờ S.O.S, bằng quần áo, bằng khăn mặt. Cuối cùng, những người mặc sắc phục hải quân Thái Lan cũng neo tàu và đi xuống vào đảo. Họ yêu cầu gặp đại diện của chúng tôi để hỏi han và ghi chép vào biên bản những dữ kiện cần thiết. Họ cũng đi thăm nơi ăn chốn ở của chúng tôi. Sau đó họ rời đảo với một hứa hẹn đầy khích lệ: "Chúng tôi sẽ trở lại gặp các bạn sau." Đối với chúng tôi, sự hiện diện của họ là một cứu tinh của chúng tôi về cả hai phương diện, một là chắc chắn không bao giờ chúng tôi bị bỏ rơi trên đảo hoang giữa biển cả mênh mông này, hai là kể từ giây phút đó, chúng tôi đã được

đặt dưới quyền bảo trợ của chính phủ Thái Lan, ít ra là cũng về mặt an ninh, không còn lo sợ cướp bóc hay hãm hiếp. Trong số chúng tôi đã có người lạc quan nói: "Bây giờ ai đụng đến chúng mình tức là đụng đến luật pháp của nhà nước Thái. Chẳng ngư phủ nào lại dại dột đi làm chuyện đó." Trên căn bản lạc quan ấy, chúng tôi lại được sống qua một đêm an lành nữa, mọi người vui vẻ trò chuyện bên đống lửa đốt cao, có thể nói đó là đêm an lành cuối cùng mà chúng tôi được sống trong chuỗi ngày còn lại sau này ở trên đảo. Bởi vì sau đó mòn mỏi từng ngày, từng giờ, chúng tôi đồ mắt trông chờ chiếc tàu Hải quân mang số 15 quay trở lại như đã hứa nhưng họ vẫn biệt tăm. Cho đến bây giờ chúng tôi cũng không thể hiểu nổi thái độ bỏ rơi một cách phũ phàng đó của họ. Làm sao có thể hiểu nổi khi chúng ta đang sống ở giữa thế kỷ 20 này trong một quốc gia có truyền thống tốt đẹp như quốc gia Thái. Nhưng thực sự là chúng tôi đã bị bỏ rơi. Nếu ngày nay chúng tôi còn sống sót đó là nhờ vị đại diện của cơ quan Cao Ủy Ty Nạn của Liên Hiệp Quốc ở Thái Lan đã tổ chức và sắp xếp đưa chúng tôi vào đất liền. Ngay buổi tối của ngày hôm sau chiếc tàu Hải quân đã bỏ đi, chúng tôi bắt đầu ném mùi của đêm kinh hoàng thứ nhất. Trời vừa chập choạng tối thì một toán ngư phủ Thái Lan vũ trang bằng súng trường, búa và dao găm đã đốt đuốc sáng rực ủa vào chỗ chúng tôi nằm. Họ bơi tung khắp mọi chỗ, lục soát kỹ lưỡng từng người một, kiểm soát thêm một số quần áo nữa rồi bỏ đi. Toán này vừa ra, toán khác ủa vào, lại lục lọi, lại bơi móc, cứ thế tiếp diễn đến quá nửa khuya, tổng cộng riêng trong tối hôm ấy chúng tôi bị ba toán cướp vào lục soát liên tục. Riêng toán cuối cùng sau khi moi móc đã dồn tất cả đàn ông, thanh niên vào hết trong hang đá rồi canh giữ bằng súng ở bên ngoài. Sau đó bọn chúng lừa đàn bà đi một chỗ xa để hãm hiếp. Trong đêm tối của bầu trời đầy sương đêm và gió lạnh chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng của trẻ em la hét khi bị giật ra khỏi vòng tay người mẹ, tiếng kêu khóc van xin thảm thiết của những phụ nữ chân yếu tay mềm. Bọn đàn ông thanh niên chúng tôi chỉ đành cắn răng nghẹn ngào nuốt căm hờn và tủi nhục dưới họng súng để duy trì mạng sống cho tất cả mọi người. Cơ kinh hoàng tột độ đó kéo dài tới gần sáng mới chấm dứt. Những phụ nữ được kéo trở về nằm bết bát trên nền sỏi đá san hô. Nhiều người tím tím khóc. Nhiều người lả đi trong vòng tay nghẹn ngào tủi nhục của thân nhân. Kiểm điểm lại nhân số, chúng tôi phát hiện thiếu mất một người. Thế là chúng tôi phải cùng nhau đốt đuốc đi tìm. Tiếng la, tiếng gọi hú lên trong vách đá át cả tiếng sóng vỗ vào men bờ nghe hãi hùng và thê thảm đến rợn người. Cuối cùng chúng tôi đã tìm được người bị mất tích nằm bất tỉnh trên mỏm đá ngoài bờ biển, thì ra cô này lúc bị bọn cướp lôi đi đã vùng chạy lên bờ đá cao ở ven biển rồi lao mình xuống nước tự tử, rất may sóng xô mạnh đẩy dạt vào bờ, kẹt vào một hốc đá nằm bất tỉnh.

Sau đêm đau thương và kinh hoàng đó, chúng tôi bắt buộc phải tổ chức cho phụ nữ đi trốn theo lời căn dặn của những người Việt Nam tới trước. Có nhóm phụ nữ lên vào rừng sâu nằm yên chịu trận với mưa gió lạnh lẽo suốt ngày đêm giữa những bụi rậm um tùm đầy rắn rết và bọ cạp, những con bọ cạp chỉ chích nhẹ một vòi là bắp thịt sưng vù lên và nhức buốt lên tới óc. Cũng có nhóm trèo lên núi cao chênh vênh, vách đá trơn trượt để chui vào những bụi cây um tùm, trong số này đã có những người bị trượt ngã xây xát khắp mình mẩy, nhưng rất may không có ai bị rớt xuống bãi biển qua vách đá dựng đứng ở cả hàng trăm thước bề sâu. Nhiều phụ nữ khác chui nhủi vào những mỏm đá ngoài bờ biển ngâm chân suốt ngày đêm trong nước mặn, lúc nào lưng cũng phải khom xuống vì trần đá thấp. Cho đến nay, chúng tôi vẫn không thể hiểu được làm thế nào mà những phụ nữ yếu đuối như thế lại có thể chịu trận trong những điều kiện thảm thương đó trong suốt 18 ngày liền còn lại trên đảo. Chỉ biết tối hôm cuối cùng được cứu ra, hầu hết bị ngất xỉu và phải mất một thời gian khá lâu mới cử động lại được như bình thường. Nếu như thảm kịch đó kéo dài thêm một thời gian ngắn nữa, chắc chắn sẽ có người bại liệt.

Công việc tiếp tế cháo loãng (khẩu phần cho một người mỗi bữa là một chén nhỏ) cho đám phụ nữ đi trốn đều do đàn ông thanh niên phụ trách. Nhưng biện pháp đi trốn như vậy không phải là nơi nào cũng an toàn. Những ngư phủ Thái lan quanh vùng hầu như đều rất thông thạo địa thế

ở trên đảo vì thế trong những ngày kế tiếp họ thi nhau đi lùng sục cả ban ngày lẫn ban đêm. Nhiều ổ trốn tránh đã bị phát hiện và những phụ nữ đã bị lôi ra đánh đập và chịu đựng những cuộc hãm hiếp tập thể có khi lên đến cả chục tên cùng một lúc. Nhiều tên có máu bạo dâm đã vừa hành lạc vừa đánh đập phụ nữ đến ngất xỉu, có người bị chúng đấm liên hồi vào bụng đến nỗi bây giờ hầy còn bị chấn thương. Trong tình cảnh hãi hùng đó, chúng tôi phải thay đổi chỗ ẩn núp cho phụ nữ luôn luôn bằng cách đưa họ vào rừng sâu hơn, leo trên núi cao hơn, công việc tiếp tế hàng ngày vì thế mỗi lúc một cam go hơn, có một chỗ xa nhất chúng tôi đã phải vừa đi vừa về mất hết nửa. Nhưng sự vất vả đó không thấm thía gì so với những nỗi gian truân mà các phụ nữ phải chịu đựng khi đi trốn. Đói, lạnh, mưa gió có khi rả rích suốt đêm, quần áo ướt đẫm hàng tuần lễ không một lúc nào khô ráo, đã thế nỗi lo sợ bị cướp phát hiện, nỗi kinh hoàng về đêm nghe tiếng sột soạt trong bụi, có thể rắn, rết, cũng có thể là những đám chuột rừng đông nhưng nhúc nhỡ thường hay bò ra từng đàn đi lục lọi đồ ăn ở khắp mọi nơi. Kinh khủng nhất là những con rết trên núi cao, con nào con nấy to gần bằng cái đũa cả để ghế cơm hàng ngày. Chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đã đủ rợn người, vậy mà những phụ nữ của chúng tôi đã thực sự nằm giữa rừng sâu trong bóng tối âm thầm lạnh lẽo với đủ loại sinh vật kinh tởm bao quanh, sẵn sàng tấn công bất cứ lúc nào. Trong khi số phận đàn bà phải chịu trăm cay nghìn đắng như thế thì đàn ông, con trai cũng không tránh được những nỗi hiểm nguy. Hàng đêm chúng tôi không bao giờ được ngủ yên một giấc cho tới sáng, có khi là trời thường xuyên đổ mưa 3, 4 trận, phải chạy đi tìm gốc cây ẩn núp (chúng tôi ngủ ngoài trời) nhưng điều đó không đáng kể bằng sự thường xuyên chúng tôi bị những toán cướp soi đèn vào mặt mấy lần mỗi đêm để lùng tìm phụ nữ. Có những người bị chúng lôi ra đánh đập để tra khảo bắt chỉ chỗ trốn của phụ nữ, cũng có người đã bị chúng xiết cổ bằng dây thừng đến rướm máu để bắt cung khai kẻ nào còn cất dấu vàng hay đô la. Thê thảm nhất là một trường hợp vì muốn bảo vệ tiết hạnh cho người thân, có người đã bị chúng dùng búa rìu bổ vào đầu đến bể trán rồi xô xuống vách đá ngoài bờ biển, nhưng rất may không chết. Một ông già mang mấy chiếc răng vàng ở hàm trên đã bị chúng dùng dao nạy ra lấy vàng, đau đớn đến ngất xỉu. Nói chung trong suốt khoảng thời gian còn lại sống trên đảo không một ngày nào chúng tôi không phải trải qua những cơn kinh sợ hãi hùng cả ngày lẫn đêm. Bởi vì tàu đánh cá thì đông, toán này đi toán khác tới, nhất là những hôm biển động họ đậu đen nghệt quanh lối vào bãi biển ở trên đảo. Có những lần chúng tôi đếm được trên dưới 40, 50 chiếc. Tất nhiên không phải là tàu nào cũng đưa ngư phủ vào đất liền quấy nhiễu. Nhưng chỉ cần một vài tàu thôi cũng đủ gieo rắc cho chúng tôi biết bao tủi nhục, kinh hoàng. Trong cơn tuyệt vọng cùng cực đó, chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện và chờ trông con tàu hải quân bủa trước trở lại cứu vớt chúng tôi ra khỏi địa ngục hãi hùng. Nhưng càng trông càng đổ mắt, trong thâm tâm chúng tôi, nỗi tuyệt vọng bị bỏ rơi trên hoang đảo bắt đầu nhen nhúm và ngày càng trở nên rõ ràng sâu đậm hơn. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy thấm thía cái ý nghĩa chua xót và hãi hùng của cuộc sống không có ngày mai với số lượng thực ngày càng cạn dần và cơn mỗi một, rã rời vì vẫn phải thường trực đối phó với những sự sách nhiễu, lùng sục của các ngư phủ cả ngày lẫn đêm.

Ngày 8-11-79, thêm một tàu tị nạn nữa được ngư phủ Thái lan đưa vào đảo, tổng số 21 người, bị tàu Thái Lan quăng xuống biển chết đuối ngoài khơi một người, nên chỉ còn 20 người. Qua ngày hôm sau, 9-11, lại thêm một tàu 37 người Việt Nam được đưa vào bờ. Rồi tới ngày 15-11, một tàu tị nạn thứ tư tới hoang đảo với tổng số 34 người, vì bị tàu đánh cá xô họ xuống biển cách xa bờ một cây số nên có 16 người bị chết đuối, trong đó có 4 phụ nữ và 3 trẻ em. Số 18 người sống sót bơi được vào bờ chưa kịp nghỉ ngơi, phụ nữ đã bị lôi đi hành hạ ngay, thật dã man và mọi rợ không thể tưởng tượng được. Qua ngày 16 tháng 11 có một xác thanh niên 19 tuổi được sóng đánh xô vào vách đá, mọi người xúm lại vớt lên và làm một đám tang giản dị. Thi hài được bỏ vào một túi nylon duy nhất còn lại trên đảo và đặt trên một tấm ván có 4 người khiêng. Nhiều người đi sau cầu kinh lâm râm. Một cái hồ sẵn có ở gần đó được dùng làm huyệt: Sau này, chúng tôi được biết ngay cái hồ đó đã chôn 4 xác trẻ em từ những tàu thuyền tới trước. Xác chết được đưa xuống hồ và được lấp kín bằng đá sỏi san hô. Đau thương đã cùng cực rồi nên không còn ai bật được ra tiếng khóc, chỉ thấy những giọt lệ nghẹn ngào rưng

rừng qua khoe mát. Vài hôm sau, mùi tử khí bốc lên qua khe đá sỏi đưa lên nồng nặc, khiến cho các phụ nữ trốn ở một bụi rậm gần đó phải đi tìm một địa điểm mới. Tình trạng này nếu kéo dài, bệnh tật chắc chắn sẽ lan tràn nhưng rất may cho đến khi đó, trong tổng số cả 4 tàu bị kéo vào đảo gồm tổng cộng 157 người, chưa có ai đau nặng, trừ một thiếu nữ ẩn nấp trong bụi rậm bị ngư phủ tưới dầu đốt rụi nên cháy phỏng lưng, một thanh niên leo vách đá bị té rách đầu, và một đàn ông bị ngư phủ Thái Lan chém bẻ trán và xô xuống vách đá xây sát hết mình mảy. Trong hoàn cảnh cực kỳ bi đát đó, chúng tôi không ngưng cầu mong cho số phận của mình không bị thế giới bên ngoài bỏ rơi, mặc dù trong thâm tâm sâu kín của từng người nỗi tuyệt vọng ngày một gia tăng. Điều lo ngại nhất là vấn đề lương thực. Chúng tôi đã bắt đầu ăn tới lá cây rừng phụ thêm vào một chén cháo không đủ no. Một vài người đào được củ nửa phải ngâm nước biển 4, 5 ngày cho ra hết chất nhớt, tuy vậy lúc luộc lên ăn vào, cổ và miệng vẫn ngứa như bị bào. Một vài người lo lắng mất ngủ có thể hái lá vòng luộc ăn thay cho thuốc an thần. Có nhóm kiếm được lá bình bát đem luộc ăn thay cho rau cũng rất mát. Về loài vật thì ai may mắn bắt được sẽ có thể ăn đủ thứ. Chuột, dơi (loài dơi mình to như một con mèo nhỏ), hào và rết, những con rết dài trên 30 phân, đem nướng lên và được khen ngon như thịt gà. Có một lần anh em đi tắm biển phát giác được một con vớt (giống như con rùa biển) rất lớn, bèn xúm lại kéo lên bờ làm thịt. Xé ra cũng có trên dưới 100 ký thịt và hàng ngàn trái trứng. Thịt đem kho, trứng đem luộc, đó là lần may mắn duy nhất kiếm được thịt trong những ngày sống trên đảo.

Cũng trong ngày 15-11, chúng tôi phát hiện một trực thăng bay qua đảo. Mọi người xô ra vẫy gọi, nhưng tiếc thay họ đã bay xa. Tình thế tưởng như không còn hy vọng gì thì hai hôm sau họ trở lại, đổ xuống bãi biển cho chúng tôi gạo, cá khô và thuốc men. Chúng tôi mừng rỡ như những người được tái sinh. Thế giới bên ngoài đã biết đến chúng tôi. Chúng tôi đã không bị hoàn toàn bỏ rơi trong những nỗi gian khổ, nhục nhằn, kéo dài từng ngày, từng giờ, nhất là về phía các phụ nữ, chúng tôi thấy rõ họ đã kiệt sức sau bao nhiêu ngày đêm bị hành hạ và trốn chui trốn nhủi trong những điều kiện hết sức hãi hùng và thê thảm. Việc chúng tôi được tiếp tế, các ngư phủ Thái Lan đều nhìn thấy rõ. Chúng tôi hy vọng rằng họ đã biết chúng tôi được thế giới bên ngoài bảo trợ thì mọi hành động man rợ của họ sẽ chấm dứt. Nhưng đó chỉ là điều chúng tôi suy luận, trong thực tế thì trái lại, có những toán ngư phủ mới đến, lại sùng sục dữ dằn hơn bao giờ hết. Họ lục lọi để kiếm chác thêm ít quần áo đã xơ xác của chúng tôi, lấy đi từng cái áo mưa rách, từng cái áo len của trẻ con, và phụ nữ nào mệt mỏi quá không đủ sức đi trốn nữa phải bỏ về thì lại bị tiếp tục hãm hiếp. Có người bị cả ngày lẫn đêm. Nhưng địa ngục kinh hoàng đó chỉ kéo dài thêm đúng một ngày nữa là chấm dứt. Buổi chiều ngày 18-11 nhóm người tiếp tế cho chúng tôi bằng trực thăng hôm trước nay trở lại bằng một tàu tuần của Hải quân.

Chúng tôi được biết đó là cơ quan HCR của Liên Hiệp Quốc ở Thái Lan do ông Theodore G. Schweitzer III là đại diện. Ông Schweitzer cặp đảo của chúng tôi cùng với một bác sĩ mang theo dụng cụ y khoa và thuốc men. Trong lúc các người bệnh được đưa lại bằng bó, chích thuốc, thì chúng tôi đưa ông Schweitzer đi thăm một số địa điểm ẩn náu của phụ nữ, có người nghe tin được cứu đã tự động ra về. Có người trốn dưới hang sâu phải chờ chúng tôi tới kéo lên. Chính ông Theodore Schweitzer đã chứng kiến cái cảnh chúng tôi lôi từng phụ nữ từ khe đá lên mặt đất. Ai nấy nhìn thấy ánh sáng mặt trời đều ngất xỉu đến nỗi chính ông Theodore Schweitzer cũng phải xúc động quay đi không dám nhìn. Ông kính máy ảnh của ông đã thu được nhiều tài liệu quý giá: Cảnh kéo phụ nữ từ dưới khe đá sâu, cảnh một nơi ẩn náu của phụ nữ giữa một bụi cây rậm rạp, giữa rừng sâu, cảnh một bụi cây bị ngư phủ Thái tưới dầu đốt cháy xém mà lần đó đã làm phỏng nửa mảng lưng của một thiếu nữ trong nhóm chúng tôi, cảnh nắm mồ hôi sợ phủ bằng đá san hô không có được một tấm mộ bia, và biết bao nhiêu khuôn mặt hốc hác, sợ hãi kinh hoàng khác đã được thu vào ống kính. Trước tình cảnh cùng cực của chúng tôi, ông Schweitzer đã an ủi, khích lệ chúng tôi rất nhiều, ông tuyên bố mọi sự hãi hùng từ nay sẽ

chấm dứt. Chúng tôi vô cùng xúc động và nhân ái, nhân danh nhóm tổng số 157 người của 4 tàu tỵ nạn được cứu khỏi đảo Kra ngày 18-11-1979 chúng tôi xin ngỏ lời tri ân ông Theodore Schweitzer và toàn thể nhân viên trong phái đoàn LHQ đã theo ông tới đảo. Sự tận tâm và sốt sắng của quý vị đã thể hiện một cách cao quý tinh thần của bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của quý vị, những việc mà quý vị đã làm được cho chúng tôi kể từ ngày mà chúng tôi được phát hiện, đã là những việc hữu hiệu, nhanh chóng và cần thiết nhất, chúng tôi nghĩ rằng dù có ai sốt sắng và tận tụy cách mấy cũng khó có thể hành động được hữu hiệu hơn như thế. Hiện nay chúng tôi đang ở tại quận Pakpanang, chờ làm thủ tục trước khi được đưa về trại tỵ nạn Việt nam ở Songkhla. Trong thời gian chờ đợi này, chúng tôi không quản ngại bất cứ vì lý do gì, đã mạnh dạn lên tiếng tố cáo trước pháp luật của nhà nước Thái Lan, trước cơ quan HCR của Liên Hiệp Quốc về những sự chà đạp man rợ của một số ngư phủ Thái Lan đã dành cho chúng tôi, nhất là đối với các phụ nữ trong suốt 21 ngày chúng tôi sống trên đảo Kra. Đau thương nào rồi cũng trôi qua, thời gian sẽ là liều thuốc xoa dịu mọi nỗi tủi nhục và đau buồn. Chúng tôi rất muốn áp dụng lời dạy của Phật Thích Ca là oán chỉ nên cởi chứ không nên thắt. Nhưng ở đây vấn đề không phải thuộc khía cạnh của triết lý về đời sống mà là vấn đề an toàn của những người tỵ nạn Việt nam đi sau chúng tôi sẽ còn dịp trôi dạt theo lộ trình mà chúng tôi đã đi qua. Chúng tôi hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi trước lương tâm và dư luận thế giới về chuyến đi hải hùng này sẽ làm cho chính phủ Thái Lan lưu tâm hơn nữa về tình trạng hăm hiếp và cướp bóc mà theo đồn đãi thì nhiều ngày nay đã xảy ra, nhưng bây giờ mới có nhân chứng cụ thể. Chúng tôi hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo cơ hội cho các cơ quan có thẩm quyền quốc tế như HCR của Liên Hiệp Quốc, Hội Hồng Thập Tự quốc tế, Hội Bảo Vệ Nhân Quyền quốc tế tìm được những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nhân phẩm và tính mạng của những người tỵ nạn đi sau không còn bị rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bi đát như chúng tôi nữa.

Và sau cùng, chúng tôi cũng hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo được dư luận ảnh hưởng đến bạn bè thân nhân còn ở Việt Nam hay đã ra ngoại quốc, để mọi người cùng bảo nhau thận trọng hơn nữa trong lộ trình đi tìm tự do qua ngã Thái Lan, tốt hơn hết là nên tìm con đường khác và trong trường hợp không thể đừng thì không bao giờ nên mang theo phụ nữ.

Tự do là điều vô cùng cao quý. Cuộc hành trình tìm về tự do nào cũng phải trả giá. Chúng tôi mong mỏi với những kinh nghiệm bằng máu và nước mắt của chúng tôi khi được phổ biến tới những người đi sau thì cái giá nếu họ có phải trả cũng sẽ không phải là cái giá quá đắt.

Pakpanang ngày 24 tháng 11 năm 1979

Phụ đính II :

Nhật Tiến và khung trời mơ ước Tạ Ty

Nhật Tiến đi vào văn chương bằng tình thương, một tình thương nảy sinh trong tấm lòng đôn hậu. Tuổi trẻ mà Nhật Tiến đem vào văn chương, xuyên qua thân phận mình, không phải tuổi trẻ của giận dữ và phẫn nộ. Biết rằng, dù muốn dù không, cũng phải chấp nhận cuộc đời đã khổ đầy. Nó là vui, buồn, yêu, ghét. Nó là cánh mây bay lang thang trên vòm trời cao cả kia, hay đóng rác thối tha nhưng nhúc ruồi bọ này. Vì ý thức được như vậy nên Nhật Tiến không đi tìm cuộc đời qua kẻ khác, mà tìm ngay ở bản thân, trong đáy thăm tâm linh, ở đấy, tiếng nói chân thành thì thảm cát lên từng âm thanh nấn nủi nó với vô vàn thương mến và chua xót!

Phương pháp hành văn của Nhật Tiến thật dung dị, thoải mái ngay cả những khi cần phải đưa

câu chuyện vào mức độ cao nhất của kỹ thuật dựng truyện. Nhật Tiến, nhà văn tinh cảm thiên về xã hội. Tất cả những dữ kiện do cuộc sống đẩy tới, tác động vào tâm thức nhà văn đều được Nhật Tiến điều hợp cho cân xứng ở mỗi lời nói, hay mỗi động tác để trở nên có hiệu năng truyền cảm. Với 10 năm trong nghề, và 14 tác phẩm (tính đến tháng 5-1971), đã chứng minh đầy đủ ý chí và tài năng của một nhà văn đã quyết dấn thân vào nghiệp. Trong số 14 tác phẩm, đã có 3 cuốn: *Thềm hoang*, *Người kéo mìn* và *Tay ngọc* tái bản tới 3 lần. Nhật Tiến rất thận trọng trong vấn đề sáng tác vì luôn luôn tin rằng, danh tiếng của nhà văn không thể và không bao giờ được cấu tạo bằng sự giả trá. Nó cần được chọn lựa và đánh giá đúng mức qua thời gian, qua nhiều chặng thử thách bắt buộc mỗi người cầm bút phải vượt qua.

Nhật Tiến quả tình đã vượt qua nhiều thử thách, mỗi một thử thách dù thành công hay thất bại, đều giúp cho nhà văn những kinh nghiệm. Người ta cho rằng, con đường văn nghiệp của Nhật Tiến là cuộc sống bằng phẳng đồng thời cũng là sự tiếp nối của nền văn học tiền chiến. Có người nghĩ, Nhật Tiến đã dùng văn chương như một hình thức điểm trang cuộc đời, ở đây, nó không nói lên cái khí phách, cái can đảm mà tuổi trẻ cần có. Cả hai thành kiến trên đều có phần ngộ nhận. Như hầu hết các nhà văn ở lứa tuổi trên dưới 30, Nhật Tiến cũng lớn lên trong chiến tranh, cũng đã được chứng kiến những cơn biến động lịch sử, ở đó, mỗi bài học đều được tuổi trẻ mua bằng máu lệ, mua bằng uất hận, đau thương! Chỉ có khác, cái nhìn, cái biết và cái sống không nằm chung ước lệ ở mỗi tâm tư, nên sự nói ra hay tỏ bày đều được hình thành theo cảm quan riêng biệt.

Tác phẩm đầu tay: *Những người áo trắng* (1959), với nội dung viết về đời sống của những cô gái mồ côi ở trong khuôn viên cô nhi viện. Tất cả nỗi u uẩn, thầm kín thuộc những linh hồn bơ vơ mà Chúa cũng không đủ quyền năng để ngăn cản hay cứu rỗi cho mỗi số phận! Những dòng nước mắt tủi hờn thấm vào lòng người, tạo nên nhức nhối:

... Bởi vì mỗi đứa chúng tôi có một cuộc sống riêng biệt. Cuộc sống chỉ sống trong những đêm trần trọc, thao thức, xót xa đầy nước mắt.

Chúng tôi không phủ nhận công lao của các bà phước, của các nhà hảo tâm, của các cơ quan từ thiện. Nhưng tình nhân loại của các người đó mới chỉ an ủi được chúng tôi một phần nào sự đau khổ về vật chất, thiếu cơm, thiếu áo, trong quãng đời cô cút của chúng tôi.

Còn linh hồn chúng tôi, những linh hồn lạc lõng thiếu tình thương của cha mẹ, tình yêu của những con người đến tuổi dậy thì và thiếu cả cái ước vọng vô bờ của tuổi hoa niên, hỏi bàn tay nào xoa dịu được?

Cho nên tâm hồn chúng tôi là những tâm hồn khao khát sự thương yêu, hẳn học với thực tại, để chỉ quay về và xé lòng mình trong những đêm dài mất ngủ...

Đoạn văn trên, trích trong trang đầu cuốn sách, nó là lời nói chân thành của một cô nhi mang tên Quỳnh, nhân vật xưng "tôi" trong tác phẩm, viết thay lời vào truyện.

Người đọc chỉ cần suy luận qua những dòng chữ ai oán ấy, có thể hình dung thấy biết bao nhiêu tủi hờn đang vò xé những tâm hồn lạc loài, vì hoàn cảnh chung, phải chịu đựng lẫn nhau trong nhiều trạng huống khốn khó. Họ là những bé gái mồ côi được nhặt về từ mọi nơi, hoặc do chiến tranh, hoặc vì xã hội. Họ đến đây, ở đây, từ lúc còn măng sữa, rồi lớn lên trong vòng đai của Chúa, do các bà phước đại diện. Ngoài phần giáo lý họ cũng được giáo dục về học vấn như ở ngoài đời nhưng họ vẫn không thuộc hẳn về xã hội, với đầy đủ quyền hành của con người thế gian, để có thể vui buồn theo ý muốn. Ở đây, họ đã hiến dâng linh hồn cho Chúa vì miếng cơm, manh áo, vì hơi thở mà bố mẹ họ bởi không may nào đó, đã không cho họ có

được. Do vậy, khi đã đến tuổi trưởng thành với những thắc mắc về thân phận, nhất là tình yêu phát hiện trong lòng tuổi dậy thì với nhớ thương hình bóng người yêu để sưởi ấm tình đời. Bởi thế, có người trốn đi vì không chịu nổi cô đơn, có cả các xác chết nữa, với từng cơn buồn dằng dặc! ... Nhưng rồi thời gian mòn mỏi trôi đi. những cô gái đã qua tuổi mơ mộng. Tình cảm đã khô cong và cuộc đời được hình dung như một chuỗi ngày này qua ngày khác, gần như vô nghĩa. Lúc đó, chỉ còn tình thương và nỗi hận. Rồi cứ thế, lần lượt và lần lượt:

... Trời về cuối đông, mây u ám phủ nặng trĩu cả bầu trời. Gió bên ngoài thổi nghiêng ngã, những cành cây trụi lá. Qua khung cửa kính chỗ tôi ngồi, ngoài kia là khung cảnh tiêu điều của một buổi chiều sắp tắt. Trời sẫm sẫm tối, con đường nhựa xanh láng ướt dẫn đến vườn hoa hôm nay ngập nhiều lá vàng. Tôi chắc vườn hoa ngoài ấy bây giờ cũng xơ xác lá và vắng lặng bóng người. Tôi hình dung đến ngày xưa ở đây.

Hình ảnh bé Phượng ngày nào khóc gọi chị Loan và mẹ bên phòng bà Nhân, hình ảnh con Dung bị người ta xin mất con Nguyệt, rồi câu chuyện của Liễu bỏ ra đi tìm một tình yêu lãng mạn, cái chết của Hoà, cái chết của con người phu hồ, những mỏ cỏ xanh um ngoài nghĩa địa, mỗi tình tuyệt vọng của tôi.

Những ngày ấy quá xa rồi, vì bây giờ tôi không còn là một thiếu nữ khao khát yêu đương. Tôi già hơn trước nhiều và lý tưởng tôi là nỗi hận...

Quỳnh

Cuốn sách *Những người áo trắng* được khép bằng hai trang thư, với một nỗi niềm vừa băng khuâng như kẻ lữ hành đi vào vùng trời tuyệt vọng! Tâm hồn Nhật Tiến chứa ngẹn tình thương, thứ tình thương cao trọng, ở đó, lòng thù hận và nỗi bi thiết hình như được che khuất bởi những ước mơ tràn ngập ánh sáng của sự cứu rỗi thiêng liêng nào đó.

Khởi hành từ đây, Nhật Tiến đi sâu vào thung lũng của tâm tư để tìm về cho riêng mình một tình thương khác qua tác phẩm *Những vì sao lạc*. Hình ảnh những đứa trẻ không may chẳng phải chỉ được nói đến, hay chỉ xảy ra trong vòng đai cô nhi viện mà nó còn hiện diện ngay ở giữa xã hội, dưới mái gia đình, trong những hoàn cảnh vô cùng ray rứt. Kỹ thuật dựng truyện của cuốn *Những vì sao lạc* (1960) đi chung một đường với *Những người áo trắng*, thay vì trang thư, cuốn sách được mở đầu bằng những trang bút ký của Khánh. Cái phương cách mở đầu này làm hại không ít cho tác phẩm. Đọc nó, người ta coi như đã đọc xong nội dung cuốn sách. Sự bất ngờ sáng khoái do người đọc khám phá ra trong tác phẩm không còn nữa. Sự tiếp nối của những trang sau chỉ là để giải thích hoặc biện minh cho một dữ kiện nào đó, được sắp đặt trước trong tâm thức nhà văn. Văn chương không phải như vậy. Nó không cần biện minh gì ngoài nó. Nhưng chẳng phải vì thế, cuốn *Những vì sao lạc* không có giá trị về phương diện truyền cảm. Nhật Tiến đã dùng tài năng riêng để đưa người đọc vào một vùng trời mà sự trong trắng của tuổi thơ chỉ còn là giận hờn, oán trách! Những tội lỗi do tuổi trẻ gây ra đều từ bên ngoài tác động. Hoàn cảnh gia đình và chính người lớn đã dồn chúng vào ngõ cụt. Biết bao nhiêu dòng chữ, nhân danh tình thương để nói lên sự thực, may mắn thay, mọi đau đớn, tan vỡ đến cuối cùng được nhà văn hàn gắn lại mở lối thoát cho những kiếp người...

... Cuộc sống của tôi êm đềm như thế cho đến năm tôi mười hai tuổi. Tôi không muốn nhắc ra đây hình ảnh đổ vỡ của một thời gian hãi hùng khi loạn lạc. Chẳng phải một mình tôi chịu số phận như thế này, mà trong những ngày đen tối đã còn biết bao nhiêu đứa trẻ có cùng một hoàn cảnh như tôi, hoàn cảnh của những đứa con mất mẹ trong khói lửa ngùn ngụt ở khắp phương trời...

(Những vì sao lạc)

Đoạn văn đã nói rõ tất cả, nó là nguyên có chính để nhà văn xếp đặt những sự tình xung quanh một vấn đề đã quyết định. Nội dung hai tác phẩm trên, Nhật Tiến vô tình đi gần với Dickens, văn hào Anh ở thế kỷ XIX. Dickens cũng vì những đứa trẻ không may mắn mà tranh đấu. Ông là nhà văn hiện thực xã hội, chuyên dùng ngòi bút để chống đối những kẻ đạo đức giả và ích kỷ, đốn hèn. Hình ảnh David Copperfield dưới nét mực tuyệt luân của Dickens, không thiếu gì trong xã hội Việt Nam hiện tại, nhân vật Khánh hay Quỳnh đã chứng minh, tuy rằng, sự so sánh chỉ như một thí dụ. Vấn đề làm khổ tâm Nhật Tiến nhất, vẫn là sự hiện hữu của một cuộc sống chẳng mấy tốt đẹp cho mỗi số phận, trong một xã hội còn nhiều cách biệt. Cuộc sống đó, không được thăng hoa liên tục trong sự mong mỏi của mỗi kiếp người. Nó cũng không được hình dung qua những khuôn mặt ra vào nơi trà đình tửu quán của một hạng người may mắn do số mệnh an bài. Cái cuộc sống mà Nhật Tiến cảm thấy gần gũi với mình, nó như hơi thở, như nỗi buồn, do đây mình có trách nhiệm. Chính vì trách nhiệm và lương tâm nhà văn, nên Nhật Tiến đã tự dán thân vào một cảnh huống vô cùng bi đát của những kiếp người vì không nhìn rõ ý nghĩa đời sống, nên vẫn sinh hoạt một cách vô tư và an phận, bên cạnh một đời sống khác tốt đẹp hơn hoàn cảnh của họ nhiều.

Đứng trên bình diện kỹ thuật, việc hình thành một tác phẩm, đòi hỏi nhà văn ngoài lòng trắc ẩn, phải có sự nhận định vô tư, sáng suốt về mọi khía cạnh của vấn đề được đặt ra. Cuộc sống với những cảnh ngộ chẳng mấy khích lệ, thường được soi qua tấm lăng kính bi thảm, đôi khi bị chi phối bởi những ước vọng thầm kín sâu xa nào khác, nên có thể vì đó, tác phẩm mất phần hiệu năng đích thực của nó. Nhưng đó không phải trường hợp Nhật Tiến với *Thềm hoang*.

Trong tác phẩm *Thềm hoang* (1961), nhà văn đã chiếu rọi vào những kiếp người có mặt giữa vòng đai xóm Cỏ, một xóm lao động nằm ngay trong lòng thành phố, để tìm về cho mình một ý hướng sáng tạo. Mọi sinh hoạt ở đây tuân theo quy luật riêng, nghĩa là mỗi con người đều có quyền hành và trách nhiệm độc lập. Sự liên hệ giữa người thân thuộc như bố mẹ, vợ chồng, con cái nhiều lúc cũng xem như thấy-có-đó, chứ không được nối kết bởi mối dây thân ái, tình ruột thịt cùng chung cảnh ngộ không may:

*Ai đưa tôi đến chốn này
Ban đêm thì tối ban ngày thì đen
Ôm đàn gảy khúc huyền thuyên
Nghêu ngao mấy điệu cho quên tháng ngày...*

Bốn câu trên, Nhật Tiến đưa vào trang đầu của cuốn *Thềm hoang* nhằm mục đích mở cho người đọc hé nhìn thấy, bối cảnh ngọt ngào của một cảnh tượng đang quay cuồng, chen chúc và xô đẩy nhau đi vào bi trường kịch xã hội.

Những khuôn mặt: bác Tồn, tay nghệ sĩ mù kiếm ăn bằng nghề hát dạo. Thằng Ích, mò cô cha, khôn trước tuổi. Dượng Tám, tên lưu manh sống bám vào vợ con. U Tám, người con gái không may goá bụa nửa chừng xuân, mê lời tán dóc và thân thể cường tráng của gã đàn ông để rồi đau khổ, sau cùng kết liễu đời mình bằng sợi dây oan nghiệt! Ông Phó Ngử goá vợ, có đứa con gái duy nhất, muốn nó có tấm chồng tử tế mà không xong. Khuôn mặt vợ lão Hói, tên bói bài tây, rượu chè be bét, lúc nào cũng tin có ông Trời, cùng nỗi thâm tâm của Năm Trà với khuôn mặt Huệ, cô gái diêm đã hết thời xuân sắc mà vẫn gây sóng gió trong lòng bác Tồn, qua trí tưởng tượng. Ngàn ấy thân phận xô đẩy nhau, lồi cuốn nhau, hoà trộn vào nhau để cấu tạo nên một cảnh huống vừa thương phần vừa bi thảm.

Trong *Thềm hoang*, Nhật Tiến đã viết, đã suy nghĩ rất nhiều về hoàn cảnh tâm lý của mỗi nhân vật. Nhật Tiến có một nhận xét rất tinh tế và tinh vi về từng trạng thái đã xô đẩy mỗi thân phận

vào vị trí đau đớn của họ. Phương pháp hành văn gọn và mạnh nên gây xúc động thật tình qua sự khóc cười rất hồn nhiên mà cũng vô cùng bi thiết của mỗi vai trò, mỗi trường hợp, trong gần 300 trang sách. Hình ảnh bác Tồn, thằng Ích như được an bài do định mệnh. Hai vóc dáng ấy hiện diện từ trang đầu đến trang cuối, chỉ để nói tới sự liên hệ về quyền lợi của lớp người đã mất tương lai! Hai thân phận như hai chứng tích, in hẳn vào tâm tưởng người đọc từng nỗi giày vò chua chát. Sinh ra ở đời, mỗi số phận đều cố tìm cách vượt mình, vượt thoát hiện tại, nhưng ông trời kia, ông trời, cách đây gần một thế kỷ, Nietzsche – triết gia Đức – đã gào to: *Thượng Đế chết rồi!* ... nhưng sự thực, đối với con người phương Đông, mỗi thân phận ít nhiều gì, vẫn còn tin tưởng có ông Trời, ông Phật hay Chúa để bám víu vào, cầu xin và an ủi mỗi lần gặp không may. Bởi vậy, khi Nhật Tiến dựng *Thềm hoang* với các nhân vật nói trên và những sự tình xảy ra đều ẩn giấu bên trong sự an bài của một vị Trời nào đấy!

Hai bóng người hay hai bóng ma, cứ dật dờ mỗi đêm lang thang trên những lối mòn quen thuộc để bàn cãi vớ vẩn về một hoàn cảnh không thuộc về mình:

... Những lần hai bác cháu dẫn nhau đi qua ánh đèn đỏ gay gắt của các tiệm nháy trên phố, có tiếng kèn xoáy vào không khí tĩnh mịch ban đêm, tiếng cốc tách va vào nhau lách cách, bác Tồn thường lắc vai nó:

"Nhảy đầm khoái chứ nhĩ?"

Ích đáp có vẻ thành thạo:

"Khoái đứt đuôi đi ấy chứ lị!"

"Dơ bỏ bố đi".

"Dơ mà lại khoái!"

"Khoái nhưng dơ!..."
(*Thềm hoang*, trang 14)

Lời đối thoại thật nhảm nhẩn, nhưng hồn nhiên trong việc tỏ bày những gì mình cảm thấy chứ không do suy nghĩ.

Từ nháy đầm hai bác cháu đi sang vấn đề ăn uống. Thằng Ích chỉ thích bánh ga-tô, còn bác Tồn khoái phở, nhưng tuy khoái mà không dám ăn, vì giá một tô phở gần bằng cả buổi đi lang thang hát khô cổ, gảy đàn muốn rụng tay mới có được. Sự hợp tác giữa bác Tồn và thằng Ích được ấn định rõ ràng bằng cách chia đôi số tiền kiếm được mỗi buổi. Thằng Ích có công dẫn đường, bác Tồn có công trình diễn. Số tiền thằng Ích được chia, nó giấu đi một ít để ăn quà và mua đồ tặng con Ngoan – em gái nó – một phần, đưa cho mẹ để thêm vào ngân quỹ gia đình. Còn bác Tồn cố dè xẻn, dành tiền lấy Huệ, cô gái điểm loại rẻ tiền đã hết thời nhan sắc. Nhưng bác Tồn vẫn mê nàng qua lời tả của thằng Ích: *Cô Huệ đẹp và thơm lắm, cô đánh môi son, mặc áo hồng, bận quần trắng.* Bác Tồn mù nên chỉ "nhìn" người mình yêu qua trí tưởng tượng với ước mơ đắm đuối! Còn Huệ, cô gái giang hồ tuy đã hết thời, lại đau ốm luôn vì ham bán đất rẻ thể xác mong đủ miếng ăn. Mỗi đêm hành nghề xong, lúc trở về xóm có ai nói xa xôi: *"Một không cô Huệ ơi!"* nàng lại chanh chua giận dữ: *"Một cái phải gió. Cha tổ bố, ít tiền mà cứ muốn đẹp!"* Không khí sống của xóm Cỏ, xóm điển hình cho những khu cận bã của xã hội với những sinh hoạt cực kỳ sôi nổi. Những trận đòn chí tử của anh chồng say tặng vợ, với tiếng khóc, câu cười cùng lời nói thô tục được Nhật Tiến ghi chép tận tường để trình bày thực trạng. Ngay cả

tình thương yêu trong trắng của hai anh em thằng Ích cũng được diễn tả bằng những dòng chữ nhạt nhoà nước mắt:

... Chúng nó (Ích và Ngoan) nghĩ đến ngày mai ngày kia và mãi mãi, buổi sáng phải đi mót củi khô và lá rụng ở mặt đường, buổi trưa nắng gắt, đi quẩy nước ở ngoài giếng, chiều tối, dựng Tắm uống rượu lão đảo trở về, chửi lảm nhảm tới khuya. Mỗi cử động mạnh của dựng, ngay lúc dựng chẳng đánh ai cả, cũng đủ làm cho tim Ích đập nhanh trong lồng ngực. Ích nghĩ dựng Tắm thật táo tợn. Dựng vui đấy, mà giờ mặt ngay đấy. Nhiều khi Ích có ý muốn mình được cầm một con dao nhọn hoắt mà đâm mạnh vào tim dựng. Máu đỏ phun ra sẽ làm nó rất kinh sợ nhưng cũng hã hê biết mấy...

... Cũng có lúc Ích ước ao mình được dẫn em bỏ trốn nhà ra đi. Điều ấy lại còn khó khăn hơn là sự cầm dao giết dựng Tắm. Vì trong thành phố ồn ào này, tuy rộng rãi thật, nhưng nó chẳng biết là mình sẽ đi về đâu...
(Thêm hoang, trang 27)

Sự hình thành của một nếp sống không phải ngẫu nhiên mà có, đích thực nó phải trải qua nhiều giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn lại tích lũy thêm những bằng chứng, xác định rõ từng sự kiện đã xâm nhập vào trong tâm hồn của con người, để tạo nên nếp sống đó.

Nó còn có thể là một không gian địa ngục, được mô tả như hoàn cảnh đương nhiên, vây lút và cuốn tròn mỗi số phận không cho vượt thoát:

... Ở đường cái rẽ vào là ngay đầu xóm Cỏ. Có những mái lá nứt rạn chia ra lối hẹp. Vào những ngày mưa, lòng xóm hoá ra lòng cống, khi nước rút đi thì ngập bùn và rác rưởi. Mùi tanh nồng theo gió thoang thoảng bay đi. Mỗi lần đêm về, lối ngõ tối hun hút như một cái miệng có chiều sâu... Một vài ngọn đèn dầu đỏ đòng đọc lùa ánh sáng qua kẽ vách không soi hết những mô đá khắp khênh nhô lên giữa những vũng bùn đen quánh. Ở đây về đêm có từng bóng áo trắng thấp thoáng sau mấy cái thùng xe đậu rải rác. Khách tìm hoa chụm đầu vào nhau thì thào. Que diêm bật lên rồi tắt ngúm. Ánh sáng teo lại theo tàn than rồi bóng tối lại tiếp tục bung lầy tội lỗi một cách hối hả, vội vàng...
(Thêm hoang, trang 29)

Đấy, cái môi trường sinh động của một lớp người được phác họa trong tâm trí, để rồi các hoạt cảnh lần lượt trình bày thật linh động theo ý muốn nhà văn, những con người chui rúc nơi đây, không phải hoàn toàn mất hết nhân tính. Nhưng cái nhân tính chỉ được Nhật Tiến ghi nhận bằng những nét mờ nhạt qua nhân vật bà Chín và một vài động tác si mê của bác Tốn với Huệ trong lúc nàng ốm đau. Có nhiều lúc, bác Tốn muốn nói với Huệ một câu, một câu thôi, nhưng vì mặc cảm tự ti nên bác tự nhủ: *Xấu hổ bỏ bố đi!*... Câu nói phơi bày cái tâm trạng đau xót của một kẻ đã tật nguyên mà lòng còn phơi phới tình xuân. Sở dĩ bác Tốn – nghệ sĩ mù – còn sống được ở cái xóm Cỏ này, chẳng phải chỉ có Huệ, còn thằng Ích và bao nhiêu người cùng cảnh ngộ, cũng nghèo như bác, cũng lam lũ như bác, nên khi vui bác thường cất cao giọng:

*"Cô Huệ ơi!
Tôi theo cô đến tận góc bể chân trời
Sông sâu tôi cũng lội, núi đồi tôi cũng leo
Sang Tây, sang Nhật, sang Lào
Sang Tàu, sang Mỹ tôi theo đến cùng...
Ói! Cô Huệ ơi! ..."*

Đau đớn thay mỗi tình bác Tốn mơ tưởng, nó chỉ là mối tình suông, mối tình tuyệt vọng vì tuy

nhân sắc Huệ đã xuống, nhưng chắc chắn không đời nào Huệ chịu làm vợ anh mù hát dạo kiếm cơm! ...

Nhân vật u thằng Ích, một goá phụ còn xuân sắc với đôi mắt lá rằm, da trắng trẻo mịn màng, cũng được nhà văn viết với những nét thật sắc, thật bi thương. U thằng Ích vì còn trẻ nên không giữ nổi tiết hạnh trước tên Tám, có thân thể vững chắc, có đôi cánh tay gân guốc mê mình, để rồi sau khi đã làm chủ được linh hồn và thể xác lại hành hạ mình cho tới chết. Ngày trước u thằng Ích mê dựng Tám vì sức vóc, bây giờ dựng lại dùng sức vóc để tặng vợ những trận đòn ác liệt mỗi khi nổi giận vì không có tiền chơi bời cờ bạc! Tiếng khóc, ôi! tiếng khóc của người đàn bà khốn khổ về đường chồng con, đêm đêm dựa mình vào cột gỗ ngoài hiên, than van cho số kiếp, trong khi gã đàn ông khốn nạn đang ngáy nặng nề với hơi men nồng nặc! ... U thằng Ích, hình ảnh người đàn bà Việt Nam cũ, đã lỡ rồi, dù khổ cực đến đâu cũng gắng chịu cho đến ngày không chịu nổi nữa thì chết!

Hình ảnh lão Hói với dáng đi lom khom và cái đầu nhăn thín, khuôn mặt choắt cheo, mày rậm, mũi đõ, vai đeo túi vải có đựng cỗ bài tây cấu ghét và chiếc khăn tay dơ bẩn. Đấy chân dung và gia tài của lão Hói – thầy bói bài tây – luôn mồm đọc câu:

*Ngọc xuất thiên cung thủ quả châu
Hoàng Thiên thương mến quả địa cầu
Giáng tạo thay đời không tranh đấu
Thế giới thanh bình khởi thuế sâu...*

Rồi lão giải thích cho bà con lối xóm nghe rằng: Ông ấy sinh ra mình, sinh ra cây cỏ, mọi thứ lu bù. Táy, Tàu, Anh, Mỹ gì cũng thua ông hết trợ! ... rồi lão tự khen: Chèn ơi! Hay thiệt à! ... Lão Hói là nguồn vui cho cả xóm Cỏ, nhân vật này có mặt trong *Thêm hoang* với dụng ý làm nhẹ bớt sự bi thảm của tác phẩm.

Vấn đề tình yêu trong cuốn sách không kém sôi động. Vì tình yêu là vấn đề muôn thuở của vạn vật chẳng cứ gì con người, nên ngoài mối tình tuyệt vọng của bác Tồn với Huệ cũng như cuộc tình đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần của u thằng Ích và dựng Tám, còn có cuộc tình không kém nồng nhiệt, vô cùng bình dân giữa con Đào và anh phu xích lô Hai Đào, bất chấp cả bác Phó Ngử – bố Đào – nổi tiếng khắc nghiệt trong vấn đề dạy dỗ con gái. Ý của Phó Ngử muốn cho con Đào có tấm chồng đàng hoàng để ông được nở mày nở mặt với xóm giềng, ai ngờ con Đào lại phải lòng tên Hai Hào, người mà ông cho là không xứng đáng làm rể ông. Nhưng Phó Ngử không chống nổi được quyết định của ông Tư, bà Nguyệt đã xe duyên hai đứa:

... Gã ôm lấy cô gái vào hai cánh tay. Đào cũng ghì chặt lấy gã. Giọng gã áp ứng:

"Đào ơi! Mình ơi! ..."

Cặp môi của gã hôn như mưa trên má Đào. Giây sau, gã nói:

"Nên" đây, tôi chờ mình đi chợ".

"Chịu thôi, chúng nó chế chết..."

"Chế cái 'nõ' đít! Mặc bố nó..."

"Chịu thôi. Để đến tối".

"Tôi ở đâu?"

"Sau giếng đi".

"Mấy giờ?"

"Chín giờ".

Thế là buổi tối hôm đó, hai bóng người tinh tụy sau bờ giếng đến khuya, ông Phó Ngữ đi tìm con với vẻ giận dữ:

"Sư bố thằng Hai Hào chim con gái ông... Ông thề ghè vỡ sọ mày ra, biết chưa?"

Rồi từ xó tối có tiếng xô ghé đứng dậy và gã thấy Phó Ngữ bỏ ra với cây gậy quen thuộc ở trên tay. Hai Hào vội vàng la lên:

"Ơ... ơ... đâu nào... Tôi chim ở đâu nào..."

Phó Ngữ hét lớn:

"Ông biết rồi, ông biết tổng ra rồi..."

Nói rồi lão vụt cho Hai Hào một gậy. Gã co chân ù té chạy. Lão già vùng lên đuổi theo. Giọng lão oang oang trong cái im lặng của đêm về xóm Cỏ:

"Bố thằng Hai Hào biết chưa... ông mà tóm được thì ông rút lưỡi, biết chưa?"

Chính vì hành động nóng nảy của Phó Ngữ, con Đào sợ không dám về nhà tối hôm ấy. Hai đứa vì cùng chung hoàn cảnh và đương bị tình yêu mê hoặc nên liều:

... Đến quá nửa đêm lúc gã còn đang thao thức về số phận người yêu thì có tiếng cạy cửa và tiếng gọi thì thào:

"Mình ơi!"

Hai Hào bật dậy. Gã nhảy bỏ ra tháo cái then cửa. Gã nom thấy Đào đứng ở dưới chân lão Hói, giọng gã xuýt xoa:

"Sao? Mình có "nằm" sao không? Có đau không?"

Đào lắc đầu:

"Tôi không về. Nom thấy ông ấy đuổi mình, tôi đi tuốt ra đường cái rồi vòng lối giếng về đây. Mình có... bị gì không?"

"Không, tôi nhanh chân chạy được".

"Khổ quá... thật là mình khổ vì tôi".

Hai Hào vội vàng bịt lấy miệng người yêu:

"Khi "nắm" nữa. Đã yêu nhau rồi mà mình cứ khách khí. Tôi khổ thế chứ, khổ nữa vì mình tôi cũng cam".

Đào cảm động ôm chầm lấy gã. Gã diu nàng đi vào bóng tối... Có tiếng chuột chạy rình rích trên rui nhà. Một lát có tiếng Đào dậy lên:

"Đừng mình ơi!... Tôi van mình".

Rồi Đào im bật, chỉ còn tiếng ghế ngựa đu đi đu lại kêu cọt két và tiếng Hai Hào thở mạnh như những lúc gã đạp xe chở nhiều đồ...

Rồi con Đào khóc, Hai Hào dỗ dành:

"Tôi 'nạy' mình. Đừng có khóc. Rồi mình 'náy' nhau, cần gì".

"Nhưng bố biết thì bố tôi giết".

"Biết 'nằm' sao được. Chốc nữa tôi đưa mình về thật sớm".

"Ngộ tôi chữa thì sao?"

"Chả 'nằm' sao. Mình 'náy' nhau rồi, tha hồ mà chữa!..."

Tất cả những diễn tiến trong *Thêm hoang* dù là tình yêu hay sự xích mích giữa người này, kẻ khác, hoặc những nỗi u uẩn chứa chấp trong lòng từng con người thuộc xóm Cỏ đều được Nhật Tiến mô tả với lượng tri người cầm bút. Do đó, mỗi hành động, mỗi lời nói được cân nhắc để dẫn dắt người đọc đi vào không khí riêng biệt của câu chuyện. Cái hoàn cảnh xóm Cỏ, không phải hoàn cảnh mơ ước của con người, nhưng nó có đầy đủ chứng minh rằng, có nhiều cuộc sống khác nhau trong một không gian ước định. Tình yêu, đau buồn, oán giận, tủi nhục hình như lúc nào cũng quán quít để hành hạ mỗi người, thay vì thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Hình ảnh bác Nhan gái oán hận với Phó Ngữ chỉ vì muốn can thiệp vào chuyện con Đào với ý hướng tốt. Phó Ngữ vì giận con nên giận lây cả người muốn mang lại sự tốt đẹp cho gia đình mình. Trong lúc bác Nhan gái bị đánh tơi bời, đầu tóc rối bù, cúc áo sổ tung, bộ ngực hở ra thốn thẹn thì bác Nhan giai, mặt xanh như tàu lá, chân tay run lẩy bẩy co vợ ra ngoài vòng chiến. Cuộc chiến tay chân vừa diễn xong, lũ trẻ đã thôi reo hò, khích động thì cuộc đấu khẩu giữa Phó Ngữ và con Đào lại xảy ra:

"Đêm qua mày đi đâu?"

Đào mỉm cười gượng gạo:

"Tôi đi coi hát. Tích Điêu Thuyền".

"Điêu bằng mày không? Con đĩ ngựa! Đi coi hát sao mày không về?"

Mặt Đào vênh lên:

"Về chứ sao không về. Nhưng trời tối thui, tôi sợ ma, nên ngủ luôn ở nhà bạn".

"Ma cái con chó. Tao còn lạ gì... mà đi với thằng Hai Hào".

"Khắm chữa, hào với xu nào ở đâu mà cứ nói".

"Bộ mà tưởng tao đui hả? Tao nói cho mà nghe biết chưa, tao là tao không gả con cho đồ cu li cu leo ấy đâu".

"Cu li thì đã làm sao. Miễn là tốt thì thôi chứ".

"Nó tốt mặc bố nó. Tao đã bảo không là không mà".

Đào vặc lên:

"Nhưng mà tôi ngủ với nó rồi!"

Mồm Phó Ngữ đột nhiên há ra. Mắt lão trợn tròn nhìn cô gái quý. Tay lão sững sờ buông cái chén xuống đất khiến vỡ tan thành đồng thời miệng ngoác lên:

"Ói giờ ơi... làm sao... mà làm sao với nó rồi?..."

Đào lí nhí:

"Ngủ rồi!"

Trước sự thực phũ phàng và không ngờ, Phó Ngữ chỉ còn biết rên rỉ những lời thảm thiết: "Ngủ rồi... ối con ơi... thế là con ăn cú rồi! ..."

Như thế đó, cứ như thế, từ nút thắt nọ sang nút thắt kia, Nhật Tiến đã dần trải cơn đau trong từng dòng chữ nghẹn ngào. Việc con Đào và gã Hai Hào rớt cuộc cũng xong với "sự đã rồi" đặt Phó Ngữ vào đường cùng, không bằng lòng chỉ thiết. Trong khi đó, con thuyền tình của bác Tồn thả trôi lênh đênh giữa vũng tâm linh vẫn mong muốn đổ vào bến lòng nàng Huệ. Nghe tin Huệ đau ốm bác nhờ thằng Ích mua hộp bánh bích-quy đắt tiền mang biếu nàng với hy vọng sẽ được Huệ ban phát tình yêu. Nhưng bánh Huệ cứ lấy, yêu bác Tồn thì không, dù thân xác nàng lúc đó cũng chẳng còn gì cho thằng đàn ông mơ ước. Nào bệnh tật, nào nghèo đói, rạc ròi! Nhưng đâu bác Tồn có nhìn thấy sự thật đó, bác vẫn nhìn nàng qua lời mô tả rất gợi cảm của thằng Ích: *Da trắng, thịt thơm, môi son, áo đỏ và quần trắng*, phấp phới ra vào lối ngõ.

Sự thực, màn bi kịch của tác phẩm không nằm ở các dữ kiện nói trên, mà nó xảy ra trong gia đình Năm Trà đi lính đóng đồn xa, vợ con ở nhà với mẹ già. Một buổi, người vợ trẻ của Năm Trà mua cho mẹ chồng và các con mỗi người một kỷ vật xong tuyên bố ra đi, vì không chịu nổi cơ cực quá lâu với cảnh phòng không chiếc bóng, trong lúc tuổi xuân chan chứa nhựa tình. Cảnh gia đình Năm Trà phút chốc bỗng biến thành địa ngục. Tuổi già không kiếm được tiền nuôi cháu, bà cụ phải đem ba đứa cháu nội mang cho nhà mồ cô, sau một đêm trắng khóc than tình đời! Cả ba đứa trẻ đều mặc quần áo mới do mẹ chúng mua tặng, đi theo bà đến một nơi mà tình thương nhân loại thay cho tình thương ruột thịt. Vì quá thương cháu và oán hận sự đời tích lũy trong lòng già nên bà cụ phát điên.

Người đọc cảm thấy như trong hồn mình có một sợi dây vô hình thắt lại làm đau đớn toàn bộ thần kinh, qua lời văn chân thành và cảm động của Nhật Tiến. Nội dung tác phẩm *Thêm hoang* chảy loang như dòng lệ không khô bao giờ khô. Mỗi số phận được đề cập tới hình như đã an bài trong một bối cảnh khắt khe, để trở thành nỗi đau đứt nối. Hình ảnh bác Nhan giai, ốm

đau nằm nhà ăn bám vợ, thềm thịt bèn nghĩ cách bẫy chuột để nhậu nhưng chẳng may đang thui chuột, vợ về bắt gặp:

... Bác Nhan nhe răng cười một mình. Bác trói con chuột vào một cái còi bằng sắt và đem xoay tròn trên than hồng như thể người ta quay những con lợn. Mùi lông khét lẹt xông lên. Lớp da nứt nẻ toác ra thành những kẽ nhỏ, tiết ra một thứ nước vàng, chảy sèo sèo trên ngọn lửa. Bác lẩm bẩm:

"Khét một tí, nhưng cháy hết lông rồi thom phải biết".

Vừa lúc ấy, bác Nhan gái trở về. Bác đánh hơi thấy mùi khen khét khác thường, nên vội vàng chạy bỏ xuống bếp. Nom thấy chồng đang cời trần trụi trực loay hoay với con chuột nham nhở, bác giật chân tru tréo:

"Ồi giờ đất ơi... ông tính ăn thịt chuột đấy à?"

Bác Nhan giai giật bắn người, đứng bật dậy. Nom thấy vợ, mặt bác đỏ bừng lên như một người phạm tội bị bắt quả tang. Bác áp ứng:

"Ơ... thì thịt chuột ngon chứ..."

"Ồm ai người ta ăn thịt chuột... mà lại là chuột cống tởm thế này thì bố ai mà nuốt được..."

Bác Nhan giai vừa tức vừa giận, vội nắm lấy áo vợ chì chiết:

"Thì nói bé cái mồm chứ nào. Hàng xóm nó biết thì còn ra cái chó gì nữa!..."

Thế rồi vì con chuột cống hai vợ chồng đánh lộn, nhưng bác giai sức yếu bị bác gái đè lên trên. Cánh tay bác giai bị kẹp chặt và bộ vú của bác gái sờ sề cộm trên ngực làm tức thở. Để rửa nhục luôn bác giai nói xẵng: *"Ông sợ gì... đừng có trêu gan vào đây chó. Sặc tiết lắm rồi đấy!"* Trong khi đó, nhờ sự may mắn kỳ lạ, Huệ đã khỏi bệnh và bắt tình với một thằng Tây tên Jean, chung sống như tình vợ chồng. Cuộc tình này mang lại cho Huệ tiền và một đứa con (?). Bác Tốn nghe tin, buồn quá mua rượu nhắm với tôm khô nhưng nỗi buồn cứ thấm sâu vào lòng bác. Say rượu, bác Tốn ngủ vui, trong giấc mơ Huệ hiện ra đẹp đẽ, trắng nõn như bà đầm mà ngày xưa khi chưa đui bác nom thấy ở trên đường phố.

Rồi tới cái chết của u Tám, mẹ thằng Ích và con Ngoan. U Tám thất cổ chết vì xấu hổ có người chồng khốn nạn như dưỡng Tám, ăn cắp tiền và nữ trang của gái điếm để đánh bạc. Dưỡng Tám lừa Huệ bằng cách giả vờ mua xác thịt, chờ Huệ ngủ say mới đánh cắp. Từ phút này trở đi, anh em thằng Ích mất hẳn tình thương ruột thịt, để rồi thằng Ích cũng bắt đầu hư hỏng vì quân bài lá bạc. Và Huệ cũng lìa bỏ cõi đời trong lúc đang pha sữa cho thằng "Giăng". Bố nó đã về xứ trên chuyến tàu cuối cùng của Quân đội Pháp rời bỏ Việt Nam, sau 80 năm thống trị và 8 năm chinh chiến tổn hao bao nhiêu xương máu, vẫn không chiếm lại được thuộc địa.

Tác phẩm *Thêm hoang* được kết luận bằng sự trở về của Năm Trà trong bộ đồ lính nhóm nhếch cùng nét phong trần hiện rõ trên gương mặt với bà cụ điên không nhận ra con mình, vì sự vắng mặt của nó lâu ngày mới nên nông nổi. Đứng trước sự kiện đau đớn đó, Năm Trà cũng nổi điên luôn, gã trả thù đời bằng cách đốt nhà. Cả xóm Cỏ tan hoang trong hoả hoạn với tiếng kêu khóc thảm thương.

Rồi một trận mưa đổ dữ dội xuống đồng tro tàn như ông Trời muốn rửa sạch những nhơ bẩn

của một khung cảnh khốn khó để tạo dựng một xã hội công bằng, hợp lý trong tương lai? Bác Tôn ôm thẳng Giăng – con Huệ – vào lòng mà hôn, như hôn hình ảnh người yêu. Thằng Ích mơ tiếng sáo thay cho tiếng đàn trong dự tính kiếm sống ngày mai!...

Thêm hoang là bức tranh xã hội Việt Nam trong những năm cuối cùng có mặt Quân đội Pháp. Ở đây, nhà văn đã tận dụng những chất liệu do cuộc sống cung cấp để sáng tạo với kỹ thuật tài tình, sâu sắc. Nói cho đúng, nỗi vui buồn của cuộc đời nó hiện diện thường xuyên trước mặt mỗi người như mưa như nắng nên không ai để ý, nhưng khi nỗi vui buồn đó được viết ra dưới sự nhận xét và phân tích của nhà văn, nó trở thành đời sống khác, đời sống được nghệ-thuật-hoá để tác động đến tâm thức người đọc qua môi trường văn học. Tác phẩm *Thêm hoang* đã chiếm Giải thưởng Văn chương Toàn quốc năm 1962 và tái bản đến 3 lần, nhưng không phải vì thế mà tác phẩm toàn bích, nó vẫn cho người đọc thấy tác giả hiện diện qua ngôn ngữ và suy nghĩ của vài nhân vật mà thực tế không thể có. Nhật Tiến, một tâm hồn đa cảm và có ý hướng dùng văn chương để trình bày thực trạng của một xã hội đã quá rách nát vì chiến tranh và nghèo đói. Nhật Tiến cũng biết rằng, cuộc đời chẳng thể nào thoả mãn được những nhu cầu của lý tưởng, ngay chính bản thân nhà văn cũng chẳng có gì đáng khích lệ trong địa hạt tinh thần. Sự kiện đó làm nhà văn phần uất khi nhìn thấy trong thực tế, những gì mình nghĩ, mình yêu quý nó chẳng có liên hệ, ảnh hưởng gì giữa nghệ thuật, tác giả và đời sống. Cái tâm trạng bi thương ấy, được biểu lộ trong tác phẩm *Người kéo màn* (1962).

Người kéo màn được viết với hình thức tiểu thuyết kịch, tức là dùng đối thoại để tạo hình ảnh và động tác tâm lý nhân vật thay vì dùng khuôn thức diễn tả thông thường. Phương pháp trình bày cũng gần giống như phương pháp viết kịch nhưng, thay vì kịch, các nhân vật chỉ nói và diễn xuất trong kịch thước sân khấu, thì nó lại trải rộng ra giữa cuộc đời, các nhân vật được tự do đóng "vai trò thực" của mình trong một vị trí đã dành riêng cho họ giữa những trang sách.

Đời là trường kịch, Molière đã nói như vậy. Mỗi kẻ sinh ra đều phải chơi đúng vai trò của mình với phần vụ và trách nhiệm mình bạch. Kẻ nghệ sĩ, ngoài hoạt động thường nhật như mọi người, còn có một đời sống bên trong, đời sống của nội tâm cần phải tỏ bày. Cái chức năng của nghệ sĩ là vì đời mà dâng hiến những tinh hoa của riêng mình. Sự dâng hiến không phải để cầu xin ân huệ, mà phải được quyền tham dự vào sự dâng hiến đó. Nhưng việc đời đâu có giản dị như vậy. Nó được bủa vây và ngăn trở bởi những điều kiện thực tế, nghệ sĩ khó kinh qua, thản như có kinh qua được, khi nhìn lại, cũng đã mất mát ít nhiều vốn liếng riêng tư.

Tác phẩm *Người kéo màn* đã nói lên sự thật, cái sự thật vô cùng chua xót mỉa mai khi nhìn thấy công trình sáng tạo của mình không còn thuộc về mình nữa. Nó được thành hình với những tiện lợi, với sự lợi dụng lẫn nhau để mưu mô quyền lợi riêng. Vở kịch đem lên sân khấu, không do giá trị thực của nó, mà phải đi qua nhiều sự thực, không dự trù trong ý nghĩ nhà văn.

Nội dung *Người kéo màn* được trình bày như một bất lực của nghệ thuật mà người nghệ sĩ luôn luôn mang vác đáng chàng Từ Thức cô đơn. Những khuôn mặt trình bày trong tác phẩm đều được vẽ rõ, rất rõ với nét chì đậm để người đọc nhận thức về phần mình từng chi tiết và hoàn cảnh biến động thích hợp. Tác giả chỉ còn là cái bóng mờ hồ, mờ nhạt trong hoạt cảnh sân-khấu-cuộc-đời. Nó có đó chỉ để phủ nhận vai trò của mình trong phạm trù đời sống. Nội dung *Người kéo màn* trình bày cái thế đứng của nghệ sĩ với nhân vật "tác giả" qua lời đối thoại:

... Thiếu phụ áo đỏ: *Vậy sao người ta không thể sống vô tư được. Chính sự vô tư mới là điều cần thiết để cho cuộc đời có ý nghĩa hơn. Và cuộc đời cũng chỉ cần những kẻ vô tư như vậy thôi.*

Tác giả: *Bởi thế anh chỉ là kẻ đi cúi đầu mà không dám ngửng lên. Anh không được bằng tất cả*

mọi người.

Thiếu phụ áo đỏ: *Mình lại sắp sửa tự mâu thuẫn. Thôi em chán ngấy lên rồi. Mình đứng dậy đi. Sắp đến giờ trình diễn.*

Tác giả: *Anh chưa muốn đến. Anh chưa muốn phải chứng kiến những nhân vật trong vở kịch đã bị ruồng bỏ trong ý nghĩ của anh.*

Những bản khoán, nổi khắc khoải trong tâm cảm kẻ sáng tạo là đã đoán thấy, nhận biết về mình những thiệt thòi. Vở kịch được trình diễn không do mình chủ động, các vai trò cũng không do mình đào tạo, cả khán giả nữa, cũng không vì tác giả mà có mặt. Bởi vậy, giữa kích thước một sân-khấu-ước-lệ, hay sân-khấu-cuộc-đời không thể nhận định được đâu thật, đâu giả? Chiếc màn nhung đỏ ngăn cách giữa khán giả (cuộc đời) và sân khấu, chỉ là một cản trở tạm thời, cũng như sự cách biệt giữa sân khấu và hậu trường chỉ là hai trạng thái của một khung cảnh. Chính vì người đời không nhìn rõ nên cứ đinh ninh: nó là sự cách biệt thực sự, nó không cùng chung ước lệ với cuộc sống bình thường.

Những nhân vật: Nghĩa, Nga, đạo diễn, nhà Mạnh Thường Quân, lão già kéo màn, đứa bé, chàng nhạc sĩ thổi Clarinette, v.v. đều xoay quanh cái trục của ngộ nhận, mâu thuẫn và bi thảm đang hiện hữu giữa đời sống.

Sự mất thăng bằng trong tâm trí vai tác giả, chỉ để trình bày nỗi phẫn nộ và tuyệt vọng của thân phận. Kẻ nghệ sĩ như người mắc bệnh mộng du, luôn luôn sống trong ảo ảnh:

... Hắn thấy mình ngụp lặn trong sự nhục nhã. Bàn tay sờ lên người hắn, khiến hắn có cảm giác như đang bị quán bởi thân hình mềm mại của một con rắn độc. Con rắn quán cứng lấy vai hắn. Hắn mím môi lùi lại. Tất cả mọi cái ghê tởm đều xô hắn đến đường cùng. Hắn nghĩ: "Giá mình có một con dao". Với con dao hắn sẽ cắt da thịt của hắn, nhưng không phải để gột rửa sự ghê tởm mà để hành hạ mình...

(Người kéo màn, trang 38)

Cái bi kịch nội tâm đã dồn nhân vật vào ngõ cụt. Những nhớ bản do cuộc sống đưa lại, mình không từ chối được, mà dùng nó như hình phạt, để tự giày vò trong một cảnh ngộ chán chường, giữa giấc hôn mê:

... Ô! Phải rồi! Mình đã từng đọc ở micro. Nhiều người ồn ào... Chắc người ta vỗ tay! Hắn cảm thấy sung sướng như một đứa trẻ. Hắn châm diêm đốt một điếu thuốc. Ánh lửa sáng lên soi khuôn mặt phờ phạc của hắn rồi tắt ngấm ở hai bờ môi. Người phu xích-lô ghé xe lại phía hắn.

Người phu xe: *"Đi" không cậu? Có chỗ này hay lắm!"*

Tác giả: *"Hay thật không?"*

Người phu xe: *"Ồ, còn phải nói! Tuyệt!"*

Tác giả: *"Đó tôi biết mà! Tác giả là tôi đấy".*
(Người kéo màn, trang 40)

Lời đối thoại thật chua chát, mỉa mai như những nhát búa đập mạnh vào cân não. Trong khi đó các nhân vật khác cũng đang đóng trò, đóng trò thật sự trong hậu trường giữa đạo diễn và nhà

Mạnh Thường Quân, giữa ông lão kéo màn và đứa bé, giữa Nghĩa và Nga, giữa gã nhạc sĩ và mối hôn ghen đau nhói.

Rồi cơn mộng du đưa tác giả vào cuộc sống thực trong kịch thước một cái bar có rượu và gái. Ở đây, tác giả đóng vai diễn viên đồng thời cũng là kẻ sáng tạo. Hình ảnh đứa bé hoang và cô gái tên Hằng, không còn là một kỷ niệm mà trở thành một chứng tích hiển nhiên đang vây quanh, sống động đâu đây. Cứ thế lần lượt, mọi diễn viên đều ra trò, dù ở sân khấu hay hậu trường hoặc trong phòng hoá trang với bao nhiêu bỉ ổi, như nhuốc. Cuối cùng, Nhật Tiến cho người đọc nhận thấy chủ đề của cuốn sách: *Đừng bao giờ trông đợi kẻ khác thương mình, giúp mình một cách bất vụ lợi và nghệ sĩ nói chung, lúc nào cũng là kẻ cô đơn, chịu thiệt thòi, dù ở sân khấu nào cũng vậy!*

Với những suy nghĩ miên man về xã hội, sau tác phẩm *Người kéo màn*, Nhật Tiến vẫn sáng tác theo lương tâm mình qua cuốn: *Ánh sáng công viên* (1963), *Chuyện bé Phượng* (1964), *Vách đá cheo leo* (1965), *Chim hót trong lồng* (1966), cho đến tác phẩm *Giác ngủ chập chờn* thì Nhật Tiến đã ném suy tư của mình vào vùng lửa đạn. Hình ảnh chiến tranh mới thật sự làm Nhật Tiến rung động. Nhưng, sự rung động ở tác phẩm *Giác ngủ chập chờn* không phải là một thái độ nhập thế mà nó vẫn do tình thương dẫn lối. Cái bối cảnh Nhật Tiến chọn lựa để hình thành suy nghĩ, nó là một bối cảnh sống dở, chết dở của những con người vật vã giữa hai lần súng đạn với oán thù giăng mắc ngày đêm. Con người hoàn toàn bất lực trước cảnh huống bị thương mà lịch sử đang có nhiệm vụ thi hành.

Chân dung lão Đồi với khung cảnh áp Vĩnh Hựu, nơi lão đã sinh ra, sống ở đó gần chót đời với bao nhiêu thương mến mà giờ này nó trở thành bãi chiến trường của hai vùng Quốc - Cộng. Họ săn đuổi nhau, bắn giết nhau và quyết không đội trời chung ngay cả với những người liên hệ tình ruột thịt. Lão Đồi sống vật vờ với hình ảnh thằng Đực đi theo bên "ngoài". Lão không muốn, nhưng nó đã bị móc nối ra Khu rồi trở về làm du kích xã. Thỉnh thoảng nó về ấp công tác, ghé thăm nhà để ăn một bữa no nê vì "ngoài" đói quá. Còn trường hợp thằng Há vì cơn nóng giận bắn chết người Trưởng đoàn Dân vệ, sợ tù, ăn cắp súng trốn ra Khu, khi nghe tin anh ruột lấy người yêu của mình đã viết thư cho anh: *"Nghe tin anh lấy con Thu. Nó là người tình lý tưởng của tôi. Tôi thể không đội trời chung với anh đó"*. Anh nó tên Hoanh, lính dân vệ đóng đồn ở gần nhà. Nàng cười, cho Há còn con nít biết gì mà yêu đương. Hoanh khoẻ mạnh đẹp trai, Thu mê hơn. Nhưng đau đớn thay, Há trong chuyến trở về đánh đồn, lợi dụng lúc anh vắng nhà đã chui vô mừng chị dâu và cái gì đến đã phải đến. Và sau này trước khi chết, một lần chót, hắn lại làm một tên vô luân đối với anh ruột. Trong *Giác ngủ chập chờn* không phải chỉ có thế, còn rất nhiều hoàn cảnh khốn nạn đã xô đẩy con người vào mục đích khốn nạn, như thằng Bình, thằng Sách, thằng Xương, thằng Hiệu, thằng Viễn, thằng Nam, thằng Tố, v.v.

Lão Đồi tượng trưng cho người dân quê mến yêu mảnh đất chôn nhau cắt rốn đến chết không rời, thế mà cũng cảm thấy xa lạ ngay cả với quê hương mình. Đêm lão lắng nghe từng nhịp chân, từng tiếng động, vì nó liên hệ đến mạng sống của con lão và bà con thân thuộc trong Ấp. Cũng từ ngày chiến tranh thật sự xảy ra, lão Đồi trở thành quyền sở hộ tịch ghi chép số người ngã xuống. Ấp Vĩnh Hựu chẳng phải chỉ có mình lão Đồi vì mảnh vườn, thửa ruộng mà gánh chịu nhọc nhằn, còn nhiều người khác cũng vì nó sống chết, như mẹ anh Lâu, nhất định không vào ở trại gia binh.

... Nhiều lần Lâu nài nỉ lấy cơ ở nhà có khi nguy hiểm để thuyết phục bà cụ thì cụ chỉ đáp một cách thần nhiên:

"Nguy hiểm cái gì? Ai bắn, ai giết được tao. Chúng mày là Quốc gia, chúng mày có bắn không? Còn Cộng sản à? Thì bọn thằng Há, thằng Đực, thằng Bình, lũ con cháu trong nhà chớ ai?"

Lầu cãi lại:

"Nhưng tội nó ngày xưa khác, bây giờ khác. Bây giờ chúng nó cầm súng giết người như ngoé, bộ chỉ có má là tội nó thương sao?"

"Tao chẳng cần đũa nào thương hết. Mà điều khi không rồi tội nó xách súng đến bắn tao đó chắc?"

"Nhưng tên bay đạn lạc biết thế nào mà lường".

"Ui chao! Tên bay đạn lạc. Nếu cái số nó có bị tên bay đạn lạc thì dù mày có chạy đi đâu cũng vẫn bị như thường".

Rồi cụ chép miệng:

"Ui, thôi đi! Nhà tao, tao ở. Nếu có chết tao cũng được chết ở đây, nơi quê cha đất tổ. Ai ăn nhằm cái gì mà lại đại dốt bỏ đi đâu..."
(Giấc ngủ chập chờn, trang 62)

Bà cụ Lầu, lão Đồi và tất cả những người già cả khác ai cũng nghĩ như vậy, nên các cụ thường nói:

"Tội bây muốn giết nhau ở đâu thì giết, nhưng cấm bắn nhau ở trong các ngõ ngách này. Chẳng dấy mơ cũng rẽ má, ít nhiều gì thì tội bây cũng có liên hệ gia đình, ruột thịt hay quê hương. Giết nhau trên phần đất của ông cha là nhục nhã. Tao bảo không nghe thì đừng hòng vô xin cơm nước gì nữa hết..."
(Giấc ngủ chập chờn, trang 63-64)

Điều răn dạy trên chẳng được đũa nào nghe theo, cũng như lão Đồi đã nhiều lần nói với thằng Đực: "Mày theo ai thì kệ cha mày. Mà điều đi theo bên đây thì còn đôi giày, cái áo mà bạn, chớ mày qua bên đó, chết trần, chết trường ai thương!..."

Thằng Đực nào có nghe, khi đói nó mò về ăn cơm bố xong lại xách súng theo bên kia, để rồi mê Ván, nữ cán bộ lãng mạn bỏ chồng, có nhân tình, coi sự chung đụng xác thịt là chuyện thường. Đực u mê trong vấn đề tình ái, sau một lần hoà vui nhục thể. Ván xa Đực một thời gian khá dài, lúc gần sinh nở thì cho người liên lạc với Đực. Nghe tin, Đực đi cả ngày đường tới thăm và được Ván sai mua một lô thuốc để chuẩn bị ngày lâm bồn, trong khi chưa biết chắc đã phải giọt máu của mình.

Đực làm gì ra tiền. Một đêm tối trời, trở lại nhà để làm khổ lão Đồi:

... Một lát sau, Đực thỏ lộ cho lão Đồi tất cả tâm sự thầm kín của mình. Rồi gã kết luận:

"Các thứ thuốc cần dùng có ghi cả trong mảnh giấy đó. Tía cố lo mua giúp giùm tôi. Ở chợ không có thì lên quận, mà quận không có thì lên tỉnh".

Lão Đồi hậm hực, vặc lên:

"Tổ cha mày, mày làm như tao phải chịu tội đi hoang cho mày không bằng".

Đực giận dữ:

"Hoang cái gì chứ. Bộ tía tưởng tôi coi nó như loại người mèo tha, quạ mổ ngoài giữa lộ sao. Nói cho tía hay, tôi lấy nó làm vợ đó".

"Mày lấy ai thì mặc cha mày. Mà điều đừng có í eo gì với tao".

"Thì dẫu sao nó cũng là con dâu của tía mà".

"Dâu với dia gì. Mày ưng nó, mày ngủ với nó, mày có hỏi tao lấy một tiếng không?"

"Thì bây giờ tôi hỏi đó".

"Rồi nếu tao không ưng thì mày tính sao?"

"Chèn ơi! Thời buổi này mà tía làm như hồi tía còn xuân xanh. Chuyện vợ chồng thì chỉ mình tôi ưng là đủ chứ..."

(Giấc ngủ chập chờn, trang 169)

Nhưng nói gì thì nói, vì tình thương đưa con duy nhất, lão Đồi vẫn phải thu vén được hơn hai ngàn, tiền dành dụm bao lâu lên phố chợ mua thuốc đã ghi trong mảnh giấy. Ấc thay, các loại thuốc hỏi mua, đều thuộc loại đắt tiền và thuốc cấm, nên phố chợ không có, lão mò lên tỉnh. Sau khi mua được thuốc, trở về bị bắt vì tin đồn lão đi lòng mua trụ sinh tiếp tế cho bên "ngoài", mặc dầu lão phản đối om sòm.

Trong *Giấc ngủ chập chờn*, Nhật Tiến đã phóng hồn vào khung trời sáng tạo, ở đó, tất cả mọi suy tư, mọi cảnh ngộ biến động, mọi xót thương, oán thù đều ở ngoài chiều kích sống của nhà văn, nên sự có mặt của Thu, người đàn bà nhà quê hư đốn, khi chồng vừa đăng lính biệt kích Mỹ đã có ý định ngoại tình, và chuẩn úy Dũng với vòng đai đòn, không mấy tương phù với thực tế. Cái sống, cái chết của những sinh vật có mặt chập chờn trong vùng "xôi đậu" sự thực nó có thể thâm, nhưng không thể có mẫu người như Thu, như Há. Trong tiểu thuyết nhà văn có quyền viết ra những gì mình muốn và chỉ dùng như biểu-tượng-cuộc-đời để tỏ bày ý nghĩ.

Tác phẩm *Quê nhà yêu dấu* cùng mang chung ước lệ như *Giấc ngủ chập chờn*, nó chỉ khác qua những khuôn mặt thơ ngây của Thu, của Hương, của Hạnh, thằng On, thằng Tư, v.v. là lứa tuổi nạn nhân chiến tranh.

Những nhân vật của *Quê nhà yêu dấu* cũng bám riết lấy quê hương như bám vào nguồn sống thiêng liêng cao cả. Ôi! Quê hương yêu dấu, quê hương Việt Nam đã bao lần tan nát, còn tan nát đến bao giờ? Những bờ tre, bụi chuối thân yêu, những mái gianh êm đềm chung vui hạnh phúc, những đêm trăng, sao mền yêu làm vậy? Nay đây, từng khuôn mặt trẻ thơ vô tội, thay vì được đi học, được nô đùa vô tư, được nghe kể chuyện cổ tích, được sống những giờ phút thanh bình nhưng chiến tranh làm thui chột tất cả, làm vỡ tan tất cả để chỉ còn lại xơ xác, điêu tàn! Hình ảnh lão Bầy trong *Quê hương yêu* là hiện thân của lão Đồi trong *Giấc ngủ chập chờn* và các tên như Huấn, Bằng, Hiếu, v.v. vẫn mang tâm trạng và hình thức như Há, Đực, Hoanh trong vòng đai Ấp Vĩnh Hựu giữa bối cảnh lịch sử này. Trong *Quê hương yêu dấu*, Nhật Tiến viết nhiều đoạn thật cảm động với con Hương bị mất một chân vì mìn trong chuyến đi xe hoả, đi theo mẹ lên tỉnh. Nhưng Hương còn bé quá chưa biết oán trách chỉ cầu xin cho có phép lạ nào, hoặc bà tiên trên trời làm ngưng tiếng súng để không còn một chuyến tàu nào bị mìn và bom đạn thối rơi xuống đồng quê!

Niềm mơ ước đó, tiếc thay, chỉ là mơ ước của tuổi thơ, quê hương yêu dấu vẫn bị chiến tranh vò nát mỗi giờ phút và kẻ đi vào chiến trận nhiều khi được bình yên, kẻ ở nhà lại gánh chịu tang thương, chết chóc. Do đó, *tình yêu thương không có chỗ dừng chân và kịp nảy nở ở các thôn xóm chẳng may thành bãi chiến trường và ai biết được trên những vẻ mặt kia, mọi cảm xúc đã nguội lạnh như hòn than nóng bỏng bị chìm sâu đáy nước! Và âm thanh dữ dội của những cuộc giao tranh, từ trên trời trút xuống, từ dưới đất bùng lên, chát chúa, rền rĩ, liên tục đã giết chết những khả năng nghe và nghĩ của lũ trẻ không may trót đầu thai vào vùng lửa đạn!*

Nghi ngờ, thù hận hình như lúc nào cũng lôi cuốn mỗi số phận vào guồng máy của cuộc chiến không thuộc về mình và những cái chết vô danh thảm thương làm mối cho cá. Những đôi chân bị tàn tật vì mìn, chông và từng cơn đói khát đã làm con người trở thành thú vật. Cả tình yêu nữa, cũng gây nên bi thảm trong lòng người lớn và trẻ thơ như trường hợp chị Huân chồng đi vắng lâu ngày, không chờ đợi được, nên đã lấy chồng khác. Khi đưa con thóc mắc, chị trơ trẽn cho rằng chuyện đó không liên quan gì đến con nít. Rồi sự trở về của Hoàn, bố thằng Tư, người lính chiến cụt chân, phải chứng kiến cảnh quê nhà gai góc và nắm mộ của đứa con chưa xanh ngọn cỏ! Cánh bướm nào đó, những cánh bướm của mộng mơ đang bay chập chờn trong tiềm thức con Thu, con Hương hay con Hạnh cũng chỉ là ảo tưởng! Và mẹ Phước kia nữa, vì lòng thương con, đưa con theo "ngoải", vẫn hàng ngày tiếp tế cho nó nắm cơm treo lên cành cây ở đầm Tròn!

Tất cả vì quê hương, cho quê hương, nhưng cuối cùng mọi người cũng phải bỏ nó để đêm đêm nhìn về qua đóm mắt hoả châu soi sáng chiến trường. Trên một ngọn đồi cao, hàng trăm con người biến thành trăm cây cột gỗ vô tri trông tua tủa trên nền đất khô cằn, hướng về phía quê hương đang cháy đỏ. Họ im lặng, thứ im lặng của phần nộ hay tủi sầu nào ai đoán biết?...

Luôn luôn và lúc nào Nhật Tiến cũng khơi động tình thương người, thương mệnh nước. Sự đắm chìm vào cơn cuồng loạn của dục tình đâu đó, trong truyện của Nhật Tiến chỉ là để thoả mãn thị hiếu chứ nó không phản ánh trung thực nếp suy nghĩ của nhà văn. Tập truyện *Giọt lệ đen* (1968) hay *Lá chúc thư* (1969) cũng chỉ để nói lên tình thương ẩn nấp tự đáy thâm của một tấm lòng đầy vị tha, bác ái.

Cái khung trời Nhật Tiến mơ ước, thật hiền hoà và trong sáng. Nó là ánh mắt tinh khiết của em bé thơ ngây. Nó là một bàn tay nồng ấm của tình mẹ thương con. Nó là tiếng cười pha-lê của tuổi ngọc. Nó là tiếng chim hót đầu cành nắng sớm. Nó là cánh bướm bay thênh thang ngoài nội cỏ. Nó là tiếng sáo diều vi vút giữa chiều tà trong không gian hiền hậu. Nó là tình người mến thương quần quít. Nó là tất cả những gì mà nhân loại ước mơ: hoà bình, thân ái. Chính vì chân thành với nguyện vọng của mình nên Nhật Tiến đưa suy nghĩ vào tuổi nhỏ. Cái vườn đời xinh tươi ấy dù có bị cuộc đời xung quanh vây hãm bằng ti tiện, đê hèn, giả dối và cả đau buồn của chiến tranh nữa, nhưng trong nó vẫn còn giữ lại được những gì mà người lớn đã đánh mất.

Tác phẩm *Tay ngọc* chứng minh điều trên. Nội dung *Tay ngọc* không mang một ẩn dụ nào về tư tưởng, chỉ là những ý nghĩ hồn nhiên, hiền hoà như một dòng suối trong suốt chảy từ triền cao của ý thức. *Tay ngọc* gồm 18 bài bút ký, mỗi bài gói ghém một vấn đề của tuổi nhỏ đã sống gần gũi Chúa trong khuôn khổ giáo dục của các mẹ bề trên. Những cảnh tượng mà tuổi thơ nhìn thấy với cảm nghĩ tuyệt băng, đã đánh thức tự đáy lương tri của mỗi cá nhân trong tập thể nhân loại, sự hối hận và ăn năn do lòng ích kỷ tạo nên. Trong bài đầu, Hạnh, một nữ sinh 16 tuổi, học cours troisième, nội trú trường Thánh Mẫu đã kể cho Mẹ Bề Trên nghe sự khốn cùng của những đứa bé xấu số được thu nhận vào Cô nhi viện. Chính vì được chứng kiến, nên Hạnh nhiệt thành xin một em bé khốn khổ nhất để làm chị đỡ đầu và nguyện đem hết khả năng sẵn có, giúp cho em đó vài tia hy vọng.

Nhưng không phải tuổi thơ nào cũng có lòng thánh thiện như Hạnh cả đâu, cũng có em thích ở nhà nghe bande nhạc như Diễm Hương. Lòng vị tha ở Hạnh, dưới ngòi bút Nhật Tiến, như một lý tưởng quá cao trọng, chẳng phải không có ở cõi đời này, nhưng rất hiếm. Nó hiếm như một tia nắng rọi giữa lòng giếng sâu khô cạn. Sở dĩ Hạnh kiên trì làm việc tốt vì có hướng dẫn của "ma soeur":

"Đừng có sợ hãi trên con đường khổ nhọc mà mình đang đi không có bạn đồng hành. Cái khó là ở chỗ mình biết giữ gìn đức tin cho đến phút kiệt lực, phút cuối cùng, phút mà lòng cảm thấy nguồn vui của một kẻ đã đem hết khả năng của mình ra phụng sự cho những điều tốt đẹp".

Lời nói trên là một phương châm, là kim chỉ nam cho mọi tấm lòng hướng thiện, chẳng cứ gì "ma soeur" nói ra, mà ở bất kỳ cơ quan từ thiện nào, dù Công giáo hay Phật giáo đều khuyên như vậy. Phật nói: *Nước mắt chúng sinh đã ngập ba ngàn thế giới*, cũng hàm chứa tình thương lai láng và mong cứu vớt con người ra khỏi bể trầm luân.

Không khí nội trú của trường Thánh Mẫu với đường lối giáo dục nghiêm khắc, ở đó, trước hết phải tin có Chúa, sau đây phải tôn trọng lời Chúa dạy, nhưng cũng có những nữ sinh như Thu Cúc phản ứng bất ngờ trước "ma soeur" Cécile rằng mình là kẻ ngoại đạo, nên không thuộc Thánh Kinh. Và rồi mặc cho Hạnh thuyết phục, Thu Cúc vẫn cứ tin: *Tất cả chỉ là bề ngoài giả dối!* Nhưng không vì ý nghĩ của Thu Cúc mà Hạnh nản chí. Cô nữ sinh bé nhỏ ấy, vẫn vì lý tưởng của mình tận tình săn sóc đứa trẻ mồ côi, tật bệnh. Khung cảnh nội trú đôi khi cũng sôi động, biến chuyển qua mỗi trường hợp, mỗi vấn đề dù thuộc học vấn, giáo lý hay xã hội. Vì con người không phải ai cũng thánh thiện hoặc muốn trở thành thánh thiện, do đó, Nhật Tiến đã thực hiện tác phẩm với tâm lý nhân bản, bởi lòng thương ghét còn tùy ở cái *Tâm* mỗi người.

... Dầu sao, chúng con sẽ còn cố gắng thật nhiều nữa, để vun trồng lấy một bông hoa, một bông hoa quý báu nhất trong tất cả mọi bông hoa trên đời mà con đã được gặp. Bông hoa sẽ chào đón một tâm hồn bé bỏng đi vào một thế giới khác, ở đó không còn có mặc cảm, không còn có sợ sệt, rụt rè, đau khổ hay thiếu thốn.

Thưa Mẹ Bề Trên, bông hoa quý báu ấy chính là nụ cười hồn nhiên trên đôi môi bé bỏng của Thục vậy! ...
(Tay ngọc, trang 183)

Hạnh bằng lòng với nguồn vui của đời mình do mình sáng tạo. Nó là tình yêu trên tình yêu, là đời sống trên đời sống. Nó bất rã, đâm chồi nảy lộc trong mọi suy nghĩ và hành động. Nó làm con người cảm thấy như mình được nâng bổng lên vùng trời thanh khiết, ở đó, sự hãnh tiến của đời sống nằm trong nguồn sáng láng của tình thương tuyệt vời. Chính vì lẽ ấy, nên Hạnh đã cảm hoá được Thu Cúc và Sơn – người tình của Cúc – tham gia vào Hội Tình Thương sau này. Nhật Tiến, nhà văn đôn hậu, luôn luôn hướng suy nghĩ của mình vào những điều tốt. Sự thảm khốc nào đấy do chiến tranh gây nên, đều được Nhật Tiến mô tả qua khía cạnh xót thương, cùng sự bất lực của con người trước hoàn cảnh. Nhật Tiến không dùng ngòi bút của mình để cổ xúy cho hành động bất nhân, dù sự bội bạc và phản trắc của đời sống đã khắc sâu vào tâm khảm nhà văn những chứng tích. Cũng mang tâm trạng kẻ lưu đày bất đắc dĩ giữa thực tại, qua hình ảnh gã nông dân Lỗ Ma Ni trong tác phẩm *Giờ thứ hai mươi lăm* của Gheorghiu, Nhật Tiến bị ám ảnh, giãy giụa trong mỗi suy nghĩ về thân phận con người trước cường lực, trước bất hạnh. Nhà văn cố gắng chống lại cái giờ thứ hai mươi lăm đó, bằng cách níu lại chút tình người, giữa cơn phá sản tinh thần, chẳng những do chiến tranh, còn do sự ngờ vực, đay đoạ lẫn nhau, trong một thế giới đang đi dần vào tuyệt vọng!...

Đường vào trần gian

Mịt mù khói lửa binh đao

Thiên thần gãy cánh lạc vào trần gian

- Nào! Một, hai, ba, hấp!

Lưng của Tư Híp khom xuống và thằng Út đứng ở xa, vừa toét miệng ra cười, vừa phóng tới. Hai cánh tay gầy guộc và đen đũi của nó ôm choàng lấy cổ anh, đồng thời cái miệng óm tong teo của nó lấy đà nhún tới. Trong một thoáng, thằng bé đã búi gọn gàng được trên mảng lưng to như cánh phên của anh nó như một con nhái bầu trên một ống tre vầu. Tư Híp xốc lại mình một lần nữa cho chắc ăn rồi đứng dậy. Gã hỏi:

- Tè rồi chưa?

Thằng bé đáp lại bằng cách nhún nhảy như nó đang ngồi trên mình một con ngựa. Anh nó tiếp:

- Mà vô trông mà đái dầm người ta cát cu.

Vừa nói gã vừa nghiêng mình xuống nhắc cái tay nải lên đeo ở cánh tay. Gia tài của anh em gã chỉ có thế. Vài cái quần áo, một mảnh chăn chằng đụp và một cái mùng rách bươm. Gã đảo mắt nhìn căn buồng tối tăm như hũ nút một lần cuối với vẻ quyến luyến rồi khom lưng bước qua cánh cửa thấp và hẹp. Ở ngoài sân đất, bà cụ chủ nhà đã đợi sẵn với quả chuối trong bàn tay. Bà trao cho thằng Út với một vẻ trù mến rồi hỏi:

- Anh Tư đi rồi bao giờ về?

Tư Híp đáp:

- Ý chà! Chắc là lâu vài ba năm.

- Rồi cũng được nghỉ phép chớ bộ đánh nhau hoài sao?

- Có chớ! Tới chừng có dịp là cháu về thăm cụ ngay.

Bà cụ nhìn thằng Út thờ dài:

- Vậy nhất định là anh kéo nó đi theo thiệt đó à. Vô đó ai người ta chịu.

Tư Híp mỉm cười:

- Hồng chịu thì cũng đành vậy thôi chớ, cháu bỏ nó mà đi thì lấy ai nuôi nó? Minh cứ trình bày hoàn cảnh thì rồi mấy ông cũng phải thông cảm cho mình chớ.

Vừa nói Tư Híp vừa xốc thằng Út trên vai. Gã đứng tẩn ngẩn bên cạnh bà cụ một giây rồi chậm rãi đi ra cửa. Bà cụ lặng lẽ theo sau. Phút chia tay chẳng có gì thế mà cũng bịn rịn. Dầu sao thì anh em Tư Híp cũng đã chui rúc ở đây mấy năm rồi. Đối với họ, bà cụ coi như con cháu trong nhà. Ra tới ngoài, bà cụ mới móc túi lấy ra tờ giấy bạc nhét vào túi áo thằng Út. Tư hỏi:

- Cái gì thế?

- Để cho nó ăn quà, tội nghiệp.

Tư Híp lúng túng cảm ơn trong khi ấy thằng Út đã tẽm hết một nửa quả chuối và vát nguyên cái vỏ ra thẽm đất. Bọn trẻ con đang chơi nhõn nhíp ở ngoài ngõ bõng ùa lại. Một vài đũa hét:

- Ê! Út, mày đi đâu đó mậy.

Út nhấp nhõm trên lưng anh và giơ tay lên vẫy. Tư Híp trả lời thay em:

- Đi quân dịch đây. Đũa nào khoái bắn súng thì theo tao.

Cả bọn nhao nhao :

- Tôi!

- Tôi!

- Tôi nè!

Thẽ là cả bọn chúng nó xúm xít bu lấy anh em Tư Híp như một chùm sung rồi cả chùm sung đó ùn ùn kéo nhau đi chậ cả lòng ngõ. Tư Híp phõn chí toét miệng ra cười. Gã cất giọng nghêu ngao:

“Vài hàng gởi anh triu mẽn

Vừa rồi làng có truyền tin

Nói rằng quốc gia đang mong

Đi quân dịch là thương nõi giống”

Đám đông ra đến đường cái thì gặp một vụ đánh lộn. Thẽ là lũ trẻ ùa lên chạy. Trong chớp mắt chỉ còn anh em Tư Híp đứng một mình ở bên vỉa hè. Thằng Út nhấp nhõm định đòi tụt xuống, nhưng anh nó đã vội nói:

- Ý! Mình đi quân dịch mà. Đâu có theo tụi nó đợc.

Út hậm hực lúc lắc trên vai anh nó một chút rồi lại ngồi yên. Nửa quả chuối còn lại bây giờ nó đã tẽm nốt và chùi bàn tay lên vai áo của anh nó. Gã đàn ông thủ thỉ:

- Từ bây giờ là mình phải tập vô kỷ luật thì mới đợc. Nhà binh ác ôn lắm mày biết không.

Thằng Út buồn bã không trả lời nhưng anh nó vẫn tiếp:

- Nghĩa là mình phải theo lời mấy ông sĩ quan. Mấy ông thổi toe một tiếng còi là phải sắp hàng ngay cái tróc, thổi toe một tiếng nữa là im lặng như điẽn, toe cái nữa là hấp nhào vô tập tành ngoan ngoãn, chăm chỉ. Mà điều đó là phần tao. Còn mày khỏi! Đếch phải sắp hàng sắp lẽ gì hết ráo. Cho mày chạy chơi như điẽn, chỉ cần tao đi đâu mày lót tót theo đó là “năm bờ oãn” rồi, nghe Út!

Ut không đáp vì nó còn lơ đãng nhìn quả bóng xanh đỏ bay phát phớt trên tay một thằng bé bán bóng mới xuất hiện ở bên kia đường phố. Sự im lặng của nó làm Tư Híp phải ngoái lại nhìn. Gã cần nhần:

- Đếch nghe gì cả, ông nội! Bộ ông nội tưởng cóc có gì quan trọng lắm sao. Vô đó mà ông lảng cháng làm trật lất thì họ ghét họ cắt cu. Lính thứ thiệt chứ bộ giỡn với ông sao?

Vừa nói gã vừa xốc lại thằng bé, đổi cái tay nài sang tay bên kia cho bớt mỏi, rồi gã lại thủ thỉ:

- Phải nhớ đó nghe. Hễ mà ai đụng tới thì mày phải gào to lên, gào chừng nào tao nghe tiếng, tao chạy tới thì thôi. Mà ý chà! Cái gì chứ cái gào thì đếch cần phải dặn ông kỹ. Cái họng nhà ông mà gang ra thì cả nước phải điếc tai.

Vừa nói, Tư Híp cười hì hì. Hai hàm răng của gã nhả ra như răng ngựa. Lốp thịt ở hai bên má của gã nhúm lại, đội cho vành mi dưới trời lên hàng mi trên, khiến cặp mắt của gã đã bé lại càng bé thêm. Chả trách hàng xóm người ta không kêu tên thật của gã mà chỉ gọi gã là Tư Híp. Người ta không biết dĩ vãng của Tư như thế nào, nhưng chỉ biết Tư sống độc thân với thằng em ruột vừa gầy vừa choắt, so với gã thật là một sự tương phản mạnh mẽ. Tư Híp quý em như vàng. Điều mà gã lo sợ nhất là sau này, nếu gã chết đi, để lại một mình nó bơ vơ trong cuộc đời thì nó sẽ không biết làm gì để xoay xỏa lấy đời sống. Tư sợ cái hình ảnh đó lắm, và gã thường cầu trời cho đừng bao giờ xảy ra cái chuyện khủng khiếp như thế cả. Buổi tối khi đi làm về, Tư ít đi chơi hay đi nhậu lai rai, gã chỉ thích ở nhà đùa nghịch với thằng Út trong bóng tối lù mù của ngọn đèn dầu hôi đặt trên vách gỗ. Nhưng Út thì không khoái nghe gã rủ rỉ chuyện trò bằng sự chạy lòng lên như chó điên với bọn trẻ ở trong ngõ. Thành ra nó chỉ lảng cháng với anh nó một lát là lại tìm cách chuồn đi mất biệt. Tư Híp nằm buồn tình cần nhần một mình trong bóng tối rồi chỉ một chốc gã đã lăn ra ngủ. Giấc ngủ đến với gã quá dễ dãi như bản tính dễ dãi của gã. Gã không mong gì hơn là được kéo dài cuộc sống bình thản như thế cho đến trọn cuộc đời. Thằng bé cứ bé như thế mãi, và gã thì lúc nào cũng khỏe mạnh để làm được thêm nhiều, bữa cơm chiều sẽ chẳng có vài đồng thịt quay thì cũng có mấy khoanh tiết nóng cho thằng Út. Thế là gã mãn nguyện vô cùng rồi.

Nhưng vào một đêm có lính xét sổ gia đình và gã bị chộp lên xe vì gã ở trong tuổi quân dịch. Gã như điên lên khi thấy rằng chẳng cần phải chờ đợi lúc gã chết đi thì hình ảnh bơ vơ của thằng Út mới thực sự trở về. Gã đã van nài lay lục tất cả mọi người, nhưng chẳng có ai nghe lời trần tình của gã. Cuối cùng gã tự phải thoát thân lấy bằng cách liều lĩnh nhảy ùm xuống lạch nước khi được dẫn đi qua cây cầu khỉ và lặn một hơi qua những gậm nhà sàn tối tăm để thoát sang tận bờ bên kia. Bữa đó trở về, gã nằm ngất ngư mất mấy hôm vì uống no một bụng toàn nước sông đen ngòm, sặc mùi xú khí.

Sau hôm đó, gã tự nghĩ rằng thà đem thằng Út vô lính cùng với gã còn hơn là lại tới một hôm nào đó người ta bắt giải gã đi một mình, để thằng Út bơ vơ, không ai chăm nom săn sóc.

Thế là gã gom góp đồ lè, sửa soạn hành lý để lên đường thi hành nghĩa vụ công dân. Hành trang của gã gồm có:

- Bốn bộ quần áo.
- Một cái mền.
- Một cái khăn mặt.

- Một đôi dép cao su.

- Và thằng Út năm nay vừa tròn sáu tuổi.

Ờ quân vụ thị trấn, người ghi danh không nín được cười trước cảnh tay bồng tay mang của Tư Híp. Anh ta la lên:

- Trời ơi! Sao anh không đem cả vợ lớn vợ bé đi luôn có hơn là xách theo có mỗi thằng nhỏ này.

Tư Híp gãi đầu gãi tai:

- Xin xếp thông cảm giùm. Em chưa có vợ.

- Chưa có vợ mà bé con vô hả?

- Dạ không phải! Nó là em.

Người đàn ông giận dữ:

- Em hay cháu hay chất thì cũng phải để nó ở nhà chó đi lính đánh giặc chó bộ đi nghỉ mát sao mà bồng bế nhau um sùm tới đây vậy.

- Dạ, để nó ở nhà thì không có ai nuôi. Nó còn con nít quá mà xếp. Xin xếp thông cảm dùm em...

- Cảm với cúm gì. Rồi anh coi, vô trại nhập ngũ người ta tổng nó ra còn thêm tội cho nó hơn nữa.

Tư híp đặt ngay thằng bé xuống, cháp hai tay định xá một xá, nhưng nghe lời dặn của anh, thằng Út nhất định không chịu rời cái lưng êm ái của anh nó. Hai tay nó níu chặt lấy cổ Tư Híp còn hai chân thì nó quắp chặt lấy mạng sườn khiến Tư Híp giằng cũng không ra và cử chỉ lễ phép của gã trở lên lúng túng. Người đàn ông ngược mắt lên ngắm thân hình còm cõi của thằng bé với bộ mặt vêu vao đen thui thúi rồi bồng chệp miệng thở dài. Ông ta gõ cái bút chì lên trán Tư Híp rồi nói:

- Không bảo đảm đâu đó nghe! Xuống đó người ta đuổi, tôi mặc kệ đa...

Mặt Tư Híp tươi hẳn. Gã biến ngay thành con ngựa nhảy quăng lên, lóc xóc thằng Út trên lưng khiến nó khoái chí cười toét miệng ra cười và quắp chân thêm chặt hơn nữa. Lần này Tư Híp phải la lên:

- Thôi đi ba. Nói nói ra một chút giùm. Bộ tôi làm ngựa cho ba cỡi suốt ngày đó sao.

Vừa nói gã vừa gỡ thằng bé, đặt xuống sàn đá hoa rồi vươn vai răng rắc. Mặt gã rạng rỡ hẳn lên. Nhìn đâu gã cũng thấy niềm vui chan hòa. Cử chỉ của gã càng trở lên khép nép như để biểu lộ thêm lòng biết ơn của gã đối với sự dễ dãi mà người ta đã dành cho gã.

Một lát sau gã được xua vào đứng ở một góc sân cùng với mấy chục người khác. Thằng Út lót tốt đi theo. Mắt nó đảo đảo nhìn cảnh vật xung quanh với cặp mắt tò mò. Rồi chỉ một lát nó đã tốt lại sờ mó những chiếc xe bóng loáng đậu ven bờ tường hay đứng ngẩn người ra ngắm khẩu

súng lục trên dây lưng của người lính ngồi gác giữ an ninh gần đó. Sự táy máy của nó làm Tư Híp vừa cần nhần vừa chia cái lưng ra nói:

- Thôi, mồi bố phốc lên đây. Bố mà cà rà ra đó người ta tống ra ngoài thì hết đường mà xin ai nữa.

Thằng Út nheo mắt nhìn anh mỉm cười. Nó lùi ra xa ba bốn bước để lấy đà rồi mới nhào người lại như kiểu anh hiệp sĩ trong phim cao bồi phóng mình lên lưng ngựa. Lúc Tư Híp đứng dậy thì nó chồm lên, thúc đầu vào mạng sườn của anh nó rồi cười như nắc nẻ...

Vào đến trại nhập ngũ, càng thấy đông người, Út càng trở nên nghịch ngợm. Giữa đám đông toàn thanh niên trai tráng, bóng dáng loắt choắt của nó bỗng trở thành một hình ảnh ngộ nghĩnh và đặc sắc thu hút được sự chú ý của mọi người. Suốt ngày nó nhảy quẩng lên như một con chó động cốn, len lỏi hết đám đông này đến đám đông khác, la cà ở khu này tới khu khác, khi mệt mỏi nó lại tìm về chỗ của Tư Híp mà nằm lãn ra ngủ một cách dễ dãi. Trời nắng như thiêu đốt, Tư Híp kê đầu của nó lên chiếc tay nải rồi phủ người nó bằng tấm mền hôi và bản để kiểm đôi chút bóng mát. Còn gã thì ngất ngư sau một ngày chờ đợi mệt mỏi. Mặt gã đỏ rừ. Mồ hôi tháo ra đầm đìa ở mặt và ở cổ. Miệng gã khô đắng lại. Suốt từ sáng gã chỉ dám liếc ra quán uống một chai nước ngọt vào lúc trời nắng gay gắt nhất. Chai nước được chia làm hai. Non một nửa cho gã, và già một nửa nhường cho cái bụng ỏng kếch sù của thằng Út. Giờ ăn, gã được lãnh một phần cơm với hai miếng thịt. Gã tưới thực nhiều nước thịt kho để cơm được chan bằng thứ nước mằn mặn. Gã tưởng sẽ phải nhường phần cho thằng Út nên không được no, nhưng đến lúc chỉ mới lùa được hai muống vào miệng, gã đã thấy cổ họng mình bứ lại. Cái khát làm cho gã hết cả đuối. Mồi gã dộp lên, miệng đắng nghét, cặp mắt đỏ ngầu. Chưa bao giờ gã lại mong trời mưa đến như thế. Nhưng trời trong xanh và cao thăm thẳm. Không có một làn mây, không có một ngọn gió, bốn bề chung quanh chỉ hầm hập hơi nóng. Hơi nóng làm héo úa những những cọng cỏ mọc ngổn ngang trên nền đất, làm khô bỏng những lớp cát rải rác trên lối đi, làm cả lớp mái tôn của dãy nhà chật ních những người như cong lên, vênh lại.

Sự sinh hoạt ồn ào lúc buổi sáng cứ theo sức nóng của buổi giữa trưa mà chìm dần trong êm ả. Sự êm ả bức bối, nực nội, mệt mỏi và rã rời, chỉ đến lúc chiều dần xuống, cái nóng dịu đi, những ngọn gió thần tiên bắt đầu thổi hây hây trong bầu không khí dịu mát, thì tiếng hò hét, nói cười lại trở về và kéo dài liên miên cho tới đêm khuya.

Bữa cơm sáng thằng Út chỉ ăn vã đúng có hai miếng thịt kho. Đến chiều nó ngấm nghĩa mấy sợi măng xào trên bát cơm nguội lạnh rồi lắc đầu và vùng lên chạy. Tư Híp chẳng kịp phân trần hay khuyến khích sự can đảm chịu đựng của nó thì bóng dáng loắt choắt của nó đã mất biến ngay trong đám người đứng ngồi ngổn ngang phía trước mặt.

Mãi đến lúc sẩm tối, Út mới tha thẩn đi về. Bộ điệu của nó có vẻ như mới được ăn no, tay nó cầm một mớ nút chai. Nó ngồi xuống nệm cỏ chơi đánh phèng một mình chán rồi nằm phưỡn rốn ngựa mặt lên trời nhìn bầu trời bắt đầu lấp lánh mấy vì sao mới mọc. Bầu không khí bây giờ lại dịu hẳn đi. Gió mát thổi lồng lộng làm tung những sợi tóc lòa xòa trên trán của Tư Híp. Sự khoan khoái hiện tại xen với nỗi cực nhọc của suốt một ngày chờ đợi khiến cho gã thiu thiu buồn ngủ. Gã gối đầu lên cái tay nải, một cẳng chân của gã khều về phía mông đít của thằng Út như để gã cảm thấy yên tâm trông coi nó ngay cả trong giấc ngủ, còn hai tay của gã duỗi ra thật dài. Gã sung sướng nhắm nghiền hai mắt để cho từng ngọn gió lùa qua cổ áo mơn man ở khắp ngực và bụng. Cứ như thế, chỉ trong khoảnh khắc gã đã quên bẵng khung cảnh ồn ào trước mặt và cả cuộc đời dang dở của gã để gáy như kéo gỗ. Trong giấc mơ, gã thấy mình bơ vơ giữa một khoảng trời ngùn ngụt lửa cháy và toi bờ bom đạn. Tiếng đạn nổ, tiếng người la, tiếng động cơ gầm thét trong bầu trời đỏ rực, gã thất thanh gọi tên thằng Út nhưng quanh gã

chỉ có những hình thù đầy máu me chạy nhảy hỗn loạn như những hình nhân gớm ghiếc. Tư Híp rú lên thất thanh và gã choàng dậy nhón nhác nhìn quanh. ở gần đó người ta đang chiếu cho tân binh quân dịch coi một cuốn phim giải trí. Gã hoàn hồn giơ bàn tay lên vuốt những giọt mồ hôi vã ra ở trán và ngực. Thăng Ut bây giờ cũng đã biến đi đằng nào. Chắc nó đã len lỏi vào đám đông trước mặt để nhìn cho rõ những hình ảnh nhấp nháy nhưc mắt trên tấm khung vải xộc xệch căng bằng những sợi dây buộc trên xà gỗ. Tư Híp lơ đãng nhìn về phía đó một lát rồi lại nằm xuống. Gã cảm thấy cơ thể rã rời mỗi mệt và trí óc trĩu nặng những nỗi lo âu thấp thỏm. Gã nghĩ đến những đêm nằm nghe tiếng súng nặng nề làm rung chuyển nhà cửa trong thành phố, những trái hỏa châu bắn lên soi sáng vàng úa trên mặt đường nom thê thảm như những cây nến chết chóc sừng sững leo lét ở giữa bầu trời. Gã tự hỏi rồi ngày mai gã sẽ làm được gì và phải làm những gì. Nhưng đối với gã, dù có xảy ra bất cứ điều gì gã cũng sẽ đều chịu đựng tất cả, miễn là anh em gã còn được gần nhau, thăng Ut không phải bỏ vợ trong mớ tuổi nhỏ nhoi của nó. Nghĩ đến đó bỗng nhiên Tư Híp thấy sốt ruột. Gã trở mình vài ba lần rồi thốt nhiên nhồm dậy. Gã cố ngھn cổ lên nhìn, cặp mắt hướng về phía đám đông như muốn chọc thủng bóng tối để tìm bóng dáng loắt choắt của thăng Ut. Nhưng đám người đứng đông nghին nghịt khiến gã thấy ngay khó mà tìm ra được thăng Ut trước giờ cuộc vui rã đám. Chán nản, Tư Híp lại tiếp tục nằm xuống ngửa mặt lên bầu trời lấp lánh mấy vì sao. Không gian thật hoàn toàn êm ả nếu thỉnh thoảng không có những đốm đỏ của từng chiếc máy bay di chuyển nặng nề qua vùng trời trước mặt. Rồi chỉ một lát, có tiếng bom ầm ì vọng về. Tiếng bom thật xen lẫn với tiếng súng nổ giòn giã trên màn bạc. Hình ảnh của những vùng đất bị cày, xới, khoét, phá xen lẫn với những đám lửa ngùn ngụt cháy, những rừng cây xơ xác, những làng xóm hoang tàn như bó, xoáy, quay cuồng trong đầu óc của Tư Híp khiến gã thấy mình như bị ném vào một cơn lốc lớn, ở trong đó con người nhỏ bé của gã bị rang phồng lên, đầu óc căng nứt ý nghĩ chập chờn, và gã bắt đầu, cảm thấy mình đang tách rời cuộc sống hiện tại để đi vào một giấc ngủ chập chờn, mộng mị. Đến lúc gã tỉnh dậy vì sương đêm ướt lạnh cả mảng lưng dưới nệm cỏ thì bốn bề đã trở nên im lặng hoàn toàn. Bên tai gã chỉ còn tiếng những con muỗi vo ve bay tạt đi tạt lại ở cổ, ở má và chân tay. Phía đằng xa, trên những tấm hàng rào kẽm gai trải thẳng tắp trên vùng đất rộng bao la, những ngọn đèn ử rử hắt xuống một thứ ánh sáng vàng vọt, héo úa. Tư Híp quờ quạng tay sang hai bên và gã bắt gặp thăng Ut lúc này đang rúc đầu vào chiếc tay nải ngủ cách ngon lành. Khuôn mặt của nó bây giờ nom bình thản và thơ ngây một cách tội nghiệp. Tư Híp nghĩ đến cái giường ấm cúng trong căn buồng ấm cúng ở nhà. Gã bỗng thấy lòng dâng lên một niềm thương vô hạn đối sự gian truân mà thăng Ut đang phải chịu đựng. Gã vội kéo nó nằm sát lại gần rồi rử tấm mền ra đắp lên bụng nó. Trong giấc ngủ, thăng Ut trông như một con chó nhỏ nằm mệt vùi sau một ngày rông dài, chạy nhảy...

Những ngày tiếp theo, anh em thăng Ut vượt qua trót lọt tất cả mọi chặng đường để vẫn còn được ôm nhau trong giấc ngủ. Chẳng ai nỡ rút thăng bé loắt choắt đó ra khỏi tình thương của anh nó cả. Thật sự thì Ut thừa đủ tinh khôn để tự lo lấy được cho mình. Ban ngày, trong lúc Tư Híp phải rời em làm phận sự thì Ut lảng vảng ở dưới khu nhà thầu. Nó kết bạn với hầu hết mọi người làm việc ở đó. Chẳng cần để anh nó phải nhường nhịn, mỗi ngày Ut cũng xoay sở được hai bữa cơm no. Thường thường Ut chỉ trở lại tìm anh vào lúc trời tối hẳn. Ở giai đoạn đầu, Tư Híp chưa phải vất vả học tập bao nhiêu nên ban đêm hai anh em vẫn có thể la cà đây đó hay nằm trên giường tán dóc trước khi ngủ. Cũng có nhiều hôm Ut đi biệt hai ba ngày liền không trở về. Lần đầu tiên Tư Híp tưởng nó bị tổng ra khỏi trại nên chạy đi xông xáo tìm kiếm và bỏ cơm đúng hai ngày.

Nhưng rồi bỗng nó lại lù lù, dẫn xác trở về trong bộ quần áo không mới lắm nhưng khác lạ.

Thăng ranh con thể mà tài. Mái tóc xù lên như ổ quạ rối của nó đã được hớt lên sạch sẽ. Trong túi của nó lại thấy rủng rệng mười đồng tiền các. Sự chững chạc, phong lưu của nó khiến gã đàn ông quên cả buồn, quên cả giận. Gã đá phốc ngay vào cái lon sữa bò ở gần đó như chứng

tỏ cơn giận của gã trút hết cả vào đó, rồi gã hét lên:

- Thằng mắc dịch, mày đi đâu làm tao kiếm hụi hơi muốn chết mà không ra.

Út mỉm cười . Nó móc túi lấy ra chiếc kẹo chanh đưa lên khoe rồi thản nhiên bóc giấy bóng và cho vào miệng . Tư Híp hỏi gặng:

- Mày đi đâu vậy Út?

Út giơ ngón tay chỉ về phía trước mặt, không trả lời. Miệng của nó còn mắc lúng búng với viên kẹo thơm phức. Gã đàn ông hậm hực một lát rồi nói :

- Coi chừng cà rà cho lăm vào máy ổng sút cho một cái là bay về tới nhà đấy nhóc con. Lần sau thì cấm đấy, nghe chưa.

Nhưng lời nói của Tư Híp đối với Út cũng chẳng khác nước đổ đầu vịt. Thằng bé vẫn ham chơi, vẫn chạy nhảy như một con chó động cõn, và từ hôm đó về sau lâu lâu nó mới chịu nằm ngủ gọn trong lòng anh một lần . Một hôm Tư Híp bắt gặp nó theo chân hai người đàn bà, một già một trẻ, khiêng một sọt su su từ chỗ đậu xe xuống nhà bếp. Lúc đó Tư Híp đang làm tạp dịch ở ngoài hàng rào. Gã chú ý đến người thiếu nữ khiêng sọt vừa đi vừa nô với thằng Út. Tiếng cười trong trẻo của hai người làm ám cúng hẳn khung cảnh buồn chán ở chung quanh với những mái nhà tôn thấp, những hàng rào kẽm gai chạy dài và những chiếc mũ sắt thấp thoáng trong từng lô cốt. Khuôn mặt của nàng đầy quyến rũ với nước da ửng hồng, từng giọt mồ hôi chảy vã xuống hai gò má còn dính những sợi tóc dài và ướt. Dưới vầng trán phẳng, cặp mắt bồ câu long lanh sáng. Nàng cười tươi như bông hoa buổi sáng và giọng nói lạnh lạnh của nàng bỗng gieo vào lòng gã đàn ông nhiều cảm xúc xao xuyến. Thằng Út mãi đùa nên không để ý đến anh nó. Nhưng hình như thiếu nữ nhận ngay ra được Tư Híp. Nàng ghé vào tai Út thì thào và Út reo to lên quay lại nhìn về phía hàng rào. Nó giơ bàn tay lên vẫy vẫy. Tư Híp bối rối vẫy lại. Mắt gã vẫn không rời khuôn mặt của người thiếu nữ lúc tiến gần ngang qua chỗ gã đứng. Gã bắt gặp cái nhìn soi mói của nàng hướng về phía gã. Điều đó làm gã lúng túng vô cùng.

Gã không dám nhìn ai nữa mà chỉ cúi vội xuống vờ lúi húi trong công việc.

Đến tối, gã thủ thỉ với Út trên giường nằm:

- Ai khiêng sọt su su hồi chiều đó, Út?

Út đáp:

- Chị Hiên nhà bếp đó.

- Mày quen hả?

- Quen .

- Rồi mày nói hay sao mà cổ cũng biết cả tao.

- Biết chớ! Em chỉ anh cho cổ mấy lần.

- Thiệt không?

- Thiệt!

- Mày kỳ thấy bà. Khi không chỉ tao làm gì, làm tao mắc cỡ muốn chết.

Út yên lặng không đáp khiến Tư Híp chờ lâu không được nên lại tiếp tục hỏi:

- Mày chỉ tao làm sao, Út?

- Thì chỉ vào anh đó.

- Rồi mày nói chi?

- Chả nói chi hết

- Ngu thấy bà! Chỉ rồi thì cũng phải nói lai rai chứ, bộ im thì ai mà biết.

Út cười mỉm.

- Thế thì em chẳng có nói cái gì hết.

Sự ngu độn của nó làm Tư Híp bực mình. Gã vặc lên:

- Không nói cái gì hết mà cổ lại biết tao là anh mày. Thằng ngu quá đi!

- Vậy thì em có nói. Em nói anh Tư của em đó.

Mặt Tư Híp tươi lên. Lòng gã bỗng rung động. Gã hỏi dò một cách hồi hộp:

- Thiệt không?

- Thiệt!

- Ừ! Rồi cổ bảo sao?

- Không bảo sao hết đó.

Tư Híp thất vọng, vén đuôi lên gãi sồn sột. Một lát gã lại tỉ tê:

- Vậy từ hồi đó tới giờ, mày ăn uống ở đó đó hả.

- Ừ!

- Bộ mày xin hay sao!

- Em không xin mà đều cổ cứ giữ lại.

- Kỳ! Không quen mà giữ lại.

- Thiệt đó!

Mặt Tư Híp tươi lên lần nữa. Gã nói:

- Rồi mà nói sao?
- Chả nói sao hết
- Mà nói ngang như cua đó. Bộ chả nói, cứ việc xông đại vô ăn cơm nhà người ta đó chắc.
- Chớ sao. Người ta mời mình mà
- Mời sao?
- Mời là mời chớ còn mời sao. Anh hỏi kỳ thấy bà.

Nói rồi Út giận dỗi nằm quay lưng về phía Tư Híp, co hai tay lên đầu nhất định không nói nữa. Thái độ của nó làm Tư Híp ngán ngẩm. Suốt đêm hôm ấy, Tư trần trọc mãi không ngủ. Hình ảnh của người con gái đã gieo vào lòng gã biết bao nỗi niềm xao xuyến.

Những ngày sau đó cũng có vài dịp Tư được đối diện với nàng, nhưng gã không thể nào cất miệng nói được với nàng một lời nào cả. Tình yêu của gã chỉ biểu lộ qua cặp mắt nồng nàn say đắm mà gã chăm chú nhìn nàng vào những lúc nàng không nhìn gã. Gã biết mình quá nhút nhát nhưng gã không thể vượt qua được cái trở lực đó. Thấm thoát hơn hai tháng trôi qua, và chương trình học của gã mỗi ngày một thêm bận rộn và gay go. Có khi suốt cả một tuần lễ gã không còn có dịp, để tâm đến cả thằng Út. Mãi tới một hôm vào ngày nghỉ, gã mới đi tìm nó và gặp Hiền đang ngồi gọt su su với nó ở đầu hè. Lần này gã lấy hết can đảm để nói được một câu:

- Tôi cảm ơn cô nhiều lắm, cô Hiền ạ...

Hiền mỉm cười:

- Cái gì đó anh Tư?

Tư bắt đầu thấy lúng túng, mặt gã nóng rục lên. Gã ấp úng:

- Thằng Út! Thằng Út đó...
- Làm sao, anh?
- Nhờ cô đã nuôi giùm nó, tôi cảm ơn cô vô cùng...
- Thôi, anh cho nó làm con nuôi má tôi đi! Má tôi cưng nó lắm đó.
- Thiệt không?
- Thiệt chớ!
- Mà chịu không Út?
- Chịu!

Tư Híp thở phào:

- Vậy thì tôi cũng chịu đó. Nay mai tôi sắp đi rồi. Cho nó theo chẳng biết yên không?

Mặt Hiên đang tươi bỗng buồn hẳn đi. Nàng cố nén một tiếng thở dài:

- Tôi cũng đã nghĩ đến đó rồi. Đem nó vô đây thì để chớ mang đi trận thì sao được.

Tư đứng im lặng tần ngần. Thấy gã có vẻ buồn, Hiên an ủi:

- Anh yên chí đi, tôi coi nó cũng như em ruột mà.

Tư nói:

- Vậy thì may cho tôi quá. Rồi những kỳ được nghỉ phép, tôi sẽ về thăm cô và nó luôn.

Hiên ngẩng mặt lên nhìn. Trong ánh mắt của nàng bỗng chứa chan niềm thương xót. Nàng mấp má định nói gì nhưng rồi lại thôi. Thốt nhiên giữa hai người như có một khoảng ngăn cách nặng nề mà Tư Híp cảm thấy như bị ám ảnh bởi chiến tranh bởi bom đạn và bởi những mạng sống bất trắc của cuộc đời người lính chiến. Điều đó khiến gã không muốn phát biểu nhiều hơn. Gã lặng lẽ ngắm hai bàn tay mềm mại của người thiếu nữ chạy thoăn thoắt trên những lớp vỏ xanh ròn của trái su su. Một lát sau gã tức tưởi từ giã ra về. Đêm hôm ấy gã lại trần trọc không ngủ. Có lúc gã lại muốn im lặng để khỏi phải ràng buộc bất cứ ai vào cuộc đời gian lao sắp tới của gã. Chưa bao giờ gã cảm thấy tủi thân và cô độc như đêm đó. Ngay cả thằng Út đưa em ruột thịt của gã mà gã tưởng như không bao giờ rời xa lại cũng như đang sắp sửa vượt khỏi cuộc đời gian lao sắp tới của gã. Đêm hôm nay thằng Út không thấy trở về. Có lẽ nó quần quýt ở bên cạnh Hiên hay ngủ vùi ở một chỗ nào đó trong gian nhà ẩm cúng của nàng. Gã bỗng thèm được ôm lấy nó vào lòng, muốn được nghe giọng nó nói, tiếng nó cười và được trông thấy những vẻ duyên dáng trên khuôn mặt vêu vao đen đũi của nó. Lần đầu tiên trong cuộc đời gã ôm mặt khóc thút thít.

Sau hôm đó trở đi Hiên đối với Tư có vẻ gần gũi hơn. Nàng thường gửi thằng Út những món quà vặt vãnh khi thì một trái cam, khi thì gói thuốc lá, nhưng tuyệt nhiên Hiên không nhận gì thêm cho Tư cả. Nhưng dù sao những món quà thân yêu ấy cũng đem về đầm ấm và lôi kéo thời gian đi qua mau. Ngày mãn khóa, Hiên mời gã đàn ông tới ăn cơm vào một buổi chiều. Gã náo nức chờ đợi.

Lần đầu tiên từ ngày nhập ngũ, gã thuê giặt bộ *treillis* để được người ta xịt hồ lên đó và ủi cho thẳng nếp. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, gã lại cầm bộ đồ cứng như mo nang lên ngắm nghía. Gã đã hình dung ra hình ảnh tươm tất, gọn ghẽ, oai nghi của gã ở trong bộ đồ đẹp để đó.

Trước kỳ hẹn hai ngày, gã lại chịu khó đi hớt tóc, mặc dầu lần hớt trước đây chỉ được gần hai tuần lễ. Hai ngày hẹn cuối cùng, đối với gã dài như hai thế kỷ. Gã mong nó tới, rồi lại mong nó chậm chậm đừng vội xảy ra, và rút cuộc gã lại thấy giờ, phút bỏ đi quá nặng nề đến độ như thời gian đã ngưng lại. Nghĩ đến Hiên, tim gã đập rộn ràng, ý nghĩ của gã xáo trộn, và chân tay của gã bắt đầu bối rối. Chính vì thế mà gã thích được ngồi riêng ra một chỗ để nhâm nhai những điều mà gã sẽ nói với nàng. Vấn đề khá nan giải, nhưng đây là dịp độc nhất mà gã có thể thi hành được. Ngày mai, ngày kia, trên đường hành quân đầy cát bụi, biết còn lúc nào rảnh rỗi để về thăm chốn cũ, người xưa. Cho nên nói thẳng với nàng là điều tất nhiên rồi. Nhưng nói thế nào, nói làm sao, nói những gì? Ôi, lần đầu tiên Tư Híp bị rơi vào một vấn đề gai góc mà không một ai có thể giúp đỡ gã được. Đã có lúc Tư chong đèn cầy, kê giấy lên thùng gỗ để viết cho Hiên một lá thư. Nhưng nét chữ vụng về của gã không đem lại cho gã niềm tin tưởng nào. Không

hiểu sao, Tư có cảm giác như văn hóa của Hiên cao hơn mình. Như vậy thì đường vào tình yêu theo ý gã, không phải là con đường “văn hóa”. Nó cũng không phải là con đường “chính trị”. Bởi vì với một bữa cơm ngắn ngủi, gã không có cách nào, mà cũng chẳng có tài cán gì để đưa nàng vào thế giới tình yêu bằng những đòn phép chính trị cả. Cuối cùng, nát óc quá, gã phải đi tới kết luận là làm liều. Chỉ một cái nắm tay, một câu nói cộc lốc “Tôi thương cô, cô có thương tôi không”, là gã thấy có vẻ dễ dàng nhất. Miễn là biết liều, mặc dầu cái liều tình cảm này còn khó gấp mười lần cái liều ôm bom liệng vào vị trí địch.

Rồi như để đo cái mức nguy hiểm của sự liều lĩnh đó đến chừng nào, Tư hay dò hỏi thằng Út về thái độ của Hiên. Gã hỏi:

- Mà ư nói chuyện với chị Hiên thường hông?

Út đáp:

- Thường!

- Nói kí gì?

- Nói kí gì thì ai mà nhớ.

- Thằng ngu hôn! Hồng nhớ mười cũng nhớ một chớ.

- Thế thì thiếu gì.

Mặt Tư tươi lên:

- Ờ! Phải vậy chớ. Nói nghe chơi.

- Chỉ kể “chiện” thanh xà, bạch xà, chiến ông Hoàng ốc, chiến...

Tư ngắt lời:

- Cái đó thì nói làm chi. Tao nói là nói chuyện mây, chuyện tao, chuyện bình phẩm này nọ. Như thể chị đó khen mây ngoan hay mây hư, mây mất dạy hay đạo đức, tao... tao... bảnh hay không bảnh ấy chớ.

Út phá lên cười:

- Ý! Anh thì bảnh với ai. Chỉ la anh cù lần!

Mặt Tư đỏ rừ lên như chính gã vừa nghe lời bình phẩm đó từ miệng người yêu phát ra. Rồi gã cãi một cách tức tối:

- Tao mà cù lần! Mày nói thiệt hôn.

- Thiệt. Chỉ nói vậy hoài mờ!

- Hừ! Cù lần ở chỗ nào mới được chớ.

- Thiếu gì! Anh mặc đồ lính trông như áo thụng té nè, anh đội mũ chùm hụp như đội đầu ông

địa nè...

Tư la lên:

- Tại người ta phát cho tao như vậy chứ! Mắc học mấy bà, ai mà lo đi sửa được. Mày biết hôn, cái quần mà tao không cuộn lên thì nó còn dài lên tới ót!

- Vậy mới cù lần!

- Cái đó khó gì! Mai mốt tao sửa! Còn gì nữa hôn?

- Gì là gì?

- Chỉ nhắc tới tao hoài hôn?

- Cái đó thì hoài. Chỉ cứ đem anh ra đe em hoài. Chỉ la chỉ mách.

Mặt Tư tươi lên:

- À! Vậy đó! Mày thấy hôn. Miệng chị nói cù lần vậy mà chị đâu có khi tao. Đòn bà, con gái làm duyên thôi đó mà!

Nói rồi Tư cười, hai má hây đỏ, lòng dạ ngất ngây, gã có cảm giác như vừa được uống một ly rượu. Lúc đó gã thấy mình đầy đủ can đảm để làm thừa sức cái việc tỏ tình với người con gái. Gã lại ngồi ôn lại những điều bộ sẽ làm: cầm tay thế nào, mắt nhìn thế nào, miệng nói thế nào, và gã cương quyết sẽ thực hiện.

Nhưng buồn thay, sắp sửa tới lúc Tư thì thổ lòng cương quyết đó của mình thì cấp trên cấp tốc đưa xuống lệnh cấm trại một trăm phần trăm. Rồi trước giờ hẹn bữa ăn lịch sử của đời gã vừa đúng tám tiếng đồng hồ, gã và anh em đồng đội được lừa lên một đoàn xe đõ dài trước cổng trại. Vị thiếu úy đại đội trưởng chỉ nói vắn tắt với anh em là do nhu cầu chiến dịch, đại đội phải lên đường khẩn cấp.

Mười lăm phút trước khi lên đường, Tư tìm cách lỏn được vào khu gia binh cơ hữu để tìm Hiền. Nàng vắng mặt. Bà cụ nói nàng đi chợ để sửa soạn làm bữa cơm tối. Tư lặng người đi và như có điều gì nghẹn ngào chẹn tức lấy cổ họng của gã. Gã nhìn quanh như cố thu thập lấy hình ảnh căn nhà ấm cúng mà người yêu của gã vẫn ra vào. Thằng Út hình như cảm thấy điều gì quan trọng nên không dám nhảy phốc lên lưng gã đòi gã làm ngựa nhong nhong như mọi lần. Đến lúc gã quỳ gối xuống, hai bàn tay cục mịch nắm chắc lấy hai bàn tay khẳng khiu của thằng bé thì những giọt nước mắt của gã chợt lóng lánh chảy qua hàng mi rồi rơi ròn ròn xuống hai bên má.

Lúc đứng dậy, Tư dốc tất cả món tiền còn lại trong túi ra trao cho thằng Út. Gã cố nén xúc động:

- Anh cho em ăn quà đây nhé!

Đó là những tiếng ngọt ngào, kiểu cách đầu tiên gã dùng ở trong đời, nhưng đối với gã cũng là thành thực nhất. Bàn tay của Út duỗi ra, nó dầy nẩy không nhận. Và đó cũng là lần đầu tiên Út từ chối một món tiền do anh nó đem cho. Bầu không khí vì thế bỗng nghiêm trọng hẳn lên. Tư muốn nói thật nhiều mà thành ra không nói được gì cả. Một lát, gã vùng đứng dậy. Thằng Út

vứt mớ tiền rơi vung vãi rồi cũng bén gót đi theo. Tư đứng lại tần ngần:

- Em ở nhà ngoan nhé.

Út lẳng lặng gật đầu. Tư tiếp:

- Nói với chị Hiền là anh sẽ về sớm nhé. Thế nào anh cũng về.

Út lại gật đầu. Lần này nước mắt của nó cũng bắt đầu long lanh. Tư cảm lòng không được, cúi xuống ôm chầm lấy nó. Thế là thằng Út òa lên khóc. Ngoài xa, tiếng còi tập hợp mỗi lúc một réo lên gay gắt. Tư hốt hoảng buông thằng Út ra và nói:

- Thôi, anh đi đây. Dăm bảy tháng nữa anh về. Dăm bảy tháng nữa anh cưới chị Hiền làm vợ. Em nói thế hộ anh nhé, nghe Út.

Thằng Út gật đầu và Tư vùng lên chạy.

Đất nước còn đang tràn ngập tràn đau thương và khói lửa thì có đáng kể gì lời hứa của một kẻ ra đi. Dưới ánh nắng thiêu đốt của một buổi chiều đầu hạ, đoàn xe chuyển bánh tung lên những lớp bụi mù mịt.

Thằng Út trèo lên một cái ụ đất để nhìn cho rõ đoàn quân lên đường. Hình ảnh của anh nó bị che lấp đi trong lớp bụi mù mịt...

(Trích từ tập truyện Giọt lệ đen)

Một con người sắc sảo

-Chú ấy đúng là một con người sắc sảo.

-Qua mặt tôi chứ không qua được chú Bầy đâu! Để tôi phải hỏi chú ấy cái đã.

-Lại chú Bầy nói phải hôn? Cỡ bay làm chi có được cái miệng lưỡi đó!

Đấy toàn là những lời lẽ mà người ta tuyên dương (hay xác nhận) một cách gián tiếp về cái bản tính vừa thông minh quỷ quái, vừa thóc mách rạch ròi của ông Bầy Tạ, một kẻ sống độc thân cư ngụ trong một căn nhà lụp sụp và khá tối tăm ở ngay đầu ngõ.

Ngày trước, có một thời ông đã có vợ. Vợ ông tuy hiền hậu, đảm đang nhưng chắc chẳng chịu nổi cái tính quá quắt của ông mà phải lẳng lặng cấp nón ra đi. Thí dụ như sau đây là một chuyện gây lục đục giữa hai vợ chồng:

Thím Bầy tuy sống theo chồng nhưng vẫn còn bà mẹ già ở bên chợ Bà Chiểu. Ông Bầy không ngăn cản chuyện vợ mình đi thăm mẹ, nhưng đi đâu thì đi, cũng phải nói ra cho rạch ròi, minh bạch. Có lần thím Bầy đi đâu về trễ, lại nêu lý do là xe buýt nằm đường. Thế là ông Bầy nhìn vợ xăm xoi rồi cười khẩy:

-Nằm đường cái con chó! Đừng có hòng mà qua mặt tui!

Thím Bầy cãi:

-Qua cái gì mà qua. Xe nó chết máy thì nói chết máy chứ can chi phải nói ngược nói xuôi.

Thế là ông Bầy trừng mắt lên, thiếu chút nữa thì ông đã xáng cho vợ một cái bạt tai:

-Đừng có nói láo! Bà ngồi xe ôm mà leo lẻo nói đi xe buýt. Còn cãi nổi gì!

Mặt thím Bầy vụt trở nên xanh lè. Thím hết mở mồm ra cãi được vì quả nhiên thím vừa bao xe ôm, chạy lén về thăm mẹ nhân tiện mua cho mẹ mấy cái bánh cam là thứ bà cụ vẫn hảo. Vì cãi không được nên thím cũng chẳng thể hỏi là bằng cách nào mà ông chồng đã nhận ngay ra được sự thực như thế. Mãi về sau, chỉ nhân vui miệng, lại vợ không có nhà, ông Bầy mới kể cho bà con trong xóm nghe:

-Đừng có qua mặt tui. Tui thấy nó lui cui đi vào ngõ, tay còn cắp cái nón sau đít. Vậy chớ tui hỏi bà con, từ trạm xe buýt vô tới đây, xa thế, trời lại nắng thế, nón sao không đội lại đem cắp đít? Thế có phải là nó đã ngồi sau xe ôm tốt thẳng về tới ngõ không? Ngồi xe ôm thì làm sao mà đội được nón!!!

Ai cũng chịu là ông Bầy rành rẽ, thông minh, xét đoán "cực kỳ", tuy rằng cũng hơi quá quắt! Chắc cũng chỉ vì những chuyện quá quắt như thế mà một hôm thím Bầy lạng lẽ cắp nón ra đi.

Lại cũng có một lần ông Bầy mất bạn vì cái tính thốc mách, rạch ròi của mình. Người bạn ấy sống mãi tận bên kia cầu Thị Nghè. Hai người quen nhau trong dịp đi chơi Hội Chợ triển lãm gì đó. Tuy không phải là thân thiết nhưng thỉnh thoảng cũng có dịp qua lại thăm nhau. Một hôm, ông Bầy qua Thị Nghè thăm bạn. Người bạn dẫn ông vào chào bà mẹ khi đó đã ngoài tám mươi. Bà cụ nom ốm yếu lắm, được người con xếp cho ở riêng trong một căn buồng hẹp có cửa sổ nhìn ra phía vườn sau. Bà cụ là người thích ngắm hoa. Hôm nào cụ cũng hỏi con trai:

-Giò hoa Vạn Thọ đã nở chưa? Sao mẹ không thấy?

Nhìn thân hình gầy còm, ốm yếu của mẹ, người con vội vã:

-Sắp nở rồi... chỉ mai thôi... mai mẹ mở bưng mắt ra là thấy khối hoa.

Quả nhiên sáng hôm sau, trên một khoảnh vườn nhỏ, bà cụ thấy những bông hoa Vạn Thọ lung linh phô sắc vàng óng dưới ánh nắng ban mai. Đôi mắt bà cụ sáng lên, nụ cười tươi tắn ít thấy chợt nở trên vành môi run run, móm mém.

Ấy thế mà vào cái hôm ông Bầy qua thăm, lúc vô chào bà cụ, bà vội chỉ ra vườn và khoe:

-Cúc Vạn Thọ nhà tôi đấy. Nom nó nở đẹp chưa.

Ông Bầy ngó ra vườn nhìn chăm chăm rồi bật cười:

-O! Hoa giả. Lấy gì mà đẹp!

Mặt người bạn tái đi, ông ta nhìn mẹ, cử chỉ hốt hoảng, lúng túng thấy rõ. Đã thế, ông Bầy còn rành rọt thêm:

-Mùa này làm gì có cúc Vạn Thọ, má ơi!

Bà cụ ngồi chết lịm. Còn người con trai thì lẳng lặng bỏ ra ngoài.

Hôm ấy, ông Bầy chẳng có ai đưa tiễn ra về như mọi khi, đồng thời ông cũng mất luôn một người bạn vì cái tính sắc sảo, quá quắt của mình.

Nhưng chẳng vì thế mà ông chừa cái thói tọc mạch cổ hữu. Trái lại, ông còn luôn luôn cảm thấy hãnh diện về sự thông thái, hiểu biết rạch ròi do ông trời đã phú cho mình. Cứ mỗi khi ông vạch trần ra được một sự che giấu nào thì ông lại cười lên ha hả, đôi mắt tít lại, mặt mũi nở nang rạng rỡ. Có lẽ cũng vì thế mà nhiều người đâm ra sợ ông. Nhất là những anh có tính khuất tất hay những bà, những chị có tật mầu mè, hay phô trương. Họ đều như có cảm giác rờn rợn trong lòng mỗi khi chợt bắt gặp cặp mắt xăm xoi của ông Bầy đang nhìn mình. Có gì lạ đâu, vì đôi ba người trong xóm khi dành dụm được ít tiền đã lẳng lặng đi cấy mi, cắt mắt, làm răng, sửa ngực hay ít lắm thì cũng đeo một sợi dây chuyền hay một cái vòng ngọc giả, cho dù đã nhờ mua mãi tận bên... Hồng Kông!

Chuyện về ông Bầy thì rất nhiều, nhưng thí dụ như trường hợp sau đây thì cũng đáng ghi nhớ.

Ở gần kế nhà ông Bầy có một gia đình nghèo nhưng khá đầm ấm. Một ông bố già, góa vợ sống với bảy con cũng đã lớn, bà chị cả tên Hường quần quật làm lụng tối ngày để nuôi cả gia đình trong đó có đứa còn đang đi học.

Hường thương bố ngày xưa cũng đã có một thời vàng son sung túc, nhưng sau cuộc đời đổi thay, ông chỉ còn như cái bóng mờ rơi rớt lại của thời quá khứ. Tuy nhiên chẳng bao giờ ông khoe khoang hay nhắc lại chuyện cũ của mình. Họa hoằn đôi khi gặp lại một hai bạn già nếu câu chuyện có lái qua đời sống cũ, ông chỉ chặc chặc miệng:

-Ui dà... *les neiges d'antan* (tuyết cũ ngày xưa) ấy mà...

Rồi ông nhòen một nụ cười. Nụ cười nom mới hồn nhiên và thanh thản làm sao, chứng tỏ ông đã vượt được lên trên mọi mất mát, hệ lụy trong đời.

Có lẽ vì vậy mà ông mới có thể lui cui làm được hết việc nọ việc kia trong nhà, như khâu cái cặp sách thùng bằng da mà thằng Út vẫn mang đi học, cặp lại cái rổ đã sút vành, giặt vá những lỗ linh tinh trên mái tôn mà chỉ lúc trời mưa mới biết chỗ giọt, thậm chí hàng ngày ông còn chịu khó thu vén những món cơm thừa, canh cặn đem gom vào xô nhựa chờ bà nước gạo đến xin mang đi để làm đồ ăn cho heo.

Hường rất thương bố và để mặc cho ông tự do sắp xếp nhà cửa, sân ngõ, bếp núc...

Thế rồi có một hôm, tình cờ Hường tìm thấy ngoài phố bày bán một cái áo khoác rất đẹp mà giá lại vừa túi tiền. Chị nghĩ tới cái áo bạc phếch cũ sờn mà bố đã mang từ trên mười năm nay. Thế là chẳng ngần ngại, chị mua ngay mang về, bắt bố mặc thử. Nom vừa in như áo đo sẵn.

Ông bố đón nhận chiếc áo với tất cả nỗi vui mừng, hoan hỉ. Chẳng phải vì ông ham hố gì chiếc áo mới, nhưng ông muốn chứng tỏ là Hường đã làm được một việc hết sức tốt đẹp, đã quan tâm tới bố, mua được cho bố cái áo mà bố rất hài lòng. Rồi từ hôm sau, ông thay cái cũ và mặc luôn áo mới. Thái độ sốt sắng ấy của ông khiến Hường vừa hoan hỉ vừa hãnh diện. Thành thoảng liếc nhìn bố, chị lại mỉm một nụ cười mãn nguyện.

Hôm nhà làm giỗ bà vợ, ông mời hết bà con chòm xóm. Dĩ nhiên là có cả ông Bầy Tạ rồi. Trong lúc cả nhà chờ đợi tàn hương, hạ cỗ xuống ăn, ông Bầy mới nhìn chủ nhà, cất giọng oang oang:

-Anh Tư mua cái áo ở đâu mà... tệ thế?

Chủ nhà, tức ông Tư vênh cánh tay áo lên nhìn rồi cãi:

-Đẹp đấy chứ! Tôi thích!

Ông Bầy sấn ngay lại gần:

-Đẹp thì có đẹp, nhưng cam đoan là nó bị ố hay bị sờn.

-Tâm bậy! Ố chỗ nào? Sờn chỗ nào?

Ông Bầy chột "khà" lên một tiếng, như thể thí sinh vào phòng thi lại vớ ngay được cái đề đã học thuộc lòng. Rồi ông chỉ ngay vào cái chỗ cánh tay áo mà ông Tư vừa vênh lên:

-Nè, nó ở đây chứ đâu!

Tất cả mọi người đổ dồn mắt vào nhìn. Còn chị Hường thì trở hẩn mắt ra. Chị ngạc nhiên thật sự, vì khi mua cái áo, chị đã lật tới lật lui, xăm soi đủ mọi chỗ mà đâu có thấy ố thấy sờn ở chỗ nào đâu?

Riêng ông Bầy thì hân hoan ra mặt. Thật đúng là một dịp hay ho để cho ông chứng tỏ cái sự sắc bén, sành sỏi của mình. Ông chậm rãi xách cả cánh tay của ông Tư lên để cho mọi người cùng nhìn thấy cánh tay áo mà ông Tư đang mặc, rồi ông cất tiếng:

-Cái hiệu danh tiếng này tôi biết. Mà cả thế giới cũng đều biết là nó gắn cái nhãn hiệu ở chỗ khác chứ đâu ở đây! Gắn ở đây là cái áo đã có vấn đề. Chả che giấu vết thủng thì cũng là vết cháy. Không tin cứ mở ra coi!! Mở ra!

Mọi người còn đang lúng túng không biết xử trí ra sao trước câu nói hữu lý của ông Bầy, thì ông Tư đã lên giọng cáu kỉnh, sự cáu kỉnh hiếm thấy xảy ra ở nơi ông:

-Việc gì phải mở! Ai mặc áo người ấy biết. Bộ khi không cứ đem lộn trái cái áo của mình ra cho thiên hạ dòm hay sao?

Thế là mặt ông Bầy rạng rỡ hẳn lên, ông nói bằng giọng đắc thắng:

-Thấy chưa! Thấy chưa! ...Ai mặc áo người ấy biết mà.... thôi khỏi mở!

Cả đám đông trong nhà vụt ồn ào hẳn lên. Ai cũng khen ông Bầy sành sỏi, tinh đời, biết hết, thấy hết, chả có cái gì qua mặt được ông, lại còn suýt soa tiếc cho cô Hường đã mua phải đồ dỏm! Cũng đúng thôi!

Nhưng duy có một điều là ông Bầy dù sành sỏi đến đâu cũng đã không thấy.

Đó là ông đã vừa làm hoen ố một điều gì vô cùng tốt đẹp mà chị Hường đã vun sợi khi bỏ tiền dành dụm ra để mua cái áo cho người cha thương quý của mình.

Như vậy, ông Bầy chỉ có tài mà thiếu cái tâm.

Nếu ông có được cái tâm thì đâu đến nỗi khiến chị Hường đêm hôm ấy cứ nằm ôm gối khóc rầm rứt mãi một mình.

Trận đánh cuối cùng của một kẻ sĩ

Ba Sinh là một người mê sách. Suốt mười năm ròng rã sống độc thân làm nghề giáo viên tiểu học, tiền dành dụm được, Ba Sinh chỉ dùng để mua sách. Tất nhiên không không thể nào mua đủ được các loại sách, nhưng mỗi tuần đổ đồng cả sách cũ lẫn sách mới chàng cũng đã mua được trên dưới hai chục cuốn sách. Con số đó thật nhỏ nhoi so với cả một rừng sách tràn ngập ở các tiệm sách lớn, các gian hàng trong chợ sách và cả ở những vỉa hè, nơi có người mua bán sách cũ.

Những ngày cuối tuần, Ba Sinh thường tiêu hết thì giờ vào việc đi la cà ở những tiệm sách. Và chỉ cần như vậy, chàng cũng đã nắm rất vững tình hình sinh hoạt sách trong tuần. Tác giả nào có sách mới ra, tác giả nào có sách tái bản. Một nhà xuất bản nào mới ra lò. Nhóm văn nghệ nào chính thức gia nhập sinh hoạt văn học nghệ thuật bằng một tuyển tập. Tuy không phải là người viết sách, nhưng Ba Sinh đã cảm nhận được rất nhiều ý nghĩ xao xuyến, rung động tùy theo tình hình xuất bản của thế giới viết sách và in sách. Chàng sung sướng một cách say mê trước một bìa sách mới. Chàng quan sát kỹ lưỡng từng cách trình bày. Chàng so sánh từ kiểu chữ này với kiểu chữ khác, mẫu bìa này với mẫu bìa khác. Chàng cũng thấy lòng dào dạt sung sướng khi mở từng trang sách còn thơm nồng mùi giấy mực, như chàng đã nhìn thấy tấm lòng của từng tác giả dàn trải lên những dòng chữ cả tâm tư, tình cảm của mình trong suốt thời gian thai nghén và hình thành tác phẩm.

Tuy nhiên Ba Sinh không phải là một kẻ chơi sách. Chàng không mua sách chỉ để đóng bìa da, gáy vàng và trưng mốt trong tủ sách. Chàng mua sách để đọc. Vì thế chàng đã đọc được rất nhiều tác phẩm. Gặp được những cuốn hay, chàng muốn chia sẻ sự thích thú của mình cho người khác bằng cách khuyến khích bạn bè tìm mua, hoặc cho bạn mượn ngay chính cuốn sách của mình. Chàng vẫn thường lý luận rằng yêu sách là phải biết để cho cuốn sách làm đúng vai trò của nó. Nghĩa là truyền đi những nội dung tư tưởng mà tác giả đã gói gắm trong sách. Còn chỉ mua sách về, đóng bìa da cho đẹp rồi đem nhốt vào tủ khóa kỹ lưỡng, không cho ai sờ mó tới thì cung cách đó chỉ là giết sách chứ không còn là yêu sách nữa.

Cho nên tủ sách của Ba Sinh không cầu kỳ kiểu cách. Nó chỉ là những mảnh ván thùng được đóng lên thành kệ và sơn phết lại cho hòa hợp với màu tường. Nhưng trên những hàng kệ kín mít từ phòng trong ra phòng ngoài đó, Ba Sinh đã tích tụ được không biết bao nhiêu là sách. Đủ loại tác phẩm chọn lọc, đủ loại tên tác giả của nhiều thế hệ, của nhiều khuynh hướng, nhiều bộ môn. Ba Sinh vẫn thường tự hào về cái vốn đọc sách sâu rộng của mình. Có lẽ trong cuộc đời, cái thú đọc sách đối với chàng là cái thú duy nhất.

Ấy vậy mà sau biến cố 30 tháng tư đau thương chừng vài tháng, gia tài sản nghiệp quý giá nhất đời của Ba Sinh bắt đầu bị xâm phạm. Trước hết là bản thông cáo của Ủy ban Tuyên huấn Thành ủy truyền đi lái nhải suốt cả tuần lễ liền trên đài phát thanh. Nhà nước cấm tàng trữ tất cả mọi loại sách ấn hành dưới chế độ cũ. Nhiều địa điểm được chỉ định để mọi người đem giao nộp sách. Hàng ngày lái xe đạp đi ngang qua cầu Trương-Minh-Giảng, Ba Sinh thấy thiên hạ ùn ùn chở những chiếc xe ba gác chất đầy sách cũ đổ vào sân trường Đại học Vạn Hạnh. Chàng có cảm giác như bị ngộp thở trong một cơn biến động hết sức kinh hoàng. Nhìn những cuốn sách chòng chát tả tơi trên những chiếc xe nặng nề leo dốc, nhìn những trang sách bị xé rách rã rời bay tung tóe, rơi rải rác trên đường phố, bị những bánh xe vô tình cán qua nhem nhuốc, nhàu nát, Ba Sinh thấy tâm hồn của mình cũng tan nát, tơi tả như thế.

Rồi mỗi lần đi ngang qua khu đầu ngõ để trở về nhà, chàng lại phải nghe lời nhắc nhở của ông Tổ trưởng Dân phố:

- “Anh Ba có giữ loại sách nào của Ngụy thì nhớ đem nộp hết đi nghe. Sắp hết hạn rồi đó”.

Suốt ngày Ba Sinh lúc nào cũng như người lên cơn sốt. Chàng đóng kín mít các cửa lại và ngồi thừ hàng giờ trước những kệ sách. Ba Sinh cảm thấy những nhân vật với từng cuộc đời riêng tư gói ghém trong mỗi cuốn sách bỗng trở nên biết xao động, biết bối rối, nhón nhác như những linh hồn có thật đang nhón nháo trước biến cố kinh hoàng sắp tới. Chàng hình dung ra được từng nhân vật của Duyên Anh, cảm thông sâu xa với những con người sống động trong tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ. Trong một biến cố phũ phàng đảo lộn mọi sinh hoạt trong đời

sống, tất cả những nhân vật đó tưởng sẽ tồn tại mãi mãi như những con người bất tử thì đột nhiên đồng loạt bị lên án tử hình. Những trang sách bị xé nát. Những cuộc đời bị cắt vụn tả tơi, trang sách của cuốn này nằm cạnh trang sách của cuốn khác. Và cả thế giới riêng của sách sẽ bị xáo trộn lên, đánh lộn ngẫu như một nồi cháo lú, tan nát, rã rời. Rõ ràng là đã có một cuộc sụp đổ toàn diện của thế giới sách, cũng như ở bên ngoài, mọi cơ cấu của xã hội cũng theo nhau mà sụp đổ. Trong cái tâm trạng đau thương đó, Ba Sinh không thể nào có can đảm đỡ các kệ xuống để liệng các cuốn sách vào những bao tải mang đi nộp. Chàng đã bị tê liệt hoàn toàn khi chỉ cần nghĩ rằng mình sắp sửa phải làm công việc đó.

Ông Tổ trường dân phố thì mỗi lúc mỗi thôi thúc sát sạt hơn theo kỳ hạn nộp sách sắp gần kề. Một buổi trưa trước ngày mãn hạn, ông ta chặn cái xe của Ba Sinh ở ngay đầu ngõ và nói bằng giọng nửa như ân cần thân mật, nửa dọa nạt:

- Sao tôi chưa thấy anh Ba đi giao nộp sách? Tiếc nó làm chi anh Ba! Cách mạng về rồi, nay mai thiếu gì sách hay để mà đọc. Còn lưu luyến những thứ đó, tôi thấy sẽ mệt lắm đó anh Ba à! Đi họp với "trên" về, tôi biết không phải chuyện giỡn chơi đâu.

Ba Sinh không trả lời, chỉ lẳng lặng quàng tay lái sang một bên tránh ông ta, rồi đi thẳng. Chàng biết rõ rằng mình sẽ rất mệt như ông ta nói, nhưng chàng vẫn chưa lấy được đủ can đảm để đỡ từng các kệ sách xuống. Lúc buổi sáng, một người bạn của chàng đã góp ý:

- Giao đại cho chúng nó một mớ đi! Còn thì lựa những sách hay đem giấu vào một nơi nào đó.
Ba Sinh hỏi:

- Cậu giấu được bao nhiêu?

- Thì ít lắm cũng được vài chục cuốn.

- Tổng số sách của tôi lên tới gần ba ngàn. Giấu vài chục cuốn thì chẳng thà bỏ hết đi cho rồi.

- Được cuốn nào hay cuốn đó chứ!

Ba Sinh mỉm cười cay đắng:

- Cậu không hiểu được tâm trạng của tôi. Bỗng dưng tôi mất tiêu một tủ sách dành dụm hàng chục năm nay. Giữ lại vài ba chục cuốn chỉ thêm bẽ bàng. Sau chuyến này tôi sẽ không bao giờ còn mua sách, sẽ coi như trên đời không còn có cái gọi là cuốn sách nữa. Cả nước đã thua rồi, tiếc làm chi tới sách.

Chỉ thiếu chút nữa là Ba Sinh bưng mặt khóc. Chàng cố nén cơn xúc động bằng cách đứng dậy, lại bần nước rót ra một ly. Nhưng đứng ở đó, Ba Sinh lại có thể thấy những kệ sách trống trơn trên vách tường nhà bạn, nó làm cho chàng nhớ đến những chiếc kệ san sát đầy ắp những sách trên vách nhà mình. Tới lúc đó thì chàng không còn tự chủ được mình nữa. Bỗng nhiên Ba Sinh òa lên khóc. Trong cơn xúc động, Sinh thấy rõ không phải mình chỉ thương có sách, mà thương cho cả mình, đồng bào mình, bạn bè mình trong một sớm một chiều bỗng sụp đổ, tan vỡ, chia lìa.

Đúng ngày hôm quá hạn nộp sách, Ba Sinh vẫn chưa giải quyết những kệ sách của mình.

Chàng nằm lì ở nhà với tâm trạng bất cần đời. Kệ ! Cái gì tới nó sẽ tới. Và tới bằng cách nào cũng được miễn không phải là chàng tự tay ném những cuốn sách thân yêu lên xe ba gác để đem đổ từng đồng vào sân trường Vạn Hạnh, ở nơi đó, số phận của các cuốn sách sẽ bị xé nát, tả tơi và bị đưa về những xí nghiệp làm bột giấy.

Rồi ngày hôm đó qua đi. Ngày hôm sau nữa. Ba Sinh cũng không thấy ai đã động đến mình.

Cho đến khi sau hơn một tuần lễ trôi qua trong yên tĩnh, lòng chàng bắt đầu nhen nhúm một nỗi mừng khấp khởi, thì vào một buổi tối, cánh cửa nhà chàng có nhiều tiếng gõ gấp rút. Ba Sinh mở rộng cánh cửa để đón tiếp ba người. Sau màn giới thiệu, Ba Sinh biết rằng có một anh làm công an Phường, một anh làm Thông tin Văn hóa, và một anh nhân danh Bí thư chi đoàn Thanh niên. Họ cho Ba Sinh coi một tờ giấy có nhân dấu son đỏ chói: "Lệnh tịch thu sách"!

Ba Sinh đón nhận tờ giấy với một tâm hồn lạnh băng. Chàng bình tĩnh lạ lùng đến độ chính chàng cũng phải tự ngạc nhiên. Như một kẻ bị lên án tử hình với bản án hoãn đi hoãn lại nhiều lần đã làm tội nhân căng thẳng đến độ chỉ mong được lên đoạn đầu đài sớm chừng nào hay chừng đó, Ba Sinh tiếc rằng nó đã không tới sớm hơn để chàng khỏi phải trải qua những đêm không ngủ, những ngày cực kỳ đen tối.

Chàng ném trả tờ giấy Lệnh tịch thu lên mặt bàn rồi rút vào ngồi yên trong một góc tối. Trước mặt chàng, bây giờ tràn ngập những bóng người lồ lộ. Thì ra phái đoàn kiểm tra không chỉ có ba người mà còn kéo theo một đám đông thanh niên nam nữ trên cánh tay mỗi người có đeo một giải băng đỏ. Họ chia nhau đi lục soát từ nhà trong đến nhà ngoài. Những ngăn sách bị dỡ xuống. Những học tử, những nệm giường, gập bàn, các xô kẹ bị bới tung lên. Và các sách vở bị quăng ném bừa bãi trên khắp các mặt bàn, chồng chất lên cả lối đi.

Ba Sinh cố nhắm mắt lại để khỏi phải chứng kiến cái cảnh tượng đau lòng đó. Chàng hình dung đến những bộ đồ dù, những túi dết, những đôi giày lính vứt rải rác trên dọc con đường từ Tân Sơn Nhất về cầu Trương Minh Giảng. Chàng nhớ đến vụ tự sát tập thể bằng lựu đạn của đám chiến sĩ Biệt Động Quân tại công trường giữa Ngã Bảy, chàng gọi lại hình ảnh của những khuôn mặt đầm đìa nước mắt của những người vợ trước phút chia tay tiễn chồng đi trình diện học tập. Muôn ngàn mắt mắt đỏ vỡ. Thế thì sự sụp đổ của cái tủ sách mà chàng chắt chiu hàng chục năm ròng âu cũng chỉ là nỗi đau thương trong muôn một.

Cuộc lục soát kéo dài trong gần ba tiếng đồng hồ mới chấm dứt. Trước đó, những chuyến xe ba gác đã ùn ùn chở từng chuyến di chuyển từ căn nhà của chàng tới trụ sở của Chi đoàn Thanh niên. Dưới mặt đất, bây giờ toả những trang sách, những mẫu bìa, những tấm thẻ mà Ba Sinh vẫn thường kẹp vào từng cuốn sách sau mỗi lần đọc xong và ghi chép những cảm nghĩ của mình. Đến gần khuya, lúc tất cả mọi người đã rút ra hết, anh bí thư Chi đoàn đã tiến lại gần Ba Sinh và lên tiếng:

- Sách của anh nhiều quá chúng tôi không làm thống kê kịp. Tôi chỉ ghi nhận tịch thu của anh một tủ sách. Anh có khiếu nại gì không?

Ba Sinh không ngẩng lên nhìn hấn. Chàng chỉ khẽ lắc đầu. Hấn ta nói tiếp giọng võ về an ủi:

- Thật ra thì không phải tất cả các loại sách thu được ở đây đều có nội dung chống phá cách mạng. Cũng có nhiều cuốn nội dung tốt, như các loại sách tự điển ngoại ngữ, các sách kỹ thuật, mặc dầu nếu cứ lý mà xét thì loại nào cũng có tính chất tiêu cực của nó.

Ba Sinh bực bội trừng mắt lên nhìn:

- Tự điển ngoại ngữ thì tính chất tiêu cực nó từ chỗ nào?

- Hừ. Anh chưa giác ngộ, chưa thấy rõ. Trong tất cả các tự điển in dưới thời ngụy, có đầy rẫy những thí dụ sặc mùi phản động.

Ba Sinh chán mứa cái bản mặt trơ trên, bội bạc của hấn. Ở trong xóm này không ai lạ gì mấy tên thanh niên nhẩy ra hoạt động cho Chi đoàn. Họ thuộc thành phần sinh viên học sinh ở chế độ cũ, được hưởng một nền giáo dục căn bản từ những thầy, những cô giáo, và ở những sách vở đã in. Vậy mà một sớm một chiều, họ quay ra lên án tất cả, phủ nhận tất cả, tố khổ đến ngay cả cái mơ kiến thức trong đầu do chính họ đã được xây dựng trong những năm trước đây. Ba Sinh muốn tống khứ hấn ta đi khỏi căn buồng này càng sớm càng tốt, nên chàng hỏi sáng lại:

- Xong chưa?

Gã bí thư Chi đoàn mỉm cười, rõ ra nụ cười của một kẻ tiểu nhân đang đắc thế:

- Kể là xong, nếu anh không còn cất giấu thêm sách ở những nơi khác.

Ba Sinh muốn phun một miếng nước bọt. Chàng đứng phất dậy và đẩy tấm lưng nhể nhại mồ hôi của hấn đi ra phía cửa. Sau đó chàng đóng kỹ cửa lại và nằm vật xuống chiếc ghế sofa kê sát tường. Căn buồng hoàn toàn chìm trong yên lặng. Bao nhiêu năm rồi, ánh đèn vẫn chỉ in bóng lủi thui của chàng trên nếp tường vôi. Nhưng khác hẳn mọi lần, hôm nay Ba Sinh cảm thấy căn buồng trở nên rộng mênh mông và trống trải lạ thường. Như một căn nhà tan hoang sau một cơn bão tố, ở đây gần ba ngàn cuốn sách đã bị đánh văng ra khỏi vị trí êm ả thường ngày. Một vài cuốn bị xé bìa, nằm toả lây lất trên lối đi. Tất cả những cuốn sách còn lại đã bị "giải" đi. Chúng nó như những linh hồn sinh động, có tiếng nói riêng, có cuộc đời riêng, và hiển nhiên đã có cùng chung với nhau một số phận.

Trong mấy giờ ngắn ngủi, cuộc gấn bó giữa chàng và những cuốn sách với linh hồn sinh động ấy đã hoàn toàn chấm dứt. Căn nhà kể từ nay chỉ còn đứng ngổa có mỗi một mình chàng. Sinh có cảm giác như vừa bị một nhát kéo cắt lia mối dây liên lạc giữa chàng với muôn ngàn kỷ niệm trong dĩ vãng. Cho đến giờ phút này chàng mới thấm thía cuộc đời lủi thui cô độc của

mình. Ngày xưa chàng vẫn thường tự hào nói với bạn bè: “Sách là người bạn duy nhất trung thành với mình mà không bao giờ biết phản bội”. Điều đó có nghĩa là chàng tin tưởng ở sách sẽ bầu bạn với mình suốt cả cuộc đời. Sự thật tưởng là sẽ đương nhiên, nhưng có ai ngờ đến hai chữ đời.

Bây giờ, giống như gã mù thổi kèn dạo bị cấm đoán tất cả những bài nhạc quen thuộc, Ba Sinh cũng bị tước đoạt đến cả cái thú đọc sách và chăm sóc tủ sách cố hữu của chàng. Ngay đến cả những hiểu biết, những rung động, những nhận thức của chàng được nuôi dưỡng từ bao năm nay trong thế giới của sách bây giờ cũng bị những nỗ lực mới muốn bùng cho bật rễ lên, tiêu hủy đi để gieo trồng bằng những hạt nhân của những nhận thức mới.

Trong một buổi học tập đường lối văn nghệ mới cho các giáo viên, Ba Sinh đã được nghe một cán bộ thuyết trình mạt sát các nhà văn dưới chế độ cũ đại để như: “Trong các tác phẩm của Duyên Anh, truyện “Con sáo của em tôi” là một truyện cực kỳ phản động. Hành động hai anh em đưa trẻ làm thịt con sáo nhân ngày giỗ mẹ đã đánh giá quá thấp tâm tư tình cảm của những người vô sản, bôi nhọ giai cấp vô sản một cách tinh vi và ác độc. Đó là một tác phẩm phản động nhất trong các tác phẩm của Duyên Anh”.

Nhóm nhà giáo như Ba Sinh ngồi ở dưới như muốn chết lặng đi vì cung cách nhận thức và đánh giá vấn đề theo cảm quan của những người thuộc chế độ mới. Không ai còn lạ gì tác phẩm “Con sáo của em tôi”. Nó đã được tuyển chọn để giảng dạy trong các sách giáo khoa và đã được trích giảng trong hầu hết các trường trung học thuộc chế độ trước. Như thế, cứ với cung cách này thì sẽ không còn điều gì mà sẽ không bị lên án, bị kết tội phản động, và chẳng còn điều gì dính líu với chế độ cũ lại còn có lý do để tồn tại.

Bài giảng về “Con sáo của em tôi” hiển nhiên đã báo hiệu trước những cơn dao động lớn lao, khốc liệt tróc gốc, tróc rễ, liên hệ tới toàn bộ cơ cấu sinh hoạt ở miền Nam. Nó đã được phát biểu lên rất rõ ràng, đượm thêm vẻ huênh hoang, lộ liễu, chẳng cần giấu giếm quanh co. Điều đó khiến cho không ai có thể làm lẫn hay mơ ngủ được nữa. Những ý nghĩ đó đã làm cho Ba Sinh vui bớt được nỗi tiếc xót khi trong một sớm một chiều, cả một tủ sách quý bị xâm phạm, tiêu tan. Nhưng thay vào đó lòng chàng bỗng dâng lên một niềm đau thương khôn tả, niềm đau của kẻ mất đời sống bình dị hàng ngày, mất bạn bè, mất dĩ vãng, mất cả chỗ đứng của mình ngay trên phần đất của quê hương.

Lưu đầy trên xứ lạ hẳn sẽ đầy rẫy những tủi nhục nhưng bị lưu đầy ngay trên tổ quốc của mình hẳn còn tủi nhục hơn. Đã bao ngày, tháng, chàng đi trong thành phố thân yêu quen thuộc này mà thấy như đi trong lòng một sa mạc hoang vu. Những ngọn cờ, những khẩu hiệu sắt máu, những bóng dáng cán bộ đồng phục tràn ngập phố phường, những khuôn mặt, những lời nói, những âm thanh của những bài nhạc chất chứa và muôn ngàn hình thức khác, tất cả đè nặng lên tâm tư người dân Sài Gòn cái cảm giác của người dân trong một thành phố bị chiếm đóng, hơn thế nữa, một thành phố bị xóa lên, xóa thói quen, xóa nền nếp, xóa cảm nghĩ, xóa dĩ vãng, xóa tất cả.

Thay vào đó là những mặc cảm phạm tội, những nỗi run sợ về tai họa có thể úp chụp lên gia đình mình bất cứ lúc nào trong bóng đêm khuya khoắt, và những cơn mệt mỏi, chán chường, tuyệt vọng, khi phải chứng kiến những cảnh tố giác, bôi nhọ, xâu xé lẫn nhau của những con người muốn tranh giành một chút đất sống trong hoàn cảnh mới. Bên cạnh đó là một đám đông thầm lặng, câm nín, nhẫn nhục. Mọi người rút vào cái vỏ cá nhân yếu ớt của mình để mong được yên thân, được quên đi mặc dù chỉ là kéo dài thêm một cuộc sống đầy rẫy đắng cay và khổ nhục.

Rồi cũng cái đời sống đắng cay và khổ nhục ấy đã đánh văng Ba Sinh ra khỏi ngôi trường tiểu học thân thuộc mà chàng đã gắn bó ở đó từ bao năm nay. Từ một nhà giáo mẫu mực hiền hòa, nhỏ nhẹ, Ba Sinh đã biến thành một con người dầm mưa dãi nắng suốt ngày ở ngoài đường phố! Đạp xích lô, bán thuốc lá lẻ, bỏ mối bánh ngọt cho các tiệm ăn, vá ruột xe đạp ở các gốc cây đầu đường.

Cho đến một hôm, tình cờ Ba Sinh ghé ngang qua cửa hàng bán sách cũ ở một khu phố gần nhà. Căn nhà trước đây là một tiệm buôn đồ điện lạnh, chủ nhà chắc đã di tản từ ngày 30 tháng 4, nên bị tiếp thu và có một gia đình khác tới cư ngụ. Mọi dấu vết cũ đã bị thay đổi, ngoại trừ cái biển hiệu treo ở trên cao thì còn giữ nguyên vị trí cũ mặc dù nó cũng bị bôi xóa bằng vài nét chổi sơn nguệch ngoạc. Bây giờ, cánh cửa sắt đã được kéo lại gần sát, chỉ vừa một lối đi. Mé bên ngoài hàng hiên được bày biện thêm hai cái kệ gỗ lớn trên chất đầy những cuốn sách, mặt bìa quay ra ngoài để ai đi ngang qua đều nhìn thấy rõ.

Chỉ cần liếc thoáng qua, Ba Sinh cũng đã nhận ra ngay những cuốn sách của các tác giả quen thuộc. Chàng xà vào như một kẻ có máu mê đỏ đen vừa nhìn thấy quân bài. Cả một dĩ vãng êm đềm cũ như chợt hiện về quây quần, chen chúc nhau trên những kệ hàng chật chội. Tên tuổi của các nhà văn xuất hiện cả ở đây, nhưng chính họ thì đã mỗi người một ngã, kẻ đã ra đi, người bị cầm tù, một số khác lang thang vất vưởng ở các vỉa hè thành phố để làm những nghề không phải là nghề, y như hoàn cảnh của chàng hiện nay.

Ba Sinh nhắc lên tay một tác phẩm quen thuộc. Chàng chợt sửng sờ khi nhìn thấy những dấu vết cũ. Chàng đổi nhanh qua những cuốn khác. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả một tủ sách của chàng, tưởng đã tiêu tan ra thành bột giấy, nào ngờ vẫn còn nguyên vẹn ở đây. Ba Sinh mừng rỡ tưởng đến ngất xỉu đi, cái cảm giác choáng ngợp y hệt như một người vừa tìm lại được người thân sau bao tháng ngày được tin kẻ đó đã mất.

Bây giờ thì Ba Sinh mới chú ý đến người bán sách. Đó chỉ là một cô bé trạc tuổi mười lăm, nhìn cung cách ăn mặc, chàng đoán chắc cô ta thuộc thành phần gia đình dưới chế độ cũ. Nhưng có điều khác hơn, gia đình này phải là gia đình “cách mạng”, bởi vì nếu không, họ đã chẳng được điều vào cư ngụ trong một căn nhà đã bị tiếp thu, và nhất là lại khơi khơi bày bán một tủ sách cũ toàn những sách được liệt kê là đòi trụ hay phản động.

Thật ra hiện tượng bày bán sách cũ ngoài hè phố đã không hiếm xảy ra ở Sài Gòn. Trên đường Bonard, dưới mắt các thanh niên mang băng đỏ và các cán bộ công an mặc đồng phục màu lòng tằm, dân chợ trời Sài Gòn vẫn bày sách la liệt trên các tấm ny-lon nhỏ. Đủ loại sách chống phá cách mạng. Từ cuốn “Về R” của Kim Nhật cho đến cuốn “Nước đã đến chân”, bản dịch tác phẩm chống Cộng mãnh liệt của Suzanne-Labin cũng vẫn còn bày khơi khơi trước mắt mọi người qua lại. Tất nhiên là bất hợp pháp. Nhưng nhiệm vụ kiểm tra các loại sản phẩm văn hóa bị cấm đoán là của các toán Thông tin Văn hóa phường. Phường nào kiểm tra trong phạm vi phường đó. Những cuốn sách có nội dung ghê gớm đó, sau những màn ruồng xét gặt gao, nếu có xuất hiện trở lại trên thị trường đen thì còn ai có thể làm được điều đó ngoài chính những kẻ đã đi tịch thu!

Là nạn nhân của một cuộc ruồng xét dẫn tới sự mất mát toàn bộ tủ sách đã vun trồng từ bao nhiêu năm nay, đột nhiên nhìn lại những cuốn sách thân yêu, Ba Sinh ngạc nhiên thấy mình chỉ có một nỗi vui mừng mà không hề thấy tiếc xót. Có lẽ chàng đã coi sự mất mát là lẽ đương nhiên trong toàn thể sự mất mát chung của mọi người. Hơn thế nữa, chàng đã tưởng toàn bộ tủ sách đã tả tơi trong một xưởng làm bột giấy nào đó thì trái lại, chúng vẫn còn được nguyên vẹn hình hài, được o bế, được bày biện bởi một bàn tay chăm sóc gọn gàng, và hiển nhiên chúng vẫn được đóng nguyên vẹn vai trò cố hữu của mình, đó là: “Sách in ra là để được đọc”.
Càng được nhiều người đọc, sách càng làm đúng chức năng của mình.

Từ những ý nghĩ đó, Ba Sinh không thấy giận, không thấy hiềm thù, mà chỉ nhìn cô bé bán hàng, mỉm miệng với cô ta một nụ cười thật tươi. Cô bé hỏi:

- Chú muốn mua sách gì?

Ba Sinh lắc đầu:

- Tất cả các sách này tôi đọc hết rồi. Tôi chỉ đứng xem lại thôi.

Câu trả lời của Ba Sinh làm một người đàn ông đứng cạnh đang lúi húi chọn sách, bỗng ngừng đầu lên. Chàng nhận ngay ra ông ta là một cán bộ miền Bắc, do ở nước da, ở khuôn mặt, ở kiểu cắt tóc, ở bộ quần áo trên người và ở cả cái túi mang ngang hông đeo quàng qua vai bằng một sợi dây da nhỏ. Đột nhiên Ba Sinh cất lời trước:

- Mua mà đọc đi anh, toàn nhưng sách hay, mai mốt sẽ không bao giờ còn nữa.

Người cán bộ nhìn Ba Sinh một giây như thăm dò, đánh giá. Rồi như yên tâm về con người hãy còn đầy chất “Ngụy” của Ba Sinh, ông ta mỉm cười:

- Tôi mới vào Nam. Nhiều thứ sách quá, không biết đâu mà chọn cả.

Sinh hăng hái:

- Tôi chọn giùm cho. Tôi bảo đảm những cuốn này tôi đã đọc qua. Cuốn nào hay, cuốn nào dở tôi biết rất rõ.

Rồi Ba Sinh nhắc ra khỏi kệ một cuốn sách của Duyên Anh: Đây là cuốn Hoa Thiên Lý, toàn truyện ngắn tình cảm quê hương, gia đình rất có giá trị. Trong cuốn sách này tôi thích nhất truyện “Con sáo của em tôi”. Truyện “Con sáo của em tôi” đã được tuyển chọn giảng dạy trong các trường của toàn miền Nam. Văn điều luyện. Trong sáng. Mẫu mực. Tình cảm gia đình, mẹ con, anh em cực kỳ cảm động. Một truyện tiêu biểu của một nhà văn tiêu biểu ở miền Nam. Ba Sinh nói một thôi một hồi và quả nhiên có tác dụng mạnh mẽ đến sự chọn lựa của người cán bộ. Ông ta cầm cuốn sách lên ngắm nghía, mở từng trang, tần ngần rồi cuối cùng trả giá với cô bé bán sách. Lúc ông ta đi khỏi, nghiêng nhiên Ba Sinh trở thành người quen với cô hàng sách. Cô ta nói:

- Có chú đỡ quá. Hồi trước cháu cũng đọc sách, nhưng chỉ xem toàn loại sách Tuổi Hoa thôi.

Còn những loại này, có nhiều cán bộ hỏi cháu nội dung, cháu mù tịt.

Sinh hỏi:

- Cháu bán thế này, cán bộ thông tin văn hóa phường cũng để yên cho cháu hả?

Cô bé khẽ nheo một bên mắt rồi khẽ mỉm cười:

- Cán bộ phường là ai? Những sách này cũng một đường dây đó mà ra cả. Họ tịch thu mười thì chỉ cho vào giấy vụn độ hai, ba thôi chú. Những sách quý thế này sức mấy mà đốt.

Cô bé như không cần giữ lời. Câu nói của cô lọt vào tai một anh cán bộ khác lúc đó cũng đang lúi húi giở từng trang trong bộ sách biên khảo của Nguyễn Hiến Lê. Anh ta khẽ ngừng tay ngẩng lên nhìn hai người. Ba Sinh nói:

- Sách học làm người của học giả Nguyễn Hiến Lê, rất nổi tiếng đấy.

Anh cán bộ trẻ môi:

- Miền Bắc đã là người từ bao nhiêu năm nay rồi, đâu cần phải học làm người như dân trong chế độ cũ.

Ba Sinh thấy người giận sôi lên, chàng rất muốn chín bỏ làm mười, nhưng cũng không thể nào bỏ qua câu nói đó được. Chàng cười khẩy:

- Người cũng năm bảy loại người anh ơi... nói cho biết, học được thành người như chúng tôi cũng còn mệt lắm đó.

Anh cá bộ nhìn sững vào Ba Sinh. Đôi mắt của anh ta ngầu lên những tia giận dữ. Cô bé bán hàng thấy bầu không khí có vẻ gay go, vội vàng dàn hòa:

- Chú không thấy thích loại sách đó thì thôi. Còn nhiều loại khác. Có bộ kiếm hiệp của Kim Dung đây này.

Nhiều người hỏi mua lắm đó chú.

Anh cán bộ nhún vai:

- Đọc làm gì những thứ kiếm hiệp nhảm nhí. Cô có sách của Lệ Hằng không? Nghe nói Lệ Hằng đọc được.

Chỉ một suất nữa thì Ba Sinh phá lên cười. Sự thích thú chợt đến làm chàng quên ngay cơn giận dữ vừa rồi.

Chàng lựa ngay trên kệ sách độ ba, bốn tác phẩm của Lệ Hằng. Rồi chàng bắt đầu thao thao giới thiệu về nhà văn nữ này, như một đợt sóng mới ở miền Nam, mặc dù trong thâm tâm, một số sách của Lệ Hằng đối với chàng chỉ là những tác phẩm làng nhàng. Cuối cùng thì Ba Sinh cũng bán giùm cho cô bé được cuốn “Bản Tango cuối cùng”. Cho đến lúc đó Ba Sinh mới chợt phát hiện ra rằng mình vừa bắn đi hai phát đạn văn hóa vào hàng ngũ bên kia một cách dễ dàng.

Những cuốn sách sẽ được lén lút mang về miền Bắc. Chúng nó sẽ được chuyển tay từ người này sang người khác... chúng nó sẽ có cơ hội đóng trọn thiên chức của mình. Sách hay phải có người đọc. Sách hay, nằm mốc trong một tủ sách là sách chết.

Những cuốn sách của Ba Sinh, sau một cơn tàn phá, không những chúng không chết mà lại còn hồi sinh một cách mạnh mẽ. Mỗi cuốn có một sứ mạng. Mỗi cuốn có một môi trường riêng. Ở trường học, ở nông trường, ở xí nghiệp, ở các công xưởng. Rõ ràng một mặt trận văn hóa đã hình thành với những viên đạn bất tử đang được bắn ra. Dù nằm trong lao tù hay các trại cải tạo thì Duyên Anh, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền, Phan Nhật Nam và hàng chục cây bút khác vẫn còn tiếp tục sứ mạng của mình. Cuộc chiến đấu tuy thầm lặng nhưng hữu hiệu hơn nhiều so với những trận đánh bằng xe tăng hay bom đạn trước đây. Những trận đánh mà mục tiêu là những trái tim, những tâm hồn. Ba Sinh không phải là người cầm bút, nhưng chàng vẫn có thể tham dự trận đánh cuối cùng này bằng vốn liếng đọc sách của mình.

Trong bầu không khí sinh hoạt ngột ngạt, đầy dẫy những nỗi tủi nhục, chán chường, bỗng Ba Sinh chợt tìm thấy ý nghĩa của một hành động, điều đó khiến cho chàng vui vẻ hẳn lên, như một cây khô vừa được tưới một gáo nước mát. Chàng bật lên cười thích thú và nhìn cô bé mỉm cười. Cô bé cũng đang tràn ngập niềm vui vì vừa bán được hai cuốn sách với giá hời. Cô ta nói:

- Chú "thuyết trình" hay quá. Chú có rảnh không? Thịnh thoảng chú tới đây giúp cháu với nhé.

Ba Sinh trả lời:

- Chú sẽ tời, chú sẽ giúp cháu bán hết tất cả kệ sách này.

Cô bé reo lên:

- Cháu cảm ơn chú rất nhiều.

Trong cái âm thanh trong trẻo của giọng nói cô bé mười lăm, Ba Sinh cũng tìm thấy một niềm vui cho chính mình. Chàng tự nhủ: "Chính chú phải cảm ơn cháu, vì cháu đã cho chú cơ hội tham dự trận đánh cuối cùng, ngay trong lòng đất của những kẻ vừa chiến thắng".

Nhà văn Nhật Tiến: '60 năm cầm bút, vui ít, buồn nhiều...'

Đình Quang Anh Thái/Người Việt

Nhật Tiến là một tên tuổi lớn trong làng văn Việt Nam. Cầm bút từ lúc còn là học sinh trung học ở Hà Nội, tiếp tục viết khi vào Nam sau 1954, ông vẫn in tác phẩm khi ra hải ngoại. Nhật Tiến viết nhiều thể loại, truyện dài, truyện ngắn, kịch, viết cho tuổi thơ và đã xuất bản trên 20 tác phẩm, trong đó nổi tiếng nhất là "Những Người Áo Trắng," "Thềm Hoang," "Người Kéo Màn," "Chim Hót Trong Lồng," "Giấc Ngủ Chập Chờn"... Một số truyện ngắn của ông cũng đã được dịch ra Anh và Pháp ngữ. Ở tuổi ngoài 70, ông vẫn tiếp tục nghiệp chữ nghĩa, và vừa hoàn tất hai cuốn "Hành Trình Chữ Nghĩa" và "Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác Dưới Mái Nhà Trường Xã Hội Chủ Nghĩa." Nhân dịp này, ông dành cho Người Việt cuộc trò chuyện văn học sau đây. Cuộc phỏng vấn do Đình Quang Anh Thái thực hiện.

Người Việt: *Nhìn lại những bến bờ chữ nghĩa trên nửa thế kỷ cầm bút, ông cảm nhận như thế nào?*

Nhật Tiến: Cũng chẳng khác chi "vạn nẻo đời thường," những "bến bờ chữ nghĩa" trong tâm khảm của tôi cũng ghi nhiều dấu ấn lắm lúc chẳng hay ho gì: vui ít, buồn nhiều, ngọt ngào cũng có, nhưng cay đắng thì luôn ngự trị trong đầu. Rồi tham vọng thì lớn, mà thực hiện thì chẳng được bao nhiêu. Ấy vậy mà sau một chặng đường dài để có đến 60 năm, tôi lại cũng vẫn không muốn thoát ra, để rồi vẫn cứ còn bị vướng mắc bởi những dằn vặt của chữ nghĩa.

Người Việt: *Từ lúc còn là học trò, ông đã có bài đăng trên báo chí ở Hà Nội, bước đầu viết văn của ông ra sao?*

Nhật Tiến: Từ hồi còn học lớp Nhất ở trường Hàng Vôi, Hà Nội, tôi đã có lòng yêu mến văn chương chữ nghĩa. Có thể nói, ngay từ hồi đó tôi đã đọc rất nhiều, đặc biệt là những tác phẩm của các nhà văn tiền chiến như Lê Văn Trương, Khái Hưng, Nhất Linh, Trần Tiêu, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Trương Tửu... Có lẽ rồi từ đó khiến tôi nảy ra cái ý thích viết văn và bắt đầu sinh hoạt trong các bút nhóm học trò. Một thời gian sau thì tôi có truyện ngắn đầu tiên được in năm 1952 trên tờ Giang Sơn của Bác Sĩ Hoàng Cơ Bình xuất bản ở Hà Nội.

Người Việt: *Những bạn văn cùng thuở thiếu thời của ông, còn bao nhiêu người tiếp tục cầm bút?*

Nhật Tiến: Sau 1954, bọn học sinh chúng tôi nhiều người cũng di cư vào Nam, và phải nói rằng chính miền Nam sau này mới là nơi khiến cho những tinh hoa văn nghệ tiềm ẩn từ thuở còn cắp sách ở trong họ được đơm hoa kết trái. Tôi có thể kể: Thế Phong, Huy Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Dương Vy Long, Song Hồ, Vũ Mai Anh, Hùng Phong Nguyễn Đức Cầu...

Người Việt: *Riêng cuốn “Giác Ngủ Chập Chờn,” ông cho thấy thân phận bèo bọt của người dân trong chiến tranh, trong khi chế độ Hà Nội lên án cuốn này là “cực kỳ phản động,” xin nghe ý kiến ông?*

Nhật Tiến: Cuốn này tôi viết về đời sống của dân chúng tại một vùng “xôi đậu,” tức là một vùng không do Quốc Gia hay Việt Cộng kiểm soát hoàn toàn. Vì thế, nhiều hoạt cảnh ở phía sau cuộc chiến được phơi bày mà qua đó nêu lên được đời sống khắc nghiệt và thân phận đớn đau của dân chúng miền quê ở những vùng đang chìm trong khói lửa. Chính điều này đã làm lộ rõ cái chiêu bài bịp bợm, giả trá về “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là do quần chúng miền Nam nổi dậy chống ách xâm lược Mỹ” mà Bắc Việt vẫn rêu rao trên chính trường quốc tế. Và đây là lý do khiến “Giác Ngủ Chập Chờn” bị phê phán rất nặng sau khi CS tiến chiếm Sài Gòn.

Người Việt: *Khi ông còn trong nước sau năm 75, hải ngoại có vài bài viết nói rằng Nhà văn Nhật Tiến “đeo băng đỏ, dẫn công an đi bắt những người cầm bút miền Nam,” sự thật của vấn đề này là thế nào, thưa ông?*

Nhật Tiến: Đây là một sự bịa đặt trắng trợn của một ngòi bút tự nhận mình là nhà văn, mang bút hiệu Nguyễn Thiếu Nhẫn và tôi rất lấy làm tiếc là nó lại được đăng trên một tờ báo của một nhà thơ rất có uy tín và vốn cũng là chỗ tôi được hân hạnh quen biết cả hai vợ chồng.

Đó là tờ Saigon Times xuất bản ở Los Angeles của nhà thơ Thái Tú Hạp. Vào thời điểm 1995 khi chuyện bịa đặt ấy xảy ra, nhiều văn nghệ sĩ còn đang nằm trong tù, tôi làm sao mà cãi được? Nhưng đến nay, 2012, tức hơn 20 năm qua rồi, các nhà văn, nhà thơ đi tù đã được thả hết và nhiều người đã ra sinh sống ở hải ngoại. Từ bấy đến nay có ai lên tiếng tố cáo là tôi “đeo băng đỏ, dẫn công an nhân dân đi bắt văn nghệ sĩ” đâu! Ngoài ra, nếu cần thì ai cũng có thể gọi phone đến hỏi từng người đã ra tù để tìm hiểu, tuy sẽ chẳng có ai xác nhận điều đó đâu. Lý do dễ hiểu là chuyện đó đã hoàn toàn được bịa đặt bởi một người mà tôi nghĩ là chưa có đủ tư cách để cầm bút.

Người Việt: *Sau khi ông vượt thoát khỏi Việt Nam rồi đến Mỹ định cư, một bài báo Việt ngữ viết rằng, ông quay về Việt Nam mang theo cả chục ngàn đô la để hợp tác xuất bản sách trong nước, nhưng rốt cuộc sách không có, tiền thì mất tăm; xin nghe ý kiến của ông về bài báo này?*

Nhật Tiến: Đây là lý do mà khi trả lời câu hỏi ở trên tôi đã nói rằng khi nhìn những “bến bờ chữ nghĩa” trong tâm khảm của tôi cũng ghi nhiều dấu ấn lấm lúc chẳng hay ho gì. Ở hải ngoại, tự do tuy là quý nhưng nó đã bị lạm dụng đến độ quái gở. Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ bút tờ Làng Văn ở Canada đã loan tin rằng tôi quyên góp \$18,000 của văn nghệ sĩ ở hải ngoại, đem về nộp cho ông Hoàng Lại Giang của nhà xuất bản Văn Học ở Sài Gòn để xin in một tuyển tập

văn chương hải ngoại mà bài vở của tuyển tập này, tôi cũng đem cắt xén, kiểm duyệt bớt để làm vừa lòng chính quyền CS. Rồi cũng vẫn theo Nguyễn Hữu Nghĩa thì tuyển tập đã không ra mắt, mà tiền cũng mất tăm luôn!

Sự thực là: Việc thực hiện tuyển tập này do họa sĩ Khánh Trường chủ trương. Ông thu thập bài vở của 35 văn nghệ sĩ ở hải ngoại để sẽ in một tuyển tập văn chương (với điều kiện là chính tác giả tự lựa chọn bài của mình và nhà xuất bản không được sửa một chữ nào khi in). Ấn phí là \$2,000 quyên góp được của bạn bè, thân hữu, gửi về VN chờ khi in thì mới xuất ngân. Nhưng về sau, vì đảm bảo thủ trong nước cấm cản sao đó, sách không ra được, nên tiền lại đã gửi ra cho họa sĩ Khánh Trường để ông hoàn trả các nơi đã quyên góp. Nhà văn Hoàng Lại Giang, giám đốc nhà xuất bản Văn Học ở phía Nam trong thực tế chưa cầm một xu teng nào, trái hẳn với câu chuyện dựng đứng của Nguyễn Hữu Nghĩa.

Người Việt: Ông có nghĩ văn chương là một cái “nghiep”?

Nhật Tiến: Thi hào Nguyễn Du từng viết:

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa....

Người Việt: Ông có tâm sự nào muốn nói thêm với độc giả Người Việt?

Nhật Tiến: Trong số bạn đọc nhật báo Người Việt, tôi đoán là cũng có một số vị từng là độc giả của tôi. Tôi chỉ xin gửi gắm vài lời rằng, trong 60 năm cầm bút, tôi chưa bao giờ thấy hối tiếc về những gì mình đã viết ra và tôi sẽ vẫn tiếp tục không làm phụ lòng những độc giả đã yêu mến, đã theo dõi hay đã âm thầm cảm thông với tôi trong nhiều vấn đề liên quan tới đất nước.

Người Việt: Cám ơn ông dành thời gian cho chúng tôi.

Thế giới nhân bản của Nhật Tiến Nguyễn Vy Khanh

Thế giới tiểu thuyết của Nhật Tiến (sinh năm 1936) có hai đặc điểm chung: một thế giới của những con người bất hạnh và một không gian của nhân phẩm, con người! Tác giả của chúng là một con người đầy lòng nhân ái và ông muốn mọi người chia sẻ cái nhìn của ông! Trước 1975, ông đã xuất bản 19 tác phẩm gồm 11 tiểu thuyết hoặc truyện dài: *Những Người Áo Trắng* (1959), *Những Vì Sao Lạc* (1960), *Thềm Hoang* (1961), *Mây Hoàng Hôn* (1962), *Chuyện Bé Phượng* (1964), *Vách Đá Cheo Leo* (1965), *Tay Ngọc* (1968), *Giấc Ngủ Chập Chờn* (1969), *Đóa Hồng Gai*, *Lá Chúc Thưa* (1969), *Quê Nhà Yêu Dấu* (1970); ba tập truyện ngắn: *Ánh Sáng Công Viên* (1963), *Giọt Lệ Đen* (1968) và *Tặng Phẩm Của Dòng Sông*; một tiểu thuyết kịch: *Người Kéo Màn* (1962); một tiểu thuyết dưới hình thức nhật ký: *Chim Hót Trong Lồng* (1966), một hồi ký viết cho thiếu nhi: *Thưở Mơ Làm Văn Sĩ* và ba truyện cho thiếu nhi mỗi truyện từ 30 đến 40 trang: *Đường Lên Núi Thiên Mã*, *Quà Giáng Sinh* (1970), *Theo Gió Ngàn Bay* (1970). Giai đoạn đầu tác phẩm ông do các nhà Phượng Giang, Đồi Nay và Ngày Nay của Tự-Lực văn-đoàn xuất bản, về sau do nhà xuất bản Huyền Trân của ông. Ông từng làm chủ bút tạp chí *Thiếu Nhi*. Rồi Việt-Nam như là thuyền-nhân (boat-people) và sau khi định cư ở Hoa-Kỳ, ông là tác giả tập tường trình *Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan* (1981, viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy), truyện dài *Mồ Hôi Cửa Đá* (1988) và ba tập truyện *Tiếng Kèn* (1980), *Một Thời Đang Qua* (1985) và *Cánh Cửa* (1990).

Nhà văn của tuổi thơ bất hạnh

Nhật Tiến khởi đầu sự nghiệp viết văn với những đứa trẻ mồ côi trong cô nhi viện, một thế giới trầm lặng, có thể nhàm chán đơn điệu đối với những người ở ngoài, bên cạnh những bà Phước, nhưng qua ngòi bút của Nhật Tiến, người đọc khám phá con người, tâm lý, hoàn cảnh, nếp sống của những đứa trẻ mồ côi, những học sinh nội trú và cả những vị tu hành. Đó là *Những Người Áo Trắng*, *Những Vì Sao Lạc*, *Tay Ngọc*, *Chuyện Bé Phượng*, *Chim Hót Trong Lòng*,...

Những Người Áo Trắng là chuyện của Quỳnh, một nữ tu trẻ. Từ thân phận mồ côi, được thương giúp, Quỳnh đã trở nên nữ tu để thương lại những đứa trẻ cùng phần số hẩm hiu. Quỳnh đã đưa lên trang giấy thế giới đó. Thể loại bút ký đưa người đọc đến với những đứa trẻ, đến với một thế giới đằng sau bức tường kín cổng, ngoài kia là cuộc đời, là sự sống; trong này là một sức sống khác, sức sống tinh thần. Con đường đưa Quỳnh đến với đời sống tu hành đã phải qua nhiều chặng đường. Nàng đã nhìn thấy những đứa bạn chỉ vì muốn thoát ly đã phải chết như Hoà, chịu nghiệt ngã như Liễu. Đã theo đường tu hành, nhưng tim nàng đã có lúc xúc cảm mạnh vì tình yêu dù đơn phương với một sinh viên đeo kính gập ở vườn hoa - tình yêu ở Nhật Tiến nói chung có thể mãnh liệt trong lòng nhân vật chứ tác giả không chi tiết dài dòng! Và khi đã tận hiến cuộc đời cho Chúa và những đứa trẻ cùng số phận, nàng cũng đã phải chịu sự đố kỵ đôi khi nghiệt ngã của một số đồng tu. Chỉ vì nàng thương trẻ, qua Phượng, qua Lucie, với một tình đồng cảm.

Những Vì Sao Lạc rọi ánh sáng từ nhân vào cuộc đời những đứa trẻ và thanh thiếu niên vì hoàn cảnh trở nên mồ côi, và cũng vì đó đã có những hành động xấu đối với xã hội bình thường. Chuyện của Khánh, mẹ chết vì bom đạn, bố tự tử vì thất vọng người vợ tục huyền, anh em đã phải sống nhờ cơm chùa, và khi muốn tự lập thì em bệnh nặng không tiền đi khám bác sĩ; đường cùng dẫn đến trộm tiền người quen để phải bị cái án "du thủ, du thực, ba tháng tù" (tr. 166). Khánh vào tù nhưng lòng nhẹ nhàng khi thấy em Mai tìm được tình thương nơi hai người bạn của Khánh. "Lòng tôi trở nên nhẹ nhàng và can đảm. Ba tháng tù sẽ rửa sạch cho tôi tội lỗi mà tôi phải trốn tránh. Tôi sẽ có cơ hội để làm lại cuộc đời. Mộng tưởng của tôi vẫn là mong muốn được dự phần vào guồng máy khổng lồ của xã hội. Mồ hôi của tôi sẽ đổi lấy những buổi chiều có gió mát dẫn em Mai đi chơi ở trên đường có hoa xoan tây rụng đỏ. Mai sẽ lớn lên như một con chim có linh hồn trong sáng..." (tr. 166). Trong tiểu thuyết này, tình người được đề cao, cao hơn những thói thường tình, như Khánh đối với dì Tụ, biết dì ghê ngoại tình với người làm của bố, biết em Mai là hậu quả của ngoại tình - tức không phải con của bố Khánh, anh vẫn thương: "Trong cái tang đau đớn này, dì mất chồng cũng khốn khổ như tôi mất cha. Tôi thấy thương dì hơn là giận. (...). Sự cô đơn của người đàn bà góa và đứa con thơ gây cho tôi nỗi xúc động. Tôi không thể ghét dì mà còn tràn ngập lòng thương. Tôi tin rằng nếu linh hồn ba tôi còn lẩn quẩn ở đây, chắc ông có cùng ý nghĩ như tôi" (tr. 90, 97).

Chuyện Bé Phượng (1964) là chuyện một xã hội thu nhỏ trong một viện mồ côi, những đứa trẻ mang tên Phượng, Alice, Dung, Cúc,... "Con bé Dung khôn ngoan gian xảo, biết nịnh các soeur khi cần nịnh, biết nhường nhịn lũ trẻ khi cần thiết phải nhường, những điều gì làm lợi và vui cho nó thì dù có phải tàn nhẫn để đánh đổi lấy, nó cũng không từ" (tr. 14). Cũng đạo đức giả, cũng ăn cướp cơm chim, cũng ích kỷ độc ác, v.v. như xã hội người lớn. Bé Cúc đóng vai ăn cắp vặt có "lý do", có "quyền" vì nó chỉ lấy của người dư thừa: "Ừ tao ăn cắp thì đã làm sao, tao không lấy của của mày (Phượng), tao lấy của chúng nó, chúng nó thiếu gì" (tr. 128). Phượng được các soeur thương, nhưng cô có tâm hồn, có suy nghĩ, lúc nào cũng nghĩ đến Chúa và sự cứu rỗi. Lớn hơn là các chị Quỳnh, Giang, Thu, Thanh... và những tranh chấp. Mẹ Félicité phải ra đi để rồi được Quỳnh viết thư xin mẹ trở về viện để dìu dắt lũ trẻ. "Bởi vậy con xin mẹ hãy nhân danh những sự cứu rỗi, vẫn thường là con đường của Chúa đã vạch ra, mà trở lại viện cô nhi hướng dẫn dìu dắt và bảo ban chúng con... Vì mẹ là kẻ sáng suốt, vì mẹ là kẻ đã thực sự nhìn

vào cuộc sống khốn khổ của chúng con, thực sự thông cảm nỗi chua xót của những đứa mồ côi..." (tr. 199). Chuyện trẻ con, trẻ mồ côi, đời sống trong một viện mồ côi nhưng nhiều ý nghĩa có thể áp dụng cho cuộc đời!

Chim Hót Trong Lồng thêm một câu chuyện về những đứa trẻ mồ côi và nội trú trường Nhà Trắng với các bà sơ, một đề tài quen thuộc với Nhật Tiến. Nhưng ở đây tác giả cho thấy con người là nạn nhân của nhau và sự vươn lên của những kẻ thấp hèn không dễ. 14 lá thư và những trang nhật ký của một cô bé tên Hạnh mẹ gửi nội trú trường các Soeur. Những lời lẽ ngây thơ chân chất của người con viết cho người mẹ, thật cảm động sự ngây thơ của cô bé khi nghe người khác kể lại mẹ làm nghề điếm: "Má làm nghề điếm phải không má. Chú con Hằng nói chuyện với nó thế. Con hỏi điếm là gì thì nó cũng không biết. Vì chú nó chỉ nói thế thôi. Có thật không má? Sở điếm của má có to không? Má làm chức gì trong ấy? Mà sở điếm thì buôn gì hở má?..." (1). Mẹ bệnh nặng phải nằm nhà thương, Hạnh về nhà bà Tuyết bạn mẹ cùng nghề, ngây thơ trách mẹ "Tại sao má bắt con ở chung với đồ đĩ như thế" (tr. 71). Mẹ chết, hết người để gửi thư, Hạnh viết nhật ký để "nói" với mẹ và cầu xin "Lạy Chúa. Xin Chúa hãy vì má, hãy vì nỗi lòng đốn đau và tinh khiết của má, mà đưa má về nơi thanh cao như lúc này con đang thành tâm tha thiết nguyện cầu cho má..." sau khi nghe lời sơ Félicité cất nghĩa "Má có linh hồn. Linh hồn của má sẽ được tới gần chân Chúa" (tr. 98-99). Câu chuyện với nhiều cơn mưa dài, lạnh, lá rụng nhiều mà tiếng chuông như gọi hồn cũng nhiều; mưa và lạnh những lúc đi dạo Tết cũng như những buổi hiếm hoi được gặp mẹ và cuối cùng lúc đám tang mẹ!

Đến *Tay Ngọc*, ảnh hưởng Thiên Chúa giáo đậm đà hơn nữa. Qua những bức thư của Hạnh, một nữ sinh lưu trú gửi cho Mẹ Bè trên, trong đó nàng kể lại những sinh hoạt của viện mồ côi đồng thời ghi lại những suy nghĩ về tương lai và chứng tỏ một niềm tin mãnh liệt nơi đấng thiêng liêng: "Chúa chẳng để sự đe dọa nào có thể làm lung lạc đức tin ấy nơi Chúa. Rồi từ đó, nếu ai ai cũng giữ được lòng thánh thiện, mọi vết nhơ được xóa bỏ, mọi tội lỗi được dung tha, mọi điều khổ sở sẽ được hàn gắn, và nhân loại sẽ tạo được địa vị trong sáng ban đầu". Lòng tin làm nền cho quan niệm sống và cư xử ở đời!

Mây Hoàng Hôn (xuất bản năm 1962 nhưng viết xong từ 1958) kể chuyện cuộc đời buồn nản của Đổ, một nhà văn trẻ bị bệnh lao phổi, vào năm điều trị ở một bệnh viện Thiên Chúa giáo, đem lòng yêu bà Tâm, một bà phước trẻ đẹp. Mối tình đơn sơ, tột đỉnh cũng chỉ là cảnh "Đổ kéo hai bàn tay mềm mại của bà về phía ngực mình. - Tâm ơi... Tâm tha lỗi cho tôi" (tr. 78). Vì tình yêu như thế là tội lỗi, bà phước Tâm xin đổi đi nơi khác và chết trẻ, để lại tập nhật ký, bà Madeleine gửi cho Đổ, chàng khóc đến hết nước mắt rồi tìm đến bên mộ bà "cúi xuống vuốt mái tóc trắng để cảm thấy mình gần quá với những dòng chữ cuối cùng còn ghi lại di tích của con người bạc mệnh". Một chuyện tình đẹp nhưng bất khả thi, Nhật Tiến kết thúc đơn giản thay vì lèo lái câu chuyện éo le theo thị hiếu.

Không khí tiểu thuyết của Nhật Tiến vừa kể luôn có bóng dáng các nữ tu và một số tín lý đạo Thiên Chúa nhưng thiên hướng mục đích của Nhật Tiến là phổ biến và đề cao lòng nhân ái, tình thương người, kêu gọi xóa bỏ ích kỷ trong mọi trường hợp, ngay cả khi yêu. Nhật Tiến theo đạo Phật nhưng đã viết một phần ba tác phẩm về thế giới đạo Thiên Chúa một cách thuần đạo như Thụy An Hoàng Dân thời tiền chiến, trong khi nhà thơ Hàn Mặc Tử tuy có đạo nhưng thi ca ông chịu nhiều ảnh hưởng Phật và Lão. Nhật Tiến đã đưa người đọc vào thế giới đạo đó từ trước khi di cư vào Nam. Mặt khác, thời văn học miền Nam này, nhiều nhà văn đã viết cho tuổi thiếu niên, ngoài Nhật Tiến còn có Nhã Ca, Duyên Anh,... nhưng ông khác hai nhà văn sau, tiểu thuyết của ông còn nhắm độc giả trưởng thành hơn, vì ông luôn nêu lên một vấn đề nào đó không thể không suy nghĩ và tìm giải pháp!

Nhà văn xã hội

Chiến tranh khiến cho người nghèo càng nghèo khó hơn, càng thêm trẻ bụi đời, mồ côi, Nhật Tiến ghi lại trong *Giấc Ngủ Chập Chờn, Giọt Lệ Đen, Quê Nhà Yêu Dấu*,... Nhân vật của Nhật Tiến rời mái ấm cô nhi, trường các dì phước, trở thành những người nghèo khó vật chất cũng như tinh thần. *Thêm Hoang*, giải văn chương toàn quốc 1962, viết về một thế giới người nghèo ở Xóm Cỏ, một xóm cận biên ở thủ đô Sài-Gòn mà cũng có thể ở một nơi khác. "Đạo ấy dân xóm Cỏ làm đủ mọi nghề của một tầng lớp thấp kém"(2). Nơi đó có đủ mọi hạng người, dĩ điếm, đập xích lô, thông cầu tiêu, bán hàng rong, ăn xin, v.v. Một sống chung với những thói hư tật xấu, với lòng ngay và tình đùm bọc khi hoạn nạn. Một mối tình vô vọng nhưng chân thật của bác Tồn mù hát rong xin ăn với cô Huệ gái giang hồ: "Cô Huệ ơi... Nếu cô lấy tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng / Tôi mua ô tô cho cô ngựa, mua váy đầm cho cô thay". Nhưng cô Huệ sẽ chết thảm, bác Tồn chung tình tự đứng ra lo cho đứa con lai có với lính Tây lê dương. U Tám cũng chết buồn thảm, mẹ Nét thì trở thành điên cuồng vì con cháu. Những thằng Ích, cái Ngoan, cái Hòn,... lêu lổng. Chuyện tình đơn sơ dễ tính của Hai Hào đập xích lô với Đào con Phó Ngựa. Năm Trà qua Lào làm ăn trở về mất vợ mất con, mẹ điên, hấn lên cơn đốt nhà không ngờ cháy tan rụi cả xóm! Cơn mưa to ở cuối truyện phải chăng đã đến như hy vọng quét sạch những tàn tích của tội lỗi lẫn khó nghèo? Xóm Cỏ sống động dưới ngòi bút Nhật Tiến, tình người, nếp sống linh hoạt không ngừng biến cố, diễn tiến. Khi nói đến những vấn đề xã hội là đã ngầm chứa đòi hỏi công bằng, Nhật Tiến làm kẻ quan sát và ông tỏ ra có tài trong công việc này, cả rành tâm lý. Tả sự cô độc của bác Tồn mù, một lần bác ôm đàn ngồi ở bậc cửa hát chờ cô Huệ đi ngang qua: "Bóng tối vây quanh như nổi cô độc của bác trong sự mù lòa" (tr. 28). Lúc khác bác nghêu ngao hát cho mọi người nghe cười cho vui. "Tiếng cười của họ khiến bác nghĩ rằng mình không cô độc" (tr. 29). Tiếng cười của một nhân vật khác, dựng Tắm, thời tán u Tắm thì "tiếng cười lỗ măng và ngay thẳng. Vì thế u tìm thấy ở dựng cái vẻ gì gọi là chất phác, đáng yêu" (tr. 33). Nhưng khi đã về với nhau thì chỉ có tiếng hét, la mắng, vói tiền, lừa gạt! Cảnh lão Phó Ngựa gây với Đào, con gái lão, đã dấn thân với Hai Hào đập xích lô, rồi đến bàn chuyện đám cưới, cũng như những cảnh đứ đờn tình tứ của đôi nhân tình này, là những bức tranh thật linh động!

Tập *Ánh Sáng Công Viên* gồm 8 truyện ngắn viết về những mảnh đời, những chuyện tâm tình, những cảnh đời ngang trái (bị giam vì tình nghi chính trị, cảnh đời nợ, cảnh gia đình êm ấm trong xóm nhỏ,...). Nói chung tác giả tỏ nhiều thiện chí, muốn con người lưu tâm đến những tệ nạn xã hội hoặc hậu quả của chiến tranh,... trong khi nhiều nhà văn đồng thời với ông chạy theo siêu hình hay những giải pháp không tưởng!

Giọt Lệ Đen tả một trong nhiều thảm cảnh của thời chiến. Hai anh em mồ côi, Tư Híp và thằng Út sống với nhau nên khi Tư Híp đi trình diện nhập ngũ thì đã phải đem thằng Út theo, may có Hiên làm nhà bếp thương anh em đã giúp giữ thằng Út trong khi Tư Híp phải đi hành quân xa. Một tình yêu nhẹ nhàng đến với anh em Tư Híp và kết không bi đát trong khi người đọc chờ đợi cái phải đến bi đát của chiến tranh. Tác giả kết thúc với hy vọng, đưa em leo lên ụ đất nhìn theo đoàn quân lên đường bụi mờ mịt! Một truyện ngắn khác, *Kẻ Nổi Dậy* là chuyện tâm lý, chuyện anh Ba Sinh, một anh chồng yếu đuối chỉ biết ăn bám vợ, nghi vợ làm điếm nuôi cả nhà mà không dám hỏi. Ra về có ý chí, nhưng không đủ mạnh để thay đổi tình thế, ngay cả việc dạy dỗ đứa con duy nhất.

Nhật Tiến cũng viết về xã hội của giới văn nghệ sĩ, với *Người Kéo Màn*(1962) và ghi là "tiểu thuyết-kịch". Nếu Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan đem triết lý vào kịch thì Nhật Tiến đem thế-giới tiểu thuyết vào kịch. Phải chăng Nhật Tiến có mục đích giáo dục, xã hội, do đó đã thử nghiệm thể loại này? Không hẳn là một vở kịch để diễn viên trình bày, cũng không hẳn là một tiểu thuyết về thế-giới sân-khấu-về-khuya - cũng là thế-giới con người với đủ tài và tật, thích hào nhoáng, ít tác động, nhiều lý luận tư duy. Hạnh phúc ở đây thật mỏng manh. Người đọc và nhân vật được tác giả mời tham gia vào trò chơi, mà cũng không thể không tham gia. Nói đến

sân khấu là nói đến đạo diễn, diễn viên, những thần tượng của một thế-giới. Nhật Tiến đưa người đọc và cả người xem vào trong hậu trường, nơi đó mặt trái buồn nôn được phơi bày. "Tà áo của nàng hất tung lại phía đằng sau. Hắn thấy một vệt sáng chiếu vào khoảng mù mịt đang ngự trị trong lòng mình" (tr. 95). Tác giả vở kịch (không phải tác giả Nhật Tiến) thú nhận: "Cái đau đớn nhất của anh là anh không biết phải hành động thế nào cho hợp lý cả" (tr. 13). Không dám sống thực, do đó tự thấy là bị bọ bọ mà vẫn phải viết kịch,..." (tr. 13) để rồi đi đến chỗ cô độc đớn đau, người vợ đã không chung thủy. Những nhân vật lão kéo màn, người thiếu nữ trinh trắng, người nghệ sĩ thổi clarinette, đứa bé,... chỉ là những cái cớ cho người kéo màn - không hẳn là tác giả, Nhật Tiến, nói đến định mệnh. Các nhân vật đầy mâu thuẫn, cả tác giả Nhật Tiến, khiến có kịch tính! Màn đã kéo, những thần tượng gãy đổ, những sự thực đắng cay,... Nhật Tiến đi con đường ngược với Bertolt Brecht là người muốn diệt hấp lực của truyện kể ở kịch, chối bỏ sự thật, diễn viên diễn xuất và mời gọi người xem suy nghĩ về tấn kịch được trình bày thay vì để lịch sử thâm tóm hết!

Hướng về dân tộc và tương lai

Sau 1975, Nhật Tiến ngưng viết cho đến khi vượt biển thành công và đến Hoa-Kỳ năm 1980. Khi ở trại tị nạn Songkhla, ông đã bắt đầu viết lại (nhiều truyện sau in trong tập *Tiếng Kèn*) và đã đem những ưu tư, suy nghĩ vào văn chương. Ngòi bút của ông trở nên phần-nộ dù lòng thương và tình người vẫn mạnh ở ông. Trước hết ông viết về số phận những thuyền nhân (boat people) mà ông vừa từng trải qua, *Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan*, với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy. Sau đó là các tập truyện ngắn *Tiếng Kèn*(1982), *Một Thời Đang Qua* (1985), truyện dài *Mồ Hôi Của Đá* (1988) và tập truyện *Cánh Cửa* (1990). Nhật Tiến phát biểu về vai trò người cầm bút ở thời điểm mới: "Tôi vẫn hằng quan niệm rằng thiên chức của người cầm bút là phản ánh được môi trường xã hội mà họ đang sống, và đấu tranh cho những nguyện vọng tha thiết nhất của con người trong xã hội ấy được thể hiện. Môi trường xã hội hiện nay của người cầm bút là tình cảnh lưu vong mà họ đang sống, là anh em, bạn bè, đồng bào còn đang rên xiết ở quê nhà và những đồng bào tị nạn đang lầy lắt ở các trại tạm trú..." (3)

Sau những cố gắng tố cáo tội ác hải tặc và chế độ mà nạn nhân hải tặc phải bỏ đi, ông đã đi đến nhận thức tình trạng mới không thể ôm hoài suy nghĩ đã mòn. Ông đưa những ý tưởng đó vào các tác phẩm mới. Tập *Tiếng Kèn* (1982) là bức tranh sống động về cuộc đời của miền Nam. Những đối xử dã man, không nhân tính với đồng loại. Tiếng Kèn của lão mù kiếm cơm, công an chìm của cộng sản cũng phải theo bắt và kết án là CIA. Khi được thả ra, lão sợ nên thổi bài "Như có bác Hồ..." liền bị dân trong xóm phản đối. Lão thổi bài "Việt Nam! Việt Nam nghe từ vào đời..." thì tiếng vỗ tay vang dậy, nhưng lão không nghe được gì nữa, "hồn gã bay bổng theo tiếng kèn (...). Gã đã đắm mình vào làn âm thanh bao phủ quanh gã, và thực sự đang nâng bổng tâm hồn của gã lên cao" (tr. 25). Những nạn nhân khác là bà lão già còn phải lội rừng đến trại cải tạo thăm con nhưng kiệt lực ngay cổng trại chưa kịp thấy con. Là vợ một đại úy quân y nay chồng đi cải tạo, đôi phải đi trộm khoai, may gặp được lão Quới người bị mất trộm khoai nhưng may người này từng chịu ơn ông chồng bác sĩ cứu tử trước 1975 đã cho 50 chục; nhưng với số tiền này, bà nấu một nồi cháo thịt để cùng với năm con chết để "bày con tội nghiệp của cháu khỏi phải trầm luân trong cái xã hội đầy cơ cực này" (Nồi Cháo Thịt). Trận Đánh Cuối Cùng Của Một Kẻ Sĩ là trận đánh về mặt văn hóa của Ba Sinh, người bị công an đến nhà tịch thu hơn ba ngàn cuốn sách trên quý lưu trữ. Tình cờ anh gặp lại sách của anh được bày bán "chui" do đường giây kiếm ăn - tịch thu rồi đem đi bán thay vì nộp theo chính sách.

Truyện trong tập nói đến bộ mặt thực xã hội: Chiếc Áo Tây Vàng về một xã hội bạo lực, sự sống sót là quan trọng bất kể phương tiện, cả việc đào mả, như người thiếu nữ đào mả lấy đồ bán chợ trời kiếm tiền nuôi hai đứa em, đã khai trước tòa:"Xã hội của chúng ta là xã hội chủ

nghĩa, chủ trương duy vật mà đả phá duy tâm. Chỉ những kẻ còn đầu óc duy tâm mới quan niệm rằng đào mả lên tước là xâm phạm đến linh hồn người chết. Tôi sống bằng lao động của chính tôi. Tôi không ăn bám một ai. Tôi chỉ lấy đi những đồ dùng chôn dưới mả là những thứ mà xã hội bỏ đi, đã phế thải. Hơn thế nữa, tôi lại dùng lợi tức ấy để nuôi các em tôi ăn học, tức là bằng lao động đó, tôi đã nuôi dưỡng những mầm non của đất nước. Vì thế, tôi là người hoàn toàn vô tội" (tr. 143). Truyện *Chuyến Tàu Ngày Cuối Năm* diễn tả tâm trạng những người trẻ bắt đầu ý thức, phản ứng trước những đòi hỏi hy sinh cho nghĩa vụ hoặc lý tưởng láo khoét che đậy những mưu đồ bẩn xấu như đưa thanh niên sang làm "nghĩa vụ" bên lân bang Kampuchia. Hùng và một số bạn đã phải đào ngũ và chấp nhận cuộc sống lẩn tránh và hiểm nguy chết chóc, tù tội, nhân danh ước vọng tối thiểu làm người! Trong tập truyện đầu tay xuất bản ở ngoài nước này, một mặt Nhật Tiến cho thấy đời sống cơ cực của người miền Nam sau 1975, ông vạch mặt thủ phạm là chiến tranh, bạo lực, là lòng thù giữa người đối với người, trong sự ghen tương giàu nghèo Nam Bắc càng lộ rõ khi tiếp xúc, người trong Nam không tin tưởng nơi đồng bào từ miền Bắc, họ biết những người kia sống trong một chế độ bùng bít, không hề biết sự thật, lừa dối nhau để sống còn, lãnh đạo thì tuyên truyền, đe dọa, người cùng đinh thì lừa nhau miếng ăn, cái bát và cuối cùng những cảnh tượng "chiến thắng" thực ra chỉ là trò hề tội nghiệp!

Đến *Một Thời Đang Qua* (1985) gồm hai phần *quê người* sống hồi hải máy móc với những va chạm văn hóa, những người mẹ già lạc lõng ngay trong gia đình mình, trong khi *quê nhà* giữa bao thảm kịch, sĩ quan bộ đội hủ hóa, tình cờ vẫn có người thủ trưởng công an biết nói cảm ơn. Người Làm Ca Đêm, Một Ngày Của Nhiều Người tả nếp sống đến lạ kỳ ở quê người, đời sống thường không còn của riêng mình mà là của guồng máy, đi làm để trả bills, vội vàng vì kẹt xe. Làm việc an ninh mà máy móc đến điên người như Vũ trong Những Mẩu Dây Leo, rồi tranh chấp, rồi bị người làm chung tố với xếp anh bị tâm thần, trong khi thư nhà đến đều với những vấn đề phải giải quyết. Mùa Xuân Của Nàng và Bông Hồng Nào Cho Mẹ đề cập đến những va chạm hội nhập văn hóa, trong khi đó Những Mảnh Trăng Thu đưa người đọc trở lại với những trẻ nghèo khổ nhưng biết thương yêu nhau, một đề tài quen thuộc của Nhật Tiến.

Ngoài ra, trong tập truyện này, Nhật Tiến đi bước đầu trong việc tìm hiểu và viết về con người ở miền Bắc và những người ở miền Nam sau 1975 như những con người "ruột thịt". Văn ông hiện lành nhưng ông đã nói đến những khúc mắc của con người cùng là nạn nhân của chiến tranh, ông luôn khẳng định sự thất bại của cộng sản muốn tiêu diệt nhân tính nơi con người. Ông tìm hiểu xã hội miền Bắc - của những kẻ tự cho là kẻ thắng kẻ tài giỏi, và đi đến tố cáo bộ mặt thật. Nhận chân để tìm ra những thái độ của con người miền Bắc dù là đang thuộc thành phần ưu đãi hoặc phía sườn mạnh (cán bộ, bộ đội...) đứng trước những thảm cảnh, thất bại của một chủ nghĩa vô nhân, của một guồng máy bạo tàn. Những Vết Chân Trâu trình bày bộ mặt thảm hại của xã hội miền Bắc, con người tàn hại nhau nhưng nhân danh những chính sách, chế độ bất nhân như tem phiếu, "còn tem phiếu thì còn được phân phối nhu yếu phẩm theo giá chính thức. Không còn tem phiếu thì kể như đã bị gạt ra khỏi mâm cơm chung của xã hội, dù chỉ là mâm cơm được bày biện những khoai cùng sắn" (tr. 115). Lão Thợ cuối cùng mong ước được thay thế con trâu để kéo cày cho xã. Một Chuyến Đi cho thấy sự đày đọa con người bằng những biện pháp cai trị phi lý mà George Orwell từng nói đến trong 1984. Một Big Brother mất nhân tính, Quý xin giấy tờ để ra Bắc thăm mẹ bị đủ trở ngại để phải thốt lên: "Có lẽ ở trên đời này chỉ có Quý là kẻ duy nhất đã có thể cười được khi nhận được tin mẹ mình đang thật sự hấp hối!" (tr. 91), vì lúc đó mới có thể có giấy di chuyển. Chặng Đường Cuối phá vỡ huyền thoại con người và đạo đức cách mạng. Huyền thoại Tay Ngà mà nhân vật Lữ từng ôm ấp 30 năm về chị Thu trở nên vô hiệu khi nhìn thấy hai bàn tay chị thô nhám nhăn nhúm và khi nghe giải thích "Chế độ mới cần đề cao tinh thần lao động trong mọi tầng lớp quần chúng, kể cả những nghệ sĩ chơi đàn. Tôi không bị cấm đánh đàn nhưng tôi cũng bị bắt buộc phải cầm thêm cái cốc. Cơn tàn phá đối với một bàn tay chỉ trong vòng một tháng là thấy rõ những ngón tay chai cứng lại Nốt nhạc trở nên lạc lõng, xốn xác như lâm hồn lạc lõng, xốn xác của toàn thể

con người.." (tr. 66). Thân phận người phụ nữ dĩ nhiên không ra gì trong một xã hội như vậy. Chân Dung Người Nữ Diễn Viên tên Hồng đã phải sống và trình diễn giả dối cho hợp chế độ, nên khi hết thời, về sống cày ruộng bên anh chồng thương phế binh mà lại cảm thấy thoải mái hơn!

Cái Túì Bùa gây suy nghĩ nơi người đọc, khi tác giả viết về Bà Cụ Tám ba đời tiền chồng rồi con rồi cháu ra đi chiến đấu không ngày về. Đến đưa cháu, bà đeo bùa vào cổ cho cháu dù đó là chuyện cấm kỵ ở một chế độ làm nhụt lòng chiến sĩ ra đi lên đường vì tổ quốc. Nhưng đưa cháu đã chứng tỏ không như hai thế hệ cha ông, bắt đầu ý thức đâu là chân lý, không chấp nhận hãi sợ vô cớ, không chịu cảm lạnh hy sinh vì bất cứ lý do nghĩa vụ nào: "Kampuchia là cái xứ chó chết nào? Tại sao mình lại phải đi đánh nhau ở đó? (...). Tuổi trẻ của tao phải khác với tuổi trẻ của ông nội tao, của bố tao. Tao không muốn tiếp tục trở thành những quân cờ, những quân chốt thí muôn năm hết đời này qua đời khác..." (tr. 110). Qua Kampuchia xong, Hải tìm đường vượt biên sang Thái Lan! vở kịch Công Lý Xã Hội - kịch bản hóa truyện Chiếc Áo Tây Vàng, đóng lại tập truyện: kịch tính ở đây không do kịch bản mà do cái hiện thực của đời sống: hầu như mọi người trong xã hội đều phải đóng kịch để sống còn, ai đóng giỏi trở nên mạnh hơn, có lý hơn!

Nhật Tiến là nhà văn gây phản ứng chính trị (thật ra là của vài nhóm người tị nạn) ở hải ngoại khi ông xuất bản truyện dài *Mồ Hôi Cửa Đá* (1988) và đăng báo truyện Gặp Gỡ Cuối Năm. Trong *Mồ Hôi Cửa Đá*, qua chuyện của những người ở trong nước như Nguyệt, Toàn, Hoàng, ông Năm Tỏa,..., tác-giả đề nghị đối thoại và tìm hiểu trong tinh thần nhân bản và dân tộc, để xây dựng lại quê hương. Ông nói đến con người, dân tộc, muốn không phân biệt nữa, vì tương lai, cho tương lai. Cuộc chiến mới ông muốn đề ra là cuộc chiến giữa nhân bản và phi nhân, giữa lẽ phải và sai quấy và giữa dân tộc và phi dân tộc. Sau những nhận thức tồi tệ của xã hội, chế độ, Nhật Tiến đã đi đến những nhận thức cho một Việt-Nam tương lai. *Mồ Hôi Cửa Đá* dưới hình thức một truyện dài, do đó tác giả có đất để trình bày rõ những suy nghĩ và giải pháp mà hai tập truyện ngắn xuất bản trước đó đã chỉ mới thử những bước đầu. Lấy nhân bản làm nền tảng, dùng khai phóng làm tâm niệm, giải pháp ở đây có một kích thước lớn hơn thường tình phân biệt Bắc Nam, trong-ngoài nước. Nhật Tiến trình bày ở lời mở đầu: "trong một vận hội mới nhằm phục hồi và xây dựng lại quê hương đang điêu tàn, đen tối và đầy rẫy nhục nhằn như hiện nay. (...). Tôi nghĩ rằng, văn hóa nói chung và Văn Học Nghệ Thuật nói riêng, có khả năng góp phần vào công cuộc tạo dựng những điều kiện qui tụ tốt đẹp trong công cuộc hình thành một sức mạnh tổng hợp, cả trong lẫn ngoài nước để hoàn thành sứ mạng giải phóng quê hương. Văn Học Nghệ Thuật, do đó sẽ có thêm một hướng đi mới, bên cạnh những hướng đi đã có, đã từng góp phần tích cực vào công cuộc tiếp nối truyền thống văn hóa của dân tộc ở hải ngoại. Chấp nhận một chiều hướng sáng tạo như thế, trong khung cảnh còn đầy rẫy những ngộ nhận như hiện nay, là chấp nhận một sự thử thách..." (4). Chuyện xảy ra ở miền Nam sau 1975, người hai miền sống chung, những va chạm, một bên ức hiếp, lợi dụng, một bên chịu đựng hoặc tìm cách qua cầu. Nhưng có những người trẻ lý tưởng, như Nguyệt,... không muốn cực đoan, một chiều, muốn ra tay làm một cái gì trong hoàn cảnh mới, trở thành bí thư chi đoàn thanh niên.

Trong tập *Cánh Cửa* (1990), ông đi xa hơn, đề cho nhân-vật Trường, một người tù cải tạo, thuyết phục, "cải tạo" .

Nhật Tiến đồng thời có cái nhìn phê phán miền Nam trong hơn 20 năm (1954-1975) cũng có những tiêu cực cần phải nói lên, nhận chân. Ông đã nhìn thấy "những kẻ đầu cơ, tích trữ, những đũa sồng nhớn nhợ, phê phỡn trên cơn thiếu thuốc men, bệnh tật của dân nghèo khó, những đũa buôn súng đạn, bán đứng sinh mạng của chính anh em đồng ngũ của mình...". Xã hội miền Nam đã bị "những kẻ bất tài nhưng có quyền thế thao túng chính trị, thao túng thị

trường, thao túng trên cả sinh mạng của binh sĩ" - nhân chân không riêng gì của ông mà còn là của nhiều người khác!

Cũng theo Nhật Tiến, thế hệ trẻ có những suy nghĩ và ước mơ chính đáng. Hoan trong Những Sự Thực Cần Được Nói Ra là những sự thực của Hoan, một bí thư đoàn thanh niên của một trường ở miền Nam sau 1975 và là con của một lãnh đạo .

Những Chuyện Bên Lề là những chuyện phi lý và bất nhân của người Việt tị nạn ở Hoa-Kỳ không nhận người đi từ miền Bắc là đồng bào, cùng là nạn nhân cộng sản. Tư, một giáo viên Sử ở Hà-Nội vượt biên tới Hương Cảng rồi được định cư ở Hoa-Kỳ, bị lạc loài, không cách gì đến gần đồng bào đi từ miền Nam, ông nghĩ "một đàng thì quả đồng hương có nhiều, nhưng họ thuộc về một cộng đồng khác, cộng đồng của những người bên kia, những người vì đã thua cuộc nên có quyền ngẩng cao đầu tự hào về dĩ vãng chính trị của mình, còn tôi thì đâu có một chỗ đứng để chen chân vào. Nói khác đi, dù tôi đã chối bỏ chủ nghĩa cộng sản để qua vùng đất mới thì cái dĩ vãng của tôi, cộng với nền nếp tôi suy nghĩ, thói quen của những từ tôi dùng, cũng đủ để cho tôi cảm thấy lạc lõng giữa đám đồng và nhẹ nhàng lắm thì cũng bị coi như một kẻ đứng bên lề...". Cũng những tưởng kinh nghiệm giác ngộ của ông trước đó khi thống nhất vào Nam thăm gia đình họ hàng, "cái niềm hãnh diện của một kẻ tham gia hàng ngũ đi giải phóng nó tan xèo như một que diêm", sẽ giúp ông đến gần những nạn nhân như ông, nhưng hoài công!

Đến năm truyện ngắn xuất bản chung với Nhật Tuấn, người em ở trong nước, tập truyện *Quê Người Quê Nhà* (7), Nhật Tiến tỏ ra mềm mại hơn và giọng văn u hoài, tiếc nuối hơn là tranh đấu. Ở đây là những cảnh đời của nhiều thành phần người Việt vì hoàn cảnh phải thiên cư ra ngoài nước. Những Viên Sỏi Trên đường là vợ chồng Thu-Phú đi từ 1975, Phú vẫn đấu tranh để phục hồi cái đã mất nhưng Thu muốn được sử-dụng tự do ở xứ người để đòi hỏi được tự do giúp người khuyết tật ở trong nước; một bên muốn làm cái gì bớt mặc cảm, một bên không muốn sống hết kiếp lưu vong tủi nhục! Cái Thuở Ban Đầu tức thuở gia đình ông Bửu qua California theo chương trình H.O. đã phải va chạm những giá trị của hai thế giới. Cô giáo và hai học sinh người Việt trong ngôi trường lớn rộng nhưng lạnh lẽo tình người, trong một môi trường mà con người chỉ biết chạy theo tiền bạc bỏ rơi giáo dục con cái. Ngày Nàng Trở Lại sau khi hai nếp suy nghĩ đã phải va chạm, gây nên những khoảng cách chưa xót giữa người ở ngoài nước cày cực khổ và người trong nước ỷ lại chỉ mơ đến phung phí tiền: "Quê hương không bao giờ hắt hủi ai nhưng đời sống là như thế đó. Mỗi con người dù ở trong hay ở ngoài cũng đều góp phần theo một cung cách nào đó để trở nên nhìn nhau xa lạ nhưng âm thầm không ai muốn nói ra (...) Người ta đã sống với quê hương trong trí nhớ với tất cả những cảm giác được tô vẽ lên chứ không phải là quê hương bằng xương bằng thịt với những vật thể sờ sờ có thể va chạm tới được. Đó là nguyên do đổ vỡ, khi người ta lên đường trở lại chốn cũ để tìm lại những xúc cảm chất chứa đầy ắp trong tâm hồn của mỗi người trong những ngày sống xa xứ..." (tr. 111, 114-115). Hương Vị Ngày Xưa cho thấy đời sống "tự lập" bi đát của bậc cha mẹ già bên lề cuộc sống của các con đã thành gia thất.

Một thời Nhật Tiến đã bị giới truyền thông hải ngoại lên án là chủ trương 'giao lưu văn hóa' và 'thiên Cộng'. Con người chiến sĩ ở ông đã trung thực đối phó và nay với thời gian và sau những lắng đọng, quan điểm vị nhân sinh của ông hình như cũng là ước muốn của hơn một người có lòng với tiền đồ đất nước và văn học. Ông tin chủ nghĩa cộng sản không thể thành công tận diệt được tình người đã là căn bản còn sót lại nơi mỗi con người dù bị tuyên truyền, nhồi sọ đến mấy, như tên cộng sản cán bộ cải tạo trong *Cánh Cửa*, như Năm Tỏa, Hoàng trong *Mồ Hôi Cửa Đá*, v.v. Chính những căn Thiện còn sót lại đó chứng tỏ con người lúc nào cũng là con người, và khi có dịp sẽ trỗi lên bề mặt, sẽ từ đó khởi lên những đòi hỏi chính đáng cho con người dù

nhỏ nhoi, căn bản. Nói chung, tác phẩm của Nhật Tiến xuất bản ở hải ngoại vẫn một nhân đạo, nhưng quyết liệt hơn, chứng tỏ ông can đảm và tin ở sứ mệnh nhà văn của mình.

*

Cả sự nghiệp viết văn, Nhật Tiến luôn tin tưởng nơi con người, dù đó là đứa trẻ mồ côi, trẻ đánh giày, người đạp xích lô, hay một nữ tu, một trí thức, nhà văn hoặc một cán bộ, sĩ quan. Nhân vật của ông dù tuổi đời, hoàn cảnh, địa vị xã hội khác nhau nhưng tất cả đều có một niềm tin hoặc lạc quan nơi tình người và những giá trị nhân bản. Tâm hồn nhân ái của Nhật Tiến hướng thượng, tin ở đáng toàn năng sáng tạo vũ trụ hoặc có liên hệ nhân quả với con người ở trần thế. Niềm tin này mãnh liệt, bền vững. Với một cái nhìn tinh đời, hiểu biết nhưng không tàn độc.

Nhật Tiến có một ngôn ngữ trong sáng, rõ rệt, như tiếp thừa văn phong của Tự-Lực văn-đoàn - các tác phẩm đầu của Nhật Tiến được các nhà Phụng Giang, Đồi Nây và Ngày Nay của Tự-Lực văn-đoàn xuất bản và ông có nhiều truyện đăng trên giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay*. Một lòng chân thành, với cái nhìn tinh tế, thấu suốt. Với ngôn ngữ đó, một lối hành văn đó, dù để thả hồn nhưng nhớ một thời ấu thơ hay biện hộ quan điểm xã hội cấp tiến của nhà văn. Văn Nhật Tiến hiền, kết thúc vui, lạc quan hoặc tránh nói đến cái bi đát thường dễ xảy ra, và ở những cảnh tả phụ nữ, tác giả tránh đi sâu vào chi tiết sắc đẹp thể chất, hình như người nữ "hấp dẫn" nhất dưới ngòi bút của ông là chị Sinh trong truyện *Kẻ Nổi Dậy* ("cả một nửa người trắng như sữa", "sức nóng như muốn làm nổ tung bộ ngực đầy đặn căng lên như hai cái bình sứ", "bộ ngực của chị dính sát vào những khoảng áo ướt sũng, căng tròn như hai cái cồng sứ"). Trong các tác phẩm đã xuất bản của Nhật Tiến, người đọc tìm thấy những vấn đề lớn nhỏ của xã hội Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, nhưng sẽ không tìm thấy dấu vết của những trào lưu thời thượng như hiện sinh, Tiểu thuyết mới, cả những phân-tâm mà Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Duy Lam đã thử nghiệm. Nhật Tiến khởi nghiệp với những trẻ mồ côi, và truyện ngắn mới nhất đến với người đọc hải ngoại là một truyện về những đứa trẻ nghèo vá bánh xe đạp, - truyện *Một Vạt Nắng Xuân Trên Hè Phố*, đăng trên giai phẩm *Việt Tide* (Xuân Nhâm Ngọ 2002) phát-hành ở Quận Cam CA, ông ghi viết tháng 12-2001. Gần đây nhất ông phiên-dịch tiểu thuyết *Thân Phận Dư Thừa* của Nguyễn Kiên (8), một lần nữa xác nhận tấm lòng của Nhật Tiến đối với những đứa trẻ bất hạnh, trong cái bất hạnh chung! Dĩ nhiên ông còn tiếp tục viết như vẫn thường xác nhận trong một số phỏng vấn (9)! Kinh nghiệm sống và viết của ông theo thời gian đa dạng, tế nhị hơn, nhưng cũng cương quyết hơn khi cần! Những bước tư tưởng của Nhật Tiến chứng tỏ thêm một điều rằng nghệ thuật phải đi một nhịp với thời đại, và nếu được vậy nghệ thuật mới có thể sống lâu!

Tạp chí *Hành Trình* năm 1964 đã làm một cuộc "Trưng cầu ý kiến bạn đọc về những tác phẩm văn học được nhiều người ưa thích nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây (1954-1964)" dự tính sẽ đăng trong số đặc biệt Nhìn lại 10 năm văn học miền Nam, nhưng chưa kịp ra thì báo ngưng xuất bản. Giáo sư Nguyễn Văn Trung mới đây thu thập những bài chưa in, cả những thư viết tay lập thành một *Hồ Sơ Về Tạp Chí "Hành Trình"* (10), trong đó ông công bố danh sách các tác phẩm được ưa thích nhất, về tiểu thuyết có 21 tác phẩm thì Nhật Tiến đã có 4 tác phẩm được chọn, 2 được xếp hàng đầu là *Mây Hoàng Hôn* và *Thềm Hoang*, tiểu thuyết kịch *Người Kéo Màn* hạng 7, và *Những Người Áo Trắng* thứ 11. Tương cũng cần nói ở đây là độc-giả của tạp chí *Hành Trình* phần lớn là sinh viên và trí thức miền Nam lúc bấy giờ!

Nhật Tiến lúc trẻ năng nổ, hăng hái, hội viên rồi phó chủ tịch Văn Bút, phê bình sách, viết tổng kết văn nghệ, tình cảnh nhà văn, v.v. Ông tin nhà văn có sứ mạng đối với tập thể, tin ở vai trò nhân chứng. Lúc nào ông cũng tin tưởng liên hệ vững chắc giữa người viết với người đọc. Sáng tác là để được đọc, viết là đến với tha nhân. Trong một phỏng vấn của Mai Thảo trên tạp chí *Văn* hải ngoại (11), Nhật Tiến tự nhận mình là một nhà giáo hơn là một nhà văn. Thời ông,

Võ Hồng cũng là một nhà giáo viết văn, sáng tác từ vị thế và kinh nghiệm của một nhà giáo, trong khi Nhật Tiến cũng hành nghề nhà giáo nhưng trong văn chương ông tự khoác thêm cho mình sứ mạng nhà giáo, như kẻ sĩ ngày xưa. Nghĩa là không làm chính trị theo nghĩa đảng phái, chế độ hay chủ nghĩa. Chính ông có lần thú nhận thời viết *Thềm Hoang* (1958-1961), ông đã có cái nhìn hạn hẹp khi nghĩ rằng "công việc cải tạo xã hội không thuộc vào trách nhiệm của người cầm bút, nó thuộc về lãnh vực của những chính trị gia hay những nhà lãnh đạo đương quyền..." (12). Các tác phẩm của ông trong suốt hơn 40 năm đã chứng minh điều đó, rằng Nhật Tiến có một sứ điệp, có một ước vọng chân thành! Những thị phi, chụp mũ đã và sẽ rơi vào quên lãng của dư luận, nhưng tác phẩm và ý tưởng, chân tình của ông sẽ còn sống lâu hơn! Nhật Tiến thuộc lớp nhà văn làm văn hóa với quan niệm văn hóa như là một phương tiện chứng minh sự hiện hữu cao quý của con người trong lịch sử. Trong một phát biểu ra mắt tập truyện *Một Thời Đang Qua* tại Washington DC, ngày 11-10-1985, Nhật Tiến cho biết "văn hóa không thể vùi dập con người mình dưới những lần rơi của sự cực đoan, một chiều, mà trái lại nâng cao giá trị của con người, vạch rõ thực trạng đớn đau, tủ nhục, để trang bị cho con người một nhận thức mới, ở đó con người nhìn ra thân phận bị trị của mình, biết phần nợ trước sự phi lý về nông nổi con người đã bị khai thác triền miên trong bao nhiêu năm ròng bởi một thiểu số đầy tham vọng và quyền lực mà không biết đứng dậy làm một cuộc cách mạng mới giải phóng chính mình" (13). Chính tập truyện *Một Thời Đang Qua* và bài phát biểu này khai mở khuynh hướng gọi là "hòa hợp hòa giải dân tộc", sau đó hơn sáu năm, tạp chí *Hợp Lưu* ra mắt (1-10-1991) và Nhật Tiến tham gia ban chủ biên!

Thế giới tiểu thuyết của Nhật Tiến là cánh cửa mở rộng chân trời để con người sống với hy vọng, sống xứng đáng với đồng loại và lịch sử!

Chú-thích

1. Nhật Tiến. *Chim Hót Trong Lồng* (San Jose CA: Ngàn Lau tb, 1984), tr. 47.
2. Nhật Tiến. *Thềm Hoang*. (Westminster CA: Văn Nghệ tb, 1989), tr. 23.
3. Trích theo Nguyễn Hưng Quốc. "20 năm văn học Việt Nam ở hải ngoại" *In*. *20 Năm Văn Học Hải Ngoại 1975-1995* (Glendale CA: Đại Nam, 1995), tr. 18.
4. Lời Tác Giả. *Mồ Hôi Cửa Đá* (Arlington VA: Cảnh Nam, 1988), tr. 11-12.
5. *Hợp Lưu* CA, 17, 6-7/1994, tr. 208.
6. Nhật Tiến. *Cánh Cửa* (Tustin CA: Thời Văn, 1990), tr. 45.
7. *Quê Người Quê Nhà*. Tp HCM: NXB Văn Học, 1994. 200 tr.
8. *Thân-Phận Dư Thừa* do Việt Tide (Westminster CA) xuất bản 2001. Nguyên tác *The Unwanted* của Kiên Nguyễn. Trong bài phát biểu của Nhật Tiến nhân buổi ra mắt sách tại Quận Cam ngày 9 tháng 2-2002, ông cho rằng tác giả Nguyễn Kiên - được dịch ra 19 thứ tiếng khác nhau, "đã nói với hàng triệu độc giả trên khắp thế giới lý do tại sao hàng triệu người Việt-Nam đã bỏ nước ra đi sau khi quân đội cộng-sản tiến chiếm miền Nam. (...) (Nguyễn Kiên) đã làm một công việc đầy ý nghĩa với tất cả tấm lòng nhân ái, đầy áp cảm thông đối với nỗi niềm thống khổ của biết bao nhiêu con người đã sinh ra trong hoàn cảnh trớ trêu, trở thành những thân phận dư thừa, bị ruồng bỏ" (*Việt Tide*, 31, 15-2-2002, tr. 44).
9. "Phòng vấn nhà văn Nhật Tiến". *Văn Học* CA, 100, 8-1994, tr. 66; Nguyễn Vạn Hùng. *Việt Nam Qua Lăng Kính 24 Nhân Vật Thời Đại* (Los Angeles CA: Thời Luận, 1996), tr. 35-42.
10. *Hồ Sơ Về Tạp Chí "Hành Trình" 1964-65*. Montréal: Nam Sơn, 2000, tr. 31-33.
11. *Văn* CA, 6, 12-1982.
12. Nhật Tiến. "Chuyện trò, tản mạn với bạn đọc về công việc sáng tác cuốn *Thềm Hoang*". *Văn Học* CA, 170, 6-2000, tr. 7.
13. Nhật Tiến. "Một suy nghĩ của người cầm bút lưu vong". *Quê Mẹ* (Paris), 68, 11-1985.

3-1998; 12-2001

Ngát ngưỡng chiều cuối năm

Người khách đầu tiên bước vào nhà, lão Quế nhận ngay ra là thằng Bá Vơ.

Cái thằng này “bá vơ” thật. Ăn đi trước, lợi nước đi sau, cứ nghe ới một tiếng là nó bao giờ cũng có mặt, nhiều khi sớm đến cả giờ. Nó thường cười nhăn nhở để giải thích thái độ sốt sắng của mình:

- Tào lao là chuyện chính. Ăn là phụ. Thời buổi này cứ có dịp ngồi tào lao với nhau là sướng rồi.

Chiều nay, mới thoát bước chân vào là hắn đã bị ngã chúi ngay xuống vì vấp phải cái cán chổi để nghênh ngang giữa lối, lão Quế biết ngay là thằng này đã nhậu ở đâu đó trước rồi. Làm ăn thì chẳng biết có ra ngô ra khoai gì, nhưng cứ vào cỡ buổi chiều thì hiếm khi lại không thấy hắn ngát ngưỡng. Huống hồ hôm nay lại là một buổi chiều cuối năm!

Lão Quế quát con bé cháu ngoại về cái tội chệnh mảng không dọn dẹp cửa nhà rồi nói với hắn bằng giọng sốt sắng:

- Vô đây...vô đây...Mà từ sáng mấy cỡ rồi ?

Bá Vơ cười hề hề :

- Mấy cỡ mà nhằm nhò gì. Cái thân “cò” như tui mà không biết nhậu, có mà đói !

Lão Quế gật gù công nhận. Nghề của hắn là “cò”, nhưng cũng chỉ là cò con thôi. Cò xin sửa sang nhà cửa vật vãnh, cò thì lấy cái bằng lái xe, cò xin cái chứng chỉ tạm trú, cò chạy mấy chuyện chạy ầu bị giam xe.... toàn nhờ nhoi cấp Phường, chớ nó mà có khả năng, chạy chức, chạy giấy tờ nhà cửa...thì nó đâu có rỗi hơi lui tới cái nhà lụp sụp của mình để bù khú cuối năm. Nghĩ vậy rồi lão hỏi :

- Hồi này khá không? In như cậu lo lót không nên, hư việc bị bắt đền bộn hả ?

Bá Vơ chép miệng:

- Xui tận mạng ! Giấy tờ sắp ký rồi thì thằng ký dính vào chuyện khác, bị đình chỉ công tác để điều tra, thành ra lỗ bộ hết.

- Thế còn cái vụ con bé dưới quê lên, xin đi ô-sin Đà Loan thì sao ?

Bá Vơ khua tay :

- Ấy ! Ấy ! Chớ mà dính vào. Thất đức!

Bà Quế đang lui cui thái thịt trong bếp chợt ngừng tay, nói vọng ra:

- Chết ! Chết ! Thế nghĩa là làm sao ? Chả lẽ ô-sin nào cũng bị hành hạ sao ?

Bá Vơ lắc đầu:

- Cái đó thì có trời biết. Nhưng chắc là cũng có đũa nọ đũa kia. Thôi tốt hơn là cứ né.

Lão Quế bật cười:

- Chả trách thiên hạ gọi cậu là bá vơ. Làm cò mà bá vơ như thế thì đói !

Bá Vơ thích chí, nhovn một nụ cười băng quơ, trong khi bà lão Quế vẫn thắc mắc :

- Tôi lo quá ! Con bé Phấn nhà tôi thì lâu lâu cũng thấy nhờ bạn gửi tiền về, nhưng tuyệt không có thư từ thăm hỏi gì hết chơn.

Lão Quế sợ bà vợ làm mất vui nên gạt phắt đi :

- Bà lại cứ nhắc mãi chuyện đó. Nó bận chuyện làm ăn, ở đó mà rảnh rỗi ngồi viết thư ! Nếu có chuyện gì thì nó đã la làng la xóm ầm ĩ lên rồi.

Bà lão không nói thêm nữa, chỉ giơ tay lên quẹt một hàng nước mắt vừa chợt ứa ra quanh hàng mi. Còn lão Quế thì lảng qua đề tài khác :

- Ngồi xuống đây cho khỏe. Tay Ký Cuội cũng sắp tới rồi.

Bá Vơ xà ngay xuống cái chiếu trải sẵn trên nền nhà, trên mặt chiếu chưa bày biện gì, hãy còn chông chơ mấy cái chén mẻ với một ấm trà vừa pha còn nóng hổi. Hắn cất giọng ngạc nhiên:

- Ủa... Ký Cuội sao bảo nó đi làm phóng sự mãi ngoài Trung chưa về?

Lão Quế ré lên cười:

- Trật vượt rồi! Mẹ nó, đã “cuội” đến thế mà còn suýt ăn đòn. Không mất nổi cơm còn là may đó.

Bá Vơ gật gù:

- Nó phải cái tính máu mê. Viết ba cái bài điều tra lằng nhằng, thấy được khen, cu cậu hăng máu vọt lên, xông vào ổ kiến lửa. Thế thì ăn đòn là phải rồi.

Rồi hấn cất giọng ông ổng:

Thân lươn nhục lắm ai ơi

Trời sao đầy đọa thằng tôi thế này!

Lão Quế trừng mắt :

- Ai đầy đọa ai? Tại nó còn ham miếng đỉnh chung nên mới chịu nhục nhân như thế chớ, cứ về mẹ nó vườn, cuốc đất trồng khoai thì có thằng chó nào hoạnh họe.

Bá Vơ tự tay rót chén nước, vừa nhấp vừa nhẩn nha:

- Ông nói như cái ông vua khi nhìn thấy dân đói, mới hỏi cận thần: “ Dân chúng đói thế sao họ không chịu đi nấu cháo thịt mà ăn?”. Bộ ông tưởng cuốc đất trồng khoai mà để à? Vườn đâu ?

Cuốc đâu ? Khoai đâu mà trồng ?

Lão Quế cười khà khà :

- Ấy là nói thế thôi. Sức dài vai rộng như nó thì cứ thuê cha cái xe ba gác đi chở đồ thuê cũng sống sót qua ngày. Tội gì mà len chân vào cái trò chữ nghĩa.

- Thôi đi ông ơi. Ông cổ lỗ sĩ rồi, lời khuyên của ông không đáng một teng. Thời buổi này mà còn nói chuyện khí khái, ai thèm nghe.

Vừa lúc ấy có tiếng người lao xao ngoài cửa, và rồi có một gã đàn ông bước vào. Thân hình gã nom loắt choắt, nước da đen nhẻm, bận quần Jean, áo sơ mi lòa lẹt bỏ ngoài quần. Lão Quế kêu lên :

- À, Ký Cuội đây rồi.

Rồi lão tiếp như nói với người mới tới:

- Vừa nhắc tới chú mày đây.

Bá Vơ kháy theo :

- Tưởng ông đi ăn tiệc liên hoan tất niên ở cơ quan thì không tới được ấy chớ ?

Ký Cuội nhìn Bá Vơ gườm gườm:

- Đừng có sỗ nhau như thế. Bị kỷ luật nội bộ, còn vui đếch gì mà liên với hoan.

Bá Vơ liền xuống giọng:

- Thôi đừng có buồn. Máy bài của ông, bạn đọc hoan nghênh quá cỡ. Ông chỉ đừng có húc càn vào những chỗ không nên húc thì mọi sự lại cũng ô-kê thôi.

Ký Cuội nhìn quanh rồi hỏi lảng :

- Đủ mặt anh hào chưa? Sao chưa thấy Ông Thầy của bác Quế nhỉ?

Bà lão Quế ở phía trong trả lời vọng ra:

- Ấy, nghe đâu như ông ấy đi với chú Thảo tới nhà ai đó chưa về.

Gã BáVơ gật gù:

- Thảo chột ấy phải không ? Cái tay nom dữ tướng thế mà lại hiền.

Ký Cuội nhún vai :

- Ở đó mà hiền. Ngày xưa tay đó tham gia tiểu đội quyết tử, chiến đấu trong nội thành đấy. Một mắt của ổng mù cũng vì bị trúng miếng lựu đạn đấy.

Lão Quế thêm vào:

- Công lênh chả thấy đâu, chỉ thấy ngồi bơm xe ở Phường bến. Mà có thể mới quen được với Ông Thầy tui chớ. Một tay chột. Một tay què. Quốc gia hay Việt cộng gì thì bây giờ nghèo đói cũng biết nương nhau tuốt! Chỉ đời lên hương là cái lũ đục nước béo cò thôi.

Nhìn ra ngoài ngõ, thấy trời vẫn còn chang nắng, bà Quế góp chuyện:

- Mấy năm nay hai ổng đã thành lệ với nhau rồi. Chắc là cùng đi thăm bà cụ Sớm chứ gì. Cái bà già ấy thật hay. Ngày xưa thì đào hầm chứa Việt cộng trong nhà, về sau thì lại chứa “Ngụy” chạy trốn những vụ vượt biên. Góm cái đất nước mình mới là kỳ !

Quả thật bà dự đoán chẳng sai. Vào cái lúc mọi người bàn tán ấy thì họ đang đèo nhau trên đường trở về. Ông Thảo đạp xe cho trung úy Thắng ngồi phía đằng sau. Ngày xưa, Thắng là đại đội trưởng một đơn vị Cộng Hòa mà lão Quế leo mãi từ binh nhì mới lên được chức trung

sĩ. Cho nên lão Quế chỉ quen gọi Thắng là Ông Thầy. Thầy trò nổi trôi trên khắp các chiến trường miền Trung, gian lao, đói khổ trên đường hành quân và sống chết cũng đã nhiều phen cận kề. Ông Thầy mất một giò trong một trận đánh ở gần mật khu Lê Hồng Phong. Thế là ông phải giải ngũ sớm.

May mà lại hóa ra chẳng may. Bởi người ta thì đi H.O rần rần, còn ông học tập không đủ ba năm, đành chống nạng đi bán vé số. Vợ con ông ra sao, thế nào, cảm thấy ông mờ miệng. Ông cứ ra vào cái chái tối như hũ nút của Mục Quảng đằng cuối xóm cho ở nhờ, cuộc đời vất vưởng bên lề xã hội cứ như thế trôi qua hết chục năm này tới chục năm khác. Bây giờ, nhìn ông chỉ còn thấy nụ cười vẫn mang vẻ ngạo nghễ là còn vương chút hình bóng của ông ngày xưa.

Còn Thảo bây giờ cũng đã mất hết vẻ trai tráng, ngang tàng. Ai có thể ngờ được cái tay đã từng xông xênh đồng đội bị thương, lết qua nguyên một cánh đồng để đưa vào được chỗ an toàn thì nay chỉ còn là một ông già, đầu húi cua phờ ra những chân tóc bạc trắng lờm chờm, nước da tái mét, vẻ xanh tái kinh niên, nhưng cử chỉ còn nhanh nhẹn, đạp xe leo dốc, chở cả người phía sau mà cảm thấy thờ phì phò, chứng tỏ một tay có sức sống còn dai hơn đĩa!

Hai người quen nhau khởi đi từ một vụ xô xát. Hồi ấy Thắng ngồi sửa xe, bơm xe ở góc phố bên phường Bấy. Một hôm lúng túng thế nào, đang ráp cái bánh vào thân xe thì Thắng vượt tay làm cái bánh xe lăn xuống hè. Chân thì cụt, cái nạng lại đem ghéch ở cột đèn, nên Thắng chụp không kịp. Cái bánh xe lăn tuốt xuống lòng đường khiến một xe hơi bóng lờng đang chờ tới phải thắng gấp lại. Trên xe ló nhỏ toàn thứ dữ vì đã ăn bận bánh bao lại có lính thứ thiệt làm tài xế. Một tay trong đám thò đầu ra la lối:

- Làm ăn kiểu gì thế, cha nội?

Một tay khác chắc bị cú thắng gấp nên bị rập đầu vào thành ghế trước nên la lối:

- Đánh bỏ mẹ nó đi. Chiếm lè, lẩn đường rồi có phen gây tai nạn chết người.

Anh lính bận sắc phục cứ như một cái máy được bấm nút, mở tung ngay cửa ra và xông tới Thắng đấm đá túi bụi. Thắng chỉ còn một chân nên ngã chổng kènh xuống lòng cống, quần áo tả tơi, chỉ thấy hai cánh tay chới với nhưng không thấy ông ta kêu lên một tiếng nào.

Nhưng cái kẻ kêu to hơn hết lại là một anh xe ôm đang ngồi chờ khách gần đó. Thảo Chột đấy! Lão găm lên như một con hùm, xông lại túm lấy anh lính và phóng ra mấy đòn nghề, rõ ra là một tay có võ. Đã thế, Thảo còn chõ đầu vào xe chửi rủa um sùm:

- Đ. mẹ chúng mày. Thằng nào ngon thì xuống đây. Ông đã là lính quyết tử nội thành, có xá gì lũ chó nhầy bàn độc.

Bà con quanh đó bu đen lại khiến mấy tay ngồi trên xe hời hả giục anh tài rờ xe chuồn thẳng.

Từ đó hai người quen nhau. Những lúc ế khửa, họ thường rủ nhau ra ngồi ở cái bàn cà phê kê sát vách tường loang lổ tại một đầu ngõ để trò chuyện, có khi đến quên cả công việc. Cũng nhờ thế mà họ tình cờ phát hiện ra rằng cả hai cùng quen biết bà Sớm, như bà lão Quế đã nói: "Cái bà già ấy thật hay. Ngày xưa thì đào hầm chứa Việt cộng trong nhà, về sau thì lại chứa "Ngụy" vượt biên. Góm cái đất nước mình mới là kỳ!"

Thảo thì hồi xưa trốn càn quét, chui vô hầm nhà bà Sớm.

Thắng thì sau này vượt biên một lần, bến bãi bị bể, lết được một buổi lại gặp đám đang ruồng xét. May có bà Sớm kéo tuốt vô nhà, giấu sau chuồng heo. Tấm lòng bà mẹ Việt Nam thực diệu kỳ. Quốc gia hay Việt Cộng thì đưa nào cũng là con thôi, cứ gặp hiểm nguy là giúp, chứ bà có biết chính chị chính em là cái gì!

Hôm nay, nhân năm cùng tháng tận, cả hai đã rủ nhau đi thăm bà Sớm trở về, ngồi phía sau xe, Thắng vừa khư khư cái nạng gỗ, vừa trò chuyện:

- Bà Sớm năm nay tôi thấy sút đi nhiều. Tội nghiệp, trên tám mươi tuổi rồi mà vẫn còn cứ phải ứa nước mắt.

Thảo ngậm ngùi:

- Cái xứ mình còn nhiều nước mắt lắm, ông ơi. Kể cả với những đứa đang cười.

Nước mắt trong lòng, không nhìn thấy nhưng cũng biết.

Nhân dịp Thảo đang tủi lòng, Thắng gợi ý:

- Vậy cái vụ ấy, ông coi có giúp gì được bả không?

Thảo trả lời:

- Ngựa quen đường cũ mất rồi. Chính cái con bé đó tôi đã xin cho nó một lần. Nhưng đừng xi ke ma túy rồi thì có mà trời cứu. Trước sau gì nó cũng tới số thôi.

Thắng chép miệng:

- Nhưng bà Sớm chỉ có mỗi nó là cháu ngoại. Con bé được bả cứng nhất đấy.

- Tại số cả thôi !

- Ông đã từng là đảng viên mà còn nói chuyện tương số. Chẳng qua là cái xã hội này nó xuống dốc tệ mạt mới làm ung thối hết lũ trẻ sinh sau đẻ muộn đó thôi.

Thấy Thảo im lặng không nói, Thắng tiếp thêm:

- Thành quả cách mạng nhà các ông đấy, cứ chả vồng mãi lên.

Thảo cau kinh :

- Ai mà vồng! Chỉ mấy thằng ăn trên ngồi chốc mới níu kéo, vẽ chuyện, tô son điểm phấn cho cái đời sống đa phần mạt hạng này, chớ cả nước ai mà không thấy.

Sau một quãng, cả hai cùng im lặng theo đuổi ý nghĩ riêng tư của mình, chợt Thảo bật lên một tiếng cười khà:

- Thế mà đúng !

- Ông nói cái gì đúng kia ?

- Cái câu sáng mắt sáng lòng ấy !

Thắng mỉm cười :

- Ủ, hồi học tập ở trong trại, cán bộ luôn mồm nhắc đến câu ấy. Tớ chẳng động tâm gì hết. Có mù chó đầu mà cần phải sáng !

Thảo gật gù :

- Với tui đây thì câu đó hay thiệt! Biết bao nhiêu người đã mất mát, đã hy sinh, để bây giờ nầy nòi ra cái thành quả ung thối như vậy, thế thì phải sáng ra chớ sao không sáng !

Thắng không đáp lại mà chỉ xiết thêm vòng tay đang ôm ngang bụng ông ta để chia xẻ một sự đồng tình. Lúc hai người đi ngang một ngã tư đầu phố, xe cộ kẹt cứng, bốn bề đen nghệt người với đủ thứ, đủ loại xe chen lấn với tiếng còi inh ỏi trong khói tuôn mịt mù, Thắng mới nói:

- Nghĩ tí đã. Ông đạp thế cũng đã mệt rồi.

Thảo giơ tay nhìn đồng hồ:

- Mệt thì hơi mệt, nhưng coi chừng trễ bữa ngất ngưỡng cuối năm đảng ông Qué.

Thắng mỉm cười :

- Bữa nay dám “ngất ngưỡng” không ?

Thảo cười rộ lên :

- Sợ gì mà không dám. Hôm nay mình “quắc cần câu” một cái nha. Thử coi có xả được cái xui năm cũ không.

Thắng nhún vai :

- Dân xứ mình, cả nước ù lì, nếu coi là xui thì sẽ còn là xui mãi thôi ông ơi. Như ông thấy đấy, cả nước năm nào cũng lên cơn sốt vì kết quả của một trận đá banh, trong khi mất mẹ nó một phần cái thác Bản Giốc thì chẳng có ai quan tâm gì. Vậy mà còn nói vận nước xui với không xui. Nhưng thôi, đã gọi là ngất ngưỡng thì cần gì phải có điều kiện. Lâu lâu mình “hào sảng” một cái coi!

Thảo cười hề hề :

- Nhất trí... nhất trí...Nhậu quắc cần câu...đếch cần điều kiện gì hết. Kể cả cái xui “dân trí” nó vẫn đeo theo mình, chình ình muôn năm ở đó.

Quanh co mãi, cuối cùng Thảo cũng chờ được Thắng tới cổng ngõ nhà lão Qué. Con bé cháu ngoại của lão vừa thấy hai người xuống xe đã vội phóng vào nhà báo tin. Lão Qué hớn hờ đi ra mời chào :

- Chú Thảo vô đây! Cả Ông Thầy nữa. Tụi tui đoán ngay là hai người đang đi với nhau.

Rồi ông lại reo lên :

- Ấy, lại cả ông Ba Sùng cũng vừa tới nè ! Ui da, hôm nay chiều cuối năm, ta “đoàn kết”, “thống nhất” một bữa quắc cần câu cho nó đã.

Ông Ba Sùng, người tới sau Thảo và Ông Thầy, cũng vừa dựng cái xe đạp vào vách gỗ vừa cười hề hề:

- Ui ! Thống nhất thì thống nhất từ lâu rồi, nhưng đoàn kết thì cái đó còn chưa chắc ạ.

Gã Ký Cuội ở trong nhà bô bô nói ra :

- Cái này là chú Ba phát biểu đấy nhá. Mà chả hiểu những lúc làm Báo cáo viên, chú có “ngôn” như vậy với bà con chòm xóm không ?

Ông Ba cười ha hả:

- Mày xúi trẻ ăn cút gà hả ? Ở “trên” chúng nó đánh nhau toàn chơi đòn cạn tầu ráo máng, ai chẳng rõ, nhưng tao thì tao vẫn nói “ đoàn kết coi như con người của mắt mình, phải gìn giữ”. Báo cáo viên mà !!!

Bá Vợ bây giờ mới xen vào :

- Chú nói thế mà chú không thấy gương mặt mờ mờ hả ? Mà được trả bao nhiêu ?

Ông Ba gờ tay gãi đầu :

- Thời buổi này mà chú em còn nói chuyện gương mặt thì rõ ra là tụt hậu xa quá rồi. Nói cho ngay, thằng nói cứ nói, thằng nghe cứ nghe, ai tổn hơi sức gì mà đi phê phán ai. Miễn xong buổi sinh hoạt, tất cả đều thành thoi như cùng được giải phóng là xong rồi. Còn phong bì ấy hả? Chỉ tô phờ thôi, hương hoa nhà nước ấy mà.

Về chuyện này thì ông Ba nói không sai, ông chẳng cần quan co để biện minh cái gì. Ngày xưa ông là cán bộ đảng viên. Nghe nói tới bốn, năm chục năm tuổi Đảng gì đó lận. Nay hưu rồi, nhưng hưu là hưu công việc đã làm trước đây thôi. Chớ về Phường, còn khối việc người ta giao cho ông. Sinh hoạt Chi bộ là chuyện dĩ nhiên, vì Phường nào chả có ít ra là rằm bảy ông Đảng viên cư ngụ. Rồi lại còn Tổ hưu trí trong Phường nữa. Nhân có quá trình sinh hoạt cách mạng lâu năm, lại ăn nói hoạt bát nên Phường nào ông nhận thêm cái chức Báo Cáo Viên, cứ mỗi tháng một lần kêu bà con chòm xóm tụ tập hết cả lại để nghe ông truyền đạt quan điểm, lập trường, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong các vụ việc, đặc biệt là mỗi khi có một nghị quyết mới vừa được ban hành. Tài liệu thì trên đã gửi xuống giải thích rành rọt. Ông chỉ việc “báo cáo” lại cho bà con thôi. Ông coi việc này như một nhiệm vụ đương nhiên, chả cần thắc mắc về nội dung các buổi báo cáo xem nó phản ánh đúng hay sai với thực tế đời sống bên ngoài.

Thắc mắc làm chi ! Cứ như anh tài phải đổ xăng thì xe mới chạy. Có bao giờ anh ta hỏi “ tại sao có xăng thì xe nó lại chạy đâu?”

*

Như thế là đã đủ mặt “anh hùng”.

Theo thứ tự tới trước, tới sau : Bá Vợ, Ký Cuội. Thảo, Ông Thầy và ông Ba Sùng. Lão Quế hoan hỉ lắm. Quanh năm tất bật, ít lắm cũng thì cũng phải có một bữa như vậy, toàn chỗ quen thuộc, thân tình, nói năng chả cần giữ ý giữ tứ gì. Còn cái khoản chi cho bữa tiệc thì hỏi giữa năm, con Phấn (mẹ cái đứa cháu ngoại duy nhất của ông bây giờ) đã từ Đài Loan gửi về, bà Quế chắt bóp thêm, còn dư một ít, đủ xài cho bữa cuối năm.

Khi thấy bà lão Quế bày biện đủ đồ ăn, thức nhắm lên mặt chiếc chiếu trải rộng trên sàn nhà, Thắng vừa nhìn quanh vừa nói:

- Úi giờ ơi ! Đông đủ quá nhỉ! Qua năm mới chắc nước mình tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc hơn năm ngoái mất thôi. Hạp mặt đoàn kết cuối năm thế này là hết ý !!

Gã Ký Cuội cười lên hơ hớ :

- Ấy khoan đã “cụ”! Muốn hết ý thì phải mời thêm má Mì để má dất thêm mấy em qua góp mặt nữa thì mới là Đoàn kết Đại đoàn kết chớ.

Lão Quế nhăn mặt :

- Đừng nói nhảm mày! Ông Thầy tao tu kinh niên rồi, mấy cái khoản ấy chường ra chỉ làm mất vui.

Rồi lão lại giải thích :

- Mấy lại chủ yếu bữa hạp mặt hôm nay là để anh em bù khú với nhau, trước là hàn huyên, sau là để tổng tiền cái năm xủ quẻ xúi tận mạng này đi, đón năm mới vạn sự như ý vô nhà. Chớ

đoàn kết thì bà con đã đoàn kết với nhau từ lâu, cả nước chả nhất định cứ bám riết không rời cái hàng ngũ nghèo khó này để không thềm chạy sang phe mấy anh tư bản đồ trọc phú kia là gì.

Ký Cuội vỗ tay :

- Hay! Hay đấy! Cái ý này qua mồng một Tết phải đem ra mà khai bút. Hàng ngũ nghèo khó chúng ta càng đoàn kết thì dân số càng đông. Dồn những thằng giàu vào phe thiếu số cho chúng nó chết !

Ông Ba Sùng nhún vai :

- Vậy chớ, lấy cái ranh giới gì phân biệt giàu với nghèo để đong đếm, xếp hàng, phân loại đây? Phải có sự phân loại rạch ròi thì mới dễ bề quản lý hàng ngũ của mình chớ!

Bá Vơ kêu lên :

- Chạy ăn từng bữa là nghèo. Có tiền gửi ngân hàng là giàu. Giản dị vậy thôi mà chú Ba cũng phải thắc mắc!

Ông Ba chột cười lên hơ hớ :

- Thế bộ chú mày nghĩ tao là dân giàu hả? Tao có thằng con bên Đức, mỗi tháng nó gửi về vài trăm Đức Mã, tao đâu có phải chạy ăn từng bữa. Rồi nhín tiêu để dành phòng khi ốm đau, mỗi tháng tao đem gửi ngân hàng không quá vài chục nghìn tiền Việt. Thế là tao cũng giàu đó há mày? Chỉ cần thằng con tao nó nói “bố xê ra chỗ khác để cho tôi phục vụ con vợ mới cưới” là tao chết đói nhe răng ra, chứ ở đó mà kêu tao giàu.

Mặt Ba Vơ ngẩn ngay ra, vì trong thâm tâm, hẳn cũng chưa bao giờ liệt cái lão Đảng viên về vườn này vào loại giàu có cả. Ông Thầy bây giờ đã ngồi yên chỗ, mới bắt đầu lên tiếng:

- Thật ra giàu có đâu phải là cái tội. Vấn đề là ở chỗ coi xem cái sự giàu có nó xuất xứ ở đâu ra kia.

Lão Quế chột thờ dài cái sượng :

- Nói cho ngay, ở cái xứ mình, không nặn hầu bóp cổ thằng dân, không ăn chặn ăn bớt, không bán quan mua chức thì ở đó mà giàu.

Bá Vơ chột reo lên :

- Vậy tôi nghĩ ra rồi. Thằng có chức có quyền là thằng giàu. Chức càng cao, quyền càng nhiều, càng chen ép ra tiền. Những thứ đó chuyên ngồi chơi sơi nước đúng là chóp bu của phe giàu có rồi.

Ba Sùng nhìn hấn bĩu môi :

- Cái thằng đúng là Bá Vơ! Như cái ông Nguyễn Hữu Thọ Chủ tịch Quốc Hội ngày trước đấy. Chức ấy mà không to à ? Thế mà cũng từng ngồi chơi sơi nước, lại bị nhét xó vào cái nhà xếp phía sau căn biệt thự dùng làm Nhà Khách tiếp người nước ngoài, thỉnh thoảng có anh cán bộ tới thăm, giúi cho kí đờng, lạng mỡ. Vậy cũng bị coi là giàu sao?

Bà lão Quế thấy tiệc rượu đã bày ra rồi mà mấy người cứ còn cà kê, liền sốt ruột nói :

- Thôi mời các vị vào mâm đi kéo nguội hết. Theo tôi ấy à, ở xứ ta, cứ anh nào bán rẻ lương tâm là anh ấy giàu. Có thể thôi !!

Ký Cuội vỗ tay :

- Hay! Bà Quế tầm ngầm thế mà đúng!

Nhưng gã Bá Vơ vẫn còn lẩn cấn chưa chịu buông xuôi:

- Nói vậy thì biết vậy. Nhưng vấn đề là ở chỗ làm sao đem chia cái lương tâm của mỗi anh ra để cho chú Ba phân loại rạch ròi đây chớ ?

Thấy câu chuyện đang sắp đi vào chỗ tắc tị, Ba Sùng nhìn xuống món gà nướng ướp ngũ vị hương thơm điếc mũi vừa được bà Quế trưng ra, liền cất tiếng hỏi:

- Ấy này, bà chủ. Cái gà này có bị Cúm không đây?

Bà Quế nhanh nhẩu:

- Đừng lo ! Gà này tui mua có dấu kiểm tra đàng hoàng. Mấy lại nướng kỹ thế này, vi trùng nào mà chịu cho thấu.

Lão Quế lại trấn an thêm :

- Vói lại chẳng phải gà mua ngoài chợ đâu. Ở đây là chỗ tôi quen, mấy con gà này có “hộ khẩu”, có “lý lịch” đảng hoàng.

Nghe chừng sự giải thích có vẻ mang lại sự yên tâm, gã Ký Cuội mới vừa gấp một miếng vừa nói :

- Ui, người ta chết có số. Những lần đi công tác xa, bụng đói meo, tôi xà vào hàng quán nào là quất no một bụng ở quán đó. Có sao đâu, ở đó lo Cúm gà thì có mà chết đói !

Ba Sùng chợt đổi đề tài câu chuyện:

- Nghe nói cậu vừa bị ăn đòn ở báo Phóng Sự đó hả?

Mặt gã nhà báo chợt sụm ngay xuống nhưng rồi cũng lại vênh lên :

- Cái thằng Tổng thư ký ấy vừa nhát vừa hèn. Chính nó xúi mình cả chủ đề lẫn nơi chốn để đi viết, thế mà khi đi họp giao ban, nó chối bai bãi. Đến lúc về báo nhà, nó sai mấy thằng tay em xúm lại tố đòn hội chợ. Mẹ kiếp, qua năm mới, tôi mà xin về được tòa soạn tờ báo của thằng cố nội nó, nó mới trắng mắt ra.

Ba Sùng an ủi :

- Không sao đâu. Sông có khúc, người có lúc. Tinh một lũ lươn ngắn chệ trạch dài cả, chứ chúng nó chẳng tài đức gì hơn ai đâu.

Ngồi ở kế bên, ông cựu trung úy bỗng tự nhiên lấy Kiều:

- Đã mang lấy nghiệp vào thân, Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa... Cậu ôm cái nghiệp mà không biết làm thân lươn để biết tiết chất nhòn ra luôn lách thì than lảm cũng vậy thôi.

Lão Quế chen ngay vào :

- Tôi chả hiểu nhà báo các cậu có cái vinh dự gì, chớ cứ chạy theo đuôi, cong cổ tưng thuật mấy lời huênh hoang của mấy tay lãnh tụ, ngồi xồm lên cả nỗi đau của đồng bào thì cái đó...cái đó ...nó nhục lắm, cậu ơi !

Ký Cuội chống chế:

- À, đó là mấy thằng chuyên việc hiểu hỉ nói làm gì. Nó viết ra mà chính nó cũng có tin tưởng gì đâu. Còn loại phóng viên đi viết phóng sự thì có khác. Cũng khui ối vụ động trời ra ấy đấy chứ. Gặp thủ trưởng chịu chơi, tụi tôi cũng làm được ối việc.

Ba Sùng chợt giơ cao cái ly :

- Nào ! Chuyện gì thì gì, qua năm mới, tính. Bây giờ hãy nhậu quắc cần câu cái đã.

Thảo cũng giơ cái ly lên vui vẻ :

- Nhất trí, dĩ nhậu vi tiên. Mà điều thế nào thì coi là quắc cần câu đây ?

Bá Vợ láu táu :

- Cho chó ăn chề !

Lão Quế cười hề hề :

- Cái đó rôm. Quắc cần câu là phải coi trời bằng vung, chứ cho chó ăn chề thì nhằm nhò gì !

Thảo reo lên :

- Đúng! Cái đó phải! Tay nào nhậu mà chưa coi trời bằng vung thì chưa đạt tiêu chuẩn.

Ký Cuội góp lời :

- Thế nhưng, như thế nào là coi trời bằng vung, hả các bố ? Chả lẽ chạy ra bĩnh lên nóc trụ sở Nhà đèn sau cái vố bị nó bán cho điện kể rôm !

Bá Vợ hứng chí cũng thấy hơi men túa lên hùng hục:

- Cái đó mà nhằm nhò gì ! Phải nhắm vào những thằng ăn chặn ăn bớt tiền cứu trợ đồng bào lũ lụt kia kia.

Ba Sùng nhăn mặt :

- Khẩu khí của lũ chúng mày đúng chỉ là những quân đánh võ mồm. Nói thế rồi có dám làm thế hay không ?

Trong lúc cả hai anh trẻ tuổi còn đang ngó ra thì lão Quế đã lên tiếng:

- Đúng đấy. Không chơi cái kiểu đánh võ mồm. Có giỏi ra giữa bùng binh kêu to lên: “Đảng CS ngồi lâu quá rồi. Từ chức mẹ hết đi, trả lại quyền hành cho nhân dân”. Thế mới xứng bực “coi trời bằng vung” chớ !

Thắng vội xua tay :

- Thôi thôi ông ơi! Chơi cái kiêu đó thì đúng là coi trời bằng thăng cháu nội thiệt đó. Nhưng phi vào nhà thương Biên Hòa thì cũng bóc lịch mút mùa lệ thủy. Các bố mới chưa cụng hết vài ly đã hết khôn thì dồn đến dạn cả với nhau rồi.

Bá Vợ áp ứng :

- Thì thế mới gọi là...quắc cần câu !!!

Ông Ba Sừng bây giờ mới nghiêm nét mặt lại nói:

- Thôi đừng làm phí thì giờ một buổi gặp gỡ. Tất niên chủ yếu là ngồi với nhau nói chuyện tâm tình. Đã làm thân con sâu cái kiến, ngồi chửi đồng, có ích gì đâu !

Thảo gật gù đồng tình :

- Chửi đồng mà thay đổi được gì thì mấy con mẹ bán cá ngoài chợ đã tốc váy lên rồi. Nhưng như ông Thắng đã nói đấy, cả nước cứ còn lên cơn sốt vì kết quả của một trận đá banh, trong khi mất mẹ nó một phần cái thác Bản Giốc thì chẳng có ai quan tâm gì. Như thế thì chúng mình cũng cứmuôn năm thôi !

Câu chuyện đang ồn ào bỗng bị lái qua một ngã rẽ khác. Nét mặt mọi người đang tươi rói bỗng ai cũng như buồn siu hẳn đi. Mãi lát sau Thảo Chột mới lại lên tiếng:

- Nói chuyện tâm tình thì nhân dịp cuối năm, tôi xin nói hết. Ở đây, nói chung ai cũng mất mát cả. Ông Thắng mất một giò trong cuộc chiến lại thêm mấy năm cải tạo trong rừng. Anh Bá Vợ mất tự trọng khi phải làm thân cò đi chạy chọt, bợ đỡ những thằng tham những vô tư cách. Ông nhà báo thì mất tự do cầm bút, viết cái gì cũng phải chờ thủ trưởng họp giao ban về ne net, được viết cái này, cấm viết cái kia. Ông bà Quế thì con đẻ rút ruột ra, lúc già, nó không ở nhà hầu hạ mình, lại phải đi làm thân ô-sin nơi xứ người, thế cũng là mất mát. Nhưng so với tôi thì tôi đau hơn nhiều. Tôi mất nhiều bạn bè, đồng chí những người dang cả cuộc đời cho một lý tưởng mà ai cũng nghĩ là tốt đẹp. Cho đến khi tính sổ lại, hóa ra mình lại là nguyên nhân của chính những khổ đau của đồng bào, đồng loại. Tôi đâu có ngờ cái thành quả "cách mạng" mà chúng tôi từng nỗ lực hy sinh, nó lại ung thối kinh hoàng đến thế.....

Nói đến đây, hình như không nén được xúc động, Thảo ngưng bật lại, hai con mắt chớp chớp và cánh mũi thấy phập phồng. Qua một giây lâu, ông Ba Sừng bật lên cười như vừa để phá cái bầu không khí ngột ngạt đang vây quanh, vừa biện giải cho chính mình :

- Ờ ! Cậu tính sổ kỹ càng như thế mà quên mất tở ! Như thế là cậu cho tở là được chứ không mất. Cũng đúng thôi ! Tuổi già, về hưu, lương hưu không đủ sống, nhờ có thằng con lao động ở nước ngoài gửi tiền về trợ cấp khỏi phải rơi vào cái cảnh: Đầu đường Đạp tá vá xe, Cuối đường Trung tá bán chè đậu đen. Như thế cũng là "được" rồi.

Thảo quay qua nhìn đăm đăm vào ông Ba Sừng, một lát lại cất tiếng:

- Chú Ba à ! Ở hoàn cảnh của chú thì chẳng nên đem ra so bì cái chuyện được hay mất. Ít lắm thì chú cũng trên 50 năm tuổi Đảng phải không? Nghĩa là con người của chú suốt cả một cuộc đời gắn bó với đường lối Đảng, Đảng nghĩ gì thì mình nghĩ theo, Đảng bảo làm gì thì mình làm theo, chú đâu còn cái tư duy của riêng mình nữa. Cho nên bây giờ mà bắt chú suy nghĩ khác, làm khác thì chẳng hóa ra đem chặt chân một con ếch rồi bắt nó nhảy hay sao? Thôi...thôi... thông cảm...thông cảm....

Ba Sừng nheo mắt nhìn người đồng chí cũ, cái nhìn chẳng lộ vẻ gì giận dỗi mà lại có tính bền lén như vừa bị ai bóc trần mình ra. Rồi ông buông một câu lẳng xẹt :

- Thì thế...! Có thể tao mới còn bình thần đi làm được một báo cáo viên chớ. Có nghĩ mẹ gì đâu !!!

Vừa lúc ấy, có tiếng chuông leng keng của bác phát thư kèm theo một giọng hỏi hả :

- Ông Quế...ông Quế ra mà nhận thơ !

Chưa ai kịp nhòm dây thì bà lão Quế đã chạy bổ ra ngoài. Một lát bà cầm vào một bao thư có viền xanh đỏ rõ ra là thư gửi từ nước ngoài. Lão Quế la lên :

- Thư con Phần, phải không ?

Bà Quế liếc nhìn xuống rồi trả lời giọng thất vọng :

- Kh...ô...ông...Con bạn của nó

Nói rồi bà trao lá thư cho chồng và nói:

- Ông mở ra đọc coi nó viết gì.

Lão Quế vội vã xé ngay và moi ra một mảnh giấy vụn vụn có mấy giòng mà ông đọc to cho mọi người cùng nghe :

- “Thưa hai bác, Chị Phấn không còn ở chỗ cũ. Nghe hàng xóm nói là chị ấy bị hành hạ dữ quá nên bỏ trốn đi rồi. Chúng cháu vẫn đang tìm, khi có tin, cháu sẽ biên thư cho hai bác được hay ngay.”

Thế là bà lão Quế bỏ chạy vào trong bếp rồi ở đó có tiếng thút thít khóc.

Riêng ông Quế thì cứ trợn ngược mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà, dưới chân ông, lá thư rớt xuống nằm hờ hững bên mép chiếu. Mọi người đang ồn ào trước tin vui “có thư tới” bây giờ chẳng ai bảo nhau mà cùng nín bật làm bầu không khí chung quanh bỗng như sấm đặc lại.

Một lát sau, ông Quế lầm lì ngồi xuống chiếu, lẳng lặng quơ lấy chai rượu và đem dốc vào ly của mình. Hai bàn tay của ông run run, những đường gân xanh nổi lên quằn quại trên lớp da sần sùi. Rượu đã đầy ly và sóng sánh trào ra mà ông vẫn cứ rót mãi...rót mãi...

Sau cùng thì ông cũng ngửa cổ lên, đưa cái ly vào miệng để nốc cho đến cạn... trong sự im lặng của tất cả mọi người.....

California tháng 11-2005